NĂM THỨ SÁU • #65 • SEPTEMBER 1994

English Section PAGE 45

# THẾ KỶ 21

POBOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 ● TEL (714) 894-9021 ● FAX (714) 894-2752

## NÓI CHUYỆN VỀ THƠ VIỆT NAM

**NGUYỄN HOÀNG NAM • PHAN TẤN HẢI • CHÂN PHƯƠNG • KHẾ IÊM • ĐỖ KH.**

## SAO ĐẶC TRỜI

*Tùy Bút* **TRÙNG DƯƠNG**

## NGƯỜI GIÀ SAU TUỔI BẢY MƯƠI NHĂM

*Truyện* **VĂN THANH**

## ĐÔI ĐIỀU GHI NHẬN VỀ HỌA SĨ NGUYỄN PHƯỚC

**HUỲNH HỮU ỦY**

## Sách do Thế Kỷ xuất bản và phát hành

# Hà Nội Trong Mắt Tôi

Bút ký, tùy bút...của **Phạm Xuân Đài**, viết tại Việt Nam và Hoa Kỳ trong năm năm qua. Trần Hồng Châu (tức Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, cựu Khoa trưởng Đại học Văn Khoa Saigon) cho rằng: "Niềm yêu đời thắm thiết, niềm tin vào tình người và cái thiện...(...) Phạm Xuân Đài đã được nuôi dưỡng trong khí hậu tinh thần đó."
Tựa của **Trần Hồng Châu**
■ *185 trang. Giá $10.00*

# Nửa Đời Nhìn Lại

Truyện của **Tiêu Dao Bảo Cự** (tác giả hiện ở trong nước). Truyện phơi bày một bi kịch nội tâm, phản tỉnh của một đảng viên Cộng Sản. Một mảng của cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ và đổi mới thực sự.

Tựa của **Đặng Tiến**. Bạt của **Hà Sĩ Phu**.
■ *340 trang. Giá $14.00*

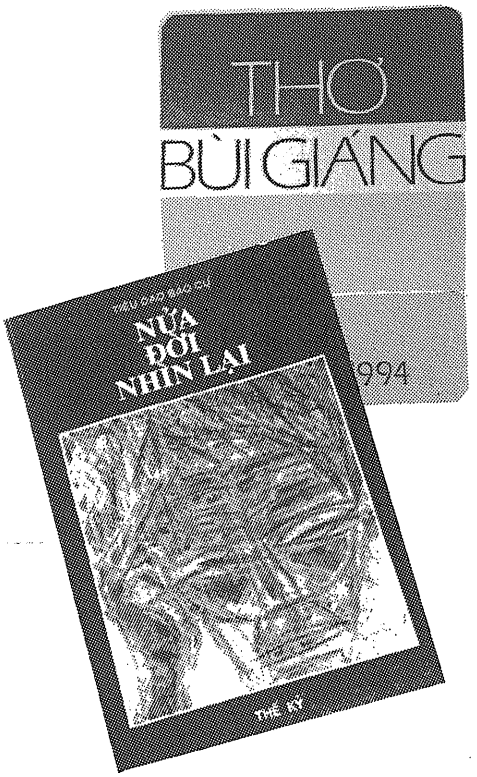


# Thơ Bùi Giáng

Một tập hợp các bài thơ mới nhất, sáng tác trong các năm 1992-1993 của nhà thơ tài hoa và lạ lùng nhất trong thời đại của chúng ta. Cũng là nhà thơ dài hơi nhất...

*Giá $8.00*

**Thư từ và ngân/lệnh phiếu (US$) xin đề THẾ KỶ, và gửi về PO BOX 2054-H39 Westminster CA 92684. ĐT (714) 894-9021 FAX (714) 894-2752.**

*Hằng triệu khán thính giả trong và ngoài nước đã yêu thích:*

# VIDEO *PARIS BY NIGHT 26*

*Thúy Nga Video hân hạnh kính mời quí khán thính giả trở lại phim trường SACRÉE SOIRÉE lộng lẫy nhất Âu Châu, với chương trình ca vũ nhạc tuyệt vời:*

VIDEO

# PARIS BY NIGHT 27

SACRÉE SOIRÉE 2

Điều khiển chương trình:
**NGUYÊN NGỌC NGẠN**

## CHỦ ĐỀ: *tiếng hát với cung đàn*

## NHẠC SĨ **VĂN PHỤNG**

Giá 25$ / 1 bộ 2 cuốn
luôn cước phí (TẠI USA & CANADA)

xin liên lạc: **THÚY NGA**

Mỹ & Canada:
P.O. Box 2174
Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860
Fax (714) 891-9673

Âu Châu:
44 Ave D'Ivry
75013 Paris - France
Tel. 45 83 34 30

Úc:
323 Chapel Rd.
Bankstown - N.S.W 2200
AUSTRALIA
Tel. (02) 796-7227

*Khánh Hà - Châu Hà - Thanh Lan*
*Ý Lan - Ái Vân - Hương Lan*
*Dalena - Phi Khanh - Phương Hồng*
*Quế - Lưu Bích - Diễm Liên - Trang*
*Thanh Lan - Mỹ Lan - Phương Loan*
*Bảo Hân - Jenny Loan - Ngọc Thúy*
*Elvis Phương - Anh Khoa - Duy*
*Quang - Don Hồ - Quang Bình*
*Henri Chúc - Nguyễn Hưng*
*Chí Tài - Chí Thiện...*

*HÃY MUA BĂNG CHÍNH GỐC*
*Để có hình ảnh và âm thanh tuyệt hảo*

*The Company You Keep®*

**Phạm Hồng Ngọc**
Agent
Chuyên môn:
•Bảo Hiểm Nhân Thọ
•Bảo Hiểm Tàn Phế
•Bảo Hiểm Sức Khoẻ
**New York Life Insurance Company**
17330 Brookhurst Street, Suite 330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 #16
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-565-8853

DỰ ÁN 20:

# Chuẩn bị kỷ niệm 20 năm sống xa quê cha đất tổ

**Nữ Bác Sĩ Nha Khoa**
**NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG**

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

**Tel: (714) 531-2773**

**GENERAL DENTISTRY**

**DR. TO NGOC BUI**

**Tel. 408-286-8103**
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

**THẾ KỶ 21**
P.O.BOX 2054-H39, Westminster, CA 92684, USA. Tel: (714) 894-9021; Fax: (714) 894-2752

## PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN
## *SUBSCRIPTION FORM*

Họ tên / Full name:.....

Địa chỉ / Address:.....

.....

Điện thoại / Telephone: .....

Tôi đặt mua / I would like *The Ky 21* delivered to me: Bắt đầu từ số / Starting from issue:.....

☐ 06 số / issues (US$17.10) ☐12 số / issues (US$32.40) ☐24 số / issues (US$61.20)

Ngoài nước Mỹ, thêm cước phí cho mỗi số: Canada US$1.48. Âu châu: US$3.01. Các nơi khác US$3.90.

Kèm theo đây là chi/lệnh phiếu mang số tiền / Enclosed is check/money order of: $.....

Có thể trả bằng tiền địa phương qua các đại diện phát hành sau đây:

- Pháp: Mme Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris. ĐT (1) 45 83 19 12.
- Đức: Trần Hưng, Krimstr 9, 44145 Dortmund 1. ĐT 833 075.
- Canada: Hoàng Chiêu Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8. ĐT (514) 445-0529.

*Có nhiều điều chị em muốn hỏi*
*bác sĩ, nhưng lại ngần ngại*
*vì thấy chỉ tiện nói với bạn gái thôi.*
*Các bạn có một người bạn gái là*
*bác sĩ. Hãy đến với BS Đoàn Thị Mai Anh*

## Nữ Bác Sĩ Sản Phụ Khoa

# ĐOÀN THỊ MAI ANH, M.D.

10301 BOLSA AVE., SUITE # 107, WESTMINSTER, CA 92683

## (714) 531-9667

- *Tốt nghiệp Đại Học Y Khoa University of California, San Francisco*
- *Tốt nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa tại Santa Clara Valley Medical Center, San José*
- *Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.), Y Sĩ Đoàn Tiểu Bang California (C.M.A.), và Y Sĩ Đoàn Orange County (O.C.M.A.)*
- *Bác Sĩ Sản Phụ Khoa điều trị tại St. Joseph Hospital, Orange, CA và Garden Grove Hospital, Garden Grove, CA*

### CHUYÊN TRỊ:

- Các bệnh phụ nữ, sinh lý, hiếm muộn.
- Thăm thai và đỡ đẻ với máy Ultrasound tại phòng mạch để theo dõi thai kỳ.
- Hướng dẫn dinh dưỡng và săn sóc tiền sản.
- Kế hoạch hoá gia đình.
- Giải phẫu các bệnh phụ nữ.
- Truy tầm và chữa trị các bệnh ung thư của phụ nữ.

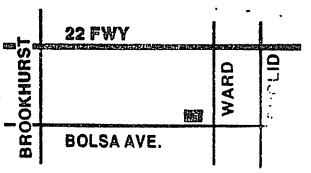


NHẬN: INSURANCE, MANAGED CARE
HMO,PPO, MEDI-CAL

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai đến Thứ Bảy: **9:00 AM - 6:00 PM**

THẾ KỶ 21
PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER, CA 92684
ĐT: (714) 894-9021. FAX: (714) 894-2752

# GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

**I. BÌA (lọc màu):**

- Bìa sau:.....$640.00
- Bìa trong (trước/sau):.....$520.00

**II. TRANG TRONG GIẤY LÁNG (lọc màu):**

- 1 trang:.....$460.00

(không có cỡ nhỏ hơn)

**III. TRANG TRONG (trắng đen):**

- 1 trang:.....$200.00
- 1/2 trang:.....$110.00
- 1/4 trang:.....$60.00
- 1/8 trang:.....$40.00

Thêm màu đỏ (bất cứ cỡ nào):...thêm $40.00

**CHƯỚC GIẢM:**

— 05% cho 4 lần.
— 10% cho 8 lần.
— 20% cho 12 lần.
— 25% cho trả tiền trước.

Viễn đông
RESTAURANT

*Do LÂM QUANG điều hành*
*Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:*

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

**ĐẶC BIỆT:**
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

| VIỄN ĐÔNG I | VIỄN ĐÔNG II |
|---|---|
| 9684 Westminster, Garden Grove, CA 92644 | 1911 E. Garvey # C-D, Rosemead, CA 91770 |
| (714) 539-4614 | (818) 571-6807 |
| 8:30 AM - 8:30 PM | 9:00 AM - 9:00 PM |

*NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA*

Bác Sĩ
**Đoàn Đức Ban, M.D.**

*Chúc Mừng Năm Mới*

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
**WOMEN'S HEALTH CENTER**
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
**Đ.T. (714) 839-4988**

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên Khoa **Sản Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại Charity Hospital, New Orleans, LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

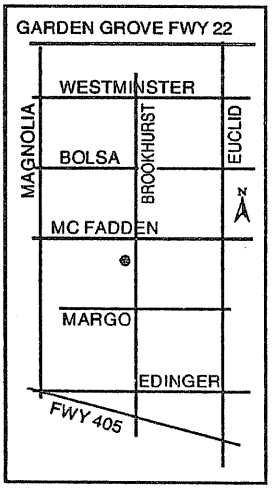


Xin khám bệnh theo hẹn
Điện thoại:
**(714) 839-4988**
Thứ Hai tới thứ Sáu:
**9:30AM - 6:00PM**
Thứ Bảy:
**9:30AM - 2:30PM**

**NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM**

***HƯỚNG DẪN:***
* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

***CHUYÊN TRỊ:***
* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

*Bìa:* tranh của **Nguyễn Phước**
*Trình bày bìa:* **Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp**
*Minh họa:* **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Vũ Thái Hòa**
Hí họa: **Babui Mamburao**
Ảnh: **Lê Tam Ca. Lý Kiến Trúc, Adrienne Helitzer**

# MỤC LỤC

## SỐ 65 — THÁNG CHÍN 1994


### CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

9 50 năm các định chế phát triển quốc tế (*Quân Tử*)
13 Những ông vua áo đỏ (*Bửu Sao*)

### TIẾNG VỌNG - TẢN MẠN

17 Có chăng đạo đức học Hồ Chí Minh? (*Lê Nguyên Thịnh*)
20 Có thật bà Nguyễn Hộ đã bị tra tấn đến chết? (*Ông Đạo Tôn*)
21 Văn học không biên cương (*Tiêu Dao Bảo Cự*)
31 Thời gian (*Nguyễn Quốc Trụ*)
37 Khoa trưởng biết đánh máy (*Nguyễn Đình Hòa*)
41 Thư Berlin: Khi những đứa con muốn chối bỏ...(*Nguyên Vũ*)

### KHOA HỌC - LỊCH SỬ

28 Lỗ Đen: Quái vật ăn thịt đồng loại (*Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh*)
23 Việt Nam thế kỷ 20: những chọn lựa và hậu quả (tiếp theo) (*Đỗ Ngọc Yến*)

### BÁO CHÍ - NGÔN NGỮ

25 Chuyện về một tờ báo đã không được ra đời (*Đỗ Quyên*)
38 Truy nguyên chữ nghĩa, so sánh giữa Việt-Trung-Nhật (*Đỗ Thông Minh*)

### NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH

33 Đôi điều ghi nhận về họa sĩ Nguyễn Phước (*Huỳnh Hữu Ủy*)

### VĂN HỌC

32 Thơ: Nỗi đau (*Hồ Đắc Vũ*)
36 Thơ: Nhớ đêm Năm Căn (*Huy Trâm*)
40 Thơ: Sao người như ngây ngây (*Phạm Kim Khôi*)
54 Nói chuyện với vài người thực hiện tạp chí Thơ (*Nguyễn Nam Anh*)
58 Thơ: Xem múa lân; Nhân tiện; Nỗi khổ (*Nguyễn Hoàng Nam*)
60 Tùy bút: Sao đặc trời (*Trùng Dương*)
65 Thơ: Con tàu, biển và tôi (*Trần Mộng Tú*)
68 Thơ: Đàn tranh (*Nhất Tuấn*)
69 Truyện ngắn: Người già sau tuổi bẩy mươi nhăm (*Văn Thanh*)
71 Thơ: Cô gái dốc Mơ (*Đỗ Thị Kênh G*)
73 Thơ: Bỗng dưng rồi như thế (*Nguyễn Thị Thanh Bình*)
75 Thơ: Em khoan thai (*Du Tử Lê*)
76 Truyện ngắn: Chu Mom Rây (*Hà Kỳ Lam*)
83 Truyện thật ngắn: Trời mùa xuân Paris (*Trần Công Sung*)
84 Thơ Hằng Hà Lệ (*Nguyễn Đăng Ngọc*)

### MỤC THƯỜNG LỆ

6 Thư Tòa soạn
7 Bạn đọc viết
8 Tòa soạn và bạn đọc
86 Đọc sách
89 Vòng chân trời văn học nghệ thuật

### ANH NGỮ - ENGLISH SECTION

45 Can Vietnam become another dragon of Asia? (*Phu Bui*)
47 Is the People's Army still the army of the people? (*Lâm Lễ Trinh*)
48 Poetry: Corners of my life (*Du Tu Le / Pham Trong Le*)
51 "Project 20" plans more programs in 1995.

THẾ KỶ 21

**Tòa soạn: 14901 Moran St., Westminster, CA 92683**
**Điện thoại: (714) 894-9021**
**Fax: (714) 894-2752**
**Địa chỉ gửi thư:**
**P.O. Box 2054-H39**
**Westminster, CA 92684 USA**

**Chủ nhiệm:**
*Lê Đình Điểu*

**Chủ bút:**
*Vương Hữu Bột*

**Phụ tá Chủ bút:**
*Phạm Phú Minh*

**Tổng thư ký tòa soạn:**
*Nguyễn Xuân Hoàng*

**Phụ tá Chủ nhiệm:**
*Đỗ Việt Anh*

**Văn phòng trưởng:**
*Vũ Duy Tự*

**Quảng cáo:**
*Minh Phú, Võ Thẩm, Mai Văn, Laura Do, Hank Wu*

**Đại diện phát hành:**
**San Jose:**
*Bùi Duy Thuyết*

**Washington DC.**
*Nguyễn Văn Khanh*

**Paris**
*Mme Lê Tất Luyện*

**Đức**
*Thế Giang*

**Úc**
*Gia Du*

**Canada**
*Hoàng Chiều Nhân*

*Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa soạn và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

# Thư Tòa Soạn

*Trong số này, bài "Nói chuyện với những người thực hiện tạp chí Thơ" của Nguyễn Nam Anh là một giới thiệu đặc biệt dành cho một số nhà thơ — phần lớn thuộc lớp trẻ, trẻ tuổi hoặc trẻ trong phong cách thơ — luôn luôn tìm tới những cái mới lạ chứ không bằng lòng với các lối mòn. Thơ là phương tiện chuyển tải các trạng thái của tâm hồn, cho dù các trạng thái ấy có vượt thời gian và không gian thì mỗi thời có thể dùng một thứ phương tiện khác nhau, mỗi ngày mỗi "tân tiến." Bạn đọc có thể chia sẻ các ý nghĩ về thơ của nhóm thực hiện một tạp chí chuyên về thơ qua bài nói chuyện này.*

*Truyện ngắn Chu Mom Rây của Hà Kỳ Lam sẽ dẫn bạn đọc đi ngược một chút về với không khí chiến tranh của một thời đã qua, trong khi truyện Người Già Sau Tuổi Bẩy Mươi Nhăm của Văn Thanh lại gợi lên một chút rùng rợn, tưởng như hoang đường, của Hà Nội ngày nay, với những ẩn dụ không cần lời minh giải.*

*Tiêu Dao Bảo Cự, một tác giả trong nước, chưa hề có bài đăng trên Thế Kỷ 21 hoặc các báo khác ở hải ngoại, nhưng đã được biết đến nhiều qua cuốn truyện do nhà Thế Kỷ xuất bản gần đây — Nửa Đời Nhìn Lại — nhìn văn học như một yếu tố tích cực giúp xóa đi dần dần những bất đồng đã "kết tinh" trong lòng người Việt cả Bắc lẫn Nam, cả trong lẫn ngoài. Lòng người thì lúc nào và ở đâu cũng mang sự thương yêu, thông cảm; nhưng chính trị, nhất là thứ chính trị thực dụng giai đoạn, thường gây ra chướng ngại, nghi ngờ. Văn học, trong khả năng tư duy và diễn đạt sâu xa, chân thành có thể làm con người thông hiểu nhau trọn vẹn hơn. Đó là ước vọng của một người cầm bút còn đang sống trong vòng kiềm tỏa của cộng sản. Đó cũng có thể là ước vọng chung của nhiều người. Chúng ta có thể chia sẻ, cũng có thể không đồng ý, nhưng cũng nên đọc bài của Tiêu Dao Bảo Cự — nhất là chúng ta đã có dịp đọc trên mặt báo này những góp ý của Nguyễn Thị Hoàng Bắc và Trương Anh Thụy về cuốn sách của Bảo Cự.*

*Trong giai đoạn chuyển tiếp của tờ báo, về mặt quản trị (do việc công ty Người Việt tặng tờ báo cho hội VAALA) chắc chắn có nhiều trục trặc xảy ra, như báo bị chậm trễ, cỡ chữ thay đổi, bài vở không ổn định, v.v... Rất mong quý độc giả và văn hữu thông cảm và tiếp tay giải quyết.*

**THẾ KỶ 21**

## Chúng Tôi Rất Cần Ông!

Tôi đặc biệt thích những bài về Khoa học của Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh. Tôi không biết ông có đậu bằng cấp gì về khoa học không, nhưng những bài viết của ông thực là tài tình, diễn tả những điều khó khăn trừu tượng một cách thật hấp dẫn và dễ hiểu. Loạt bài khoa học của ông giúp những người có trình độ khoa học trung bình hoặc ... dưới trung bình như chúng tôi nắm được những nét đại cương của một số phát minh khám phá mới và quan trọng. Ở trong thời đại này không thể hoàn toàn mù tịt về những bước tiến triển đó của đầu óc con người, nhưng sách vở mênh mông mà thì giờ và trình độ của mình thì có hạn, biết làm sao! May mà có những bài báo như của ông Sơn Điền. Chúng tôi không coi những bài ấy như là loại khoa học phổ thông, nó chẳng phổ thông chút nào, có khi nó còn dẫn chúng tôi vào những khu rừng mông lung đầy bí hiểm, có khi còn gợi trong tâm trí mình những tưởng tượng... đầy văn chương và lãng mạn nữa kia! Viết ra những bài như thế, theo tôi, ngoài kiến thức khoa học, ngoài công phu tìm tòi theo dõi tài liệu mới luôn luôn, tác giả còn phải là người có tài đặc biệt.

Thỉnh thoảng thấy có người phê bình về điểm này điểm kia trong các bài viết của ông, tôi tuy không hiểu hết nhưng lòng cứ thấy bồn chồn, cảm thấy như loạt bài ưa thích của mình bị... tấn công vậy. Nhưng nghĩ lại, biển học mênh mông, có trao đổi thảo luận thì càng có lợi cho người đọc chúng tôi chứ sao; và tôi không khỏi buồn cười cho cái tính "cục bộ" hơi trẻ con của mình.

Dù sao chúng tôi cũng mong được tiếp tục đọc mãi tác giả Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh trên Thế Kỷ 21. Chúng tôi rất cần ông!

**Phan Văn Thiết**
*(Florida)*

## Tầm Thường Hay Rắc Rối?

Đọc mấy cái tranh cãi, ông này nói "tuyệt đối", ông kia nói "khi nói tuyệt đối thì là đã hết tuyệt đối rồi" sao em nghe... mệt quá! Em tự hỏi ăn rồi cứ đem những chuyện như vậy ra cãi nhau thì có ích lợi gì không? Chắc cũng có, môn ngôn ngữ quanh co lắt léo chắc chắn là phát triển.

Như em đây, sống giản dị bình thường. Sáng dậy sớm ra vườn chăm sóc mấy cây hoa, thấy nó nở được mấy bông thì lòng vui vui. Hít chút không khí mát mẻ trong vườn. Rồi chuẩn bị đi cày. Vô sở "hêlô" với mấy con bạn rồi là bắt tay vào việc. Làm chăm chú để không bị lỗi. Buổi chiều, cảm thấy đã xong nợ nần trong một ngày, lái xe đi về hơi mệt mỏi nhưng thanh thản. Rồi nghỉ ngơi, đọc chút sách báo, thỉnh thoảng gặp những cái ngô ngộ như "nói tuyệt đối là đã hết tuyệt đối rồi" để thấy rằng hoặc là mình bình thường hoặc tầm thường quá, hoặc thiên hạ rắc rối quá.

**Hồ Thị Xuân Hương**
*(Olympia, WA)*

*Thật ra cô không tầm thường và thiên hạ cũng không có gì rắc rối. Chỉ là các mặt khác nhau của cuộc đời thôi. Thưởng thức một bông hoa đang nở trong vườn buổi sáng hay nấu một món ăn ngon trong bếp buổi tối, theo thiển ý, là những việc không tầm thường chút nào nếu mình làm với hết tâm ý của mình. Mặt khác, cũng với hết tâm ý của mình, người ta đào sâu các suy niệm phức tạp hơn về cuộc sống thì cũng không phải để tạo ra chuyện rắc rối. Miễn là lúc nào cũng với hết tâm ý của mình. Còn nếu làm một món ăn mà chỉ qua quít đại khái cho xong, hoặc coi việc viết lách tranh luận chỉ là dịp chơi văn giỡn chữ thì quả thật chẳng ích lợi gì mấy cho mọi người.*

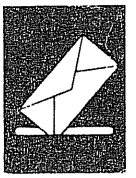

# TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

### Độc giả mua báo hoặc gia hạn:

Võ Thị Tiềm (Fremont, CA), Nguyễn Văn Canh (Orebro, Thụy Điển), Raymond J. Becker (Pacifica, CA), Chien Van Nguyen & Bích Đào Thị Trinh (Silver Spring, MD), Phan Văn Hiền (Armory, MS), Lý Trân Hùng (Carmichael, CA), Đỗ Văn Nhàn (Nashua, NH), Trần Chấn Giang (San Gabriel, CA), Lê K. Ngọc Thúy (San Jose, CA), Hà Thị Minh-Trang Châu (Montreal, Canada), Đào Đức Hoàng (Montreal, Canada), Võ Trung Hiền (Montreal, Canada).

**Vanessa Nguyễn** (*Rosemead, CA*): Bộ máy Bưu Điện thỉnh thoảng vẫn có chuyện kỳ lạ như vậy mà chúng tôi không hiểu được. Cái gì đã ngốn đứt 8/10 quyển báo để chỉ còn một mảnh nhỏ như thế? Chúng tôi đã gửi báo thay thế ngay cho bạn.

**Nguyễn K. Hùng** (*Orange, CA*): Rất cám ơn bạn về những ý kiến giúp phát triển tờ báo. Chúng tôi cũng thấy sinh viên là một số lượng độc giả đáng kể còn tiềm tàng. Những trang Anh ngữ sẽ giúp cho các bạn có khó khăn trong việc độc tiếng Việt. Thân.

**Lê Tuân** (*Columbus, Ohio*): Tạp chí Thế Kỷ 21 và nhà xuất bản Thế Kỷ có "bà con" với nhau không? Thưa ông, kể ra thì bà con rất gần, cái nọ đẻ ra cái kia, cái kia là bước phát triển của cái nọ. Cùng là chữ nghĩa, cùng có mục tiêu phục vụ văn hóa, nhưng sách và báo có các đặc tính khác hẳn nhau. Chính vì

thế mà từ tờ báo Thế Kỷ 21 lại có thêm nhà xuất bản Thế Kỷ để lo về xuất bản và phát hành sách.

**L.T. Tường Loan** (*Houston, TX*): Chúng tôi xin lỗi đã chậm loan báo để bà tưởng phiếu gia hạn báo bị thất lạc. Sự nóng ruột ấy chứng tỏ bà quan tâm nhiều đến Thế Kỷ 21. Xin cám ơn bà. Mong rằng đời sống ở Mỹ không làm cạn nguồn thơ nơi bà và thỉnh thoảng chúng tôi vẫn nhận được sáng tác mới. Thân kính.

**Nguyễn Đức Tâm** (*Thousand Oaks, CA*): Cám ơn sự tưởng lệ tinh thần lẫn ủng hộ vật chất của bạn. Như bạn nghĩ, làm báo là làm dâu trăm họ, nhưng ý kiến độc giả hầu như lúc nào cũng có lý. Thành ra tờ báo ngó vậy mà từng chút một phải "nhật nhật tân" hoài. Thân. □

Nhắn tin chung quý đồng nghiệp:

Các độc giả của TK 21 ở một số tiểu bang cho tòa soạn biết (và có người gửi kèm báo của quý đồng nghiệp) có đồng nghiệp đã trích đăng bài của TK 21. Việc đăng lại bài vở của báo bạn thực ra giúp phổ biến sâu rộng thêm những công trình sáng tạo hoặc nghiên cứu của người cầm bút, chúng tôi hoan nghênh. Nhưng, như quý đồng nghiệp đã biết, luân lý chức nghiệp của người làm báo buộc chúng ta phải tuân thủ một số nguyên tắc tối thiểu như:

1. gửi thư hoặc điện thoại xin trích đăng;

2. khi đăng (với sự đồng ý của tòa báo có bài) phải in hàng chữ, hoặc LTS, cho biết xuất xứ;

3. nếu là báo bán hoặc có bán trang quảng cáo, phải góp một phần phí tổn nhuận bút do hai tòa báo cùng ấn định.

Rất mong quý đồng nghiệp cùng chúng tôi bảo tồn và phát huy đạo đức báo chí để làng báo Việt ngữ hải ngoại thực sự là một "ngôi làng" trong đó mọi người sống hòa thuận và tiến bộ.

Nhắn tin chung quý văn hữu:

Gần đây, tòa soạn nhận được bài của quý vị đã đánh sẵn trong đĩa. Thật là tiện lợi (đỡ tốn kém thì giờ và tiền bạc, lại bảo đảm không có, hoặc có ít, lỗi đánh máy). Chúng ta hãy cùng nhau hoan hô những tiến bộ kỹ thuật và công nghiệp, và phát huy tối đa thành quả của những tiến bộ này. Tòa soạn cám ơn quý vị lắm lắm.

Tuy nhiên, vì các loại máy (hardware) và các nhu liệu (software) có nhiều dị biệt, đôi khi không tương hợp (compatible), cho đến khi chúng tôi có đủ sức (tiền để mua nhiều máy, và kỹ năng sử dụng), chúng tôi xin quý vị thông cảm, chỉ gửi về những đĩa: 1. đánh bằng IBM/PC; 2. dùng các thảo chương VNI hoặc VNlabs; 3. để nguyên bài ở dạng text (ASCII), không cần cho kiểu chữ, cỡ chữ, cột, trang gì cả; 4. nếu gửi bằng bưu điện nên dùng đĩa nhỏ 3.5, ít rủi ro hơn đĩa lớn.


TRIỂN LÃM TRANH

Họa sĩ

ANN PHONG

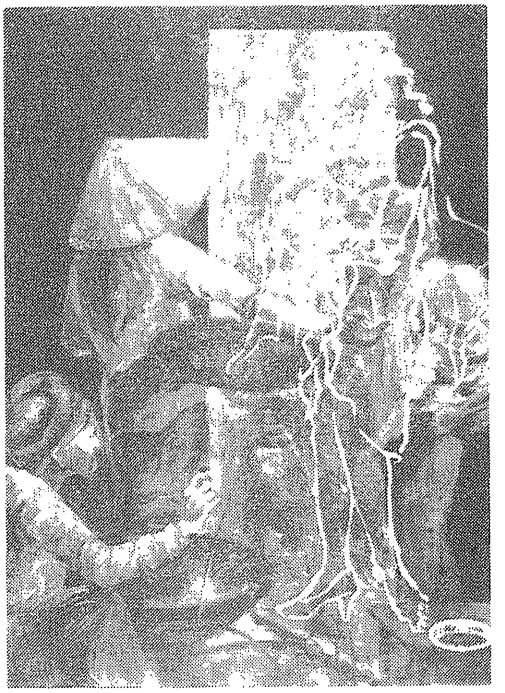

*Từ 15 tháng Chín đến*
*9 tháng Mười 1994.*
*Tiếp tân khai mạc:*
*Thứ Bảy 17 tháng Chín,*
*từ 6:00 PM đến 12:00 PM*

GRIFFIN FINE ART

1640 Pomona Ave.
Costa Mesa, CA 92627
(714) 646-5665
Fax (714) 646-0419

Ngày giờ mở cửa:
- Thứ Năm: 6 PM - 10 PM
- Thứ Bảy: 10 AM - 5 PM
- Chủ Nhật: Noon - 5 PM

# 50 NĂM CÁC ĐỊNH CHẾ PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ

QUÂN TỬ

Tháng Chín năm nay là tháng kỷ niệm 50 năm thành lập của hai cơ quan tài trợ phát triển quốc tế là Quỹ Tiền tệ Quốc tế (International Monetary Fund, IMF) và Ngân Hàng Thế giới (International Bank for Reconstruction and Development, còn được gọi là World Bank, WB). IMF và WB là cơ quan chuyên môn thuộc hệ thống Liên Hiệp Quốc và cho vay tiền phát triển theo hệ thống viện trợ chính thức (Official Development Aid hay ODA). Các cơ quan này chỉ cấp tín dụng cho hội viên của họ là các chính phủ. Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) là hội viên của IMF và WB từ 1956 và từ 1976, Cộng Sản Việt Nam (CSVN) là chính phủ thừa kế cái ghế hội viên.

Sau 1975, CSVN đã được hai cơ quan này giúp nhưng sau khi xâm chiếm Cam-pu-chia, CSVN đã bị các nước tẩy chay và Hoa Kỳ đã bỏ phiếu chống việc hai cơ quan này giúp VN.

IMF chuyên giúp các nước điều chỉnh tiền tệ và những khó khăn cán cân chi phó. WB chuyên cho vay dài hạn đầu tư phát triển. Trong 50 năm hoạt động, hai cơ quan này đã qua nhiều giai đoạn và thay đổi nhiều.

Bài này giúp đọc giả có ý niệm về hai cơ quan IMF và WB và đường lối của các cơ quan này, nhất là đối với VN.

## I) Đường lối cho vay của IMF và WB

Hai cơ quan này được thành lập vào tháng Chín năm 1944, làm việc với các nước hội viên gồm 174 nước. Trụ sở chính của hai cơ quan được đặt tại Washington DC.

Sau đệ nhị thế chiến, vì tranh chấp giữa hai khối tư bản và cộng sản, khối cộng sản đã từ chối không chịu tham gia. Nay đa số đã gia nhập hay trên đường gia nhập IMF và WB.

Quỹ tiền tệ quốc tế IMF giúp các nước hội viên điều chỉnh tiền tệ và khó khăn ngắn hạn về cán cân chi phó. Sau Hiệp định Genève 1954, VNCH gia nhập IMF vào năm 1956 với số quota hiện hành là SDR 241.6 triệu (US$ 340 triệu). IMF giúp các nước bằng nhiều cách:

### Giải quyết các khó khăn cán cân chi phó.

1. Việc này được thực hiện qua cách IMF cho vay Stand-by credit. Stand-by credit là tín dụng ngắn hạn, có thể tháo khoán bất cứ lúc nào trong vòng ba năm để giúp các nước gặp khó khăn ngắn hạn, điều chỉnh việc thiếu hụt ngoại tệ trong cán cân chi phó và ổn định kinh tế. Điều kiện của Stand-by credit là vay trong ba tới năm năm với lãi suất 8%.

Sau 1975, VN đã sử dụng Stand-by credit nhưng vì chính sách kinh tế XHCN phá sản cho nên không có ngoại tệ trả nợ cho IMF và VN đã bị "treo giò" vì thiếu nợ. Năm 1978, CSVN chiếm Cam-pu-chia cho nên bị các nước tây phương "tẩy chay". Sau khi Mỹ bỏ "veto" cấm các cơ quan quốc tế cho VN vay và sau khi Pháp và Nhật giúp VN trả món nợ cũ, IMF đã cho VN vay hai khoản tín dụng vào tháng Mười năm 1993.

Hiện nay VN có quyền sử dụng một Stand-by credit trị giá US$205 triệu và một Systematic Transformation Facility (STF) US$17 triệu. Stand by credit có thể rút trong vòng ba năm bất cứ lúc nào khi gặp khó khăn và khi được chấp thuận. Trong tháng Sáu vừa qua, VN vừa được bật "đèn xanh" để rút lần thứ hai của các tín khoản này. Lần này VN có gặp khó khăn trong việc thương lượng những điều kiện sử dụng tín dụng IMF. Lý do là IMF "chê" việc quản trị kinh tế "vĩ mô" không được chặt chẽ, làm sa sút dự trữ ngoại tệ.

IMF còn có tín dụng để điều chỉnh cán cân chi phó (compensatory loan) khi các nước xuất khẩu gặp khó khăn ngắn hạn như trường hợp Ba Tây gặp khó khăn cán cân chi phó khi việc xuất khẩu cafe gặp khó khăn.

2. Ngoài ra IMF còn những chương trình tín dụng trung hạn. Đó là các tín dụng:

* Extended Fund Facility (EFF);
* Structural Adjustment Facility (SAF);
* Systematic Transformation Facility (STF);
* và Enhanced Structural Adjustment Facility (ESAF).

Những chương trình tín dụng trung hạn này nhằm giúp các nước cải tổ kinh tế và thường được cấp với nhiều điều kiện khắt khe. Các nước nhận nợ phải cải tổ cơ cấu kinh tế vi mô để tiến tới kinh tế thị trường (cải tổ hối đoái, tiền tệ và ngân sách). Điều kiện của Extended Facility là vay từ bốn đến 10 năm với lãi suất 8%.

Đối với các nước chậm tiến hay các nước cựu "Xã Hội Chủ

Nghĩa" trong thời kỳ thay đổi cơ cấu kinh tế thì IMF có những tín dụng trung hạn SAF, STF and ESAF với thời gian vay là năm tới 10 năm với lãi suất đặc biệt là 0.5%/năm. VN được một tín khoản STF US$17 triệu để thay đổi kinh tế "vi mô".

Trong thập niên 70 và 80, thời gian trung bình IMF cho các nước vay rất ngắn hạn (ba đến năm năm khi các nợ stand-bys là chủ yếu) và đã tăng dần trong những năm gần đây 1991/92 (trung bình tám năm nhờ các món nợ EFF, SAF, STF và ESAF. IMF cho vay lâu nhất là 10 năm. Lãi suất IMF khá cao (trung bình 8%, gần bằng lãi suất thị trường thương mại), trong khi đó các nợ SAF-ESAF dành cho các nước chậm tiến hay cựu XHCN mang lãi suất nhẹ 0.5%/năm. Những tín dụng này giúp các nước cải tổ kinh tế hay để tiến tới kinh tế thị trường (cải tổ hối đoái, tiền tệ và ngân sách) do đó cần thời gian dài mới có hậu quả.

Kinh nghiệm các nước chậm tiến cho thấy là các điều kiện của IMF khắt khe và có nhiều hậu quả nghiêm trọng về khía cạnh xã hội. Khi IMF cấp tín dụng, họ đòi chính phủ nước vay nợ phải điều chỉnh và cắt giảm thiếu hụt ngân sách vì việc thiếu hụt ngân sách thường mang đến lạm phát do việc chính phủ "in tiền" hay vay quá mức. Khi cắt giảm chi tiêu, việc cắt giảm dễ nhất nhằm các khoản chi tiêu xã hội, giáo dục và y tế hay khu vực công (kinh nghiệm California cho thấy là khi cắt xén ngân sách thì welfare bị cắt đầu tiên). Hậu quả là việc cắt ngân sách là giảm chi và sa thải công nhân viên.

Việc vay tiền của IMF, thường phải trả với giá rất đắt nhất là về mặt xã hội và đây là điều mà các nước hội viên "than" phiền nhiều nhất. Nay IMF có phần thay đổi và đề ý nhiều hơn đến những hậu quả tai hại trong việc đặt điều kiện cho các nước vay tín dụng.

## Giúp đỡ kỹ thuật

3. Một cách quan trọng mà IMF giúp các nước là cố vấn kỹ thuật, giúp tái thương thuyết để giảm hay khất các món nợ cũ (Paris Club), v.v. Khi một nước chậm tiến nợ quá nhiều hay không đủ khả năng hoàn trả các nước chủ nợ hay các ngân hàng tư cho vay, IMF đứng ra làm trung gian, dàn xếp việc "khất/ giảm nợ" các nước chủ nợ qua "Paris' Club" hay "khất nợ/hoãn nợ" các ngân hàng tư qua "London Club".

Trước khi Hoa Kỳ bỏ cấm vận, IMF đã giúp kỹ thuật cho VN trong nhiều năm để cải tổ hệ thống tiền tệ, Ngân Hàng Nhà Nước (NHNN) và việc cải tổ hệ thống ngân hàng. IMF cho vay cũng như là một "nhãn hiệu cầu chứng" bật "đèn xanh" cho các ngân hàng thương mại ngoại quốc.

Nói tóm IMF cho vay ngắn hạn (ba đến 10 năm) với lãi suất tương đối cao 10%/năm với ba năm khất nợ trừ trường hợp SAF, STF và ESAF thì lãi suất là 0.5%. Khi cần đến IMF là "gần như hết thuốc chữa", tình trạng nghiêm trọng, không ngân hàng thương mại nào cho vay. IMF được coi như một "Siêu Ngân Hàng Quốc Gia".

## Ngân hàng thế giới (IBRD hay WB)

WB chuyên cho vay dài hạn đầu tư phát triển. Ngân hàng phát triển thế giới đã giúp các nước Âu châu tái thiết sau đệ nhị thế chiến (đầu tư hạ tầng cơ sở, giáo dục, trùng tu và xây cất phi trường, đường sá, cầu cống, hải cảng, v.v.). WB thường cho vay bằng hai cách:

* Dự án đầu tư (Project credit); và

* Thay đổi cơ cấu kinh tế (Structural Adjustment Loan, SAL, hoặc Sectoral Adjustment Loan, SECAL).

1. WB có chi nhánh là IFC (Interntional Financial Corporation) chuyên lo cho khu vực tư vay tiền. Hiện nay các nước có GDP/Đầu Người thấp hơn US$600/năm thì được vay theo thể lệ IDA (International Development Association) trong khi các nước có GDP/ĐN lớn hơn US$600/năm thì phải sử dụng thể lệ IRBD. Trong thể lệ IDA, các nước được vay trung bình trong 40-50 năm với lãi suất 0.75-1%/năm (nghĩa là lãi suất âm và bẩy đến 10 năm ân hạn. Trong thể lệ IRBD, các nước được vay trong 15-20 năm với lãi suất trung bình là 7% đến 10%/năm và ân hạn ba đến năm năm.

2. Khi tài trợ các dự án đầu tư phát triển (nhà máy, trùng tu đường sá, v.v.), số tiền tài trợ theo thể lệ dự án được tháo khoán (disbursed) theo một lịch trình nhất định trong một thời gian trung bình là năm năm. Các dự án cần nhiều chuyên môn, chuyên viên quản trị dự án và cố vấn kỹ thuật. Một dự án được chấp thuận khi qua nhiều giai đoạn: (i) Khả thi; (ii) Xét dự án; (iii) Tài trợ và thi hành dự án. Từ khi làm khả thi dự án đến khi bản vay mượn được ký kết thì cũng phải ít nhất là 18-24 tháng tùy vào việc chuẩn bị của nước đi vay tiền.

Vào cuối năm 1993, WB đã cho VN vay ba dự án nhằm vào (i) Trùng tu đường sá vào tháng Mười 1993 với ngân khoản US$158.5 triệu, (ii) Giáo dục tiểu học vào tháng Mười 1993 với ngân khoản US$70 triệu (iii) và Nông nghiệp vào tháng Mười Hai 1993 với ngân khoản US$96 triệu.

Cách vay qua cách dự án phát triển cần nhiều thời gian (muốn xây đường sá cũng sẽ mất hai đến ba năm) và khả năng quản trị vì là phải điều động rất nhiều tài nguyên tài chính và nhân lực.

Các chuyên gia "than phiền" là WB chú trọng cho vay "dự án" mà quên bài toán "vi mô" cho nên, trong quá khứ, một số dự án không thành công vì gặp trở ngại về phần chính sách vi mô. Ngoài ra WB còn bị chỉ trích là không để ý đến "môi sinh". WB còn khuyến khích các nước đi vay nhiều cho các dự án không cần thiết, không sinh lợi và gây khó khăn cho cán cân chi phó của nước đi vay trong tương lai.

3. Cách thứ hai cho vay của WB là việc tài trợ các chương trình thay đổi cơ cấu (Structural or Sectoral Adjustment Loans). Khi các điều kiện "vi mô" không thuận lợi thì khó thành công trong các dự án phát triển. Do đó WB chú ý đến việc "thay đổi cơ cấu".

Các tín dụng giúp và kích thích phát triển kinh tế qua việc đi đến cơ cấu "thị trường", khuyến khích "cởi trói" kinh tế. Những biện pháp là khuyến khích tự do mậu dịch qua việc bãi bỏ hay giảm hàng rào quan thuế, sử dụng hối

suất, khuyến khích đầu tư cho khu vực tư xuất khẩu, thay đổi chính sách nông nghiệp, v.v. Những chương trình thay đổi cơ cấu gồm các tín dụng:

* Structural Adjustment Loan (SAL);

* Sectoral Adjustment Loan (SECAL).

Đối với các nước chậm tiến hay các nước cựu "Xã Hội chủ nghĩa" muốn thay đổi cơ cấu kinh tế thì WB có những tín dụng này với thời gian vay là 40 năm với lãi suất đặc biệt là 0.75-1%/năm. Đặc biệt của tín dụng này là thoán khoán nhanh, trong vòng hai tới ba năm, để trợ giúp cán cân chi phó.

4. Trong thập niên 60 đến 80, WB cho vay theo dự án và đã chuyển dần qua tín dụng thay đổi cơ cấu trong những năm gần đây 1983 đến nay. WB cho vay dài hạn trung bình từ 30-40 năm cho các nước được hưởng thể lệ IDA (lãi suất thấp trung bình 1% và thời gian ân hạn năm đến bẩy năm). Lãi suất theo thể lệ IBRD có cao hơn trung bình 8% và thời gian ngắn hơn (10-15 năm). Các tín dụng này được tháo khoán theo nhịp độ dự án.

Sau 1983, WB cho vay rất nhiều để cải tổ "vi mô" hoặc "ngành" cho các nước chậm tiến. Thời gian cho vay dài hạn 30-40 năm, lãi suất thấp 1% và ân hạn năm tới bẩy năm. Các tín dụng này được tháo khoán mau chóng dưới ba năm.

Nói tóm WB cho vay trung đến dài hạn (10-50 năm, lãi suất thấp, thời gian ân hạn dài ba đến 10 năm) được dành cho cách nước chậm tiến có lợi tức thấp/đầu người (thể lệ IDA). Nhưng tín dụng khác cũng có nhiều điều kiện đặc biệt nhẹ hơn thị trường. WB được coi như một "Siêu Ngân Hàng Phát triển" nhằm tài trợ các vấn đề phát triển đòi hỏi nhiều năm mới thành công.

## II) Những vấn đề trong việc tận dụng tín dụng phát triển

Chính sách tổng quát của IMF và WB đối với VN là giúp:

Thay đổi cơ cấu quản trị kinh tế "vi mô";

Thay đổi sang kinh tế thị trường;

Tài trợ hạ tầng cơ sở;

Tài trợ các khu vực xã hội và phát triển con người;

Tài trợ kỹ thuật;

Trong chính sách tổng quát này thì IMF trọng ý về quản trị "vi mô" (tiền tệ và ngân hàng) và WB lo về tài trợ dài hạn phát triển.

Cũng như các quốc gia chậm tiến khác, nếu không hay thiếu chuẩn bị thì VN sẽ không nuốt nổi viện trợ của hai cơ quan này. Nhiều vấn đề còn ngăn chặn việc phát triển kinh tế VN và trong đó có: vấn đề thay đổi cơ cấu quản lý kinh tế, cải tổ hệ thống ngân hàng và tài chính công, giải tư, cải tổ các luật lệ và cần vốn đầu tư. Ngoài ra, khả năng hấp thụ của VN còn thấp vì còn thiếu nhiều chuyên gia thông hiểu kinh tế thị trường (các nhà đầu tư ngoại quốc đã thấm và than phiền nhiều).

VN đã làm nhiều cố gắng gởi người đi tu nghiệp và huấn luyện tại ngoại quốc qua ngõ Chương trình phát triển của Liên Hiệp Quốc (UNDP).

## VN và IMF

Tháng Sáu vừa qua, VN được chấp thuận để sử dụng kỳ hai tín dụng Stand-by. Trên lý thuyết, khi một nước sử dụng tín dụng IMF là việc quản trị vi mô của một nước chưa được tốt vì phải đi vay tiền ngắn hạn để bù đắp cho cán cân chi phó.

Việc dùng stand-by credit (việc thương thuyết giữa VN và IMF để được chấp thuận sử dụng kỳ hai tín dụng Stand-by rất gay go) cho thấy là VN đã không quản trị khéo léo về phương diện "vi mô" cho nên gặp khó khăn cán cân chi phó và phải cần ngoại tệ của IMF. Trong việc sử dụng tín dụng stand-by này, sau khi đã ký với IMF, Việt Nam đã tiếp tục đi vay ngân hàng thương mại ngoại quốc (quá mức được ký với IMF) một cách không cẩn thận. Điều kiện của IMF trong việc sử dụng stand-by là phải có kỷ luật trong việc quản trị ngoại tệ, không vay bừa bãi mà hậu quả là sẽ gây khó khăn trong cán cân chi phó.

Quả thật trong năm 1993/1994, tỉ lệ gia tăng GDP là 8%/năm và tỉ lệ lạm phát là 5.5%. Điều này tốt nhưng VN nhập khẩu quá nhiều cho nên dự trữ ngoại tệ tụt xuống còn tương đương với sáu tuần nhập khẩu. Tại các quốc gia chậm tiến khác, dữ trữ ngoại tệ của NHNN trung bình tương đương với sáu tháng nhập khẩu. VN gặp khó khăn cán cân chi phó vì thiếu ngoại tệ để thanh toán số hàng nhập khẩu cho nên phải cầu cứu sử dụng tín dụng của IMF.

Việc vay với lãi suất cao (8% trong ba năm) qua tín dụng Stand-by cho thấy là việc quản trị "vi mô" còn nhiều thiếu sót, chưa được nhịp nhàng.

VN cũng được một tín dụng STF với lãi suất thấp (0.5% trong năm đến 10 năm và ba năm khất nợ) để thay đổi cơ cấu kinh tế. Nhưng US$17 triệu là một số rất nhỏ so với một nước có hơn 65 triệu dân.

## VN và WB

Cuối năm 1993, VN được chấp thuận ba dự án Trùng tu đường sá, Giáo dục tiểu học và Nông nghiệp. Dự án trùng tu hạ tầng cơ sở đường sá với tài khoản hơn US$158 triệu nhằm:

(i) việc trùng tu quốc lộ số 1 vào hai khúc Hà nội - Vinh và Saigon - Cần thơ;

(ii) trùng tu hai bắc Mỹ thuận và Cần thơ;

(iii) đầu tư vào công cụ bảo trì đương sá;

(iv) huấn luyện nhân sự và thay đổi cơ cấu và

(v) tài trợ khả thi dự án.

Dự án tài trợ nông nghiệp nhằm:

(i) tổ chức khuyến nông cho 23 tỉnh;

(ii) tăng vốn cho Ngân Hàng Nông Nghiệp (US$26 triệu) và cho vay thêm US$26 triệu;

(iii) trùng tu 160,000 Ha cao su và nhà máy biến chế;

(iv) huấn luyện nhân sự.

Dự án tài trợ giáo dục nhằm:

(i) nâng cao phẩm chất giáo dục bằng hệ thống in sách và dụng cụ giáo khoa;

(ii) trùng tu cơ sở trường học;

(iii) quản trị trong ngành giáo dục.

Việc tái thiết hạ tầng cơ sở (đương sá, giáo dục và nông nghiệp, v.v.) rất tốn kém, cần thời gian để hoàn thành do đó cần dùng tín dụng dài hạn của WB là

đúng (vay dài hạn với lãi suất thấp). Hạ tầng cơ sở tốt có nghĩa là VN sẽ tiết kiệm thời gian và giảm nhập khẩu phụ tùng chuyên chở. Đầu tư vào giáo dục tiểu học có nghĩa là tái huấn luyện giáo sư, trùng tu các trường, in sách giáo khoa sẽ mang lợi ích trong tương lai. Dự án nông nghiệp sẽ cải tiến khuyến nông và ngành cao su.

Các dự án cần nhiều chuyên môn, chuyên viên về phần quản trị dự án và khả thi. Ba dự án này đã được thành hình và tài trợ khá mau vì khả thi đã xong từ nhiều năm trước.

Trong tương lai, VN sẽ cần vay để cải tổ cơ cấu để phát triển kinh tế (SAL và SECAL) và có tiền mau chóng. Số tiền các cơ quan quốc tế IMF và WB dự định cho VN vay hàng năm là cỡ 350-450 triệu. Con số này rất nhỏ so với số tiền đầu tư cần thiết, nhất là nếu VN muốn trở thành "một con cọp kinh tế". Việc xây dựng dự án, việc sử dụng viện trợ và việc "tối ưu hoá" các món vay sẽ đòi hỏi nhiều chuyên môn.

Các cơ quan quốc tế sẽ có khuynh hướng vừa tài trợ vừa giúp kỹ thuật. Khả thi dự án là tối quan trọng nếu muốn tránh hậu quả xấu. WB thường tài trợ các dự án "xuất khẩu" nông phẩm như cafê, dầu ăn, v.v. gây nên tình trạng thặng dư trên thế giới, làm giảm giá nông phẩm và có ảnh hưởng tai hại cho nhiều nước. Đó là trường hợp nhiều xứ chậm tiến tại Phi Châu.

Các dự án thường được các định chế phát triển tài trợ việc "khả thi". Việc chọn công ty thực hiện "khả thi dự án" rất quan trọng vì nó sẽ quyết định việc lựa chọn kỹ thuật (process/ technology) và khả năng trả nợ trong tương lai. Ví dụ tháng Mười năm 1993, PetroVN đã chọn tập đoàn Total làm khả thi dự án nhà máy lọc dầu tại Khánh Hoà. Nhưng tại sao chọn Total trong khi công ty Pháp ít khi thắng trên thị trường quốc tế vì kỹ thuật lỗi thời vì nhà máy sản xuất xăng có chì, ô nhiễm và nguy hiểm cho môi sinh? Khi xây xong nhà máy lọc dầu thì VN sẽ dùng kỹ thuật lỗi thời, chậm 50 năm (kỹ thuật xăng có chì là kỹ thuật thập niên 50 và khi nhà máy bắt đầu chạy thì vào 1996 không ai trên thế giới sẽ dùng xăng có chì). Tại sao làm khả thi chọn kỹ thuật "high sulfur" trong khi VN có dầu "low sulfur"?

Việc chọn khả thi dự án cũng không kém quan trọng vì nó quyết định lựa chọn kỹ thuật và khả năng hoàn trả nợ trong 30-40 năm trong tương lai. Chọn dự án trên căn bản lợi nhuận đem nhiều đóng góp thặng dư (Value added)? ngoại tệ? nhiều công ăn việc làm? Chính trị (vì muốn giúp Pháp hay vì Pháp cho vay tiền)? Trong việc tài trợ cần phải có tổ hợp tài chính (syndicate of banks). Làm sao chọn cho đúng?

## Kết luận

Chính sách tận dụng tín dụng phát triển IMF hay WB để phát triển cần sự khôn khéo của cấp lãnh đạo. IMF và WB đã đóng góp khá nhiều trong việc tái thiết Âu châu và giúp đỡ các nước chậm tiến. Các cơ quan này nay đã có nhiều chương trình giống nhau (STF, ESAF và SAL, SECAL) và cần phải tái xác định vị trí của mình.

Dù sao đi nữa, các cơ quan này sẽ ảnh hưởng nhiều trong đường lối phát triển VN. IMF và WB sẽ là cơ quan tài trợ chính với lãi suất thấp của VN trong nhiều năm gần đây. Việc sử dụng tín dụng của IMF và WB luôn luôn đi kèm theo với điều kiện khắt khe trong việc quản trị "vi mô." Việt Nam đã bắt đầu thấy những phiền toái trong việc đi vay tiền khi đi thương thuyết việc sử dụng tín khoản stand-by. Do đó việc tận dụng ODA của IMF và WB cũng là một bài học kinh tế thị trường khó và đòi hỏi thời gian để thấy sự khéo léo (hay vụng về) trong việc điều động kinh tế của VN. ■

# NHỮNG ÔNG VUA ÁO ĐỎ

BỬU SAO

*LTS - Liên tiếp trên hai số Thế Kỷ 21 mới đây có đăng hai bài liên quan đến chuyện luật pháp tại Việt Nam hiện nay, bài "Pháp Quyền hay Pháp Trị" của Luật Sư Trần Thanh Hiệp (số 62) và "Vấn đề luật pháp ở trong nước: từ "vô sản chuyên chính" tới "nhà nước pháp quyền" của Giáo Sư Vũ Quốc Thúc (số 63). Nay vấn đề ấy lại được bàn thêm do một cây bút quen biết với bạn đọc Thế Kỷ 21, tác giả Bửu Sao, với bài Những Ông Vua Áo Đỏ, trích từ cuốn sách "Mối ưu tư của người Việt đôi bờ" sắp xuất bản của ông.*

Chính quyền Hà Nội luôn luôn đề cao vai trò của nhân dân trong công cuộc đấu tranh giành độc lập mỗi lần dư luận quốc tế chất vấn về các vụ vi phạm nhân quyền và tự do dân chủ:

"Nhiều thế hệ phải hy sinh to lớn vì sự nghiệp độc lập và tự do của tổ quốc," đại diện Việt Nam tại Hội Nghị về Nhân Quyền tại Genève.

"Nhân dân Việt Nam đã đổ máu suốt mấy chục năm qua để bảo vệ cuộc sống độc lập, tự do." (Tại Hội Nghị Ngân Hàng Thế Giới tại Paris).

"Chúng tôi đã hy sinh quá nhiều nhân mạng trong cuộc chiến giành độc lập để phải chấp nhận một sự chuyển hướng như thế." (Ông Võ Nguyên Giáp với hãng thông tấn AFP)

Khi nhân dân đã thu hồi được độc lập và tự do, quyền làm người của nhân dân lại bị nhà nước tước mất. Dân quyền, nhân quyền cũng như trí tuệ và quyền độc lập tự do đều được quy về một mối: độc lập để đơn phương giải quyết mọi vấn đề mà khỏi bị sự dòm ngó và phê phán tự bên ngoài; tự do để xử lý người dân theo ý muốn, bằng mọi cách bất chấp mọi cơ sở pháp lý dân chủ.

Mọi quyền sinh hoạt như quyền tự do ngôn luận, quyền tự do tín ngưỡng, quyền được xử lý các việc riêng tư, đều được thực hiện "trong khuôn khổ pháp luật."

Nhưng pháp luật nầy từ đâu đến? Ai làm ra? Và áp dụng cho ai?

Trả lời đúng mấy câu hỏi này tức là đã ý thức được nền móng của một nhà nước pháp quyền, của một quốc gia dân chủ đúng danh xưng của nó.

Từ ngày chính sách đổi mới và mở cửa được ban hành, công tác khẩn trương và bức xúc là xây dựng nhà nước pháp quyền. Vậy trước kia nhà nước không phải là pháp quyền hay sao? Nếu đã là pháp quyền rồi, tại sao lại phải tạo ra một nhà nước pháp quyền khác? Đâu là sự khác biệt giữa nhà nước pháp quyền trước ngày có cuộc đổi mới và nhà nước pháp quyền từ ngày có cuộc đổi mới?

## Pháp Quyền Hay Pháp Trị?

Tại hội nghị chuyên đề của ngành tư pháp được tổ chức tại Hà Nội vào giữa tháng 3 năm 1993, những câu hỏi trên đây đã được trả lời giữa hai dòng chữ. Nhưng "trong khuôn khổ của pháp luật," ý niệm về nhà nước pháp quyền được định nghĩa như sau:

"Trên nguyên tắc, nhà nước pháp quyền là một nhà nước được tổ chức và hoạt động theo pháp luật, trong đó mọi quan hệ xã hội phải được điều chỉnh bằng pháp luật trong tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Tác dụng của hệ thống pháp luật là ổn định tình hình chính trị, bảo đảm nền dân chủ." "Trong thực tế, pháp luật được tạo ra nhằm xử lý nghiêm minh các vi phạm; nếu không bị xử lý ngay thì sẽ nảy sinh tư tưởng xem thường phép nước, tạo kẽ hở cho kẻ gian hoạt động chống lại sự ổn định của tình hình kinh tế xã hội và quyền lợi của nhân dân..."

Hội nghị chuyên đề đã khẳng định nguyên tắc thông thường của mọi xã hội là phải có luật pháp, song chưa đặt vội vấn đề ai có quyền làm ra pháp luật trong một xã hội dân chủ.

Trước tiên, ý niệm pháp quyền đã được đồng hóa với ý niệm pháp trị. Theo đúng định nghĩa của ông thủ tướng Võ Văn Kiệt: "xây dựng nhà nước pháp quyền tức là toàn dân sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật" (TBPL 12/4/1993). Đấy là định nghĩa của một thể chế pháp trị, chứ không phải của một nhà nước pháp quyền.

Báo Sài Gòn Giải Phóng đã có lần "in nhầm" danh từ Hiến Pháp, đặt vần P thay vần N trong chữ Hiến Pháp, làm mọi người đọc thành Hiếp Pháp.

Lối sắp chữ này có dụng ý hay không là một chuyện khác, song theo phong cách của nhà nước XHCNVN, hiến pháp chỉ do một "quốc hội trên hình thức" làm ra như nghị sĩ Phan Đình Diệu đã khẳng định, thì chỉ có Hiếp Pháp, không có Hiến Pháp, tức là có một bộ luật được bộ chính trị trung ương đảng viết ra làm một dụng cụ "hiếp dân": hiếp dân tức là trị dân bằng pháp luật, theo đúng danh xưng là Pháp Trị, không phải là Pháp Quyền. Pháp

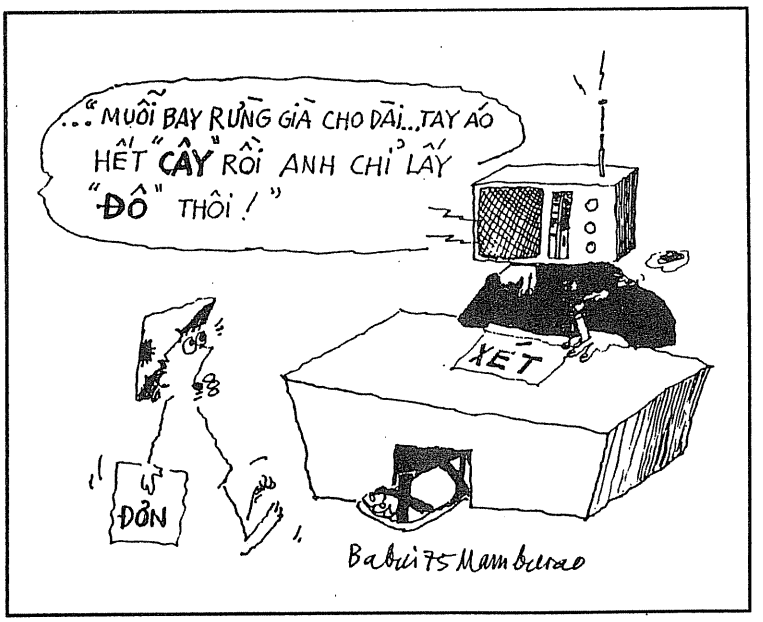


trị là luật pháp bắt nguồn từ đảng, pháp quyền là luật pháp bắt nguồn từ nhân dân. Do đó đảng và nhà nước tránh dùng danh từ pháp trị, mà dùng danh từ pháp quyền nhằm tránh sự liên tưởng đến cái thực chất đảng trị của nhà nước.

Hai ý niệm pháp trị và pháp quyền tạo ra sự khác biệt giữa hai xã hội độc tài và tự do dân chủ. Xã hội độc tài dựa vào bản năng sinh tồn. Xã hội tự do dựa vào lý tính sinh hoạt. Bản năng sinh tồn khiến con vật xã hội tuân thủ phép nước để khỏi bị tiêu diệt. Lý tính sinh hoạt tạo ra pháp luật để cuộc sống xã hội được ổn định nhằm tạo điều kiện phát triển hài hòa cho mỗi một công dân trong cộng đồng quốc gia.

Pháp trị là dùng phép nước để xử lý những vi phạm. Nhà nước pháp trị cai quản và xử lý người dân bằng pháp lệnh, chỉ thị, nghị quyết, sắc lệnh, sắc luật. Quyền lợi của nhân dân được nhắc đến, song không được nói rõ là cái gì. Còn việc hành sử quyền tối thượng của nhân dân là quyền được chọn người thay mình tạo ra pháp luật thì lại hiến gọn vào tay đảng và nhà nước.

Định chế pháp trị được biểu hiện trong các chính thể quân chủ chuyên chế, độc tài chuyên chế, vô sản chuyên chế, và mọi hình thức chuyên chế khác, tức là quyền quản lý quốc sự phát xuất từ một quyết định đơn phương do một người hay một tập đoàn, một đảng ngự trị

Quốc hội cộng sản là gì? Dân biểu Phan Đình Diệu đã gián tiếp trả lời:

"Chừng nào quyền tự do ứng cử còn là hình thức thì xã hội chưa có thể gọi là dân chủ."

Dân biểu Thích Đôn Hậu cũng đã tiết lộ là bị cưỡng bách đưa vào quốc hội để làm vì, và hàng ngày phải học tập trong một khung trường có công an bao vây và dò xét. Đấy là số phận của những dân biểu trong quốc hội cộng sản. Các vị dân biểu này hàng ngày tập thể dục co rãn cánh tay, đưa lên bỏ xuống hàng trăm hàng nghìn bận để khỏi còn biết mỏi. Họ tập vỗ tay liên tục đúng mười phút từ khi có lệnh đến khi dứt lệnh để không chút rã rời.

## Nhà Nước Pháp Trị Trước Nhu Cầu Kinh Tế Thị Trường

Nhằm thực hiện cái gọi là nhà nước pháp quyền trong giai đoạn đổi mới và mở cửa, chính quyền Hà Nội chỉ cần đưa ra các mục tiêu sau đây:

1. Khẩn trương thực hiện luật công ty và luật doanh nghiệp tư nhân,

2. Từng bước cải cách chế độ tiền lương hiện nay đã lỗi thời,

3. Xây dựng quy chế công chức.

Đối với chính quyền Hà Nội xây dựng nhà nước pháp quyền chỉ nhằm tạo thêm những chỉ thị chưa được trù liệu trước để giải quyết mọi vấn đề được đặt ra trong cuộc sinh hoạt kinh tế thị trường. Các công ty nước ngoài không đòi hỏi gì hơn. Họ chỉ cần có những bản văn cần thiết để hợp tác kinh tế.

Nhưng khi mang ra áp dụng những pháp lệnh mà chính quyền Hà Nội gọi là luật pháp, với những điều tu chính, bổ túc, cải biến, lắm lúc tạo thêm mâu thuẫn, thì các đối tác ngoại quốc lại mất hết tin tưởng. Khi họ đòi hỏi một căn bản pháp lý ổn định thì họ nhận được những sắc lệnh và chỉ thị đến từ mọi phía, nay thế này mai thế khác, không biết nên "đưa" cái đầu về hướng nào!

Trong cuộc viếng thăm Việt Nam hồi tháng hai năm 1993, tổng thống Francois Mitterrand thúc giục chính quyền Hà Nội nên chú trọng đến dân quyền trong cung cách đối xử. Sau cuộc viếng thăm này chính phủ Pháp đã cụ thể hóa lời khuyên này bằng việc cấp cho Việt Nam một khoản tài trợ là 12.561.098 MK trong đó một phần ba sẽ dùng để xây dựng "Nhà Việt-Pháp Luật Học" (Maison franco-vietnamienne du droit) nhằm soạn thảo một bộ luật hoàn chỉnh để tiếp cận thị trường tự do.

Đến nay, "Nhà Việt-Pháp Luật Học" đã tạo được những cơ chế pháp lý nào?

Trong bước đầu, nhà nước đã có một nỗ lực gọi là "đáng kể, khả dụng" trong việc xác định lại tiêu chuẩn tuyển chọn hội thẩm tòa án. Duy có một điểm họ vẫn duy trì: thành phần hội thẩm tòa án vẫn do Hội Đồng Nhân Dân đề cử và HĐND vẫn là người của đảng. Ủy Ban Nhân Dân vẫn là cơ quan chấp hành của HĐND, đồng thời là cơ quan hành chánh nhà nước tại địa phương, UBND cũng do hội đồng nhân dân bầu ra: một chế độ đảng trị tuyệt đối. Như vậy, trong thực tế vẫn không có gì thay đổi.

Một cơ chế đối diện với chính quyền được thiết lập là Mặt Trận Tổ Quốc. Đối diện chứ không đối lập, đối diện như bóng của chính mình nhìn trong gương. Cơ chế này, nằm trong lòng dân và được gọi là "cơ chế chính trị của chính quyền nhân dân, nhằm tăng cường sự nhất trí về chính trị và

tinh thần trọng nhân dân..." (điều 9 Hiến Pháp 1992). Trọng dân ở đây tức là trị dân. Vì tinh thần trọng nhân dân được biểu hiện trong sự kiểm soát và hướng dẫn dư luận, cho phép hay cấm đoán, khích lệ hay ngăm đe. Đấy là tinh thần trọng nhân dân theo cung cách XHCNVN. Mặt Trận Tổ Quốc chi phối mọi sinh hoạt chính trị, xã hội, tôn giáo. Mặt Trận Tổ Quốc đi đôi với đảng như bóng với hình; đảng và MTTQ là mặt trái và mặt phải của một hiện thực chính trị.

Tuần Báo Pháp Luật xem đấy là một việc đổi mới quan trọng nhằm nâng cao quyền lực, năng lực và hiệu quả quản lý của hệ thống hành pháp Xã Hội Chủ Nghĩa. Đấy là một nhận xét rất chí lý về bản chất pháp trị của chế độ.

## Một Cuộc Hội Thảo Về Ý Niệm Nhà Nước Pháp Quyền

Ngày 5 tháng 4 năm 1993 Viện Kinh Tế Học Sài Gòn có mở một khóa hội thảo dưới đề tài "Tổ chức hoạt động của các bộ máy lập pháp, hành pháp, tư pháp với nhiệm vụ xây dựng nhà nước pháp quyền."

Trong khóa hội thảo này, nhằm khái quát ý niệm về nhà nước pháp quyền, ông Nguyễn Văn Thảo, viện trưởng viện Nghiên Cứu Pháp Luật, cho rằng có nhà nước tức là đã có pháp quyền rồi, không cần phải xây dựng, chỉ cần tăng cường pháp chế; tăng cường pháp chế có nghĩa là xây dựng nhà nước pháp quyền. Sau khi chấn an các "thính giả" bí mật ở hậu trường bằng một tiền đề vô thưởng vô phạt loại đầu rắn cắn đuôi này, ông Nguyễn Văn Thảo mới xuất kỳ bất ý nêu lên nguyên tắc căn bản của nhà nước pháp quyền:

"Nhà nước pháp quyền phải xuất phát từ những ý niệm nhân dân thật sự nắm quyền lực. Nhà nước phải thông qua một cơ chế thể hiện đích thực nguyên tắc mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân. Nhưng cũng phải có sự thống nhất quyền lực kết hợp với sự phân công rành mạch trong sự phối hợp chặt chẽ giữa các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp."

Đấy là một lối phát biểu nước đôi nhằm phân phát cho mỗi một người cái chân lý mà họ đang mong ước. Một lối phát biểu khôn khéo và tế nhị, vì đã nói lên được điều chính yếu mà khỏi gây vạ miệng.

Trong cuộc đàm luận ông Nguyễn Văn Thảo cũng đã đề cập đến tính chất bất ổn của chức năng lập pháp hiện tại, "pháp luật mà nay đổi mai thay sẽ gây nhiều khó khăn cho công dân tìm kiếm những kế hoạch làm ăn lâu dài, không thể an tâm với những thay đổi quá nhanh chóng của pháp luật." Đoạn ông Thảo nêu lên quan niệm phân lập giữa lập hiến và lập pháp mà ông gọi là hoạt động đỉnh cao của quyền lực. Chỉ nêu lên thôi, vì trong hiện thực nguyên tắc phân quyền dĩ nhiên không thể khai triển trong một chế độ độc đảng. Mọi người đều đã hiểu ngầm như thế.

Ông Trần Bạch Đằng, có người bảo là cố vấn kinh tế cạnh thủ tướng, đã khôn khéo đưa ra một ý kiến khá trung thực về mối liên hệ giữa đảng và nhân dân:

"Trong nhận thức của nhiều người, nhiều cán bộ vẫn coi trách nhiệm đảng giao cho nặng hơn trách nhiệm đại diện cho dân để lo cho dân. Đã dành mục đích của đảng cũng là lo cho dân nhưng nếu không trở về nguồn gốc vốn có của một nhà nước dân chủ thì khó thực thi đúng nhiệm vụ và quyền hạn của nhà nước..."

Ông Trần Bạch Đằng đã gián tiếp khai triển vấn đề nhà nước pháp quyền bằng cách đem đối chiếu hai thực thể đảng và nhân dân, song vẫn giữ thế thủ vì không đưa ra kết luận. Đấy là một lời phát biểu tinh khôn, tinh khôn trong sự mơ hồ, biết rằng trong một chính thể chuyên chế mọi tinh khôn đều có giới hạn.

Theo giáo sư Trần Ngọc Hiên, phó giám đốc học viện Nguyễn Ái Quốc:

"Nhà Nước Pháp Quyền là sản phẩm của một giai đoạn phát triển kinh tế và xã hội, do nhu cầu của cơ chế thị trường, nên đặt vấn đề này trong giai đoạn hiện tại là đúng đắn, song phải hết sức chú ý đến nguy cơ quan liêu hóa, tách rời với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội."

Lời cảnh cáo của giáo sư Trần Ngọc Hiên đến quá trễ, vì trước khi thiết lập nhà nước pháp quyền thì giới cán bộ đảng ta đã bị quan liêu hóa mất rồi và đã có sự tách rời rõ rệt giữa nhu cầu tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội.

Ông Huỳnh Ngọc Chi, giám đốc sở Tư Pháp Thành Phố Hồ Chí Minh đến bổ túc lời phát biểu của giáo sư Trần Ngọc Hiên. Ông cho rằng:

"Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam mà chúng ta đang xây dựng không nên theo thuyết pháp trị của người xưa mà phải đáp ứng các yêu cầu của nhân dân và đất

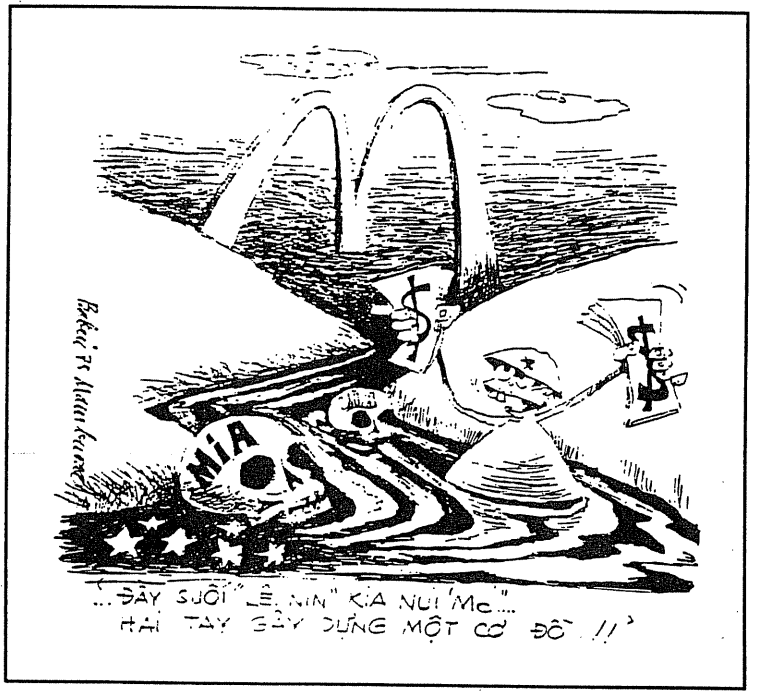

nước; phải bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Nhà nước tôn trọng pháp luật và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa."

Ông Huỳnh Ngọc Chi đã nói lên bằng uyển ngữ bản chất pháp trị của nhà cầm quyền Việt Nam và ngay sau đó đã giảm bớt tác dụng nghiệt ngã của lời phát biểu này bằng phương thức cố hữu: "theo định hướng xã hội chủ nghĩa" làm bình phong cho cái nghịch cảnh mà ông đã phát hiện...

Luật sư Trần Du Lịch đặt nền tảng của nhà nước pháp quyền trên chủ quyền quốc gia được thiết lập theo định chế và cơ cấu quyền lực nhà nước. Đây chỉ là phản ảnh của ý niệm nhà nước pháp trị mà giới lãnh đạo đương kim đang hành sự. Không có gì mới mẻ: một lối "vuốt đuôi" để được lãnh hai chữ bình an.

Ông Nguyễn Đức Chính, Hiệu phó trường Luật Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tìm hiểu kỹ lưỡng di sản pháp luật của đất nước ta, cũng như hệ thống các nguồn pháp luật Việt Nam. Lời đề nghị này dùng chiến thuật đi vào trọng tâm của vấn đề là ý niệm pháp trị, tuy không đả động đến bản chất pháp trị của nhà nước hiện tại, rồi xuất kỳ bất ý nhấn mạnh bản chất này: ai cũng biết rằng luật pháp Việt Nam bắt nguồn từ thể chế quân chủ pháp trị (TBPL 12/4/1993, trang 6-7).

Ngoài khung thất của cuộc hội thảo, luật gia Nguyễn Hữu Nhơn đã đề cập đến chế độ tam quyền phân lập bằng lối dựa vào lịch sử để phác họa lịch trình diễn biến của luật pháp. Ông đã dùng lối ẩn dụ để nói lên niềm khát vọng của nhân dân Việt Nam ở một nền dân chủ thật sự bằng cách nhắc lại những biến cố chính trị để đòi lại nhân quyền tại các nước Âu phương. Nhưng trước đó ông Nguyễn Hữu Nhơn đã khôn khéo đề cao lời dạy của Lénine, vị lãnh tụ yêu quý của cuộc cách mạng tháng Mười. Vị lãnh tụ Lê Nin nói:

"Tất cả mọi công dân phải được bình đẳng, nếu không thì không có dân chủ." Sau khi lấy Lénine làm thuẫn đỡ, ông đã hùng hồn và mạnh dạn kết luận:

"Do đó những ai cố vi phạm khẩu hiệu Tự Do, Bình Đẳng, Bác Ái, của cuộc đại cách mạng Pháp thì sẽ bị trừng phạt không thương tiếc như vua áo vàng Louis XVI, vua áo trắng Hitler: những người có chết mà không có đám ma!" Ai đọc đến đây cũng chỉ muốn thêm "và những ông vua áo đỏ nữa!" Rồi luật gia Nguyễn Hữu Nhơn kết thúc:

"Ước mơ của loài người về dân chủ và nhà nước pháp quyền từ xa xưa đến nay, chỉ mới đạt được một đoạn ngắn của con đường dài."

Cuộc đàm luận trên đây cho thấy rằng ở Việt Nam không thiếu gì những trí óc am tường những điều cần thay đổi để đưa đất nước đi lên. Song vì miếng cơm manh áo không mấy người dám bày tỏ thái độ trung thực của mình.

Tại sao chẳng một ai có thể xê dịch được chướng ngại vật to lớn đang ngăn cản bước tiến của xã hội Việt Nam? Đấy là đặt vấn đề mức trưởng thành của một xã hội trong cuộc sinh hoạt dân chủ. □


Một cách làm báo đứng đắn, chuyên nghiệp
mà ít tốn công sức, tiền bạc:

Hãy mua tin của

**HÃNG TIN VAP**

(VIETNAM ASSOCIATED PRESS)

Liên lạc ngay:

**VAP**

14891 Moran St., Westminster, CA 92683
ĐT (714) 892-9316; FAX (714) 897-0599

# CÓ CHĂNG "ĐẠO ĐỨC HỌC HỒ CHÍ MINH"?

## LÊ NGUYÊN THỊNH

Những năm gần đây, trên báo chí của Cộng sản Việt Nam thường xuất hiện nhóm từ "tư tưởng Hồ Chí Minh" tiếp theo sau "Chủ nghĩa Mác Lê Nin". Sự xuất hiện đó, như nhiều bài báo đã phân tích, là một dụng ý của CS nhằm trấn an đồng bào trong nước. Cộng Sản Việt Nam muốn nhắc với mọi người rằng, dù chủ nghĩa Mác-Lê Nin đã sụp đổ trên toàn thế giới, nhưng tại Việt Nam, nhờ thêm tư tưởng Hồ Chí Minh, chế độ CS vẫn có thể tồn tại.

Mới đây trên số Xuân Giáp Tuất của báo "Nhân Dân" - cơ quan trung ương của Đảng CSVN - lại xuất hiện trịnh trọng ở trang nhất một bài viết khiến nhiều người chú ý. Đó không phải là bài trấn an đồng bào của Tổng bí thư Đỗ Mười, hay thư đầu năm của tòa soạn mà của một giáo sư triết học Mác-Lê Nin, Trần Văn Giàu. Người ta chú ý bởi lần này ông Giàu lại đưa thêm vào kho chữ nghĩa của CSVN một nhóm từ mới lạ nữa: "Đạo đức học Hồ Chí Minh" trong bài báo có nhan đề "Đạo đức học Hồ Chí Minh trong nhà trường chúng ta." Đạo đức học Hồ Chí Minh là gì? Tại sao tác giả nêu vấn đề này ngay ở trang đầu một tờ báo Xuân của Đảng, và những ý kiến của ông ta về vấn đề ấy như thế nào?

Mở đầu bài báo, ông Giàu viết: "Từ bao đời nay, dân tộc Việt Nam có một nền đạo đức học của mình và đỉnh cao của nền đạo đức học đó là đạo đức học Hồ Chí Minh. Một trong những mất mát đáng lo ngại của chúng ta gần đây là sự xuống cấp của đạo đức trong một bộ phận nhân dân. Nhiều người cho rằng căn nguyên của sự xuống cấp đó là sống gió Kinh tế thị trường."

Như vậy, bài báo được ông viết để báo động tình trạng đạo đức trong xã hội Việt Nam hiện nay đang "xuống cấp."

Sau khi giải thích cho mọi người thấy lúc này không còn có thể đổ lỗi cho người khác được dù đó là "Mỹ ngụy" hay "Kinh tế thị trường," (kinh tế thị trường chỉ mới xuất hiện trong vòng năm năm nay; còn tình trạng suy thoái đạo đức của xã hội Việt Nam thì cũng song hành với chế độ cộng sản), ông Giàu đành quay lại trách Đảng bởi vì từ trước đến nay đảng cộng sản Việt Nam chỉ coi trọng chính trị mà bỏ quên đạo đức trong nhà trường.

Ông viết: "Ở Đại học, bộ môn Đạo đức học biến đi đâu mất. Không có một giáo sư nào chuyên trách Đạo đức học. Không có giáo trình Đạo đức học. Sách về ĐĐH bằng tiếng Việt Nam thì ở thành phố Hồ Chí Minh (chắc ở Hà Nội cũng thế) khó kiếm như sao ban ngày, trong lúc đó thì thị trường tràn ngập những tiểu thuyết, những tranh phim đồi trụy đầu độc tâm hồn của tuổi trẻ..."

Ông hô hào phải đưa "đạo đức học Hồ Chí Minh" vào trường học. Nhưng đưa những gì, và đưa như thế nào, thì không thấy ông nhắc tới, chỉ thấy ông khen thầy giáo Nguyễn Lân là "can trường" khi quay về phương châm "Tiên học lễ, hậu học văn," câu cách ngôn mà bất cứ đứa trẻ miền Nam nào trước đây cũng biết. Ông viết tiếp "Chúng ta có đủ điều kiện để sưu tầm, in lại những sách gia huấn của tổ tiên ông cha từ thời Nguyễn Trãi đến Cách mạng tháng Tám... nhiều quyển hay lắm, bây giờ vẫn có ích..." Ông nói thêm "Chúng ta có đủ điều kiện để biên dịch những luận văn nổi tiếng nhất của các danh nhân Trung Quốc về nhân, nghĩa, trí dũng, hiếu, trung, để cho các thầy cô, sinh viên, học sinh và phụ huynh sử dụng..."

Người đọc thất vọng, không thấy một nội dung gì mới lạ có liên quan đến "đạo đức học Hồ Chí Minh" như ông đề ra từ đầu, để rèn luyện, chấn hưng đạo đức cho học sinh, cho xã hội, ngoại trừ những điều mà ở miền Nam trước đây đã dùng.

Câu cách ngôn "Tiên học lễ, hậu học văn" đã có từ ngàn năm nay; những sách gia huấn mà ông Giàu nhắc đến cũng không phải của ông Hồ (và tại sao lại chỉ giới hạn trong khoảng từ thời Nguyễn Trãi đến Cách mạng tháng Tám?); những luận văn của Trung Quốc về nhân, nghĩa... thì ai cũng rõ nó thuộc về các triết gia Trung Quốc. Ngay cả câu nói "Người sinh ra vốn lành" (nhân chi sơ tánh bổn thiện) mà ông ca ngợi cũng của Mạnh Tử, một trong những hiền triết của Nho giáo.

Vậy cái gọi là "đạo đức học Hồ Chí Minh" mà ông đề nghị phải đem vào nhà trường cho học sinh là những gì và vì sao nó là "đỉnh cao" của nền đạo đức dân tộc, sao chẳng thấy ông nhắc tới, dù chỉ là một dòng, một chữ ???

"Đỉnh cao" là từ mà người cộng sản thường sử dụng, xuất phát từ căn bệnh tự cao tự đại có từ bao đời nay của những người lãnh đạo đảng. Họ gọi đảng của họ là "Đỉnh cao trí tuệ"; lãnh tụ của họ là "vĩ đại, vĩ nhân", là "cha già của dân tộc"; sức mạnh của chủ nghĩa Mác Lê Nin là "bách chiến, bách thắng"... Thói cao ngạo đó, ngày nay tuy chẳng được ai tin phục nữa, kể cả những đảng viên của họ, nhưng vì quen nết đi rồi, nên nói hay viết về Đảng, về ông Hồ mà không kèm theo mấy chữ "đỉnh cao, hoặc vĩ đại" là không được. Cứ đọc lại những Hồi ký của những người từng một thời ngụp lặn trong đám hỏa mù vĩ đại và đỉnh cao đó như "Mặt thật" của Bùi Tín, "Ly thân" của

Trần Mạnh Hảo, "Trên thiên đường ảo vọng" của Dương Thu Hương, "Nửa đời nhìn lại" của Tiêu Dao Bảo Cự... người ta cũng có thể thấy được những giả dối, những tàn ác đến độ ghê tởm của người Cộng sản như thế nào. Điều đáng nói là ở lúc này, khi mà sự thật về "đảng và bác" của những người cộng sản đã được phơi bày, thì ông Giàu, một giáo sư thuộc viện Triết học, vẫn còn "nặng tình" với những từ đó để "ca ngợi" ông Hồ một cách lỗi thời như vậy.

Dân tộc Việt Nam ta coi trọng đạo đức. Điều đó đúng. Nhưng nền tảng của đạo đức dân tộc hoàn toàn cách biệt, xa lạ với những gì gọi là "đạo đức cách mạng" của người cộng sản, kể cả của ông Hồ. Xa khác đến độ như nước với lửa. Vậy thì làm sao có thể đặt "đạo đức của ông Hồ" trên đỉnh cao của Đạo đức học dân tộc được?

Nền đạo đức của người Việt từ bao đời nay chịu ảnh hưởng sâu đậm tư tưởng Nho giáo. Tuy có thêm tư tưởng của Phật, Lão, và gần đây thâu thập cả những tư tưởng của Tây phương, nhưng tất cả đều hài hòa, trong một số khái niệm cơ bản.

Quan niệm đạo đức của Nho giáo lấy tu thân làm căn bản. Tu thân trước, sau mới nghĩ đến chuyện "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ."

Để tu thân, mỗi người phải bồi dưỡng cho mình những đức tính như: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. "Nhân" là lòng thương người. "Thương người như thể thương thân." "Nghĩa" là cách quan hệ, đối xử với người. Có nghĩa vua tôi, nghĩa đồng bào, nhưng cũng có nghĩa cha con, nghĩa vợ chồng, anh em bạn bè. "Lễ" là lòng kính trọng người khác. "Trí" là sự hiểu biết, là sự sáng suốt. "Tín" là giữ lòng tin của kẻ khác đối với mình. Ngoài ra, mỗi người còn phải biết "Trung với nước, Hiếu với cha mẹ..."

Trai thời trung hiếu làm đầu
Gái thời tiết hạnh làm câu sửa mình. Trung, Hiếu là hai đức tính quan trọng của mỗi người Việt, Nguyễn Công Trứ đã từng viết:

Có Trung, Hiếu nên đứng trong trời đất
Không công danh thà nát với cỏ cây...

Những tiêu chuẩn làm người đó đã có từ hàng ngàn năm nay trên đất nước ta, nhưng đem so với quan niệm đạo đức của các dân tộc khác trên thế giới, chúng cũng không xa khác mấy.

Chính những tiêu chuẩn căn bản đó đã hình thành tính cách đặc thù của người Việt Nam. Những con người biết trọng nhân nghĩa, biết thương người, biết cách đối xử với người khác. Từ bổn phận đối với vua, với nước, đến bổn phận đối với cha mẹ, con cái, anh em, bạn bè, với người giúp việc, thậm chí còn phải học cách đối xử với cả loài vật. "Nhân nghĩa" đi vào đời sống của mỗi người, từ giới bình dân trong thôn xóm đến vua chúa nơi triều đình. Vua nhà Lý thấy con gái mình giữa mùa đông giá tuy đã có áo kép chăn bông còn than lạnh, chợt nghĩ tới những tội tù đang bị giam cầm mà sinh lòng trắc ẩn, đó là nhân. Vua Lê Thái Tổ sau khi chiến thắng quân Minh, bắt được tù binh, lại cấp lương thực, thuyền bè... cho họ về nước cũng là nhân.

Còn ông Hồ, từ ngày cùng đảng cộng sản cai trị đất nước, ông ta đã cổ xuý những gì? Những quan niệm đạo đức cổ truyền của dân tộc được ông thay bằng "đạo đức cách mạng". Ông bắt mọi người phải "Trung với Đảng, hiếu với nhân dân..." thay vì trung với nước, hiếu với cha mẹ, ông dạy thiếu nhi "yêu tổ quốc, yêu đồng bào" thay vì yêu những người đã có công sinh đẻ, nuôi dưỡng mình. Lời lẽ thì có vẻ cao đẹp, nhưng thực chất là bắt mọi người phải tuân phục, trung thành với đảng, với cá nhân ông và xa hơn nữa là trung thành với cộng sản thế giới, với chủ nghĩa Mác Lê Nin, với Stalin, với Mao... Còn khái niệm "nhân dân, đồng bào" mà ông Hồ gọi, thì cũng đã được ông xác định rõ: đó là nhân dân, đồng bào thuộc giai cấp lao động, giai cấp của đảng.

Bởi quan niệm như thế, nên sau bao nhiêu năm cai trị đất nước, người cộng sản đã biến xã hội Việt Nam thành một xã hội

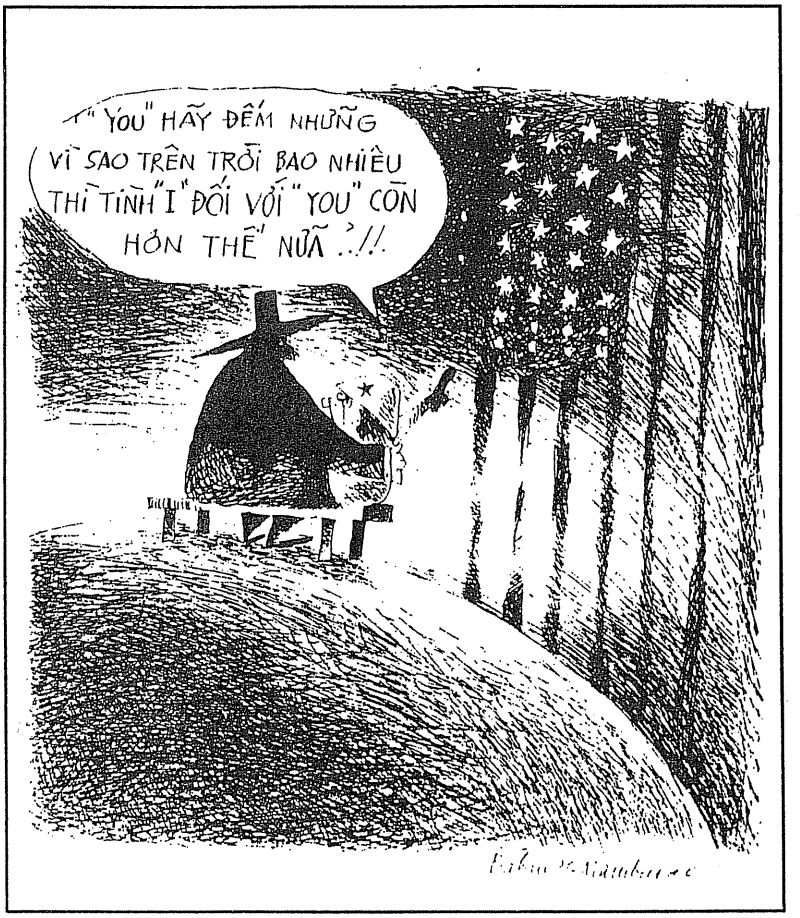

trong đó mọi nền tảng đạo đức đều bị hủy diệt. Con cái khinh nhờn, mắng chửi cha mẹ. Trò hỗn láo, thậm chí đánh lại thầy. Sự kính trọng lẫn nhau, tin tưởng vào nhau đã không còn. Luân thường đạo lý bị xóa sạch. Tổng bí thư đảng còn làm gương bằng cách đem cha mình ra để đấu, thì bảo sao đạo đức xã hội không suy thoái. Con cái không được dạy yêu kính cha mẹ, nhưng phải yêu Bác, yêu Đảng, yêu ông Lê Nin ở nước Nga xa xôi, yêu "chủ tịch Mao" của Trung Hoa...

"Ông Lê Nin ở nước Nga,
Mà sao vẫn thấy như là Việt Nam
.....
Thương cha thương một, thương ông thương mười."
(Sách học vần, Lớp Một)

Trung và hiếu theo quan niệm của ông Hồ là như vậy, con Nhân Nghĩa, thì hầu như là một khái niệm xa lạ của người cộng sản Việt Nam. Quan niệm "chính trị là thống soái" người cộng sản lúc nào cũng chủ trương đấu tranh giai cấp, tiêu diệt những giai cấp khác mà họ cho là kẻ thù của Đảng. Những tầng lớp như "Trí, Phú, Địa, Hào" thì phải "bứng tận gốc, tróc tận rễ" lúc vào vùng chiếm đóng thì "thà giết lầm hơn bỏ sót". Vì thế hàng chục ngàn đồng bào Huế mới bị tàn sát một cách vô tội trong tết Mậu Thân, 1968. Bởi đạo đức cách mạng "phải thể hiện cho được "tính Đảng", "tính giai cấp","tính chiến đấu", nghĩa là lúc nào người cộng sản cũng phải mang trong đầu ý tưởng chém giết, hận thù... Một biểu hiện nho nhỏ của tình cảm, dù là tình gia đình, tình vợ chồng đi nữa cũng bị lên án là "hữu khuynh", là "lưng chừng", là "lập trường chưa kiên định", nói chi đến tình người, tình đồng bào. Cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc vào năm 1957, thực chất là cuộc hủy hoại đến tận gốc rễ tất cả nền tảng đạo lý của dân tộc, của Á đông do ông Hồ và tập đoàn cộng sản chủ trương. Xã hội Việt Nam từ trước đến nay, chưa bao giờ xảy ra những cảnh đau lòng như thế. Con tố cha, vợ tố chồng, đầy tớ tố chủ, bạn bè tố nhau... Một người đã được Đảng chọn để kết tội, thì tất cả những người khác có nhiệm vụ phải hùa vào kể tội, dù không có cũng phải tìm, phải kể cho được... (Xem thêm MẶT THẬT - Hồi ký của Thành Tín).

Chiếm được miền Nam, Cộng sản đã giam cầm bao nhiêu Sĩ quan, công chức trong tù đày, bao nhiêu người đã bỏ xác nơi núi cao, rừng sâu,... cũng chỉ vì "đạo đức cách mạng" của ông Hồ chứ đâu phải vì lý do nào khác? Nếu cộng sản nhân nghĩa, sao đến giờ này vẫn còn hằng loạt người (kể cả cán bộ, đảng viên cộng sản) phải tìm cách chạy trốn, dù biết trước có thể bị tù đày, chết chóc, hiểm nguy!!!

"Đạo đức cách mạng", "trung, hiếu, nhân, nghĩa" của ông Hồ và của những người cộng sản là như thế. Còn những khái niệm về "lễ", "trí", "tín"... của họ cũng có gì khá hơn đâu! Ông Hồ bắt mọi người phải gọi ông bằng Bác, bằng Cụ dầu lúc ông về nước, tuổi ông trong khoảng năm mươi... Những quan lại của triều đình Huế, dù xưa hay nay, cũng được gọi một cách xấc láo "tên, thằng", "tay sai, Việt gian". Phạm Quỳnh, Hoàng Cao Khải... bị lên án tay sai mà Phan Thanh Giản, Lê Văn Duyệt cũng bị lên án là bán nước. Đền đài, chốn thờ tự cũng bị phá hủy hoặc ngăn cấm.

Ông dạy thiếu nhi "khiêm tốn, thật thà," nhưng ông lại tự viết sách ca ngợi mình mà để tên người khác. (Vừa đi vừa kể chuyện - T.Lan); lấy tác phẩm của người khác làm của mình (Nhật ký trong tù)... Làm sao có thể kể hết những điều đi ngược với đạo đức dân tộc mà ông Hồ và những người CSVN đã tạo ra.

Chính vì bao năm nay người cộng sản đã đem những điều phi nhân, phi nghĩa, bất hiếu, bất trung đó để nhồi nhét vào đầu thanh thiếu niên nên mới tạo nên những tầng lớp vô đạo đức trong xã hội Việt Nam ngày nay như vậy. Cộng sản bắt mọi người phải "sống, chiến đấu lao động, học tập theo gương bác Hồ vĩ đại" thì bây giờ "nhân dân" đã theo gương của Bác rồi đó! Cướp bóc, chém giết xảy ra hằng ngày trên các đường phố là nhờ vào "tính chiến đấu," mà Bác đã dạy. Con cái hỗn láo, học trò vô lễ ... là vì chúng muốn nêu cao "lập trường giai cấp." Bởi thầy giáo, dù thiếu thốn, nghèo khó mấy đi nữa, cũng là tầng lớp "tiểu tư sản trí thức," cha mẹ thì hoặc là "địa chủ", là "tư sản"... hoặc là "con buôn", hầu hết là những kẻ thù của đảng, của Bác.

Những câu ca dao, tục ngữ ca ngợi công ơn cha mẹ, thầy cô giáo quen thuộc thuở trước như:

Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. hay: Trọng thầy mới được làm thầy,
Những phường bội bạc sao này ra chi.

giờ trở nên xa lạ, lỗi thời. Bác chỉ dạy mọi người yêu Bác, yêu Đảng mà thôi. Vậy thì sự "xuống cấp" đạo đức của xã hội Việt Nam hiện nay nó phản ánh một cách trung thực nhất "Đạo đức học Hồ Chí Minh" rồi. Nay lẽ nào ông Giàu lại còn nghĩ đến việc "bồi dưỡng thêm" cho học sinh một "đạo đức học Hồ Chí Minh" khác nữa.

Ông Hồ đã không hề có đạo đức (hiểu theo quan niệm đạo đức của người Việt Nam). Muốn xây dựng trở lại một xã hội đạo đức theo truyền thống của dân tộc, ông Giàu đã không thể dẫn ra được những đức tính nào của ông Hồ để học sinh học tập, mà phải viện dẫn đến những quan niệm đạo đức đã có từ lâu đời của dân tộc.

Lời giải cho bài toán đạo đức của xã hội Việt Nam hiện nay đã rõ: Phải quay về với nền đạo đức của dân tộc, quay về với những khái niệm căn bản "Tiên học lễ, hậu học văn", "nhân nghĩa, trung hiếu", "thờ kính cha mẹ" ... nói thẳng ra là phải vứt bỏ những quan niệm phi dân tộc, phi nhân, phi nghĩa của chủ nghĩa cộng sản mà ông Hồ và những người cộng sản khác đã vô tình hay cố ý đầu độc xã hội Việt Nam suốt mấy chục năm qua.

Đừng nghĩ đến chuyện "đạo đức của Hồ Chí Minh". Tìm cho được đạo đức của ông Hồ cũng khó chẳng khác gì việc ông Giàu tìm sách Đạo đức học trong toàn cõi Việt Nam hiện nay vậy. Công việc đó khó như "kiếm sao giữa ban ngày!"

Chẳng lẽ ông Giàu lại không thấy điều đó?

*Tháng Tư, 1994*

# CÓ THẬT LÀ BÀ NGUYỄN HỘ ĐÃ BỊ TRA TẤN ĐẾN CHẾT?

*LTS — Trên Thế Kỷ 21 số 64 vừa qua trong bài về ông Nguyễn Hộ, có đoạn nói vợ ông, bà Trần Thị Thiệt, cán bộ phụ nữ Sài Gòn, bị bắt và tra tấn đến chết tại Tổng nha Cảnh Sát Sài Gòn năm 1968. Trong cuốn sách Quan Điểm và Cuộc Sống của mình, ông Nguyễn Hộ cũng đã viết như thế.*

*Tòa soạn vừa nhận được một bức thư gửi từ Chùa Ông Hoa Sanh Tôn, 8011 Findlay, Houston, Texas 77617, ký tên là Ông Đạo Tôn, tự nhận thuộc Ngành Cảnh Sát Đặc Biệt VNCH, cải chính điều vừa nói, cho biết bà Thiệt chết hoàn toàn không phải vì tra khảo.*

*Chúng tôi tin đây là một tiếng nói nghiêm chỉnh, góp phần làm sáng tỏ các sự thật của lịch sử, nên đăng gần nguyên vẹn bức thư, với hy vọng vấn đề sẽ được làm rõ thêm.*

Thưa quý vị báo chí,
Thưa cụ Nguyễn Hộ,

Do nhơn duyên đưa đẩy, chúng tôi được đọc bản văn tựa đề là "Quan Điểm và Đời Sống" của Cụ Nguyễn Hộ, chủ nhiệm câu lạc bộ kháng chiến, ấn hành tại Paris, báo chí Việt Ngữ có rất nhiều tờ đăng tải. Nội dung bản văn và cuộc đời sự nghiệp đấu tranh của Cụ Nguyễn Hộ có giá trị đặc biệt, nên được báo chí đăng và bình luận ... ước tính có tới hàng trăm ngàn ấn bản luân lưu trong và ngoài nước. Giáo hội chúng tôi nghĩ rằng thời điểm này, nghĩa vụ thiêng liêng nhứt của tất cả mọi người là Phải Giải oan cho nhau, có Giải oan cho nhau thì mới Triệt tiêu được oán thù, có triệt tiêu được oán thù thì chúng ta mới hoan hỷ với nhau được. Trong khi đó bản văn "Quan Điểm và Đời Sống" có một điểm Vu oan kết oán với ngành Cảnh Sát Đặc Biệt Việt Nam Cộng Hòa một cách trầm trọng, chúng tôi xin thưa như sau.

Thực Cụ Nguyễn Hộ là một quốc lão gan lì quả cảm từng theo đuổi một phương pháp, một chiêu thức mà Cụ nghĩ là đúng là hữu hiệu nhứt để mang lại phúc lợi cho Quốc Dân. Phương pháp đó và chiêu thức đó là tuân theo đường lối của Đảng Cộng Sản để làm tất cả những gì có thể làm được.

Nhưng than ôi! oan trái và nghiệp chướng làm sao! Sự thực phũ phàng đến với Cụ khi Cụ bảy mươi tám tuổi trời (Đại thọ) — Sau 58 năm trường rong rã công phu theo đuổi, sau hơn nửa thế kỷ đam mê lý thuyết vô thần Cộng Sản thì Cụ mới biết mình sai lầm, Đảng Cộng Sản là tàn bạo. Thật quý hóa làm sao tức khắc Cụ trở về với Quốc Dân. Y như ý Phật, buông dao xuống tức khắc thành Phật. Nhưng còn KẸT một điểm, là trong bức thư này cụ viết: Hồi tết Mậu-Thân (1968), người bạn trăm năm của Cụ (Bà Thiệt) bị Cảnh sát Sàigòn bắt và tra tấn cho đến chết trong nhà giam.

Thưa quý vị báo chí,
Thưa Cụ Hộ,

Cụ Bà hồi Tết Mậu-Thân (1968), có bị Cảnh sát Đặc biệt chúng tôi bắt và sau đó chết trong phòng giam, như Cụ viết, nhưng không hề bị đánh một roi nào, còn nâng như trứng, hứng như hứng hoa, cơm bưng nước rót đàng hoàng đấy Cụ ạ. Vấn đề đơn giản và dễ hiểu là ngay sau khi bị Cảnh sát Đặc biệt bắt, vì là cán bộ quan trọng được xếp ngay vào hàng "A+1" và Phối trí viên Hoa Kỳ bảo trọng rất kỹ. Chắc Cụ còn nhớ hồi Tết Mậu-Thân (1968), Mặt trận Giải phóng Miền Nam đã chuyển đổi danh xưng thành Chánh phủ Cộng-hòa miền Nam Việt Nam, trong thời gian này Mặt Trận có bắt làm tù binh một số binh sĩ Hoa Kỳ, và có thực hiện vài cuộc trao đổi tù binh. Ông Trương như Tảng, Chủ tịch công ty đường Việt Nam bị Cảnh sát bắt, rồi sau đó được trao đổi với Mặt Trận, ông Tảng vào Mật khu rồi ngay sau đó được lãnh chức Tổng Trưởng Bộ Tư Pháp của chánh phủ Cộng Hòa lâm thời Miền Nam Việt Nam. Trường hợp của Cụ Bà cũng y như trường hợp của ông Trương như Tảng. Chúng tôi chuẩn bị đưa Cụ Bà về chiến khu Đ để ... HỢP HÔN với Cụ để lấy một sỹ quan cấp tá Hoa Kỳ về. Số trời! Số trời bắt Cụ mồ côi vợ và sống cảnh cô đơn và Cụ Bà phải chết trong nhà giam vì bạo bệnh áp huyết gây đứt mạch máu. Đơn giản có thế thôi. Y chứng phân minh bác sĩ Mỹ, Việt xác định nên con đường hoạn lộ của chúng tôi mới được thong dong đấy Cụ Hộ ạ! Cụ Bà là một cán bộ cao cấp, một món hàng quý sắp trao đổi đã để lên bàn cân rồi. Chúng tôi phải giữ nguyên vẹn tươi tốt chứ, sức mấy mà chúng tôi dám tra tấn đánh Cụ Bà đến chết, xin Cụ hoan hỷ giải oan cho chúng tôi mà đừng chấp oán nữa.

Thưa quí vị báo chí và cụ Hộ,

Chắc chắn đây là một sự ngộ nhận, vì nội vụ Cụ không được thông đạt đầy đủ, chúng tôi tin tưởng một con người Dũng Cảm tôn trọng sự thật như Cụ, đã chấp nhận Cái chết và Tù đày để nói lên tiếng nói của Quốc dân, không bao giờ Cụ có ý vu oan kết oán cho ai. Những người vị Quốc dân đều đứng về một phía và sống mãi trong Tâm thức Quốc dân. □

**Ông Đạo Tôn**
*Chủ sự tế tự chùa*
*Ông Hoa Sanh Tôn*

# VĂN HỌC KHÔNG BIÊN CƯƠNG

## TIÊU DAO BẢO CỰ

*LTS:* **Nửa Đời Nhìn Lại** *là tên tác phẩm của một nhà văn trong nước -- Tiêu Dao Bảo Cự -- do nhà xuất bản Thế Kỷ ở California ấn hành. Cuốn sách vừa ra đời đã được bạn đọc đón nhận rất ân cần. Một số người cầm bút hải ngoại như Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Trương Anh Thụy, Bửu Sao Tâm Việt, Hoàng Khởi Phong...cũng đã chú ý theo dõi, đọc và có ý kiến trên tạp chí Thế Kỷ 21 và nhật báo Người Việt. Những bài báo này đã - bằng một cách nào đó - "dội ngược" đến tay tác giả. Và bài viết dưới đây của Tiêu Dao Bảo Cự có thể coi như một "hồi âm". Cái nhìn của tác giả* **Nửa Đời Nhìn Lại** *về những phát biểu liên quan đến cuốn sách của ông đã dẫn ông đến một chủ đề khác: "Vấn đề hoà hợp hoà giải dân tộc và giao lưu văn hoá." Đây là một trong những vấn đề chính trị và văn học khá khúc mắc đã được đặt ra lâu nay ở hải ngoại. Và tất nhiên vẫn còn là một vấn đề "còn nằm trên bàn mổ". Bởi vì, người ta thấy rõ khó mà nói đến "giao lưu" một khi "hướng ra thì có, mà hướng vào thì không" [có chăng chỉ là bằng những con đường đặc biệt...]. Vì tính chất một chiều đó của văn hoá văn học mà người ta thấy cần phải đặt lại sự chính danh của ngôn từ. Dù sao xin mời bạn đọc nghe thêm một tiếng nói của tác giả Nửa Đời Nhìn Lại.*

Với thông tin muộn màng, tác giả "Nửa đời nhìn lại" cũng đã đọc được một số bài báo, thư ngỏ viết về tác phẩm của mình của độc giả hải ngoại. Đó là niềm vui và hạnh phúc lớn của tác giả. Có biết bao nhiêu điều để trao đổi thêm vì tác phẩm được "viết trong nghịch cảnh" mà độc giả hải ngoại chưa thể thông cảm hết được. Nhưng có lẽ tác giả cần phải nén lòng vì chắc sẽ còn nhiều ý kiến khác, nhất là của bạn đọc trong nước mà tác giả đang rất mong đợi. Đến một lúc nào đó thuận tiện, hy vọng tác giả sẽ có dịp nói thêm điều gì đó về tác phẩm của mình.

Ở đây, tôi chỉ muốn trình bày đôi điều về một vấn đề gần như nằm ngoài tác phẩm, chỉ được nêu ra bằng một ý, một câu, trong phần kết của tác phẩm nhưng lại được nhiều người quan tâm, vấn đề "hòa giải hòa hợp dân tộc", và đặt vấn đề trong mối quan hệ với việc giao lưu văn học.

Mặc dù dân tộc Việt Nam có một lịch sử rất lâu dài với bao nhiêu bài học quý giá nhưng có lẽ mỗi người, mỗi thế hệ chỉ có thể nhận ra được điều gì thật sâu sắc khi chính mình có một độ lùi lịch sử của chính thời đại mình. Trong những cuộc chiến gần đây của đất nước, dù ai dùng ngôn từ nào, với bất cứ lập luận nào, đứng trên bất cứ lập trường nào, những cuộc chiến đó đều có mang tính nội chiến, vì người Việt đã nổ súng vào nhau trên chiến trường, đã hận thù nhau trong tim óc. Đó là một giai đoạn lịch sử phân ly và bi thảm.

Những người quốc gia đã kêu gọi cộng sản "chiêu hồi, trở về với chính nghĩa quốc gia". Những người cộng sản đã hô hào những người quốc gia "bỏ hàng ngũ địch, trở về với nhân dân." Chưa kể những người quốc gia với nhau, cộng sản với nhau, cũng đã từng đấu tranh, hận thù, truy bức, hủy diệt nhau.

Dấu mốc 30/4/75 dù quan niệm đó là "ngày chiến thắng giải phóng hoàn toàn Miền Nam, thống nhất tổ quốc" hay "ngày quốc hận" thì đó cũng là một việc đã có, đã rồi và là một dấu mốc, một cơ hội lớn của dân tộc. Sau ngày đó, người cộng sản đã tuyên truyền một cách đại lượng: "Trong cuộc chiến này, người Việt Nam không có kẻ thắng người bại, chỉ có dân tộc Việt Nam chiến thắng." Dĩ nhiên câu nói đó những người quốc gia khó lòng chấp nhận. Nhưng nếu câu nói đó được thực hiện đúng tinh thần của nó, nghĩa là không có tước đoạt, truy bức, cải tạo ... mà thực hiện ngay hòa giải hòa hợp dân tộc, rõ ràng dân tộc Việt Nam đã chiến thắng và đất nước đã đi lên mạnh mẽ trong 18 năm qua chứ không phải vẫn còn là một trong những nước nghèo đói nhất thế giới. Câu nói đó không được thực hiện, dân tộc Việt Nam chỉ là kẻ chiến bại và chỉ có nhân dân Việt Nam là đau khổ.

Có lẽ nhận thức như thế nên đến nay nhiều người Việt Nam đau lòng vì số phận dân tộc mình, dù là quốc gia hay cộng sản hay thuộc bất cứ thành phần nào, đã nghĩ và nói đến hòa giải hòa hợp dân tộc. Muộn còn hơn không. Muộn nhưng vẫn vô cùng cần thiết.

Tôi nghe thời gian trước đây ở nước ngoài đã có nhiều cuộc tranh luận về hòa giải hòa hợp dân tộc nhưng vì thiếu thông tin nên không rõ các cuộc tranh luận đó đã diễn ra như thế nào và có đi đến kết luận nào không. Tuy nhiên, tôi nghĩ vấn đề vẫn còn đó và phải được tiếp tục giải quyết. Cần tiếp tục mở ra những cuộc trao đổi về vấn đề này giữa trong và ngoài nước, đi đến sự thống

nhất từ nhiều phía để từng bước thực hiện. Đó chính là lối ra của dân tộc sau bao nhiêu mấu lửa, phân ly, hận thù và khổ nhục.

Hòa giải hòa hợp dân tộc chỉ có thể được thực hiện khi đó là niềm thôi thúc, là sự nghiệp của cả dân tộc chứ không phải chỉ là vấn đề của một số cá nhân. Nếu nhiều người cộng sản còn nghĩ rằng: Ta đang nắm quyền lực (và quyền lợi), tội gì phải hòa giải hòa hợp với ai, lơ mơ sẽ bị lật đổ. Nếu nhiều người quốc gia ở nước ngoài còn nghĩ: Ta đang giàu có, sống thoải mái, đâu có thể hạ mình xin nói chuyện hay về nước để lọt vào vòng kềm tỏa của bọn cộng sản độc tài. Nếu nhiều người khác còn nghĩ: Ta chỉ cần yên ổn làm ăn sinh sống, dại gì dính vào những chuyện chính trị... Nếu đa số người Việt Nam còn nghĩ như thế, rõ ràng khó có hòa giải hòa hợp dân tộc.

Nhưng nếu đối với nhiều người, đất nước nghèo đói là niềm đau, nỗi nhục của mọi người Việt Nam; sự phân ly, hận thù là vết thương, căn bệnh nặng nề của cả dân tộc; thiếu dân chủ tự do là sự phản tiến hóa, bầu khí ngột ngạt nhiễm độc của toàn xã hội... Đó vẫn còn là cơ may cho hòa giải hòa hợp dân tộc.

Khó khăn và trở ngại lớn nhất là nếu toàn bộ hay một bộ phận chủ chốt những người đang cầm quyền không muốn hòa giải hòa hợp, hay họ chỉ nói mà không làm, hoặc chỉ làm theo những điều kiện mà họ bắt buộc người khác phải chấp nhận.

Thực ra chưa có quyền lực chính trị, quyền lực thế gian nào là vĩnh viễn, bất khả chiến bại. Ý chí của một người phát huy đến mức cao nhất cũng rất mãnh liệt và tác động đến toàn xã hội, đè nặng lên số phận hàng triệu người. Lịch sử thế giới đã chứng minh điều đó. Dĩ nhiên, một mình họ không đủ, sau lưng họ còn là cả một tập đoàn. Nhưng một tập đoàn không thể mạnh hơn một dân tộc, mạnh hơn cả nhân loại. Vậy thì tại sao đa số người cùng chung một nguyện vọng, một ý chí lại sợ hãi, bất lực trước một tập đoàn.

Những người cầm quyền thường lộng hành và chế ngự nhân dân bằng cách dùng bạo lực gây ra nỗi sợ. Muốn chống lại cái ác, mỗi người bằng cách nào đó của mình, phải "vượt" qua nỗi sợ để làm một cái gì đó. Ý chí của đám đông lương thiện, nếu được thể hiện và tập hợp lại, dù dưới hình thức bất bạo động, nhất định sẽ gây sức ép, chuyển hóa và buộc thiểu số phải chấp nhận hòa giải hòa hợp, dù thiểu số đang nắm quyền lực, được tổ chức và trang bị bằng bất cứ vũ khí nào. Đó là hòa giải hòa hợp đi đôi với việc chống lại cái ác bằng những phương tiện hòa bình.

Nhận thức đó nhất định mở ra nhiều con đường mà văn học có thể là một trong những con đường đầu tiên.

Văn học trong những hoàn cảnh bi thảm của lịch sử không chỉ mô tả, phản ánh số phận bị đày đọa của con người, hàng triệu người, tạo nên sự đồng cảm sâu sắc trong nỗi đau mà còn khơi gợi khả năng chống lại cái ác.

Chính trị chi phối tất cả nên dù không thích ta cũng không thể từ chối chính trị. Trong những hoàn cảnh lịch sử đó, văn học thường mang tính chính trị. Nhưng một tác phẩm văn học đích thực có thể không hề có những vấn đề chính trị, người viết vẫn bị thôi thúc bởi một điều gì khác hơn, mạnh hơn, vượt lên trên chính trị. Viết một tác phẩm văn học đích thực không phải hay không chỉ là một hành động chính trị mặc dù tác dụng đầu tiên của nó đôi khi có thể là tác dụng chính trị. Chính trị của tác phẩm văn học cũng không phải chỉ là chính trị thời sự mà là một thứ chính trị mang tính lâu dài. Và tác phẩm văn học đích thực nhất định phải chuyên chở cái gì rộng hơn, sâu xa hơn, tinh tế hơn trong mọi ngõ ngách tâm hồn và số phận con người.

Văn học tự bản chất không biên cương không gian và thời gian nên dễ vượt qua một rào cản, ràng buộc, hạn chế của những thế lực cầm quyền và của cả lòng người. Giao lưu văn học là một giao lưu chiều sâu đưa con người lại gần nhau, xóa dần những dị biệt. Hiện nay, ở trong nước người ta đã chính thức nói đến văn học Việt Nam hải ngoại là một bộ phận không thể thiếu của văn học Việt Nam. Tác phẩm văn học bị cấm ở trong nước bắt đầu xuất hiện ở nước ngoài. Văn học Việt Nam hải ngoại bằng nhiều cách đang tìm về với độc giả trong nước. Nghĩa là đã đến lúc văn học Việt Nam trước hết phải dành cho mọi người Việt Nam, không phân biệt vì bất cứ lý do gì. Sự giao lưu này nhất định sẽ mang lại một cái gì tích cực trên con đường hòa giải hòa hợp dân tộc.

Việc trao đổi bước đầu vừa qua chung quanh tác phẩm "Nửa đời nhìn lại" phải chăng là một dấu hiệu đáng mừng không phải chỉ cho riêng tác giả mà là cho tình hình chung khi những khái niệm về "quốc gia- cộng sản, kẻ thù, đối cực" đã được hóa giải một cách nhẹ nhàng và những người đã từng ở trong thế đối nghịch nhau lại có thể nói với nhau, về nhau một cách hết sức mở lòng và thân ái.

Tôi vẫn nhớ những giọt lệ chảy dài trên má mình lúc còn bé đọc "Tâm hồn cao thượng" của E.D. Amicis và cả về sau mỗi khi đọc lại. Tôi vẫn không sao quên được cảm giác đau đớn lạ lùng khi ở trong tù thời sinh viên đọc "Giờ thứ 25" của C.V. Gheorghiu mà tác phẩm chảy dạt dào trong tôi như một cơn nước lũ. Bây giờ và chắc cả về sau này nữa, tôi vẫn ứa nước mắt khi đọc một trang sách, xem một cảnh phim cảm động, không sao cầm giữ và cũng không muốn cầm giữ. Điều gì đó của phận người đã rung lên trong tôi như một sợi tơ đàn tạo nên hòa điệu. Đằng sau những giọt nước mắt là cái gì sâu xa hơn giúp tôi đi suốt cuộc làm người một cách mạnh mẽ, tốt đẹp và hạnh phúc hơn.

Tôi hiểu như thế nên khi viết về một tác phẩm, tôi ước ao và mong chờ một điều gì đó tương tự nơi người đọc tác phẩm của mình, những người đọc "có tâm hồn" và tự do đối với bất cứ tù ngục tinh thần và cụ thể nào.

Tôi tin tưởng giao lưu văn học sẽ tạo nên sự đồng cảm và nối kết có vẻ mong manh nhưng lại hết sức bền vững và có khả năng công phá, bền vững hơn và có thể công phá được cả những bức tường sắt thép - kẽm gai hay những rào cản của hận thù và ý thức hệ. ■

*Đà lạt 28/5/1994*

# VIỆT NAM THẾ KỶ 20:
# NHỮNG CHỌN LỰA VÀ HẬU QUẢ*

ĐỖ NGỌC YẾN

PHẠM XUÂN ĐÀI *ghi*
(Tiếp theo và hết)

Hậu quả của sự chọn lựa của thập niên 40 là thế nào?

Như chúng ta đã biết, thời 1905, các bậc tiền bối đã đi hai con đường: giành độc lập là ưu tiên, hoặc canh tân là ưu tiên, tuy nhiên lề lối của các cụ là hợp tác với nhau. Cuối thập niên 20, nổ ra phong trào quốc dân và phong trào cộng sản. Phong trào quốc dân mô phỏng toàn bộ lý thuyết của Quốc Dân Đảng Trung Hoa, còn phong trào kia hoàn toàn đặt dưới quyền văn phòng cộng sản quốc tế đông phương, hoặc Moscou. Các tranh chấp dẫn tới biến cố 1945, rồi các chính phủ Việt Nam được thành lập trong cuộc chiến tranh với Pháp mà kết quả là hội nghị Genève 1954.

Hội nghị Genève là biến cố trọng đại vì lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam được quốc tế sắp xếp tương lai. Cho đến thời điểm đó chỉ là tranh chấp giữa người Việt Nam và người Pháp. Hội nghị Genève có sự hiện diện của Trung Hoa, chính sự kiện này đã khiến Mỹ đi đến một giải pháp Mỹ về Việt Nam. Suốt từ năm 1947 đến 1950 lúc tổng thống Truman bắt đầu dính líu đến Việt Nam, luôn luôn có một cuộc tranh luận lớn ở Mỹ là Mỹ có nên can thiệp vào Việt Nam hay không. Bao giờ Mỹ cũng bối rối và chọn một thái độ tạm bợ, là duy trì viện trợ, cứ mỗi lúc một tăng cho người Pháp ở Việt Nam. Nhưng Mỹ muốn có một sự can thiệp về chính trị chứ không phải quân sự vào thời điểm đó, và hiệp định Genève là một cơ hội tốt cho họ (1). Mỹ không ký vào hiệp định này nên cảm thấy hoàn toàn thong dong vào năm 1956, khuyến khích chính phủ Ngô Đình Diệm từ bỏ hiệp thương mà không bị trách cứ, ít ra là về ngoại giao, là đã xé bỏ hiệp ước. Hiệp định Genève đã cho người Mỹ thời gian một thập niên (1954-1963) để dựng lên một nước Việt Nam đúng như chương trình của Mỹ.

Chính phủ Ngô Đình Diệm đã được sự yểm trợ tối đa của chính quyền Eisenhower để thành hình, thay vì Mỹ duy trì nó để thực hiện chương trình của họ thì nửa chừng lại có một lựa chọn khác, một sự lựa chọn mà bây giờ vẫn còn hỗn mang, không ai công nhận, không có tài liệu, các chứng nhân trong cuộc thì đã chết, các chứng nhân hàng thứ hai, thứ ba đều có lý do để không nói một cách đầy đủ và chính xác về những gì xảy ra trong hậu trường năm 1963. Có một sự gì không giàn xếp được để phải đưa đến cái chết của hai ông Diệm và Nhu, hiểu được điều đó chúng ta mới có thể hiểu giai đoạn bốn năm sau đó (1963-67) thời gian chuyển tiếp giữa đệ nhất và đệ nhị cộng hòa tại sao lại lâu như vậy. Đó là thời gian cần thiết để điều chỉnh một guồng máy mới của Mỹ trên đất Việt Nam: guồng máy chiến tranh. Người Mỹ phải đi từng chặn một: thanh toán chế độ ông Diệm, vì với sự kiểm soát chặt chẽ của ông Nhu, không phải lúc nào Mỹ muốn chọn người của mình cũng dễ dàng thao túng với một cuộc đảo chánh được. Do đó phải để cho bất cứ người nào làm được cuộc đảo chánh thì cứ làm, sau họ sẽ đảo chánh người đó, điều này giải thích tại sao chỉ một thời gian ngắn sau biến cố 1-11-63, nhóm Minh, Đôn, Đính bị một kẻ vô danh là Nguyễn Khánh đảo chánh một cách gọn gàng không tốn một viên đạn.

Nhưng từ Nguyễn Khánh đến chính quyền hợp hiến có quốc hội, có bầu cử v.v... còn phải bốn năm nữa, đó là do nhu cầu bố trí quân sự của người Mỹ. Lúc bấy giờ có xuất hiện một sự lựa chọn, khá mơ hồ, của người Việt Nam, mà không ai ở miền Nam lúc ấy có khả năng thực hiện, là trung lập. Ý niệm trung lập là một ý niệm khá nghiêm chỉnh, đã có từ nửa thế kỷ qua, nhưng thiếu một lực lượng có khả năng thực hành nên mỗi khi đưa ra nó đều bị lố lăng hóa, và chết một cách dễ dàng.

Trong thời gian tồn tại của miền Nam Việt Nam sau 1954, có hoàn cảnh để người Việt Nam làm một sự lựa chọn của riêng mình, nhưng do thiếu khả năng, thiếu viễn kiến chính trị, chỉ có cái nhìn ngắn ngủi, cụ thể, tầm thường, không vượt quá được sách lược giai đoạn, cho nên miền Nam phải mất. Mặt khác, chưa bao giờ Việt Nam lại nằm gọn trong quỹ đạo định đoạt của quốc tế như từ 1954 trở đi, trong bối cảnh chiến tranh lạnh của thế giới.

Năm 1975 là năm chấm dứt chiến tranh lạnh đối với Việt Nam, vì một phe đã thắng, nhưng khúc đuôi của chiến tranh lạnh vẫn đeo đuổi người Việt Nam. Năm 1989 chiến tranh lạnh thế giới đã hoàn toàn chấm dứt, nhưng đối với Việt Nam, nó lại có cơ bùng nổ mạnh hơn và kéo dài thêm. Điều này dễ hiểu, vì đảng cộng sản vẫn còn ở Việt Nam, mà đảng này là nguyên do, sản phẩm, thành quả của chiến tranh lạnh trước đây. Tất cả các lực lượng đối kháng đảng cộng sản Việt Nam, trong nước cũng như ngoài nước vẫn còn giữ nguyên lý luận, ngôn ngữ, khái niệm và chiến lược, đấu pháp của thời kỳ chiến tranh lạnh. Trước hoàn cảnh như

thế, một thử thách mới xuất hiện với chúng ta: vào cuối thế kỷ này thế giới sẽ chọn cho mình một trật tự như thế nào, chủ nghĩa tân quốc gia sẽ bùng nổ ra sao, thế giới sẽ phân chia thế lực và sách lược ra sao? Tìm câu trả lời cho các câu hỏi trên tức là tìm cho mình một sự lựa chọn: chúng ta sẽ tiếp tục ở trong bối cảnh chiến tranh lạnh bao lâu nữa, bao giờ thì chuyển qua bối cảnh hậu chiến tranh lạnh, chúng ta sẽ tự sắp xếp địa vị của chúng ta đối với thế giới như thế nào? Không nên quên rằng Việt Nam vẫn là đối tượng để quốc tế sắp xếp bàn cờ của mình, vậy người Việt Nam có chủ động được một phần nào trong cái thế bị động mà thế giới sắp xếp cho mình, để nếu không cưỡng hẳn lại được thì cũng tới chỗ thỏa hiệp, mà mình vẫn giữ được phần nào chủ động. Nếu được thế thì đó sẽ là một may mắn, một tự hào cho dân tộc của chúng ta. Đó sẽ là một thử thách cho tất cả chúng ta.

Nhìn lại thế kỷ 20, chúng ta có sự lựa chọn giành độc lập hoặc nâng cao dân trí của hai cụ Phan vào hồi đầu thế kỷ, sự lựa chọn giữa hai đường lối quốc cộng thời 30-40, để dẫn đến hai chế độ nam bắc Việt Nam, và cuối cùng đến một cuộc lựa chọn lớn lao và lạ lùng vào năm 1975. Đây là một lựa chọn không rơi vào tay các chính trị gia, các nhà quân sự, các nhà trí thức, cũng không do đạo diễn quốc tế tuy có sự tiếp tay của quốc tế, đó là sự chọn lựa của hàng trăm hàng ngàn người liên tiếp bỏ nước ra đi, chấp nhận tương lai bấp bênh, sự nhục nhã mất nước, mất quốc tịch, chấp nhận đưa mặt mình ra như là kẻ ăn xin chỉ để cứu vãn một hy vọng cuối cùng là tự do, và từ sự tự do đó mà chính họ hoặc con cái họ sẽ làm lại một cái gì để xóa đi cái nhục nhằn mất mát cho bản thân, gia đình và đồng bào họ. Từ năm 1975 chúng ta ra đi không có lãnh đạo, không có tổ chức, chỉ do một tiếng gọi sâu thẳm mà mọi người ra đi. Nhiều người đã chết trong các cuộc ra đi, và không có mặt hôm nay trong cuộc sống ở hải ngoại. Các đợt ra đi từ 75 cho đến nay đã làm thành hình một cái mới, không giống bất cứ sự chọn lựa nào đã diễn ra trong quá khứ: gọi là người Việt Nam thì gồm có người Việt Nam đang ở trong nước do ông cha để lại, nhưng cũng gồm luôn những người Việt ở ngoài nước, ở những lãnh thổ mà ông cha ta chưa hề là chủ nhân ông. Những người Việt ra đi ấy đã được ông cha gởi gắm cho nào là văn tự, ngôn ngữ, nào là lịch sử, kỷ niệm, hoài vọng, những thao thức và định mệnh cho mỗi con người. Tất cả bỗng đối diện với một thế giới mới: một cuộc tranh đua về kinh tế, khoa học kỹ thuật, về sự hợp lý hóa tối đa do phương tiện thông tin điện tử.

Thế kỷ 20 được mệnh danh là thế kỷ của sự hợp lý hóa, bây giờ ở vào cuối thế kỷ, ta phải thêm vào, đây là giai đoạn hợp lý hóa bằng điện tử, tức là mọi việc tiến hành rất mau lẹ, rất qui mô với một tốn phí rất nhỏ. Trong một tương lai gần khi một loạt các vệ tinh điện tử được phóng lên trời thì từ mọi xó xỉnh trên thế giới đều có thể liên lạc với nhau bất cứ lúc nào trong phút chốc. Trong bối cảnh thế giới như thế thì dĩ nhiên nước Việt Nam không thể đứng riêng rẻ ở ngoài. Vấn đề của chúng ta là hiểu rõ được thời đại, và nhúng bàn tay của chúng ta vào để trong những lực sẽ chi phối Việt Nam trong tương lai sẽ có lực của chính bàn tay của chúng ta. Đó là sự lựa chọn và thử thách cho người Việt Nam ngày hôm nay. □

*(Bài nói của ông Đỗ Ngọc Yến tại tòa soạn báo Thế Kỷ 21 ngày 21 tháng Năm 1994)

**CHÚ THÍCH**

(1) Trong cuộc chiến tranh Đông Dương của Pháp (1946-1954) Mỹ đã viện trợ mỗi lúc mỗi gia tăng, đến nỗi ba tháng trước khi thất thủ Điện Biên Phủ, Pháp đã xin Mỹ ném bom nguyên tử. Chỉ còn một ngày nữa là kế hoạch đó được thông qua, nhưng Anthony Eden và W. Churchill (ngoại trưởng và thủ tướng Anh lúc đó) đã nói: "Không", và tổng thống Mỹ Eisenhower đã nghe theo. Người ta không biết đích thực ý của Eisenhower hồi đó là như thế nào, nhưng bây giờ các sử gia nói rằng ông Eisenhower chỉ chờ một lời như vậy thôi; nếu không có ý kiến của phía nước Anh thì tổng thống Mỹ cũng sẽ có một lý do khác để không tham dự vào khúc chót của chiến tranh Đông Dương. Họ chỉ muốn can dự về chính trị.

Nhưng gần 10 năm sau 1954, vào năm 1963 thì có sự sắp xếp ở miền Nam Việt Nam cho thích hợp với tổng chiến lược của Hoa Kỳ. Lúc này sự tranh đua trong thế giới cộng sản giữa Tàu và Nga đã khiến Tàu phát động các cuộc chiến tranh giải phóng trên thế giới để đạt địa vị lãnh đạo trong khối cộng sản. Sự tuyên truyền về chiến tranh giải phóng của Trung Hoa đỏ khiến người Mỹ hồ nghi nước này sắp áp dụng bạo lực quân sự ở Đông Nam Á, do đó Mỹ phải đưa quân vào để ngăn lại. Từ 1965 đến 1968 Mỹ đã đưa vào Đông Dương 500 ngàn quân. Chính quyền Nixon, do công của Kissinger tìm ra sự rạn nứt thật sự giữa Nga và Tàu và lôi Tàu về phía mình, đã bình tĩnh xoay lại ván cờ Đông Nam Á, và rút quân ra khỏi Đông Dương. Và Mỹ với Trung Hoa từ là đối thủ của nhau, nay lại hợp tác với nhau.

*Đọc và giới thiệu*

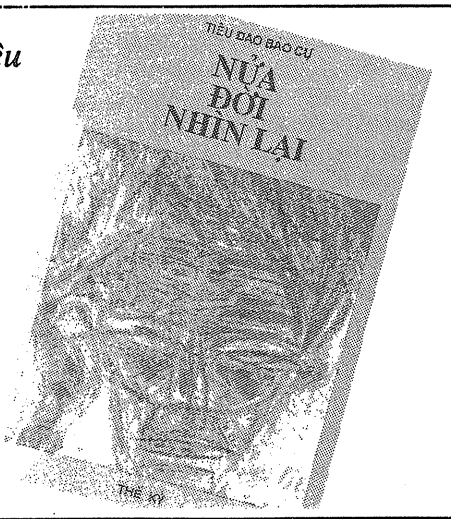

# CHUYỆN VỀ MỘT TỜ BÁO ĐÃ KHÔNG ĐƯỢC RA ĐỜI NHƯ THẾ NÀO...

ĐỖ QUYÊN

*(Ngàn Lau, Đức)*
*thu thập và biên soạn*

## I- Bối Cảnh:

*Trích bài "Vài nét về người Việt ở Đông Âu và Liên Xô cũ"* (các báo *Cánh Én* số 22/3-93 và *Lá Thư Đông Âu* số 1/93)

"Tại Liên Xô cũ, tình hình báo chí dân chủ có nhiều thăng trầm do gặp sự kiểm soát ngặt nghèo của các lực lượng an ninh thuộc đại sứ quán Việt Nam. Song các tờ báo (dù chỉ mới 1, 2 số) *Tuổi Trẻ, Dân Việt* vào tháng 5-91 và *Kinh Tế* vào tháng 6-92 đã chứng tỏ tiềm lực và ý chí của người Việt tại 'cái nôi cũ' của chủ nghĩa Cộng sản.

Ở Ba Lan, Hungari... khối người Việt còn trầm lặng tới mức đáng buồn, tuy rằng hình như ở Ba Lan đã có một tờ báo tự lập ra được một số và ở Hungari đã có những nhóm bạn bè thường xuyên trao đổi về thời cuộc."

## II- Sự Việc:

1- *Trích Lá thư thứ nhất*:

"Moscow, 19-1-94

Anh N. thân mến,

(...) Đã thế kể cho anh nghe về tờ báo hụt của bọn này.

(...) Chuyện xảy ra vào mùa hè 1991. Dạo ấy Tiệp thì có *Diễn Đàn, Điểm Tin Báo Chí*... nổi như cồn. Bun có *Tiếng Nói* đang chập chững, còn *Cánh Én* ở Đức vừa "phát chẩn" cho tôi số đầu tiên (CE số 5, 6 gì đó). Nói chung thiên hạ đại náo loạn, còn ở A (1) vẫn ẩn trong màn sương thanh bình (ấy là nói hoa mỹ một chút, theo kiểu chưởng Kim Dung pha tình Quỳnh Dao!). Cũng vào hè ấy, tự nhiên mấy ông của X "rửng mỡ" làm chuyến Đông du. (Sau xem lại đống báo cũ thấy có bài ký, khen mấy vị Đ.N., N.Đ.C., H.H.... những gì gì ấy. Quả là "vang bóng một thời"!). Các ổng từ B quay sang A thì phải. Kế hoạch dự định là tạt qua C nữa nhưng nghe cảnh [sân bay ở] (2) C "chiến sự" tơi bời. Các ổng quốc tịch "Tây" mà hình thù vẫn là "Ta", nên sợ chẳng dám qua nữa mà về nhà thẳng. Ấy là chuyện về sau...

Giờ nói tiếp chuyện họ quá cảnh A... Chẳng hiểu đã biết gì nhau chưa mà các vị đó làm quen với Y, Z... (...) Tiếc là lúc ấy tôi đi nghỉ ở D nên không được tiếp kiến họ. Lúc về mới hay là có các vị Việt kiều "giá lâm tệ xá" và tuyên truyền về"dân chủ", về "đa nguyên" (...)

Trong số Y, Z... thì Y thuộc loại ưa văn nghệ, thích bàn chuyện quốc sự, "đao to búa lớn" (...). Có thể là trong một phút bốc đồng, "rượu vào lời ra" mà Y, Z... hứa với [mấy ông] X là trong thời gian ngắn nhất sẽ cho dân tình biết mẽ xứ A - nơi mà xưa nay thiên hạ chỉ được biết đến vì có [khu nghỉ] D! Trong đám cùng khóa, Y nể tôi nhất dù tôi ít tuổi, nên vừa ở D về là tôi được triệu đến "bàn việc đại sự".

Hồi ấy, tôi phải chuẩn bị làm đề án tốt nghiệp, mà lại đang chán đời, học ít chơi nhiều. Nên vừa nghe Y nói, tôi "đồng ý cả hai tay"! Buổi họp mặt đầu tiên, ngoài tôi và Y còn có hai đứa cùng khóa thuộc loại chuyên gia cồng pìu tờ, có thể sử dụng hàng chục chương trình sắp chữ như trở bàn tay. Y vạch ra kế hoạch rất sáng sủa về tờ báo. Ông chịu đứng tên chủ báo, còn tôi, vì có nhiều sách vở, tư liệu... dớ dẩn, được phong cho làm tổng biên tập. Cái việc đầu tiên là đặt tên cho tờ báo đã ngốn trọn cả tiếng đồng hồ, vì các tên hay bị "hớt tay trên" cả! Cuối cùng, tôi đề xuất tên *Tiếng Dân*, phỏng theo tờ *Tiếng Nói Nhân Dân* của A. Gọi tắt vậy cho dân dã, nôm na, ai cũng hiểu được và ai cũng có quyền phát biểu. (Sau này, tôi mới nhớ ra, hồi đầu thế kỉ, cụ Huỳnh Thúc Kháng đã có báo với tên đó. Thảo nào nghe cứ quen quen) (3).

Bài vở được phân công cụ thể cho từng người và quy định là trong vòng một tuần phải xong để

còn xét duyệt, đánh máy tích và mang đi copy. Cái khó là, ngoài tôi và Y, không ai chịu viết cả. Mấy cậu kia nhận công việc là nếu có bài thì họ sẽ đánh vào máy tính và dàn dựng, lên khuôn báo. "Mặc kệ Y bảo- không ai viết thì mình viết. Cứ cho ra một số đầu, rồi ai thích sẽ nhập cuộc". Còn về tiền chi phí thì có lẽ Y ứng trước: ổng giàu nhất trong số bọn tôi.

Tôi còn nhớ như in cái Mục Lục được soạn từ những ngày đầu đó... "Cùng Bạn Đọc" (do Y và tôi viết) "Tin Việt Nam", "Tin Thế Giới"; vài bài về tình hình chính trị, kinh tế Đông Âu (tôi và một anh nữa viết); "Tư liệu về Ân Xá Quốc Tế, Cao Ủy Tị Nạn Liên Hợp Quốc" (tôi); "Văn Hóa: giải thưởng Nobel nhân ngày sinh của Nobel, Đại Bách Khoa Toàn Thư của Pháp" (tôi); Văn Nghệ Việt Nam: Bán Vàng - thơ của Nguyễn Duy, Năm Ngày - truyện của Phạm Thị Hoài, Nguyễn Bính và thơ tình của ông nhân ngày chết của nhà thơ này" (tôi); "Chuyện vui tứ phương" (tôi và vài anh bạn khác); "Mạn đàm" (tôi viết, định cho thành mục cố định vào trang cuối).

Nhìn lại phải thấy rằng, việc báo không ra được, thật là một may mắn lớn cho tôi. Một kẻ văn vẻ rất "trung bình chủ nghĩa" như tôi mà chiếm "thượng phong" như thế, hẳn độc giả sẽ phải bịt mũi! Nhưng hồi ấy, nào có biết gì? Bất chấp cả công luận, tôi lao vào việc thật hăng. Trong vòng ba ngày hai đêm tôi đã viết xong hết các bài trên. Bài "Cùng Bạn Đọc", viết cùng Y, xem ra rất tươm tất. Tưởng như báo ra đến nơi...

Nhưng đến lúc có bài thì mấy ông bạn "chuyên gia cồng piu tờ" nói trên đều "bận" một cách rất khéo léo để khỏi phải đánh bài. Tôi thì tin là họ bận học hành thực sự, chứ không lêu lổng như tôi. Nhưng còn cái bầu nhiệt huyết, dễ lên cũng lại dễ xẹp lắm! Chẳng như tôi đã lục cục viết bài, rồi lại lục tục đi thúc mọi người đánh bài, thì có phần tủi! Và dễ làm dân tình nghĩ mình thích chơi trội, thích nổi. Y không hiểu lắm về máy tích, vả lại còn bận làm ăn, nên chẳng giúp gì được. Có điều, cho đến giờ này, tôi dám chắc rằng Y cũng rất muốn cho ra báo; và giá có đủ các bài vở đã lên khuôn thì Y sẵn sàng bỏ thời gian để cắt ghép, sắp xếp bài và viết tựa đề (chữ của Y rất đẹp và bay bướm).

Thời gian cứ trôi... Và tôi cứ còm cõi tự đánh bài vào máy. Rồi lại viết thêm được một đống. Năm ấy thật lắm sự kiện! Giữa tháng Tám, đảo chính ở Liên Xô. Cuối tháng Mười, hiệp định Paris về Căm Pốt. Tháng Mười Hai Yelzin lập Cộng Đồng Các Quốc Gia Độc Lập SNG v.v... Cứ mỗi khi có cái gì hay, tôi lại lủi thủi viết bài, mà tự an ủi là để cho các số 2, số 3...

Ngẫm lại thấy chuyện làm báo ở một xứ thanh bình thật là không phải lối. Dân tình [Việt Nam ở A] chẳng mấy ai quan tâm đến chính trị, văn hóa, đó lại là cái dở nữa... Xét ra thì ở cả ba mặt Thiên-Địa-Nhân, báo của tụi tôi chưa được một! Chả trách mà không thành công!

Cuối cùng thì Y nhụt chí. Dù sao đi nữa ảnh cũng đã "tam tuần", còn phải lo đường vợ con và sinh sống. Nhận được tờ X có trích thư mình, Y hoảng hồn, thiêu tịt cả đống (bản in thử báo)! (chính tôi cũng chưa được xem số ấy. Giờ đến đây, vô tình lục thấy ở nhà người quen. Thế là nổi hứng viết mấy dòng này...) Hẳn là Y lo bị quay là "cấu kết với bọn Việt kiều phản động"! Kể ra thì [các ông ở] X cũng sơ suất khi để cả tên [của người ở đây] lên mặt báo. Nên hiểu là còn ở đây, nghĩa là vô hình vẫn còn bị một cái vòng xiết vào đầu. Chỉ không biết là lúc nào thì "Thầy Đường Tăng niệm chú"... Thỉnh thoảng tôi nhìn cái cặp đầy bài viết từ hồi ấy đang lăn lóc góc phòng, lại thấy ngậm ngùi. Kể ra, bọn tôi đã rất gần với chuyện ra được một tờ báo. Nhưng cái khó là "ra được", chứ còn "gần ra được" thì nói làm gì!

Kể với anh chuyện này cũng là hòa nhập vào "trào lưu hồi tưởng" của mấy vị già ở nhà, như Tô Hoài, Hoàng Cầm, Phùng Quán... Dĩ nhiên, so sánh thế là vô cùng phạm thượng. Và cuối cùng là để anh có tư liệu cho *Lá Thư Đông Âu* số thứ... 100!

Đề nghị anh nghiên cứu cái mảnh báo X này rồi thì gửi lại cho: Kỉ niệm của "một thời xa vắng" mà!

(...)

2- *Trích Báo X số..., tháng... Năm...*

"Trước đây bọn em đã có ý làm một tờ báo (...). Qua vài lần bàn cãi, tới nay bọn em vẫn mạnh dạn làm một tờ báo đấy..."

3- *Trích Lá thư thứ hai*

"Hoechstadt, 10-2-94

Anh N.L. thân,

## *Đọc và giới thiệu*

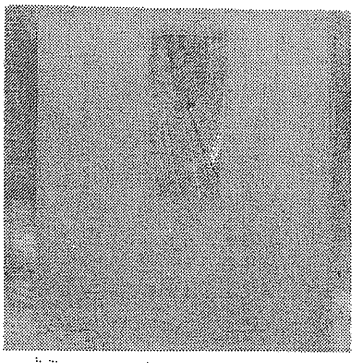

(...) Thoạt đầu tôi hoàn toàn bất ngờ khi đọc những lời "tự bạch" của anh về vụ làm báo hụt đó! Sau nghĩ lại... ờ, có chi mà bất ngờ, bởi trước đây đã ngờ ngợ, tự hỏi: Một người viết được như anh mà sao không bị tụi làm báo Việt ngữ ở bản xứ lôi vào, hay tự anh sao không "đẻ" ra một tờ báo? Câu chuyện anh vừa kể thật bổ ích và cảm động! Là người cũng đã từng "thai nghén", "vượt cạn" và góp phần nuôi nấng một tờ báo, tôi hiểu lắm chứ cái tâm trạng của anh và của anh bạn Y đó.

Đau xót cho *Tiếng Dân*! Nếu ra được, với chủ bút là anh, rồi nó sẽ góp giọng được trước đời. Tôi càng giận anh - kẻ thiếu cái "máu hành động". Dân Việt này, bởi thế, số còn khổ nếu như còn nhiều kẻ-có-chữ mà lại như anh (Năm mới năm me, nhà nghèo, xin được lấy mấy lời "chửi yêu" làm lì xì). *Tiếng Dân* coi như đã "9 tháng 9 ngày": khâu lên khuôn, trang trí và in ấn chỉ còn là cú "rặn" cuối cùng của lòng dũng cảm ở người từng thai nghén mộng làm báo tự lập khi được hân hưởng quyền tự do. Vâng, biết rồi... ở bên đó "những câu niệm chú của thầy Đường Tăng" vẫn còn hiệu nghiệm, vậy mà cứ muốn viết cho anh rằng: "hữu trách" quá, ơi các sĩ phu Bắc hà choai choai!

Cho tới chảy hàng nước mắt, bằng lá thư này, khóc một-tờ-báo-vì-tự-do đã chết trước khi chào đời đó...

Hãy làm một bài học cho những người Việt từng ở Đông Âu và Liên Xô cũ: cần viết ra, kể ra... câu chuyện đó; đừng để cái *Tiếng Dân* ấy ngậm cười nơi chín suối! Một đề nghị thế này (...)"

4- *Trích Lá thư thứ ba*

"Moscow, 17-3-94

Anh N. thân mến,

(...) Về vụ anh có nhã ý dựng *Tiếng Dân* dậy: tùy nghi xử lý. Tôi xin nói thêm vài ý.

(...) Anh ấy là người có tính bốc đồng dù khoáng đạt, nên *Tiếng Dân*, nếu ra được, có lẽ cũng không bền.

Báo chí của người Việt Đông Âu ra đời là để *phục vụ lợi ích của cộng đồng Việt ở nước sở tại*. Đó là lý do ban đầu. Và mọi thứ chốt là từ đó mà ra cả. A là xứ sở an bình, vậy làm một tờ báo (không thuần túy văn hóa, văn nghệ) thì có phải là quá nóng vội, là chưa chín muồi không? Vả lại, làm báo rồi để làm gì tiếp đó? Tôi rất tán đồng với ý của tay N.V.V. ở tờ *Tiếng Nói* bên Bungari. Sau khi báo đó bị giải thể, tay này còn viết cho tôi hai thư nữa. Theo hắn, nếu làm báo chỉ là để theo phong trào thì sẽ không thọ lâu. Trường hợp *Tiếng Nói* của hắn ta là gần như thế! Họ chưa đến nỗi hết sạch tiền, nhân lực và cái để viết, nhưng lại bế tắc với câu hỏi: "Tiếp sau như thế nào?" Vì thế, bọn hắn bị "chết", theo tôi là... rất đẹp! Nói thế hơi... "phản động" một chút, phải không anh?

Về bản thân, tôi không phải là kẻ "dũng cảm"; ngược lại, rất nhút nhát nữa là khác! Nhưng mà *cái sợ* của tôi hồi ấy là *sợ sự thờ ơ, lãnh đạm* của dân ta. Tôi không sợ thất bại, tôi chỉ sợ rằng chẳng ai thèm để ý đến tờ báo đó! Chứ nếu như biết chắc được người ta sẽ chửi rủa, đại loại: "Đứa nào viết thối thế? Không chịu nổi!" thì tôi cũng sẽ quyết tâm. Bởi như thế là chúng tôi đã đạt được mục đích "khuấy động mặt hồ phẳng lặng trong cuộc sống tinh thần của người Việt tại A". Y rất tâm đắc với ý này khi hắn cho vào mục "Cùng Bạn Đọc" của *Tiếng Dân* số 1 mà đã không bao giờ ra đời!

[Các bạn khác] đã trở thành những công dân rất có ích cho thế hệ Việt Nam thời "hậu cấm vận" với sự chí thú làm ăn, điền viên bên vợ con của mình, chắc chẳng còn ai nhớ đến cái "thời xa vắng" về... "lầm lỗi" ấy!

Đọc những điều trên, hẳn anh sẽ bảo là tôi biện hộ cho bản thân, cho Y cùng các bạn khác?

Tôi cũng đau vì ý định của mình cuối cùng không thực hiện được. Nhưng cái gì đến, thì sẽ đến. Chẳng nên buồn bã làm gì! Thú thực, trước khi quyết định xì tốp (lúc mà tôi còn trơ trọi một mình với đống bản thảo, bài vở dở dang), tôi đã tự làm một quẻ Dịch. Và kết quả hết sức tồi tệ. Vậy ra, Trời đã muốn cho bọn tôi thất bại? (...)"

## III- Thay Cho Lời Kết:

Trích bài "Tìm hiểu di ngôn: không thành công, thì thành nhân" (Lê Đình Thuyên, báo *Sao Trắng* số 4, 3/94)

(...) "Đảng trưởng [Việt Nam Quốc Dân Đảng] Nguyễn Thái Học phát biểu kết thúc: "Cổ nhân bảo: cần phải đứng trước chỗ không thua"; nhưng chúng ta đã đứng ở trước chỗ thua mất rồi! thời thế không chiều ta, bất động là tự sát, là dần dần sẽ bị tiêu diệt! Dầu cho tổng khởi nghĩa có thất bại, chúng ta có chết đi, chúng ta cũng để lại cái gương hy sinh chiến đấu vì đại nghĩa cho người sau nối bước: Không Thành Công, Thì Thành Nhân! chúng ta còn chần chờ gì nữa?

Và cuối cùng Đảng trưởng Nguyễn Thái Học lấy quyết định tổng khởi nghĩa vào ngày 10-2-1930, với tuyệt đại đa số thành phần tham dự hội nghị ngày hôm ấy (21-1-1930).

(...) "Trước hết vế trước của di ngôn "Không Thành Công", thì chắc chắn không ai có thể hiểu sai lệch hay thắc mắc gì (...). Còn vế sau của di ngôn "Thì Thành Nhân", thông thường và hầu như tuyệt đại đa số hiểu chữ Nhân đây nghĩa là Người. Giải nghĩa đầy đủ nguyên âm cho dễ hiểu, dễ nhận là: không thành công thì cũng thành người; hay là: không thành công, thì cũng nên người. Đó là một sự nhầm lẫn đáng tiếc ngoài ý muốn, song thông cảm xét ra cũng có thể tương đối chấp nhận được (...). Nhưng hiểu như trên quả là nghĩa hẹp (...). Chữ Nhân trong vế sau của di ngôn "Thì Thành Nhân" ở đây có nghĩa là Hạt Giống, là Mầm Mống; nói rõ hơn là Hạt Giống Cách Mạng Dân Tộc, là Mầm Mống Quật Khởi Bất Khuất của dân tộc Việt Nam bị áp bức, bị thống trị." (...).

*15-5-1994*

## Chú thích:

(1) Một số địa danh, tên người, tên hội đoàn, tờ báo... Nêu trong các lá thư ở bài này được viết tắt hoặc viết ẩn, vì các lý do mà bạn đọc chắc sẽ dễ dàng cảm thông.

(2) Những chữ trong ngoặc vuông [] của người biên soạn để làm rõ các ý không được trích dẫn.

(3) Ở Hoa Kỳ, khoảng đầu năm 1992 cũng có tờ báo Việt ngữ với tên này.

# LỖ ĐEN:
## QUÁI VẬT ĂN THỊT ĐỒNG LOẠI

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

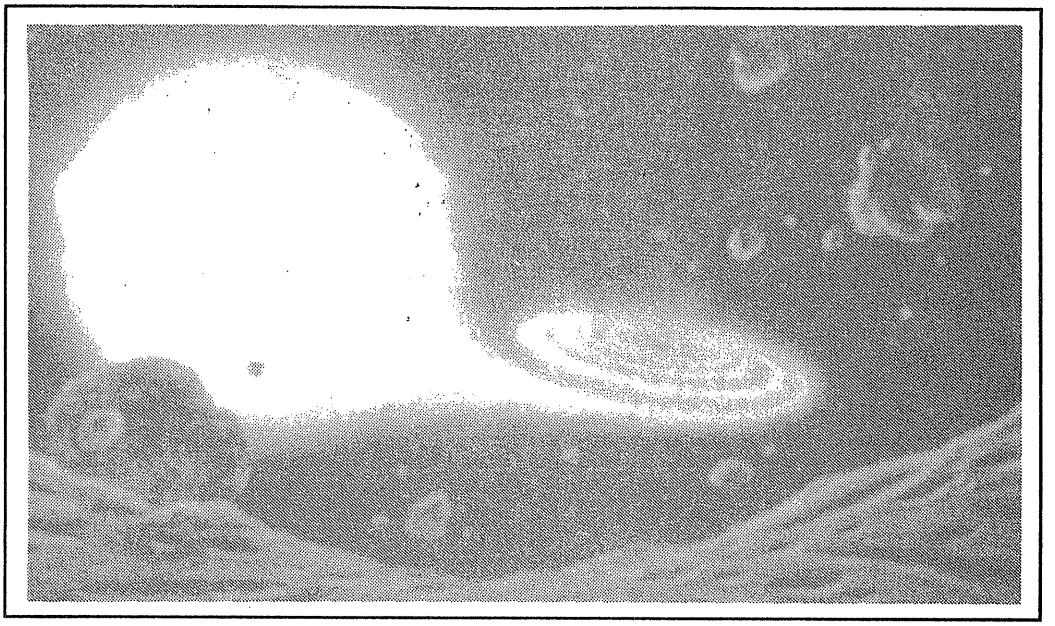

Quái vật ăn thịt đồng loại trong vũ trụ.

Trung tuần tháng 5-1994, viễn vọng kính Hubble bay trên quỹ đạo Địa Cầu, đã xác nhận được sự hiện diện của một lỗ đen khổng lồ (super-massive blackhole), như vậy đã kết thúc được cuộc tìm kiếm, lục soát trên mọi góc trời vũ trụ của các nhà thiên văn để chứng minh cho bằng được là quả thật có lỗ đen như lý thuyết trước đây đã tiên liệu.

Sau khi được điều chỉnh "cặp mắt" trên quỹ đạo, Hubble đã có thể nhìn thẳng vào nội tâm của một ga-lắc-xi khổng lồ đặt tên là M.87 trong chòm sao Virgo (Tử vi Tây phương gọi là Xử Nữ) ở cách xa Địa Cầu 60 năm ánh sáng. Mỗi năm ánh sáng là khoảng 5.800 tỷ dặm. Chính ở trong giữa thiên hà M87 này, Hubble đã chụp hình được một lỗ đen. Nói theo kiểu các nhà trinh thám tây phương, Hubble đã nắm được khẩu súng còn bốc khói (smoking gun), một tang chứng còn nóng hổi để trình Tòa rằng quả thật đây là thủ phạm.

Như chúng ta đã biết theo lý thuyết khoa học, lỗ đen là một ngôi sao đã tắt ngủm, nhưng bị co rút lại, đến độ có vật chất nén vào nhau dày đặc, tạo thành một lực hấp dẫn ghê gớm, khiến ánh sáng cũng bị thâu hút trở lại không thoát ra ngoài được, thành ra vật đó thành tối om, nên giới khoa học mới đặt tên nó là lỗ đen.

Nhưng nếu đã là lỗ đen, tại sao thiên văn kính Hubble còn chụp được hình?

Chúng ta hãy phớt qua trở lại lịch sử của từ ngữ "lỗ đen."

### Một cái dĩa rực lửa xoáy tròn

Từ hơn 200 năm trước đây, năm 1783, một triết gia thiên nhiên học của Anh, ông John Michell, đã lý luận rằng một ngôi sao lớn, có thể bị nén chặt đến độ sức hút của nó khiến không có vật gì bay ra ngoài được, kể cả ánh sáng. Ý kiến này không được chú ý đến lắm.

Nhưng vào đầu thế kỷ này, năm 1915, khi nhà bác học Albert Eisntein đưa ra thuyết tương đối tổng quát chủ yếu nhằm giải thích hiện tượng hấp dẫn, các phương trình toán học của ông trong lý thuyết này đã đưa đến

một hiện tượng không thể tránh — mặc dù chưa ai nhìn thấy, và cả một số các nhà bác học đương thời cũng dè dặt đặt nghi vấn. Đó là hiện tượng "điểm dị" (singularity) trong vũ trụ, nơi mà một ngôi sao tự nó hút nó co cụm lại, và theo bài toán, khi đến tận cùng nó chỉ còn là một chấm nhỏ, nhưng có một sức hút ghê gớm, vì khối lượng tuy thu nhỏ, nhưng tất cả sức mạnh của nó còn y nguyên.

Thuyết tương đối của Einstein càng ngày càng phát triển với những thử nghiệm và được công nhân là đúng, trong khi đó dụng cụ khoa học cũng được hiện đại hóa để có thể quan sát được tinh vi hơn. Thuyết ngôi sao co cụm lại thành lỗ đen càng ngày càng được tin tưởng và năm 1969 nhà bác học Mỹ John Wheeler chính thức đặt tên cho điểm dị đó là black hole (lỗ đen). Từ ngữ này từ đó được giới khoa học sử dụng và trở thành quen thuộc.

Nhưng trên thực tế, các nhà bác học biết lỗ đen đâu có phải là... đen ngòm. Các nhà bác học như Stephen Hawking và Penrose đã lý luận về "chân trời biến cố" quanh lỗ đen, và vì lỗ đen thâu hút các vật chất, nên tự nhiên ở xung quanh nó phải bùng sáng, giống như một lò bát quái trong không gian.

Từ khoảng thập niên 60, cuộc săn lùng lỗ đen bắt đầu trở thành một phong trào hoạt động rất tích cực trong các giới thiên văn. Người ta đã thấy có những nơi khả nghi là lỗ đen khi nhìn thấy ở đó vật chất xoay tròn và loè sáng. Người ta cũng nghi ở nhiều trung tâm của các thiên hà đều có những lỗ đen khổng lồ.

Lý thuyết về cơ học thiên thể và sự hấp dẫn (gravity) cho thấy là khi các vật chất trong vũ trụ (các đám tinh vân, các ngôi sao, hành tinh hoặc các thiên thể khác) bị hút vào một nơi, thì cũng giống như nước trong cái bồn rửa chén (sink) ở nhà bếp, khi mở lỗ thoát nước, nước bị xoáy tròn rồi hút vô lỗ thoát. Tình trạng vật chất ở xung quanh lỗ đen cũng như vậy, nó bị xoáy tròn với tốc độ 1.2 triệu dặm một giờ.

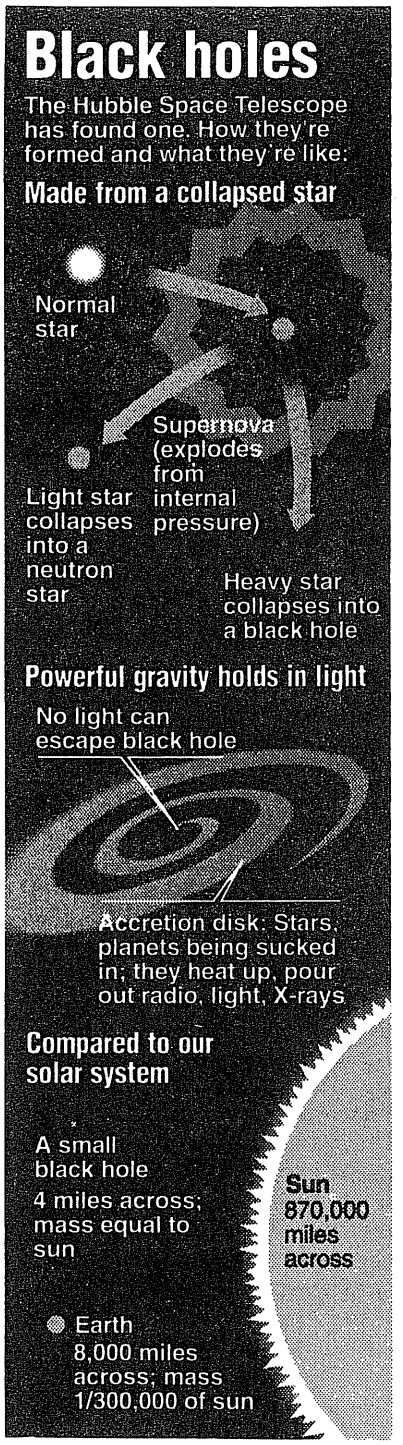


a) Ngôi sao sụp đổ biến thành sao trung hòa tử hay lỗ đen.

b) Đĩa đầy lửa, các bức xạ kinh hồn đang xoay quanh lỗ đen.

c) Mặt trời so với quả đất.

Trước khi bị hút vào lỗ, mọi thứ vật chất bị xoáy như vậy sẽ thành hình một cái đĩa dẹt, từ ngữ khoa học gọi là accretion disk, và cũng như nước xoáy trong bồn rửa chén, giòng nước xoáy chỉ có một chiều là quay tròn và tiến dần vào cái hố không đáy ở giữa.

Xung quanh lỗ đen có một cái màng như một trái cầu vô hình do toán học đặt ra gọi là chân trời biến cố (event horizon). Chạm vào đây và lọt vào bên trong trái banh tròn chân trời biến cố này, mọi thứ vật chất coi như đã từ giã vũ trụ, nó biến tiêu vào nơi "vô thiên vô địa," tức là cái lỗ đen ngòm ở giữa. Nhưng trước khi bị trút vào cái hố đó, dù là sao, hành tinh, tinh vân hay cả thiên hà nữa, mọi vật chất chen chúc, xô đẩy nhau, sự ma sát thật ghê gớm, tạo ra một cái đĩa "accretion disk" cũng giống như một cái bánh dẹt, với lửa, hơi, các bức xạ ghê hồn bắn ra ngoài, khiến ở xa hàng chục năm ánh sáng, người ta thấy quả thật đây là một thứ lò bát quái của vũ trụ. Bởi vì trước khi chạm phải ranh giới của chân trời biến cố, mọi thứ bức xạ như ánh sáng, quang tuyến X, tia gamma v.v... vẫn còn có thể thoát ra ngoài. Chỉ khi nào đi vào bên trong trái cầu vô hình chân trời biến cố, mọi sự bức xa ra ngoài mới bị chấm dứt hẳn: nó đã bị lỗ đen kéo vào nơi vô thiên vô địa rồi.

Tại sao gọi là vô thiên vô địa? Bởi vì ở đây mọi định luật thông thường của vật lý sụp đổ, dù là vật lý tương đối tính hay vật lý lượng tử. Đây cũng là nơi không gian và thời gian biến tiêu luôn.

Và từ hai "cực" của vật gọi là chân trời biến cố của lỗ đen, các tia khí, hơi và bức xạ với tốc độ khủng khiếp đã vọt ra ngoài, dài đến 4000 năm ánh sáng (xin nhắc lại một năm ánh sáng bằng 5.800 tỷ dặm, tức khoảng 9.000 tỷ cây số). Tia vọt ra đó xuyên luôn cả thiên hà M87, khiến các nhà thiên văn quan sát thiên hà này, từ chục năm nay đã nghi rằng ở chính giữa M87 là một lỗ đen khổng lồ.

## M87 có 1000 tỷ ngôi sao

Từ lâu nay, các nhà thiên văn trên Địa Cầu chú ý đến thiên hà

M87 trong chòm sao Xử Nữ, bởi vì đây là thiên hà rất lớn, cách chúng ta tương đối gần, chỉ có lối 60 triệu năm ánh sáng mà thôi.

Hình dạng M87 giống như một trái banh bầu dục. Thiên hà của chúng ta, gọi là giải Ngân hà (Milky Way) có lối 400 tỷ ngôi sao, nhưng thiên hà M87 chứa đến hơn 1000 tỷ ngôi sao.

Ngày nay, nhờ kính thiên văn Hubble bay trên quỹ đạo, các nhà thiên văn có thể dòm thấy và chụp hình được rất rõ ở ngay trong ruột của M87, nhờ đó người ta mới thật sự nắm được bằng cớ của lò cừ bát quái gọi là lỗ đen nằm ở chính giữa.

Và cũng nhờ nhìn được rất rõ, quan sát và theo dõi, người ta đã tính được tốc độ giòng vật chất bị cuốn quanh lỗ đen là 1,2 triệu dặm một giờ. Từ đó người ta tính được khối lượng của lỗ đen của M87 "nặng" bao nhiêu "kí".

Làm thế nào tính được? Môn cơ học thiên thể của vật lý cổ điển Newton đã có những đẳng thức toán học sơ đẳng từ ba trăm năm nay, giúp các nhà thiên văn, nếu đã biết được tốc độ của Địa Cầu và của các hành tinh xoay quanh Mặt trời, là có thể tính được khối lượng của Mặt trời. Bởi vậy khi biết được tốc độ vật chất xoay quanh lỗ đen như một cái bánh xe đầy lửa xoay tròn, người ta đã tính được khối lượng của lỗ đen ở M87.

Khối lượng đó bằng từ 2 đến 3 tỷ lần khối lượng Mặt trời của chúng ta, nhưng nó đã bị nén ép vào thành một lỗ đen lớn chỉ bằng Thái Dương hệ. Thái Dương hệ này ví như một trái cầu tròn, có đường bán kính lối 6000 triệu cây số.

Ở đây thiết tưởng cũng nên làm vài tỷ dụ gần gụi với chúng ta nhất, để dễ bề ước lượng tầm cỡ của cái lò cừ trong M87 như thế nào.

Địa cầu của chúng ta có đường kính 8.000 dặm, còn Mặt trời có đường kính 870.000 dặm. Khối lượng của Mặt trời lớn gấp 300.000 lần khối lượng của Địa Cầu. Vậy so sánh ra sao?

Khối lượng Mặt trời lớn như vậy, nhưng nếu nó bị co lại thành một lỗ đen, thì lỗ đen đó cũng chỉ là một trái cầu có đường kính 4 dặm.

Còn nếu giả ví thử Địa cầu của chúng ta có thể thu lại thành một lỗ đen, nó cũng chỉ lớn bằng một... hòn bi cho con nít chơi mà thôi.

Nhưng quan sát mới nhất ở lỗ đen trong thiên hà M87 khiến các nhà thiên văn đã có thể khẳng định rằng vũ trụ có nhiều lỗ đen, có tầm cỡ lớn nhỏ khác nhau và trong một số lớn thiên hà, rất có thể đều có lỗ đen nằm giữa. Thiên hà được gọi là galaxy, và hiện nay người ta mới chỉ đếm được lối 100 tỷ galaxy trong vũ trụ.

Thế còn galaxy Ngân hà của chúng ta thì sao? Người ta chưa thể xác quyết rằng trung tâm Ngân hà có lỗ đen, mặc dù cả trăm năm nay, các nhà thiên văn đã biết rằng ở chính giữa Ngân hà có một khối sao chi chít tụm lại thành một đống lớn.

Trở lại thí dụ nói trên, nếu Địa Cầu thu lại thành một lỗ đen bằng hòn bi và nếu xung quanh nó có sẵn sàng vật chất để nó hút vô, thì năng lượng của nó tỏa ra cũng bằng năng lượng của Mặt trời.

## Còn nhiều bí mật về lỗ đen

Sự quan sát hiện tượng lỗ đen ở thiên hà M87 còn tiếp tục và có thể còn rọi thêm nhiều tia sáng hiểu biết hơn nữa về các biến cố lạ lùng này trong vũ trụ. Bởi vì dù nó đã được phát sinh từ những suy luận của các triết gia khoa học cách đây hai thế kỷ, dù đã được xác định bởi các lý thuyết khoa học của Eisntein và từ ba chục năm nay, khoa thiên văn học đã dồn nỗ lực nghiên cứu để hiểu biết thêm rất nhiều về lỗ đen và đưa ra những giả thuyết đã được chứng minh bằng quan sát, lỗ đen vẫn còn chứa nhiều bí mật thôi thúc sự tò mò của các giới khoa học vật lý vĩ mô và vi mô.

## Câu hỏi đầu tiên vẫn là lỗ đen phát sinh từ đâu?

Theo các lý thuyết hiện nay được coi như đúng trong hầu hết các giới khoa học nghiên cứu về vấn đề này, lỗ đen phát sinh từ một ngôi sao sụp đổ, nghĩa là sao đến lúc chết và tắt ánh sáng rồi co cụm lại.

Một ngôi sao sáng, sau hàng tỷ năm, "cháy" hết nhiên liệu của nó qua các chu kỳ phản ứng hợp hạch (fusion) và hết sáng. Lúc đó các vật chất nặng trên ngôi sao sẽ sụp đổ, nghĩa là hút vào với nhau theo luật hấp dẫn. Đây là hiện tượng "nổ vào bên trong" (implode) để tạo ra một "siêu sao mới" (supernova).

Nếu là sao loại nhẹ, sự sụp đổ này sẽ biến nó thành sao "trung hòa tử." Nếu là loại sao nặng, nó sẽ biến thành lỗ đen. Lý thuyết cũng xác định rằng một ngôi sao nặng, lớn gấp 10 lần Mặt trời của chúng ta, khi sụp đổ sẽ biến thành lỗ đen.

Nhưng đây vẫn chỉ là lý thuyết, dù được mô tả rất hợp lý bằng các phương trình toán học, nhưng trên thực tế, loài người chưa hề được chứng kiến một trình tự sụp đổ của ngôi sao không diễn ra trong phút chốc, một ngày, một tháng, hay một năm. Nó có thể kéo dài trong cả... triệu năm. Con người chỉ nhìn thấy giai đoạn chót là sao loè sáng trong hiện tượng "siêu sao mới" mà thôi.

Vào cuối tháng 5 năm 1994, một nhà thiên văn của cơ quan NASA, bà Sally Heap, loan báo các nhà khoa học đang theo dõi một ngôi sao khổng lồ, ở cách xa Địa Cầu 169.000 năm ánh sáng, trong một khối sao nhỏ nằm sát cạnh giải Ngân Hà của chúng ta. Ngôi sao này hiện lớn gấp 60 lần Mặt trời và hiện đang ở trình tự co cụm, cứ một triệu năm khối lượng của nó lại co lại khoảng 20 lần Mặt trời. Đây là một trình tự sụp đổ quá mau lẹ, nhanh hơn đến tám lần theo lý thuyết tiên đoán.

Một câu hỏi khác nữa được nêu ra là nếu lỗ đen đã hút hết mọi vật chất ở quanh nó, vậy còn các ngôi sao khác ở xa hơn có bị nó hút luôn không?

Câu trả lời là sau khi sơi tái các vật xung quanh, lỗ đen cũng sẽ đớp luôn các ngôi sao khác ở gần nó.

Tây phương có từ ngữ "cannibal" để chỉ những kẻ ăn thịt đồng loại. Kẻ ăn thịt người là giống người ghê tởm đã man ăn thịt đồng loại.

Lỗ đen cũng là một ngôi sao biến thành một thứ quái vật. Và nó cũng là một thứ "cannibal" của vũ trụ vì đã ăn thịt đồng loại. □

**SƠN ĐIỀN**
**NGUYỄN VIẾT KHÁNH**

# THỜI GIAN

## NGUYỄN QUỐC TRỤ

*The trouble with fiction is that it makes too much sense. Realty never makes sense.* A. Huxley. The Genius and the Goddess.

Vợ chồng người bạn qua đây từ năm 1982. Hai bà là bạn hồi nhỏ. Cùng tuổi. Tuổi hợi. Vậy mà số phận mỗi hạt mưa sa mỗi khác. Cùng quê. Cai Lậy. Nếu không có lần gặp lại nhau trên đất lạ quê người, chắc không một ai tự mình tìm về những ngày tháng cũ, ngôi trường thị xã, bạn bè ngày xưa, cùng những kỷ niệm thời con gái. Đốm than hồng ủ sâu dưới lớp tro than dầy đặc, món quà quý giá cả hai đồng ý cất giấu, kỹ lưỡng đến nỗi mỗi người chỉ còn nhớ được một nửa con đường lặn lội, giản dị hơn, đốm than hồng chỉ bùng cháy khi cả hai cùng nhóm lên, cùng nhìn vào ngọn lửa, và chỉ lúc đó cây gậy thần của bà tiên già hiền hậu mới trở nên hiệu nghiệm, nói rõ hơn, chỉ lúc đó họ mới thấy mình trở lại cùng với cây cầu, con sông, thị xã Cai Lậy ngày còn để chỏm, tóc xõa ngang vai, má chưa hồng còn hoen vết mực tím, hoặc vết bùn của một ngày lang thang hái bông, tìm trái bên ngoài khuôn viên trường học. Trong nỗi vui mừng gặp lại, họ còn may mắn tìm ra chiếc chìa khóa mở tung cánh vườn tuổi thơ. Mỗi người, trong lúc hiếm hoi, khi phải họa hoằn đối diện với nỗi cô đơn, niềm cầm lặng vô cớ, ngay cả chồng con, hạnh phúc gia đình cũng không đủ vỗ về, an ủi, ngay cả những lúc như vậy, không một ai một mình kiên nhẫn, hoặc can đảm thả từng cánh hoa xuống lòng giếng sâu là hồn mình để rồi hồi hộp, âu lo, mơ hồ lắng nghe tiếng vọng của một thời đã mất.

Nhìn hai bà ríu rít, bận rộn, chúng tôi như thấy mình ở hai bên đầu của cùng một đoạn đời:

Tôi biết Cai Lậy khi chiến tranh chưa đến hồi ác liệt và Sài Gòn là nơi được tạm thời bỏ quên. Còn anh N, khi cả miền Nam không còn nơi nào yên ổn, và Cai Lậy là một phong vũ biểu, phần đất nhạy cảm nhất cho biết hướng đi của cơn bão tố.

Lần đầu tiên, khi tôi xuống xe đò, Cai Lậy đã xế chiều và đang tan chợ. Tôi ngu ngơ, lạ hoắc giữa phố thị đang cơn hối hả thu dọn. Khi đi ngang cây cầu gỗ, bất thình lình tiếng đại bác từ chi khu bắn đi. Tiếng nổ như sấm sét bên tôi. "Ầm" một tiếng. Chỉ một tiếng một. Không gian chao đảo, trời đất như đổi chỗ. Cây cầu gỗ run lẩy bẩy, như muốn rứt ra khỏi mặt đất. Mặt nước sông nhăn nhó, răn rúm... Chỉ tới phút đó, tôi mới bàng hoàng nhận ra là chiến tranh có thực, và những gì tôi tưởng tượng cũng đều có thực.

Như đoán được mối băn khoăn của chúng tôi, bà xã anh N bỗng đổi đề tài. Cả hai vợ chồng kể lại những ngày dắt díu mấy đứa nhỏ đặt chân lên đất Canada. Những bước đầu khó khăn...

*

"*Beau comme la nuit*... Đẹp như đêm, nhất là những đêm ngoài trời tuyết phủ trắng xóa, và bông tuyết vẫn không chịu ngừng rơi, cứ tiếp tục đùa nghịch với gió như thế này... Đã trên mười năm, vậy mà tôi vẫn chưa nhận ra hết vẻ đẹp của tuyết... Thật kỳ cục, tuyết làm tôi nhớ tới mấy hồn ma trong mớ truyện ngắn viết về Giáng sinh của Dickens... *You are about to show me shadows of the things that have not happened but will happen in the time before us*. Thời gian trước mặt chúng ta. Đừng chỉ cho tôi hình hài dĩ vãng mà là bóng dáng của tương lai."

"Tuyết đâu phải tương lai mà tụi này định chọn. Tụi này được tầu Tây Đức chiếu cố. Lúc còn ở đảo, bà xã bắt xài tiếng Đức miết. Qua đây thành tật!"

Anh N thích chuyện tếu, thơ Bút Tre. Anh giải thích:

"Ở đây, tiếng cười là biểu hiệu của hội nhập ở mức cao nhất. Nó không phải là khí giới của kẻ yếu, mà là dấu hiệu của sự khỏe mạnh."

Anh nói tiếp:

"Bà xã mình không ưa những ẩn ý nằm sau tiếng cười. Bà tìm ra một cách khác để tấn công lớp băng dầy phía trước nhà."

Tuyết. Tôi nhớ lại những ngày mới tới, Canada trong cơn lạnh khủng khiếp kể từ 140 năm qua. Mới đó mà đã ba tháng trời. So với bốn năm ở trại tị nạn. Năm năm xa Sài Gòn. Thời gian ở trước mặt...

"Thời gian lấy lại được là thiên đường đã mất. *Time regained is Paradise lost.* Lưu Nguyễn về trần ngu ngơ, lạ hoắc giữa đám người không quen biết. Rip Van Winkle sợ hãi la lên: Ở đây có còn người nào nhận ra tôi không... So với mấy người bị từ chối tư cách làm người, bị bắt buộc trở lại thiên đường, thê thảm cũng chẳng kém! Tôi nhớ tới anh chàng nhà quê trong truyện ngắn "Trước Pháp Luật", *Devant la loi*, của Kafka. Nhà quê ra tỉnh, Hai Lúa đứng trước

*La loi*, Pháp đình, nài nỉ, van xin người lính gác cho vô... coi xem sao. "Được mà, chờ chút xíu..." Chờ hoài, chờ hủy, hỏi thì vẫn một câu trả lời lấp lửng "Chút nữa đi, sắp tới lượt rồi..." Tới lúc ngất ngư anh chàng nhà quê vẫn chưa hết ngớ ngẩn: "Ủa, sao chỉ có một mình tôi?..." "Cửa này, cõi bên trong kia... là của riêng anh. Tôi đứng đây cũng chỉ vì anh... Nhưng bây giờ, anh đâu còn cần gì nữa..." Anh chàng nhà quê còn thấy xuất hiện qua cô gái đáng thương Evelyne cửa Joyce... Đến lúc chót được người yêu kéo lên tầu "vượt biên", cô gái nắm chặt hàng rào, mắt vô hồn nhìn sững... Cô không còn nhận ra khuôn mặt của người yêu! Hay người đàn bà trong truyện của Camus, tối tối lên sân thượng nhìn trời, nhìn sao. Viên sĩ quan trong truyện Le Désert des Tartares của Dino Buzatti, tình nguyện lưu đầy tại một đồn biên xa lắc, chờ hoài một cuộc tấn công không bao giờ xẩy ra của bộ lạc Tac-ta chưa hề hiện hữu... Đất Hứa hiển nhiên là có thật, nhưng con người đừng mong tới được, vì nếu chẳng may tới được, thì cũng hết đường trở về... Cứ ném hoài những cánh hoa nhưng đừng hy vọng tiếng vọng của một thời đã mất, bởi vì Thời gian mất đi chính là Thiên đường tìm lại được."

Ngừng một lát, anh N nói tiếp:

"Tụi này tuy lúc đầu cực thiệt, nhưng chưa bao giờ tỏ ra nuối tiếc những ngày ở Việt Nam. Đúng ra, tụi này mới khám phá thấy Canada mấy năm gần đây thôi. Nói rõ hơn, tụi này hiểu hội nhập theo nghĩa sống một đời sống Việt Nam tại xứ lạnh này."

"Anh N làm cho một công ty bảo hiểm, còn chị KA, một hãng mỹ phẩm Nhật. Toàn là sản phẩm của xã hội Tây phương, công việc làm đòi hỏi đầu tư thời gian tối mức tối đa, không có thì giờ dành cho cá nhân, gia đình. Đâu có gì liên can tới Đông phương, tới Việt Nam đâu?"

"Tụi mình đang nói tới một quan niệm về thời gian. Theo tôi, mọi quan niệm sống đều hàm ý một quan niệm về thời gian. Nói rõ hơn, thời gian là của người. Hữu thể và thời gian, đã có thời tụi mình đánh vật với nó, những năm học Văn khoa, Sài Gòn? Qua đây, mình cảm thấy như được 'giải phóng' khỏi cơn ác mộng về một *Last Judgment* do Cộng sản áp đặt cho con cái, những con người của tương lai ở trước mặt. Cái hay của một xã hội như Canada, hoặc Mỹ, mình không nói tới Cựu Lục Địa, là khả năng tự điều chỉnh, *auto regulation*, nhằm tránh thời kỳ quá độ, như Marx tiên đoán, đưa đến khủng hoảng hoặc phá sản. Hình ảnh con người đồng bộ anpha, bêta trong truyện của Huxley, người máy trong phim Charlot, cho thấy nỗi khủng khiếp khi con người phải chạy đua với thời gian. Xã hội Tây phương ngày nay đang có khuynh hướng đi ngược lại, với cố gắng bắt thời gian chạy theo con người. Những tiến bộ trong ngành *computer* làm cho con người có thể ở nhà thay vì tới sở làm việc. Nhưng con người là con người đối với một con người khác. Do đó xuất hiện những mạng lưới *computer*, những *business* theo kiểu *network*. Xã hội Tây phương bây giờ theo tôi, là những tiểu bộ lạc trong một bộ lạc. Hãng mỹ phẩm nơi bà xã mình làm việc, là một tiểu bộ lạc Đông phương trong một bộ lạc Tây phương. Nói rộng hơn chút nữa, *computer* là một sản phẩm Tây phương, nhằm hoàn thiện một giấc mơ Đông phương: Hòa giải thiên nhiên và con người. Hòa giải cuộc chạy đua giữa con người và thời gian."

*

"*In my end is my beginning*.. Thời gian ở trước mặt! H này! Làm sao mình có thể nói cho mấy đứa nhỏ hiểu, mình đã tạo nên chúng bằng những ước mơ của cả hai đứa mình cộng lại? Làm sao nói cho chúng hiểu, khi nhìn vào cặp mắt trong sáng ngây thơ của chúng, mình thấy phản chiếu hình ảnh của cây cầu, con sông Cai Lậy..." ■

*14-4-94*

HỒ ĐẮC VŨ

# NỖI ĐAU

**Có nỗi đau**
**Trôi như cơn gió**
**Lãng quên**
**Có nỗi đau**
**Trốn vào hững hờ**
**Biến mất**
**Có nỗi đau**
**Lao xao trước mặt**
**Bồng bềnh**
**Rồi cũng qua.**
**Nhưng, nỗi đau nào**
**Hiện hữu dưới thịt da**
**Thút thít cùng đất lạ**
**Đời dài không qua khỏi**
**Đêm gọi**
**Về xa xăm.**
**Nỗi đau còn đó, nằm im**
**Sau cơn say, sau nụ cười.**
**Nỗi đau**
**Của ta, của người.**
**-Quê Hương**

*7 tháng Tư 94*

# ĐÔI ĐIỀU GHI NHẬN VỀ HỌA SĨ NGUYỄN PHƯỚC

HUỲNH HỮU ỦY

Ngày còn ở trong nước, tôi thường có thói quen viếng thăm xưởng vẽ của những người bạn họa sĩ, thói quen ấy là một cái thú đặc biệt, vài tuần mà chưa trở lại một studio nào đó là như thấy thiếu vắng cái gì. Xưởng vẽ của Nguyễn Phước từ bao nhiêu năm rồi đã trở thành một cái gì thân thuộc, với cái hấp lực rất đặc biệt, mặc dù rất lặng lẽ, tịch tĩnh và đối với tôi luôn luôn là một bí ẩn kỳ lạ.

Ít có một họa sĩ nào như thế, trong cái không gian nhỏ bé chỉ hơn trăm mét vuông, anh dựng nên một thế giới riêng biệt, tươm tất, tinh sạch. Tranh của anh có lúc rất mạnh với lửa, mặt trời, thủy triều và màu đỏ hung hãn, nhưng trong xưởng vẽ ấy thì lúc nào cũng mang lại cho người đến thăm viếng một sự bình an, yên tĩnh lạ thường. Nơi ấy, ngồi uống những chén trà trong buổi nhàn đàm thực là tuyệt diệu. Những tách trà lúc nào cũng tinh sạch, không một vết bụi, dù đó là một cái tách men sứ trắng tinh đến từ phương Tây, hay là một chén trà nhỏ hạt mít men xanh lam đời Thanh, hay ngay cả là cái chén gốm thô mộc do chính anh làm. Ngồi uống trà ngay trên sàn nhà, cạnh một hồ nước nhỏ bên trong nhà. Hồ nước nhỏ ấy do chính tay anh làm, trồng những cây cỏ nhỏ, nuôi rêu phong, thả vài con cá bé tí teo tung tăn bơi lượn, rất riêng biệt của Nguyễn Phước, không phải là non bộ, giả sơn như cung cách trước đây người ta vẫn làm, không phải là bonsai và càng không phải là đá và thác nước của phương Tây. Vậy mà thực là kỳ lạ, chút cây cỏ, dương xỉ và rêu xanh ấy lại giúp cho chúng ta cảm giác thanh thản như đang hòa mình vào thiên nhiên rộng lớn bên ngoài, một thứ thiên nhiên thực sự là thiên nhiên, chưa có chút ô nhiễm vấy bẩn nào. Cũng có lúc những người khách của chủ nhân được mời dùng trà bên một cái bàn gỗ thấp, ngồi trên mấy cái chõng tre nhỏ thực xinh xắn. Và ngồi ở chỗ nào thì cũng thế cả, đều rất nhẹ nhàng, khinh khoái. Nơi xóm Chi Lăng- Phú Nhuận ồn ào xa mã ấy, vậy mà bước vào nhà Nguyễn Phước, đóng cửa lại, là chúng ta sống hẳn ở một thế giới khác. Giữa cái xô bồ của giới nghệ sĩ, có lẽ Nguyễn Phước là người duy nhất sống và làm việc trong không khí riêng tư lặng lẽ ấy. Cái tinh sạch, tươm tất, tử tế, rất giản dị ấy, sẽ dẫn chúng ta đến thế giới nghệ thuật của Nguyễn Phước, nghiêm trang, cẩn trọng, và chu đáo. Màu sắc của Nguyễn Phước bao giờ cũng rất tinh sạch, trong vắt, không có chút nào cáu bẩn, dù là để mô tả một vết cáu bẩn cũng vậy.

Cách đây khoảng hơn 25 năm, lúc còn trẻ hơn thì có khác đôi chút, ồn ào hơn đôi chút, thời của sự hung hãn, nhào lộn trên những tảng màu trừu tượng, những đường nét uốn lượn đôi lúc rất thô, những vệt màu cứng cáp, mạnh khỏe và thách thức, nhưng dù là như thế thì lúc nào cũng rất mịn màng, tinh tế. Trải qua bao nhiêu cuộc biển dâu, đời sống thay đến độ khốc liệt, và vào các năm ở đỉnh cao của sự khốn khó 1978-80, khi bao nhiêu họa sĩ tài năng đều trở thành thợ vẽ, cố bươn chãi để tồn tại thì tôi thấy Nguyễn Phước vẫn làm việc rất nghiêm trang, vẽ tranh với một thái độ chăm chút, cẩn mật và tranh của anh lúc nào cũng như có nói một điều gì đấy rất sâu thẳm bên trong. Tranh của Nguyễn Phước lúc nào cũng là hội họa thực sự, màu sắc và đường nét của anh có tiếng nói của nó. Những hình, nét và màu nói tiếng nói của nó, chứ không phải chỉ là tư tưởng lên tiếng.

Khi tranh sơn mài là một nhu cầu của thị trường vào các năm 80, Nguyễn Phước cũng không tránh khỏi làm tranh sơn mài, và chính vào giai đoạn đó, Nguyễn Phước đã đưa được vào trong nghệ thuật đương đại của chúng ta một phong cách mới của sơn mài, rất điêu luyện về kỹ thuật và rất hiện đại về bút pháp. Có thể đặt sơn mài của Nguyễn Phước bên cạnh sơn mài của Nguyễn Gia Trí để trưng bày hai phong cách sơn mài điển hình và tuyệt diệu nhất của nghệ thuật sơn mài Việt Nam.

Trong cuộc triển lãm mới nhất vào năm 1994 ở Sài Gòn với năm người bạn họa sĩ khác trong nhóm Hội Họa Sĩ Trẻ trước đây, anh đã nói đôi điều với người đến xem tranh: "Tôi vào đời rất sớm. Học trường Mỹ Thuật ở tuổi 13, lòng ham muốn mãnh liệt đã thôi thúc tôi vẽ không ngừng. Tôi đã làm đủ mọi nghề: vẽ chân dung, đồ họa, trang trí v.v... Ngoài việc học ở trường Mỹ Thuật ra, tôi đã tìm học ở những tác phẩm và một số ít sách vở hội họa nghèo nàn mà tôi có được quanh quẩn ở Sài Gòn.

Cuộc sống thật là khắc nghiệt. Nếu không vì niềm vui lớn đang chờ đợi ở phía trước thì tôi khó vượt qua được những thất vọng và ngang trái. Tất cả khó khăn dần dần qua đi. Đôi khi tôi đã ném chúng vào tác phẩm của tôi, và vì lòng yêu nghề, tôi đã giải bày chúng như những chứng nhân một cách trật tự, công bằng và vị tha.

Tôi cũng yêu bầu không khí tĩnh lặng, cần mẫn ở xưởng vẽ. Nó ban cho tôi niềm vui trong lòng

Cô Dâu, sơn dầu, Nguyễn Phước

sau khi đem hết khả năng thể hiện những gì đẹp nhất qua tác phẩm. Nhìn ngắm tác phẩm đẹp mới vẽ xong là phần thưởng cao quý nhất mà tôi có được cũng như sự thanh thản và tự do" (*). Những lời lẽ thực thà này của Nguyễn Phước, tôi cho là rất đạt. Nói giản dị và sống cũng giản dị là một điều rất khó làm, vì cái giản dị bao giờ cũng là điểm tới sau cùng của mọi cái phức tạp, cầu kỳ. Mà hơn thế nữa, đằng sau cái giản dị của Nguyễn Phước, những điều làm được, nói cho chính xác ở đây, là các tác phẩm thực hiện được lại thực là đẹp, thanh, nhã, mênh mông và sâu sắc, hình thành từ cái giản dị kia thì quả là tuyệt vời, đáng cho chúng ta phải suy gẫm.

Nguyễn Phước theo đuổi nghề mỹ thuật rất sớm. Năm 1956, mới 13 tuổi, anh vào học trường Trang trí Mỹ thuật Gia Định. Năm 1960, tốt nghiệp trường Trang Trí, anh vào học tiếp Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn cho đến lúc ra trường năm 1965. Những năm theo học lúc tuổi còn nhỏ ở

trường Trang Trí, về sau này sẽ rất hữu ích cho con đường nghệ thuật suốt đời anh. Nó giúp cho anh chắc tay, đưa được cái khéo léo nề nếp của nghề thủ công vào nghệ thuật, đó chính là cái cơ bản kỹ thuật đáp ứng được cho những đòi hỏi lớn hơn của tâm hồn, của sáng tạo. Nghệ thuật cần cái tay và cái đầu. Xem thử trường hợp Salvador Dali thì chúng ta sẽ thấy ngay điều ấy. Họa sĩ Việt Nam, tôi thấy thường là được cái này thì mất cái kia. Ở Nguyễn Phước, anh có được cả hai ưu điểm ấy, tinh thông nghề nghiệp thì sẽ thành đạt trong sự nghiệp chỉ là chuyện dễ hiểu mà thôi.

Đang học ở trường Mỹ thuật, anh đã tổ chức được một cuộc triển lãm ở Phòng Thông Tin Đô Thành năm 1963; rồi sau đó là các cuộc triển lãm liên tục vào các năm 1965, 1966, 67, 70 tại cơ sở Pháp Văn Đồng minh hội trên đường Gia Long. Anh cũng tham dự vô số cuộc triển lãm chung với các tác giả khác như Triển lãm Mùa Xuân 1960, 61, 63, Triển lãm Mùa Thu 1962, Triển lãm Mỹ thuật Quốc tế ở viên đình Tao Đàn 1962, tham dự triển lãm thường niên của Hội Họa sĩ Trẻ Việt Nam 1966, 67, 73, 74; tranh treo thường xuyên tại ga-lơ-ri La Dolce Vita. Trước 1975, đã được Phủ Văn Hóa chọn để tham dự Triển lãm Mỹ thuật Quốc tế Tunis, 1969, Triển lãm Mỹ thuật lưỡng niên Paris lần thứ tư năm 1969, Triển lãm Mỹ thuật tam niên lần I, Ấn Độ năm 1968. Sau 1975, tham dự Triển lãm Mỹ thuật quốc tế Bảo tàng Quốc gia Singapore năm 1992, và cũng vào năm 92 đã tham dự chương trình Văn hiến Á Châu, phòng tranh Notices, cũng ở Singapore. Cũng nên biết thêm: trong cuộc triển lãm mùa Thu năm 62 do Văn hóa vụ tổ chức, anh đã được tặng thưởng huy chương đồng cho bức Con bò vẽ bằng bột màu, và trong kỳ Triển lãm Mùa Xuân 1963, được tặng thưởng huy chương bạc cho bức sơn dầu Quán tím, một huy chương đồng cho bức Nhà sàn (sơn dầu).

Từ phòng tranh đầu tiên cách đây đã hơn ba mươi năm, Nguyễn Phước đi qua nhiều thời kỳ và cho đến nay trông có vẻ như vẫn còn mải mê tìm kiếm chứ chưa chịu dừng lại. Anh đúng là một tài năng đặc biệt của nền nghệ thuật tạo hình Việt Nam hiện đại. Có nhiều biến chuyển, đi từ cực này đến cực khác và ở điểm nào Nguyễn Phước cũng đạt được những thành tựu lạ lùng. Ở mỗi thời kỳ, anh đều có những ấn chứng riêng, tỏa ra sự độc đáo đặc thù riêng.

Vào thời kỳ còn rất trẻ của những năm 1965, 66, 67, Phước cũng rớt vào cái tham lam, ôm đồm như bao nhiêu nghệ sĩ trẻ khác mới bước vào đời nghệ thuật, anh muốn chuyên chở hết cái ý thức của anh về cuộc đời, về con người và thế giới vào trong tranh. Mà lúc ấy, trào lưu tư tưởng hiện sinh cũng đang vây bủa thanh niên trí thức miền Nam, chúng ta có thể tìm thấy nhiều dấu vết ấy trong tranh Nguyễn Phước. Nó bày ra cho người xem cái ý thức về sự cô đơn, với hình ảnh con người méo mó trong hiện tại, về một thiên nhiên hoang vu bên ngoài. Thời kỳ này, tranh Nguyễn Phước hầu hết đều là vô hình dung, với nhiều màu vàng nâu, khác với màu xanh xám của Thái Tuấn hay xanh đen của Nguyễn Trung. Bức Âm thanh sa mạc trong phòng triển lãm tháng 10-1966, toàn là một màu vàng, chỉ chuyển đổi bằng sắc độ, vàng nhạt, vàng đất, vàng nâu sậm, vàng xanh đen, gợn lên những đường vạch chi chít, như muốn đưa chúng ta vào một miền đất mênh mông, hoang mạc, buồn thảm và vắng lặng.

Từ 1963 đến 1967, Nguyễn Phước đã đi qua ba chặng đường, từ biểu tượng, trừu tượng rồi chuyển đổi qua siêu thực. Bức Cô dâu vẽ năm 1966 có thể xem là điển hình của bút pháp siêu thực còn pha màu sắc biểu tượng, từ cái thực của cuộc đời anh đã làm cho nó biến dạng đi, sâu tối hơn, bí ẩn và thơ mộng hơn. Rồi đến năm 1970, anh lại đột nhiên trở lại với hội họa trừu tượng, những đường nét và các mảng màu được tinh lọc đến cùng, tế nhị, nhuần nhuyễn, mịn màng. Tôi còn nhớ một chút kỷ niệm, khi đưa anh bạn họa sĩ trẻ người Pháp tên là Thierry Arnauld (vẫn lang bang đi chơi hàng ngày với tôi ở Sài Gòn, với Huỳnh Kim Ngọc và Nguyễn Khắc Vinh) đến xem một phòng tranh của Hội Họa sĩ Trẻ bày ở La Dolce Vita, anh ta đã ngẩn ngơ trước một bức trừu tượng của Nguyễn Phước. Bức tranh rất giản dị, chỉ là hai mảng màu đỏ cắt vào nhau nơi một góc tam giác trên một tấm nền trắng, dễ gợi nên liên tưởng về hình thể một người phụ nữ khỏa thân như trong tranh Modigliani. Anh bạn họa sĩ trẻ ấy đã lui tới sau đó bao nhiêu lần để xem lại mãi tấm tranh ấy. Vào thời điểm này, một người bạn thân của Nguyễn Phước là nhà thơ Lý Minh cho rằng Phước đã bước vào con đường thiền tâm đằng sau những áng mây sắc màu của nghệ thuật trừu tượng. Nguyễn Trung- một họa sĩ tài năng mà cũng là một nhà viết tiểu luận nghệ thuật sắc bén - khi đi vòng quanh các phòng tranh, đã ghi chú trong sổ tay của mình một nhận xét của Lý Minh: "Nguyễn Phước đang đi vào thế giới của chính mình, của những cuộc đối diện đàm tâm và của những vị thiền sư già sau bức tường rêu bát ngát." Quả có nhiều phần đúng như thế, bởi vì với lối xử dụng màu một cách đạm bạc, cũng như với cách bố cục không gian rộng bao bọc quanh những chủ đề giản dị gần như lẫn vào trong không gian ấy, khiến người xem dễ nghĩ tới không khí của những bức thủy mạc thời Minh. Nguyễn Phước nói rằng anh cố gắng dẹp bỏ lý trí để đi tới cảm xúc thuần túy khi sáng tác, anh muốn quên sự hiểu biết và tri thức, để đi tìm con người thật của chính mình và thể hiện nó trên tác phẩm. (Lời phát biểu trong vựng tập triển lãm, tháng 10 năm 1970). Trên hai mươi bức tranh nơi phòng triển lãm này ở Pháp Văn Đồng minh hội, mà đặc biệt là những bức mới nhất có sắc xanh nhạt, gam màu lạnh, đã nói lên phần nào điều đó, và đã đưa người xem đến với thế giới trong sáng của tình cảm thuần phác, chân thật, giản dị và tự nhiên của anh.

Hội họa hiện nay của Nguyễn Phước chính là một tổng hợp những chặng đường trước kia anh đã trải qua. Ngôn ngữ biểu tượng, trừu tượng, và siêu thực đều rất hữu ích trong cách bày tỏ hiện nay. Quả là hết sức khó để tìm ra một tên gọi cho chính xác, nhưng

HUY TRÂM

# NHỚ ĐÊM NĂM-CĂN

**Đêm Năm-Căn ì ầm biển động**
**Đêm mù u đâu tỏ mặt người**
**Tôi vượt biển vô đây lẩn tạm**
**Thu mình thước củi còn tươi.**

**Cầu trong đêm tuần canh đừng xét**
**Nghe nhịp tim từng chập thình thình**
**Gió biển hú bấc đèn leo lét**
**Ai đường thôn? Có bước chân nhanh**

**Giữa canh khuya ầu ơ giọng hát:**
**"Hãy ngủ ngon! chớ ngại đường về"**
**Tôi khắc khoải trong đêm dài dặc**
**Trời tan sương — em dắt ra xe**

**Mười năm qua — kể từ độ ấy**
**Ơn nghĩa kia như đá đè vai**
**Đêm nay gió lay tôi tỉnh dậy**
**Vùng Năm-Căn biển sóng đâu đây**

12/93

có thể khẳng định ngay rằng bút pháp hiện nay của Nguyễn Phước là một tiếng nói rất độc đáo và đầy tính sáng tạo. Không phải chỉ là trong phạm vi hội họa Việt Nam, và ngay cả trong tình hình nghệ thuật thế giới, đặt Nguyễn Phước cạnh bất kỳ tác giả nào chúng ta vẫn nhận ra được bút pháp riêng biệt của anh. Nếu bút pháp là hình thái bên ngoài để chứa đựng thể tính bên trong, thì cả hai mặt phải tương ứng và hòa hợp với nhau mới có thể tạo nên một thứ nghệ thuật thực sự được. Ở Nguyễn Phước, với suốt một đời công phu nghiên cứu, nghiêm cẩn với cái đẹp, luôn luôn tu dưỡng đời sống nội tâm, lúc này rõ ràng là anh đã mang lại được cho chúng ta một cái gì đó rất hoàn thiện. Tranh của Nguyễn Phước vẫn cứ rất giản dị, với những không gian phẳng dẹt, những mảng màu trong, không chú ý đến kỹ thuật sáng-tối như tranh cổ điển, và như vậy tự nó là những quầng sáng tự tỏa ra ánh sáng, và thực lạ lùng là luôn luôn quyến rũ người xem một cách đầy huyền hoặc. Nghệ thuật của Nguyễn Phước hiện nay là loại nghệ thuật có hình (L'art figuratif), dù là hình ảnh không có thực đi nữa mà chỉ là ảo ảnh hay sản phẩm của trí tưởng tượng, nên rất dễ gần gũi với mọi người. Thế giới của Nguyễn Phước vẫn đầy vẻ kín đáo, sâu lắng mà rất giản dị và tự nhiên. Các đề tài, nội dung của tranh rất đơn giản nhưng dường như lúc nào cũng đưa chúng ta vượt qua cái trước mắt để tiến vào một đất đai mới. Đất đai ấy, dù là siêu hình, siêu thực, siêu nhiên chăng nữa, nhưng rõ ràng vẫn cứ là rất thực, bởi vì đó là cái thực của tấm lòng khát khao vươn đến cái đẹp. Không cần nhiều lời chú giải rườm rà, chỉ xem mấy tấm tranh mới gần đây như Chiều tàn cuối năm, Nhớ bài thơ Tỳ bà hành, Cúng thập loại chúng sinh, Tiếp nhận, Sợi tóc bạc, Tiếng vang, chúng ta sẽ cảm ngay được cái đẹp mênh mông anh mang lại. Bức Nhớ bài thơ Tỳ bà hành là ba mảng hình dẹt vẽ một nhà thủy tạ, một con ngựa trắng, một chiếc đàn tỳ bà hồng hoàng, ba mảng hình là ba cụm đơn lẻ nổi lên trên một tấm nền đen nhưng hơi bợt bạc vì có pha màu trắng, ba hình thể là ba tĩnh vật (ngay cả con ngựa cũng là tĩnh vật, vì nó giống như một con ngựa bằng gốm, chỉ còn là một tượng trưng hay biểu ý) hòa hợp nhau trong một thế giới tịch mịch toàn vẹn. Hay nói bức Chiều tàn cuối năm, với một thiếu phụ nằm nghiêng, lấy dọc theo chiều dài sau lưng, bên cạnh một cây đàn nguyệt trơ trọi. Tất cả đã rực lên trong ánh chiều tà cô tịch của một ngày cuối năm. Toàn bức tranh là một màu đỏ nhưng không đỏ rực vì đã pha nhiều màu trắng vào, làm cho ánh sáng không chói chang, mà như chìm lặng trong một bầu khí mênh mông xa vắng. Thực là hài hòa trong một tiết điệu giản dị mà sâu sắc biết ngần nào. Những suy gẫm về cái hư ảo, phù phiếm, biến đổi, những nỗi buồn dằng dặc của kiếp người, và lớn hơn hết là cái kỳ diệu của tự nhiên đã được Nguyễn Phước ghi nhận qua con mắt riêng thực tinh tế và tuyệt diệu. Nguyễn Phước đã tìm ra được cái hài hòa vô cùng sâu sắc giữa những điều rất đơn giản, bình dị. Cái giản dị, cũng có thể nói là một trong những chuẩn mực thẩm mỹ của Nguyễn Phước. Chính trên cái nền tảng giản dị ấy, anh luôn luôn nỗ lực tìm ra một đường lối riêng biệt của mình. Luôn luôn tự do trên giá vẽ, tự do thực sự theo nghĩa là độc lập trong bút pháp, không bị ràng buộc với quá khứ cũng như với chung quanh. Một lời nói thêm để kết thúc bài viết, ở SàiGòn hiện nay, chúng ta rất may là có hai nơi giữ gìn rất nhiều tranh quý của Nguyễn Phước, thứ nhất là Đại Chủng Viện Cường Để với những tác phẩm gợi hứng từ đề tài tôn giáo, và một nơi khác nữa là bà Quỳnh Nga, nhà sưu tập đã có con mắt rất tinh, nên đã giữ được biết bao nhiêu là tranh quý của Nguyễn Phước, chính nhờ những nơi như vậy mà về sau này chúng ta sẽ còn nhiều tác phẩm quý, không để bị thất lạc hầu hết ở nước ngoài. □

*Garden Grove, tháng 8, 1994*

(*) In trong vựng tập "36 tác phẩm mới Trịnh Cung, Đỗ Quang Em, Nguyễn Lâm, Nguyễn Phước, Hồ Hữu Thủ. Bảo tàng Mỹ thuật TP Hồ Chí Minh, 1994"

# KHOA TRƯỞNG BIẾT ĐÁNH MÁY

## NGUYỄN ĐÌNH-HOÀ

Giữa mùa thu 1957. Khuôn viên trường Trung-học Petrus Ký với những tòa nhà ba tầng mái ngói cũ-kĩ rêu xanh, những cây phượng- vĩ đỏ chói, đang im lặng dưới một bầu trời xanh ngắt với vài đám mây trắng như bông. Văn-phòng Trường Đại-học Văn-khoa Sàigòn, cũng như các lớp học tạm thời nằm trong khuôn-viên đó, cũng đang im lặng, trừ tiếng quạt trần dùng để xua-đuổi cái nóng bức, và tiếng vài ba cái máy chữ lóc-cóc. Bỗng có tiếng quát-tháo bằng Pháp-ngữ: "Tôi sang làm việc ở đây hơn một năm nay, chưa bao giờ thấy có chuyện bịp-bợm giả-mạo như thế này!" Người thày giáo Pháp vừa hổn-hển vừa nói khi quay lại văn-phòng để sinh chuyện.

Ông ta là một giáo-chức người Pháp được điều qua dạy ở Nha-trang theo chương-trình hợp-tác và viện-trợ văn-hóa cho Việt-nam Cộng-hòa. Vừa mới chưa đầy hai mươi phút trước đó, ông giáo-sư trao-đổi đã tới văn-phòng Đại-học Văn-khoa để hỏi về điều-kiện nhập-học (ông muốn ghi tên một hai chứng-chỉ để học thêm lấy điểm). Nhân-viên văn-phòng gồm các ông Nguyễn Văn Ngỗi, Phan Khắc Trừu, Phạm Hồng Nghi đã đưa tài-liệu liên-hệ chỉ-dẫn đầy-đủ mà nhà trường có sẵn, không phân-biệt sinh-viên có phải là người nước ngoài hay không. Cụ Nguyễn Huy Côn lại dẫn ông ta tới giới-thiệu với "Cụ" tân-khoa-trưởng đang ngồi đánh máy ngay giữa những bàn giấy, chất đầy hồ-sơ, của nhân-viên hành-chính ở bên ngoài văn-phòng khoa-trưởng.

Người vừa được bổ-nhiệm làm khoa-trưởng Văn-khoa mùa thu năm ấy là tôi, mới 33 tuổi. Ngay từ hôm mới hồi hương, còn chân ướt chân ráo đã phải đảm-nhận một chức-vụ hành-chính, tôi thấy nhân-viên dùng từ "Cụ" thì tôi đã ngán rồi, và nghĩ bụng đến từ-ngữ "cụ trong dân", rồi tự hỏi không chừng mấy ông công-chức cáo-già họ xỏ mình chăng? Nhưng sau khi được chính thày cũ khả-kính của tôi là Cụ Thẩm Quỳnh cũng vừa quạt cho tôi, vừa dùng từ đó (cả trong bữa tôi đến thăm Cụ tại nhà riêng trong buổi lễ do Hội Thân-hữu Văn-khoa tổ chức) — trong văn-thư trước khi tôi về nước, Cụ còn dùng cả danh-từ "Các-hạ" — thì tôi mới bớt chứng hoang-tưởng bộ-phận.

Tôi đang mải đánh máy, hai tay áo sơ-mi vén lên (áo vét-tông để trong phòng, vì trời nóng lắm), liền vội đứng dậy, cài khuy cổ tay sơ-mi đàng hoàng, rồi chìa tay chào đón ông khách ngoại-quốc. Ông ta vùng-vằng, lớn tiếng quát-tháo và gân cổ la to về một vụ bịp-bợm (imposture). Ông gọi tôi là một tên bịp (imposteur), sao dám tự nhận là "khoa-trưởng". Lúc đầu, tôi còn bình-tĩnh và lễ-phép xác-nhận lại rằng tôi là ông khoa-trưởng mới của trường, cùng xác-nhận những điểm mà nhân-viên của trường đã nói rõ cho ông biết về vấn-đề nhập-học, điều-kiện học-vụ, thí-vụ, v.v... Nhưng khi ông tiếp-tục dùng danh-từ imposteur và hùng-hổ đòi lấy tên tôi để đem trình Tòa Đại-sứ Pháp (!), thì tôi không nhịn được nữa.

Thật ra, ông Pháp-kiều có óc thực-dân kia vì làm việc ở ngoài Nha-trang nên chưa được Sứ-quán của ông thông-báo về việc thay-đổi nhân-sự trong Viện Đại-học Saigon hồi đầu tháng 8 năm 1957. Và chắc ông cho là khoa-trưởng phải ăn mặc chỉnh-tề, vét-tông ca-vát, lại có bộ râu dài, và phải ngồi giấu mình trong văn-phòng mãi bên trong, chứ có khi nào lại mặt non choẹt, mặc sơ-mi vén tay, ngồi làm việc với nhân-viên ở bên ngoài như thế. Đó là chưa kể giai-thoại theo đó Giáo-sư Wesley Fishel (mà dư-luận thường cho là mỗi tuần được Ngô Tổng-thống mời vào dinh dùng bữa điểm-tâm) đã hơn một lần được một ông cố-vấn của Sứ-quán Pháp-quốc mời đến dùng cơm tối — cơm tây nhiều món ngon lắm — để dò la xem tại sao "thay vì chọn người có bằng-cấp Pháp, Bộ Quốc-gia Giáo-dục và Viện Đại-học Saigon lại bổ-nhiệm một anh trẻ được đào-tạo ở bên Mĩ về phụ-trách Trường Văn-khoa!"

Tôi cũng có thể, trong hoàn-cảnh đó, rút lui vào văn-phòng bên trong, mặc vét-tông, nắn cái nơ bướm lại cho cẩn-thận, rồi cho mời ông ta vào uống trà, nói chuyện. Nhưng bản-tính tôi thiếu sự tự-chế và không biết ngoại-giao. Thành ra, sau khi cho ông ta biết tên họ tôi và cả ngày sinh tháng đẻ nữa, tôi đã — cũng lớn tiếng — mời ông Pháp-kiều kia ra cửa, và bảo rằng: "Ông nên nhớ: ngày nay khoa-trưởng đại-học của nước Việt-nam độc-lập biết đánh máy!" ■

# SO SÁNH MỘT SỐ TỪ VIỆT-TRUNG-NHẬT

ĐỖ THÔNG MINH

Khi đọc sách báo hay viết bài thỉnh thoảng chúng ta gặp phải một vài từ, tuy quen thuộc nhưng băn khoăn không biết thế nào là đúng. Chúng tôi trong lúc biên soạn một số sách từ điển học chữ Hán, từ điển Nhật-Việt và Việt-Nhật, từ điển thuật ngữ Điện Toán và Tin Học (Anh-Việt) nói chung cũng gặp phải nên nhân tiện ghi chép ra đây mạn bàn với quý độc giả.

## 1. CHUNG CƯ hay CHÚNG CƯ

Ở miền Nam sau năm Mậu Thân 1968, một loạt khu phố bị tàn phá vì chiến tranh được xây dựng lại thành những khu nhà lớn nhiều tầng, chia ra làm nhiều căn, mỗi gia đình được chia một căn và danh từ chung cư (tương đương tiếng Anh: housing area, apartment house) trở nên quen thuộc. Ở miền Bắc, loại nhỏ gọi là nhà tập thể, loại lớn gọi là khu tập thể.

Chung cư gồm: chung (Nôm) + cư (Hán-Việt) nghĩa là ở chung với nhau. Chúng cư gồm: chúng (Hán-Việt) + cư (Hán-Việt) nghĩa là ở đông người.

Quan niệm dùng chúng cư vì cho rằng âm Hán-Việt phải đi đôi với nhau chứ không vừa Nôm vừa Hán-Việt (có vẻ lai căng hoặc nửa nạc nửa mỡ...) Lý luận này thoạt nghe có vẻ đúng nhưng xét kỹ sẽ thấy:

a. Âm Nôm đi đôi với Hán-Việt khá nhiều, nếu xem các từ điển Việt Nam hay Việt-Hán của Huỳnh Minh Xuân sẽ thấy có hàng ngàn chữ loại này. Cũng đi với chữ chung thấy có: **chung tiền** ( 錢 ), **chung phòng** ( 房 ), **chung quần** ( 裙 ), **chung áo** ( 襖 )...

Hay các từ: người Việt, tiếng Việt, tình người, chúng tôi, chúng ta, bà cháu, các anh, hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật, bông hoa, con hổ, cây cảnh, nhà trường, lớp học, học trò, chữ nghĩa, thơ văn, an vui, chiếu bóng, đỉnh núi, in ấn (chữ in là nghĩa chữ ấn), ... đều thuộc loại nửa nọ nửa kia mà chúng ta nghe đâu có kỳ. Chúng ta còn có thể ghép nửa gốc Pháp hay Anh với Hán-Việt như canh gác (garde) và phim (film) ảnh, phim trường, chiếu phim thì tiếng Hán đã hòa nhập với tiếng Việt cả 2000 năm nên việc pha trộn không có gì là lạ.

Một trong những lý do khiến sỡ dĩ có sự pha trộn là bởi chẳng hạn như một từ đã quen dùng bằng âm Nôm khi gặp từ thứ hai, thứ ba bằng âm Hán-Việt vẫn cứ để nguyên mà ghép vào (vì đôi khi từ thứ hai, thứ ba đó không có âm Nôm hoặc ngược lại).

b. Trung Quốc và cả Nhật Bản không có từ ghép **chúng cư.** Trung Quốc dùng từ **đoàn cư** (團居 *tuánjū*) hay **đoàn trú** (團住 *tuánzhù*) giải nghĩa là kiến trúc ở chung (**công ngụ kiến trúc**, 公寓建築 công ngụ phòng ốc 公寓房屋 hay chỗ ở tập đoàn còn Nhật Bản dùng đoàn địa ( 団地 *danchi*).

c. Điều quan trọng hơn cả là người đầu tiên đặt ra từ này chọn chữ **chung cư** với ý "ở chung với nhau", chúng tôi không nghĩ là người ấy kém Hán-Việt đến độ đặt chữ không chỉnh, nên nếu gọi là **chúng cư** với ý "ở đông người" thì tuy ý không khác nhau mấy nhưng không đúng ý nguyên thủy. Vậy có lẽ nên giữ lại chữ chung cư.

## 2. THÔNG QUA hay THÔNG QUÁ...

Từ ngày xưa đến giờ dùng là **thông qua** nhưng mới đây có người dùng **thông quá** ( 通過 ), có lẽ cùng quan niệm âm Hán-Việt phải đi đôi với nhau như trên, **quá** có nghĩa là **qua.** Theo thiển ý của chúng tôi không nhất thiết âm Hán-Việt phải đi đôi với nhau nên dùng **thông qua** vẫn được như thường.

Vì cũng còn một số từ loại này chúng ta dùng quen rồi nên không ai thắc mắc như **tin tức** gồm: **tin** (Nôm) + **tức** (Hán-Việt), Trung Quốc dùng **tín tức** ( 信息 ), mà **tín** nghĩa là **tin** và Nhật Bản dùng **tiêu tức** ( 消息 ) hay **tình báo** ( 情報 ), trường hợp này Việt Nam chúng ta không dùng như Nhật Bản. Hay chúng ta nói **tiền lời** chứ không nói **tiền lợi** ( 錢利 ), Trung Quốc thì lại dùng **lợi tiền** ( 利錢 *jouhou*). Còn từ **độc giả** và **đọc giả,** trường hợp này thì hơi khác vì chữ **đọc giả** không thông dụng nên chúng tôi đề nghị dùng **độc giả** nhưng **bạn đọc** thì hay hơn. Chúng ta nói **thơ** (Nôm) + **văn** (Hán-Việt), hoặc **thi văn** và **chữ** (Nôm) + **Hán** (Hán-Việt) hoặc **Hán tự** đều được cả không có vấn đề đúng hay sai. Lại nữa, chúng ta nói: **[thứ/hạng] nhì, [thứ/hạng] tư...** chứ không nói **[thứ/hạng] nhị, [thứ/hạng] tứ...** có thể để âm phát được dễ dàng nhưng nói **[thứ/hạng] ba** chứ không nói

**[thứ/hạng] tam** thì không phải vì vấn đề pháp âm.

## 3. HỢP CHÚNG QUỐC hay HỢP CHỦNG QUỐC

Danh từ này dịch chữ "The United States of America." Trung Quốc dịch là **Hợp Chúng Quốc** ( 合衆国 ) với nghĩa là quốc gia tập hợp đông người, nếu dịch là **chủng** ( 種 ) và giải thích là tập hợp của nhiều chủng tộc thì thoạt nghe cũng có lý nhưng không đúng nguyên gốc. Sở dĩ có việc dùng chữ chủng có lẽ chỉ vì âm hai chữ tương tự nên lầm với nhau.

## 4. VÔ HÌNH CHUNG hay VÔ HÌNH TRUNG...

Đây cũng là một từ thuần Hán ( 無形中 ) mà người Việt hay dùng. Phải dịch là **vô hình trung** nghĩa là trong chỗ vô hình dường như đã ẩn chứa một cái gì hay nôm na là không chủ ý làm nhưng đã gây ra. Nếu dịch là **vô hình chung** thì không có nghĩa gì hết. Từ này cũng như từ Hợp Chủng Quốc, đã có sự nhầm lẫm về âm.

Như trong 12 con giáp pháp xuất từ Trung Quốc, trong khi chi **Mão** (卯 *mǎo*) ở Trung Quốc và Nhật Bản tương đương **thỏ,** ở Việt Nam lại là **mèo,** phải chăng cũng là một sự nhầm âm mà nay thành quá quen không đổi được nữa. Thêm nữa, người ta chi **hợi**( 亥 ) tương đương **heo rừng, chi dậu** ( 酉 ) tương đương **gà mái** trong khi mình là **heo nhà** và **gà trống...**

## 5. PHẢN ẢNH hay PHẢN ÁNH

**Phản ảnh** dùng ở miền Nam trước 1975 và **phản ánh** dùng ở miền Bắc trước 1975 sau lan ra cả nước và hải ngoại.

**Ánh** ( 映 *yìng* ) nghĩa là: ánh sáng; bóng rợp.

**Ảnh** ( 影 *yǐng* ) nghĩa là: bóng (như hình ảnh là hình bóng).

Ở đây từ này chỉ "ánh sáng phản chiếu" chứ không phải "bóng phản chiếu" (nếu ánh sáng chiếu vào vật thì cho bóng chứ không có hiện tượng phải chiếu bóng). Do đó dùng **phản ánh** như hiện nay là đúng. Sở dĩ có hai từ dùng ở hai miền khác nhau có lẽ vì phát âm theo miền Nam bị biến đổi đi hay vì yếu tố chính trị, không muốn bị cho là bắt chước nhau?

Từ này thuần Hán, sách Trung Quốc chỉ thấy **phản ánh** ( 反映 ) và Nhật Bản (反 映 *hanei*) chứ không có **phản ảnh.**

## 6. TỔNG SẢN LƯỢNG QUỐC GIA hay TỔNG SẢN LƯỢNG QUỐC DÂN

Đây là thuật ngữ kinh tế dịch từ chữ "Gross National Production", gọi tắt là GNP.

**Tổng Sản Lượng Quốc Gia** là từ dùng ở miền Nam trước 1975 và nay vẫn còn dùng ở hải ngoại.

**Tổng Sản Lượng Quốc Dân** là từ dùng ở miền Bắc trước 1975 và nay dùng ở Việt Nam.

Đây cũng là một từ có lẽ miền Nam vì quen dịch **nation** là **quốc gia** hoặc vì yếu tố chính trị nên được dùng hơi khác nhau?

Xem qua Trung Quốc thấy dùng **Quốc Dân Sinh Sản Tổng Trị** ( 国民生産総値 *guómín shengchǎn zǒngzhí*) hay **Quốc Dân Tổng Sản Trị** (国民総産値 *guómín zǒng chǎnzhí* ) và Nhật Bản dùng **Quốc Dân Tổng Sinh Sản** ( 国民総生産 *kokumin sousei* ).

Từ này ý chỉ tổng sản lượng do người dân một nước làm ra, nói là quốc gia thì cũng hiểu được nhưng không chính xác và từ con số GNP người ta tính ra lợi tức bình quân một đầu người (per capita), Trung Quốc gọi là **mỗi nhân** (每人 *měirén*) và Nhật Bản là **nhất nhân đương** (一人当たり *hitori atari*), khi đó sẽ thấy rõ là căn cứ trên người chứ không phải quốc gia. Theo thiển ý chúng tôi dùng Tổng Sản Lượng Quốc Dân đúng hơn.

## 7. ĐĂNG KÝ hay ĐĂNG LỤC

**Đăng lục** dùng ở miền Nam trước 1975 và **đăng ký** dùng ở miền Bắc trước 1975 sau lan ra cả nước và hải ngoại.

Ký 記: ghi chép.

Lục 録 : sao chép; ghi lại.

Trung Quốc dùng cả hai: **đăng ký** ( 登記 ) và **đăng lục** (登録 *dènglù* ), Nhật Bản thì chỉ dùng **đăng lục** ( 登録 *touroku* ). Theo thiển ý của chúng tôi thì cả hai đều đúng, nay đã quen dùng đăng ký thì dùng luôn cho thống nhất.

## 8. TỰ ĐIỂN hay TỪ ĐIỂN

Danh từ ghép này đã từng gây tranh luận trong quá khứ. Theo từ điển Hán-Việt của Thiều Chửu:

**Tự** 字 : văn tự (chữ viết).

**Từ** 辞 hay 辭 : nói ra thành văn...

**Từ** 詞: lời văn.

Có người cho rằng **tự** để chỉ từ đơn hoặc đối dịch (biên soạn theo lối này gọi là **tự điển** ( 字典 ), **từ** để chỉ từ ghép hoặc có giải nghĩa (biên soạn theo lối này thì gọi là **từ điển** ( 辞典 ) hay ( 詞典 ). Quan niệm này chưa hẳn là đúng, các sách ở miền Nam đa số dùng chữ **tự điển** (trừ sách Hán), miền Bắc hầu như tất cả đều dùng **từ điển.** Sách của Trung Quốc và Nhật Bản thì đa số dùng **từ điển** nhưng thỉnh thoảng cũng có cuốn dùng **tự điển,** một số sách Trung Quốc sau này lại dùng **từ hải** ( 詞海 ) hay **từ thiên** ( 詞天 *cítiān*), Nhật Bản còn dùng **cả từ thư** ( 辞書 ), **sự điển** ( 事典 ) và **tự dẫn** ( 字引 ). Tóm lại chữ **từ** thông dụng hơn nhưng có đến tám cách gọi nên cũng tùy người.

## 9. YẾU ĐIỂM hay ĐIỂM YẾU

Đây là hai từ dễ nhầm, tuy có vẻ chỉ là đảo lộn và như nhau. **Yếu điểm** là hai từ Hán-Việt ( 要点 ) nghĩa là **điểm quan [trọng/yếu]. Điểm** (Hán-Việt) **yếu** (Nôm) là **nhược điểm** ( 弱点 *ruòdiǎn*) tức trái với **điểm mạnh.**

## 10. HOA HỒNG hay HỎA HỒNG

Từ **hoa hồng** đã được dùng từ trước tới nay (đọc theo giọng Nam là **huê hồng**), mới đây có người dùng là **hỏa hồng.** Cả hai từ đều là âm Hán-Việt nhưng sách Trung Quốc và Nhật Bản đều không dùng như vậy để chỉ "commission, bonus, reward" nghĩa là tiền trả theo tỷ lệ nhất định cho người môi giới.

Trong sách Trung Quốc chỉ có chữ **hỏa hồng** ( 火紅 , nghĩa là đỏ rực như lửa) mà thôi. Các sách Việt Nam mà chúng tôi được biết đều viết là **hoa hồng,** không rõ từ **hỏa hồng** xuất phát từ đâu? Trung Quốc dùng **thủ tục phí** ( 手続費 ) hay thù lao phí ( 酬労費 ) còn Nhật Bản

dùng **thủ số liệu** ( 手数料 ).

## 11. DÀNH hay GIÀNH...

Hai từ **dành** và **giành** hay bị dùng lẫn lộn. Đúng ra từ **dành** dùng trong nghĩa **để dành** và **giành** trong nghĩa **tranh giành.** Ngoài ra còn một số từ Hán-Việt dễ dùng nhầm như: **lãng mạng** đúng ra là **lãng mạn** (浪漫 âm dịch chữ "romance"), **phiêu bạt** đúng ra là phiêu bạc ( 漂泊 tức phiêu lưu là đi và đình bạc là dừng lại).

*
* *

Chúng ta thường tra cứu sách Trung Quốc và Nhật Bản để dễ truy nguyên, trên thực tế cũng có từ thuần âm Hán-Việt nhưng chỉ có Việt Nam dùng như:

— VN: **Chủ Nhật** , 主日TQ: **tinh kỳ nhật** ( 星期日*xīngqīrì* ), NB: **nhật diệu nhật** ( 日曜日 ).

— VN: **học bổng** 学俸 , TQ: **trợ học kim** ( 助学金 ), NB: **tưởng học kim** ( 奨 学金 ).

— VN: **thứ nhất** , 次一TQ: **đệ nhất** ( 第一 ) hay **nhất thứ** ( 一次 ), NB: **đệ nhất** ( 第 一 ) hay **nhất thứ** (一次 *ichiji*).

— VN: **trưởng ban** 長班, , TQ: **ủy viên trưởng** ( 委員長 ) hav **chủ nhiệm ủy viên** ( 主任委員 ), NB: **ban trưởng** ( 班長 )

— VN: **trưởng phòng,** 長房 TQ: **khoa trưởng** ( 科長 ), NB: **thất trưởng** ( 室長 ).

Ở đây chúng ta thấy hiện tượng dùng chữ Hán theo lối Việt Nam (Việt Nam hóa cách dùng chữ Hán), chúng ta đặt chữ thứ và trưởng trước theo văn phạm Việt Nam, thay vì sau theo văn phạm Trung Quốc và Nhật Bản. Trong một số trường hợp khác thì chúng ta lại dùng theo lối Trung Quốc như: **đoàn trưởng, đội trưởng, hiệu trưởng...** hay **trưởng [nam/nữ]...** Tóm lại với từ Hán-Việt, Việt Nam chúng ta dùng cả hai lối đặt ([tĩnh/tính] từ trước và sau danh từ, tuy nhiên loại đặt trước theo Trung Quốc vẫn thông dụng hơn. Tiếng Nhật cũng pha trộn âm Nhật (kun) + Hán-Nhật (on) và đôi khi cũng có sự đảo lộn thứ tự như: **giới thiệu -- thiệu giới** ( (紹介 ), **hòa bình -- bình hòa** ( 平和 ), **tiền chiến -- chiến tiền** ( 戦前 ).

Ngay như chữ **học hành,** Trung Quốc có chữ ( 学行 ) nhưng đọc là **học hạnh** nghĩa là **học vấn** ( 学問 ) và **phẩm hạnh** ( 品行 ). Còn tương đương với **học hành** thì Trung Quốc dùng **độc thư** ( 読書 ) hay **học tập** ( 学習 ) và Nhật Bản dùng **miễn cưỡng** ( 勉強 , với ý miễn là mong muốn và cường là mạnh, giỏi).

Nhân đây cũng xin nói về mấy con số, từ **ức** ( 億 yì ) và **triệu** ( 兆 zhào); cùng là một chữ Hán nhưng Việt Nam hiểu khác Trung Quốc và Nhật Bản. Theo Trung Quốc cổ và Việt Nam thì 1 ức = 100.000, 1 triệu = 1.000.000 nhưng đối với Trung Quốc và Nhật Bản ngày nay thì 1 ức = vạn x vạn = 100.000.000 và 1 triệu = vạn x vạn x vạn = 1.000.000.000.000. Nếu bạn đến mấy nơi này mà khoe mình là triệu phú thì chắc họ phải lác mắt và cho là bạn nói dóc lên tới trời! Nhật Bản còn có từ **kinh** ( kei) là vạn x vạn x vạn x vạn = 10.000.000.000.000.000 là con số "thiên hà" khổng lồ ít khi dùng tới.

Chúng tôi ghi vội, xin tất cả bạn đọc vui lòng lượng thứ và chỉ giáo cho. ■

PHẠM KIM KHÔI

# SAO NGƯỜI NHƯ NGÂY NGÂY

Thân tặng Nguyễn Văn Quảng

**Rượu chờ sao người không uống đi**
**Cho vơi nỗi nhớ dâng tràn ly**
**Cho nguôi dĩ vãng đầy tay mắt**
**Hay chỉ thêm buồn cũng uống đi**

**Thuốc tàn sao người không đốt thêm**
**Cho bay sương khói về trong tim**
**Cho phai hư ảnh hoang đường cũ**
**Cuối nẻo trời nghiêng ngửa đắm chìm**

**Nhạc trầm sao người không ca lên**
**Cho thanh âm nở hoa sầu miên**
**Cho cung thương nhuộm hồn phai sắc**
**Nhân thế quay cuồng trong cõi điên**

**Rượu đắng sao người quên men say**
**Thuốc nồng sao người quên khói cay**
**Nhạc lắng sao người quên tiếng hát**
**Ta mời sao người như ngây ngây**

# KHI NHỮNG ĐỨA CON MUỐN CHỐI BỎ DÂN TỘC MÌNH

NGUYÊN VŨ

Thông báo

"Công an xin ủng hộ 5000, - DM tiền thưởng

Về sự kiện: hôm thứ Sáu, ngày 15.5.1993, một người Việt Nam tên là Nam Văn T. bị giết chết ở khu tập thể người nước ngoài Gehrensee Str.1, Block E, O-1092 Berlin. Theo điều tra của công an, trước khi bị giết, nạn nhân cùng với một người Việt Nam khác tên là Tuyên Văn H. bị một nhóm gần 10 người Việt Nam buộc phải từ trong một chiếc xe Opel Omega màu bạc (biển số xe AB-AT 643, đậu gần một quán ăn - Imbiss) ra mà bị đưa tới Block E. Lên tầng hai, nạn nhân bị chém dao, rìu, đâm chết. Một người Châu Phi da đen đã nhìn thấy và theo dõi sự kiện và báo cáo cho người phụ trách của ký túc xá biết, rồi anh ta trốn đi trước khi công an tới nơi. Công an cho rằng hai người Việt Nam sau đây có thể tham gia sự kiện: (hai bức ảnh đen trắng). Công an xin hỏi: 1. (...)"

Các bạn vừa đọc nguyên văn đoạn trích thông báo truy tìm thủ phạm một vụ người Việt giết người Việt rất mọi rợ, của công an Đức ở Berlin. Đó là một bản dịch sát nghĩa và khá vụng về của một người Đức. Bởi không có một phiên dịch người Việt nào dám dính líu tới vụ này, vì cái giá phải trả bằng máu. Và cho đến nay thì những chuyện tương tự không còn lạ gì với người Việt tại Đông Berlin cũng như toàn vùng Đông Đức, mà đa phần đều liên quan tới buôn bán thuốc lá lậu và bè đảng Mafia da vàng.

## Tiếp nối truyền thống di dân?

Dân Việt Nam có truyền thống đi dân: từ thời xa xưa cha ông ta mang gươm từ Bắc vào Nam để mở mang bờ cõi và vì thế, đã tiêu diệt cả một dân tộc Chiêm Thành, khiến một thi nhân VN đời sau phải thương vay, khóc mướn. Nhưng những kẻ chinh phu thời ấy vẫn có một vẻ đẹp hào hùng: "Từ thuở mang gươm đi mở nước, Ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long." Đến "Thời đại Hồ Chí Minh" thì con cháu "bác Hồ" lại tràn ra Hà Nội cho được gần "Bác" và thế chỗ cho dân bản địa đã cao chạy xa bay vào Nam. Đất chật, người đông nên sau 1975 dân Hà Nội lại tiếp tục lên đường, "tiến về Sài Gòn" lấp đầy khoảng trống do dân Việt Nam Cộng hòa rồng rắn lao ra biển Đông tìm tự do, để lại.

Còn bây giờ? Sau khi đuổi nhau chạy vòng quanh tới tận cùng Mũi Cà Mau thì chế độ CSVN bỗng "động lòng" mà mở đường thoát cho dân đen: xuất cảng lao động đến các nước XHCN cũ ở Đông Âu. Thế là từ những năm 80 hàng loạt con cháu cách mạng đã giành nhau chạy tiếp sức để được làm cu ly. Đông Đức là một miếng mồi hấp dẫn hàng đầu. Tiếp nối truyền thống của ông cha, con cháu thời nay chẳng thèm trở về sinh sống nơi cố quốc mà cứ lỳ lợm bám đất, mặc cho nước chủ nhà kỳ thị và xua đuổi. Đã thế, sau ngày thống nhất nước Đức, sức hấp dẫn của đồng DM chẳng khác gì chất keo dính chặt những bàn chân bé nhỏ Việt Nam với đồng đất nước người. Thế rồi bỗng bùng lên một làn sóng tỵ nạn mà thực chất là một cuộc di dân khổng lồ từ các nước nghèo tới nước giầu. Khởi đầu của dân ta là chiến dịch "tường nhân." Dân Việt từ các nước Đông Âu lũ lượt tràn sang Đông Đức nhập vào đoàn quân Việt Nam có sẵn ở Đông Đức để chui qua bức tường ngăn chia Đông và Tây Berlin vừa bị chủ nhà chọc thủng. Sống đời tỵ nạn không tiền dân ta trốn trại đồng loạt kéo nhau về Đông Berlin để học nghề mới của dân lao động: bán thuốc lá lậu thuế cho người Đức. Đèn xanh đã chớp, dân trong nước lũ lượt lên máy bay trực chỉ về Nga, từ đó, các đường dây buôn người đã đợi sẵn lo chuyển tiếp về Tây Đức để xin tỵ nạn rồi trốn về Đông Berlin để tiếp sức cho đàn anh (trong số đó có khá nhiều tay anh chị chuyển địa bàn làm ăn ra nước ngoài.)

Vì thế, ba khu tập thể người lao động nước ngoài (đa số là Việt Nam) ở Đông Berlin dần dần trở thành nơi cư trú hỗn tạp vừa hợp pháp vừa bất hợp pháp của dân Việt Nam với đủ thành phần: tỵ nạn địa phương, tỵ nạn trốn trại, các ông chủ bán thuốc lá lậu, dân đao búa. Và để phù hợp với nó là một lối sống khép kín tự cung tự cấp kiểu công xã nông thôn: đồ ăn châu Á, thịt cá tươi, tiết canh lòng lợn, cơm phở và cả hương sắc đàn bà. Đúng là dân chủ đa nguyên, đủ mùi đủ vị đối nghịch nhau mà vẫn cùng sinh tồn và quyện chặt vào nhau một cách hấp dẫn mặc dù tất tật đều phải chui lủi hoặc dấm dúi trong phòng riêng. Điều đặc biệt là, kiểm soát phần lớn cái thế giới ngầm đó là một bộ máy tương đối hoàn hảo: băng đồng hương Nghệ-Tĩnh.

## Các anh hùng Nghệ-Tĩnh

Theo chân Bác, dân Nghệ-Tĩnh luôn chiếm một tỷ lệ đông đảo trong số di dân da vàng mũi tẹt tại Đông Berlin. Tất nhiên, vì mục đích kiếm tiền nên họ đã không quản nắng mưa, gió tuyết mai phục trường kỳ tại bất cứ ngõ ngách, tụ điểm giao thông nào ở vùng đất giao thời giữa

CNXH và Tư bản tranh tối tranh sáng này. Vì vậy, có thời họ đã là nạn nhân đầu tiên của các tay tướng cướp xứ Bắc như Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng... Vốn có truyền thống đoàn kết, bao bọc lẫn nhau như người Tàu, họ đã lập nên một mạng lưới tự bảo vệ rất hữu hiệu dựa trên cơ sở quyền lợi sống còn. Để đối phó với bọn cướp khá tàn bạo, họ cũng sẵn sàng tàn bạo gấp nhiều lần hơn. Sau khi lần lượt đập nát các đầu rắn, "chiến trường" Đông Berlin hóa thành chỗ không còn đối thủ. Thời thế tạo anh hùng. Dù muốn hay không băng đồng hương Nghệ-Tĩnh đã nghiễm nhiên trở thành bá chủ trong khu vực.

Tổ chức của băng đảng này rất chặt chẽ: ông chủ kho thuốc lá (tên T. vốn là dân lao động tại Đông Đức cũ) là trưởng băng. Anh ta bỏ tiền ra nuôi một đội quân chém thuê ăn lương chuyên nghiệp. Số tiền này được trích từ quỹ đen do dân Nghệ-Tĩnh đóng góp thường xuyên để đổi lấy sự bảo vệ (hoàn toàn tự nguyện). Sau mỗi một phi vụ giết người, hung thủ sẽ được thưởng từ 30 - 40.000 DM và đảm bảo về nước an toàn để tránh bị trả thù. Như đã nói ở trên, khi không còn kẻ đối địch, băng đảng này từ chỗ tự vệ đã trở thành một băng chấn lột lạnh tại Berlin. Nhiệm vụ của đội quân đâm thuê chém mướn trung thành bây giờ lại là đi chấn lột tất cả những dân bán thuốc lá không phải là đồng hương Nghệ-Tĩnh.

Thế nhưng, đôi lúc băng đảng này vẫn không tránh khỏi sự trả thù như hồi trung tuần tháng 10-93, một tay anh chị người Hải Phòng đã dùng dao đâm hai tay đao búa Nghệ-Tĩnh, khiến một gã bị chết tại chỗ và gã còn lại bị trọng thương. Rồi mới đầu năm nay, khi kéo nhau đến chấn chỗ làm ăn tại một ga tàu gần trung tâm Đông Berlin, các anh hùng bất ngờ phải trả giá bằng trận đòn hội đồng báo thù rất tàn bạo của dân bán thuốc lá lậu vốn sinh trưởng ở xứ Bắc.

## Bi kịch của đất nước

Khi một thể chế chính trị độc tài bị băng hoại thì nhiều nhóm dân chúng nổi lên làm đạo tặc. Chúng cấu kết và được dung dưỡng bởi hệ thống tham nhũng, hối lộ, cửa quyền rất trâng tráo và tàn ác của bộ máy cầm quyền. Đó là sự thật ở Việt Nam hiện nay. Nhân danh chủ nghĩa Cộng Sản và những lý tưởng cao đẹp của người sáng lập, tầng lớp đặc quyền đặc lợi ở Việt Nam chẳng khác gì những băng đảng Mafia đỏ lớn nhỏ lợi dụng chức quyền để làm giàu, bất chấp lương tâm và làm ô uế danh dự của đất nước. Để giữ chặt túi tham cho con cháu và giòng họ, Mafia đỏ Việt Nam đang mở cửa cho tư bản nước ngoài đổ xô vào để kiếm lợi (trừ một số ít vào làm ăn đứng đắn) mà không một ai ngoài đảng Cộng Sản, được phép kiểm soát. Và vì thế, dù muốn hay không chính chế độ này đang khuyến khích con em trực tiếp xuất cảng tệ nạn ra nước ngoài với lý tưởng thực dụng: bất chấp luật pháp, tiền là thước đo đạo đức và quan hệ xã hội, có tiền là có tất cả, tất cả vì tiền! Vì thế, những người bán thuốc lá lậu tại Đông Berlin không cần biết đến thể diện công dân của nước Việt Nam, bất cần sự khinh bỉ và căm giận của dân Tây Đức trong khi họ được dân Đông Đức ngầm ngầm ủng hộ vì hai cái lợi trước mắt: mua hàng rẻ và trả thù sự ghẻ lạnh của dân tư bản bên Tây. Trông xuống thì chưa ai có nhiều tiền bằng họ, mà nhìn lên gần nhất là sứ quán đại diện cho bộ mặt của Việt Nam thì cũng chẳng khác gì một cái chợ đen thập cẩm mà chủ chợ là những kẻ đói ăn vừa bán vừa chấn lột con em mình.

Làm ăn bất chính sẽ đẻ ra trộm cướp — Mafia (một hình thức ăn chia lại) là hai bàn chân tật nguyền của một thế giới ngầm Việt Nam thu nhỏ, sống ngoài vòng pháp luật tại Đông Berlin.

Ấy vậy mà nhiều vị quá dư thừa lòng tự hào dân tộc nên luôn vỗ ngực anh hùng: ta là dân Việt Nam! và sẵn sàng nổi giận, trách cứ những ai cảm thấy xấu hổ khi phải làm người Việt Nam hôm nay. Dù không biết trong hai hạng người này, ai giàu lòng tự trọng dân tộc hơn ai, nhưng tôi nhiều khi vẫn mơ rằng: sau một đêm ngủ dậy mình không còn là người Việt Nam nữa, vì người gì mà khổ thế, trách giận thì có vẻ bất công và nhẫn tâm mà nỗi nhục làm người Việt Nam tại Đông Đức thì không gì rửa được. Ai cũng vậy thôi, một khi đã ý thức được mình đang bị giam trong vòng tắc tị của những mặc cảm xấu hổ và tội lỗi thì chỉ muốn nhảy ra ngoài.

Tôi nghĩ, bây giờ người Việt mình chỉ có ba cách thoát nỗi nhục truyền kiếp: một là làm chính trị thay đổi chế độ ở quê nhà, hai là theo Chúa hay Phật để bớt lòng tham-sân-si, ba là làm nghề đàng hoàng.

Nhưng phải thật bi quan mà nói rằng cả ba lối thoát ấy đối với công dân của cái thế giới ngầm lưu vong rất đặc biệt nói trên đều không phải là thứ hiện thực mà họ cần. Vả lại, đa phần trong số họ không có hy vọng được ở lại lâu dài nên chỉ còn một con đường duy nhất được đảng ta ngầm khuyến khích: bằng mọi cách để kiếm được tiền nhiều càng nhanh càng tốt cho đến khi nào buộc phải trở về Việt Nam. Chả thế mà trong năm vừa qua phía Đức đã phát giác ra rằng chính quyền Việt Nam đã làm tiền bằng cách tổ chức những đường dây xuất ngoại bất hợp pháp cho công dân của mình. Vì thế khi phía Việt Nam kiên quyết không nhận những người tỵ nạn Việt Nam bị trục xuất từ Đức trở về cũng không phải là chuyện lạ. Với những hành vi và thái độ như vậy, chính quyền CSVN đang bôi nhọ tư cách chính trị của những người tỵ nạn VN chân chính, muốn biến tất cả thành tỵ nạn kinh tế dưới mắt nước chủ nhà và về phía mình lại coi đó là những kẻ đã vi phạm luật hình sự VN, nên trừng phạt bằng cách không thừa nhận quyền trở lại tổ quốc của con em mình!

Ngày hôm qua có một người Đức (Đông Berlin) bất ngờ làm quen với tôi bằng một câu tiếng Việt: "Tôi xấu hổ khi phải làm người Đức, muốn làm người Mỹ, người Anh nhưng họ lại ở xa quá!" rồi chia tay. Thì ra, ở đâu trên thế giới này cũng có những đứa con luôn đau khổ vì những thói xấu của dân tộc mình để rồi cực đoan tới mức muốn chối bỏ cả cái dòng giống đã nhiễm trùng ấy! □

*Berlin, tháng Giêng Giáp Tuất*

Bạn, muốn hàn gắn những vết thương nhân loại, hãy đến với

## DÒNG TRUYỀN GIÁO NGÔI LỜI

Các linh mục và tu sĩ Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện đang phục vụ tại hơn 59 quốc gia, trong nhiều lãnh vực như giáo dục, kỹ nghệ, y tế, canh nông..... đặc biệt tại những đệ tam quốc gia hay những nơi còn chậm tiến.

Là một tập thể Công Giáo gồm 5,700 thành viên thuộc nhiều sắc tộc trên thế giới, Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện có 2 cơ sở trên toàn nước Mỹ, cung cấp các chương trình tìm hiểu và giáo dục, đào tạo các linh mục và tu sĩ cho cánh đồng truyền giáo:

* **Divine Word College Seminary** ở Epworth, Iowa là một đại chủng viện với chương trình học 4 năm giúp việc huấn luyện các chủng sinh trở thành những nhà truyền giáo trong tương lai.

* **Associate Program** là chương trình một năm dành cho những thỉnh sinh đã tốt nghiệp đại học, tới tìm hiểu Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời.

Để biết rõ hơn về Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời, bạn hãy liên lạc với:

Rev. Giuse Đặng Xuân Oánh, SVD
**Divine Word Missionaries**
P.O. Box 380
Epworth, Iowa 52045-0380
TEL: 1-800-553-3321

# NHÀ XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH THẾ KỶ

PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 □ (714) 894-9021 . FAX (714) 894-2752


# THƯ MỤC

| SỐ • TỰA (*Tác giả*) | GIÁ |
|---|---|
| 9401 • Nửa Đời Nhìn Lại (truyện, *Tiêu Dao Bảo Cự*) | $14.00 |
| 9402 • Thơ Bùi Giáng (thơ, *Bùi Giáng*) | $8.00 |
| 9403 • Hà Nội Trong Mắt Tôi (ký, *Phạm Xuân Đài*) | $10.00 |
| 9301 • Vườn Dâu Xanh (nhạc, *Trần Đình Quân*) | $10.00 |
| 9302 • Sử Xanh Lưu Truyền (sưu tầm, *Quý Linh*) | $19.00 |
| 9303 • Thông Đưa Tiếng Kệ (truyện, *Túy Hồng*) | $12.00 |
| 9304 • Bạn Gái Nhỏ To (ký, *Bùi Bích Hà*) | $14.00 |
| 9305 • Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết (ký, *Xuân Vũ*) | $11.00 |
| 9306 • Chuyện Bé Kim I (truyện, *Từ Nguyên*) | $7.00 |
| 9307 • Chuyện Bé Kim II (truyện, *Từ Nguyên*) | $7.00 |
| 9308 • Kỹ Thuật Săn Tin Viết Tin (biên khảo, *Trần Văn Ngô*) | $12.00 |
| 9309 • Ký Giả Chuyên Nghiệp (*Lê Thái Bằng & Lê Đình Điểu* dịch) | $19.50 |
| 9310 • Hành Trình Về Phương Đông (ký, *Nguyên Phong*) | $10.00 |
| 9311 • Mùa Hè Năm 1999 (Tuyển tập) | $6.50 |
| 9312 • Từ Một Giấc Mơ (Tuyển tập) | $12.00 |
| 9313 • Thơ Trần Mộng Tú (thơ, *Trần Mộng Tú*) | $9.00 |
| 9314 • Thương Nàng Bấy Nhiêu (truyện, *Kiệt Tấn*) | $12.00 |
| 9315 • Bút Ký Irina I (ký, *Irina Zisman*) | $10.00 |
| 9316 • Liêu Trai Chí Dị I (truyện, *Kim Y* dịch) | $7.00 |
| 9317 • Liêu Trai Chí Dị II (truyện, *Kim Y* dịch) | $7.00 |
| 9318 • Liêu Trai Chí Dị III (truyện, *Kim Y* dịch) | $7.00 |
| 9319 • Những Ngày Muốn Quên (ký, *Đoàn Thêm*) | $18.00 |
| 9320 • War & Exile (East Coast VN *PEN*) | $12.00 |
| 9321 • Duy Văn Sử Quan (biên khảo, *Hoàng Văn Chí*) | $12.00 |
| 9322 • Trường Ca Lời Mẹ Ru (thơ, *Trương Anh Thụy*) | $12.00 |
| 9323 • Trạm Nghỉ Chân (truyện, *Trương Anh Thụy*) | $10.00 |
| 9324 • Con Đường Cải Tạo (ký, *Dương Tử*) | $10.00 |
| 9325 • Lớp Sóng Phế Hưng (truyện, *Hồ Trường An*) | $7.00 |
| 9326 • Một Đêm Thứ Bẩy (truyện, *Mai Thảo*) | $8.00 |
| 9327 • Mồ Hôi Của Đá (truyện, *Nhật Tiến*) | $8.00 |
| 9328 • Giai Thoại Hồng (ký, *Hồ Trường An*) | $14.00 |
| 9329 • Đêm Rồi Cũng Đi Qua (truyện, *Nguyễn Thị Ngọc Nhung*) | $8.00 |
| 9330 • Phật Giáo Hòa Hảo (biên khảo, *Nguyễn Long Thành Nam*) | $25.00 |
| 9331 • Miền Đất Hứa (truyện, *Trà Lũ*) | $10.00 |
| 9332 • Hai Mươi Năm Thăng Trầm (ký, *Đinh Văn Ngọc*) | $12.00 |
| 9333 • Những vấn Đề Việt Nam (Tuyển tập) | $22.00 |
| 9334 • Tuyển tập (luận, *Nguyễn Kiến Giang*) | $10.00 |
| 9335 • Trong Cõi (ký, *Trần Quốc Vượng*) | $15.00 |
| 9336 • Đôi Điều Suy Nghĩ Của... (luận, *Hà Sĩ Phu*) | $6.00 |
| 9337 • Trăng Mật (thơ, *Nghiêu Minh*) | $15.00 |
| 9338 • Những Bài Không Tên Tiếp Nối (nhạc, *Vũ Thành An*) | $12.00 |
| 9339 • Tình Khúc Hồi Hương (nhạc, *Phạm Anh Dũng*) | $6.00 |

**THẾ KỶ 21**
*The 21st Century*

NEWS • TECHNOLOGY • ARTS & LETTERS
*A source for Vietnamese studies*

PUBLISHER,
ENGLISH SECTION EDITOR
*Le Dinh Dieu*

EDITOR
*Vuong Huu Bot*
*(Do Quy Toan)*

MANAGING EDITOR
*Nguyen Xuan Hoang*

OFFICE MANAGER
(Administration, Circulation & Advertising)
*Vu Duy Tu*

ADVISORS & CONTRIBUTORS
*Bui Bao Truc • Dam Trung Phap • Do Ngoc Yen • Hoang Ngoc Tue • Luu Van Vinh • Nguyen Dinh Hoa • Nguyen Duc Quang • Nguyen Manh Hung • Nguyen Thien Co • Phan Huy Dat • Phan Ly • Ruth Talovich.*

THE KY 21 (The 21st Century) is published monthly in Westminster, California, USA, and distributed worldwide. Subscription rates: inside the US $28.00 a year (bulk rate), $43.00 a year (first class); outside the US: see subscription form printed inside. Send check/money order, inquiries and all mail to:
THE KY 21, PO BOX 2054-H39, WESTMINSTER, CA 92684. Tel (714) 894-9021; Fax (714) 894-2752. All rights reserved.

ISSN 1056-4640

# CAN VIETNAM BECOME ANOTHER DRAGON OF ASIA?

By PHU BUI

Today communism is no longer a vital force in Vietnam and the country is gearing towards a market economy. Thanks to Hanoi's bold economic reforms many Vietnamese now are enjoying a new life style with Korean gas stoves, Australian telephones, Singaporean beers, Japanese vehicles and refrigerators which are the products of joint-venture projects between Vietnamese and foreigners.

After reunifying the country in 1975, Hanoi leaders vowed to turn Vietnam into an economic mecca by taking the socialist path. Le Duan, then Secretary General of Vietnam's Communist Party, has promised his people that by the year 2000 every Vietnamese household would have a refrigerator. Duan's envison probably will become a reality, due not to the socialist economic model which he and his predecessors faithfully believed in, but to the policy of "doi moi" - or renovation - initiated by party chief Nguyen Van Linh in 1986 setting Vietnam into a new course of economic development. New policy allowed private enterprises to operate and gave Vietnamese incentives for their hard work and creativity in making products.

As the result Vietnamese farmers produced 21.5 million tons of rice in 1993 placing Vietnam third to the U.S. and Thailand. Construction, food processing and tourism industries also expanded enormously with the numbers of joint ventures increased several folds. Foreign investments totaled $7 billion since 1989, $1 billion in the first quarter of 1994 alone. In the past three years, Vietnam's economy enjoyed an impressive 7% annual growth. With the trade embargo against Vietnam lifted, Americans now can compete for a lucrative market.

However, Hanoi's economic reforms outpaced its political ones. The government-controlled media frequently published articles to warn the people of a "peaceful evolution" aiming to overthrow the communist regime as a pretext for arresting those who peacefully express their opposition to government policy.

Dr. Doan Viet Hoat, a graduate of the U.S. university and former vice rector of Van Hanh University, was arrested for circulating the Dien Dan Tu Do - Freedom Forum - a magazine with articles calling the government to implement political freedom. Last year Dr. Hoat was sentenced to 20-year imprisonment.

Dr. Nguyen Dan Que, head of an underground human rights movement, is serving a 20-year sentence for sending an appeal to the outside world calling for freedom, democracy, and pluralism in Vietnam. Dr. Que's devotion to the cause of human rights inspired several U.S. lawmakers to nominate him for the Nobel Peace Prize. Lawyer Doan Thanh Liem was handed a 12-year sentence for "disseminating propaganda against the socialist regime." Liem's supporters in the United States- including former U.S. President Jimmy Carter, former U.S. Senator and presidential candidate George McGovern, Ted Koppel of ABC's Nightline, Mike Wallace and Ed Bradley of CBS's 60 minutes - signed an open letter

protesting the sentence and appealing for his release.

Duong Thu Huong, a novelist and a member of the Communist Party, candidly raised the question on the war's aftermath. She questioned whether it was worth the heavy human sacrifice to face the reality with injustice, widespread corruption and the demoralization of the once invincible and well-disciplined cadres. She was detained for six months and the government still censors her novels. Nguyen Ho, a former National Liberation Front Leader, recently was put under house arrest for appealing to the government to initiate genuine political reforms.

Religious people suffered the same fate. Thich Huyen Quang, the leader of the independent Unified Buddhist Church, was forced to exile in Quang Ngai province for more than a decade. He continues to defy government repressive policy. Last year unrest in Hue caused by the government intervention in church affairs raised protest in several cities. A dozen monks and lay people were arrested and alledged of agiating peace. Subsequently Thich Tri Tuu of Linh Mu pagoda and others were sentenced to prison terms. Bishop Nguyen Van Thuan, after spending more than ten years in prison, was allowed to travel to Rome, then Hanoi prohibited him from returning. Hanoi still wants to approve all Vatican appointments to Vietnamese Catholic Church. According to Puebla Institute, a Washington D.C.-based human rights group, 130 preachers are under arrest in Vietnam for their religious activities.

Undoubtedly, Vietnam is flexing its economic muscles to catch up with the neighboring countries. Can Vietnam develop to her fullest potential to become another dragon of Asia? The answer depends on Hanoi's willingness to listen to the dissidents' voice.

For the United States, a less authoritarian Vietnam would better serve its interests and ideals. A more open society also encourages the Vietnamese to continue their endeavor in building a prosperous and democratic country. Without political reforms, economic growth can not be sustained or further advanced. ☐


**THẾ KỶ 21**

P.O.BOX 2054-H39, Westminster, CA 92684, USA. Tel: (714) 894-9021; Fax: (714) 894-2752

**PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN**

***SUBSCRIPTION FORM***

Họ tên / Full name:.....

Địa chỉ / Address:.....

.....

Điện thoại / Telephone: .....

Tôi đặt mua / I would like *The Ky 21* delivered to me: Bắt đầu từ số / Starting from issue:.....

☐ 06 số / Issues (US$17.10) ☐12 số / Issues (US$32.40) ☐24 số / Issues (US$61.20)

Ngoài nước Mỹ, thêm cước phí cho mỗi số: Canada US$1.48. Âu châu: US$3.01. Các nơi khác US$3.90.

Kèm theo đây là chi/lệnh phiếu mang số tiền / Enclosed is check/money order of: $.....

Có thể trả bằng tiền địa phương qua các đại diện phát hành sau đây:

- Pháp: Mme Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris. ĐT (1) 45 83 19 12.
- Đức: Trần Hưng, Krimstr 9, 44145 Dortmund 1. ĐT 833 075.
- Canada: Hoàng Chiêu Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8. ĐT (514) 445-0529.

# IS THE PEOPLE'S ARMY STILL THE ARMY OF THE PEOPLE?

LÂM LÊ TRINH

In 1985, the Socialist Republic of Viet Nam (SRVN) had a regular army of 1,600,000 men, and a domestic security force of 600,000 men. For budgetary reasons, 1,000,000 soldiers were subsequently demobilized. The projected budget for 1994 reduced national defence expenses to 7 billion piastres, a 16% reduction from the previous year. On the other hand, domestic security is reinforced by an increase of 60% (see Challenges of growth, a fortune in waste by Murray Hiebert in The Far Eastern Economic Review, 12.12.93)

The SRVN Army, called the People's Army, is in the middle of the most serious crisis of its history sparked off by the problems experienced by the Vietnamese Communist Party itself.

1. Disagreements about strategy within the Communist leadership

Hồ Chí Minh, founding father of the Vietnamese Communist Party, left behind numerous writings, among them, his memoirs entitled Ngục trung nhật ký (Prison diary), published in Hà Nội in 1991 by Văn Hóa Giải Phóng. This diary was at the center of a great controversy recently, when a number of overseas Vietnamese intellectuals (like Lê Hữu Mục and Lê Trí Viễn) accused Hồ of claiming as his own the writings of a prison comrade who died in China (see Vụ án văn học, (a literary trial) by Thái Việt, in Ngày Nay, Houston, Texas, 1.3.94). Other writings by Hồ include a number of self-serving articles (for instance Vừa đi đường, vừa kể chuyện, Stories for the road) which have appeared in the press under different names, Trần Lục, T. Lan, Trần Dân Tiến.

The above mentioned documents have no real literary or historic value. They tell us very little about Hồ's political thinking and even less about his military philosophy if he had one. In 1989, to commemorate the 30th anniversary of the battle of Điện Biên Phủ, Quân Đội Nhân Dân, the Army's official mouthpiece, published a study entitled The most difficult decisions in which Giáp briefly mentions Hồ's two favorite precepts. The first is that armed struggle and diplomatic negotiations must be used together. The second is that a military leader must have full power during battle once the fighting starts, victory must be assured.

To date, Võ Nguyên Giáp has not written his memoirs. Maybe one day when he is back in favor (although there is little time left, given his advanced years), he will tell the truth about China's military help, the "contribution" forced on the Vietnamese communists by their Chinese mentors, and his own part in the "crusade" against the French and the Americans.

During the war, the People's Army received as part of its training documents signed by Secretary General Trường Chinh (whose real name was Đặng Xuân Khu) and entitled Protracted war will lead to certain victory and About the new democracy. Those documents were mere translations of Mao's well-known writings, A study of the nine faces of war (Tri Cửu Chiến) and A thesis on the new democracy (Tân dân chủ luận).

As for the secretary general of the party, Lê Duẩn, he has not missed one opportunity to debunk the myth of Giáp the "artisan of victory over Franco-American imperialism." Since 1975, he has repeatedly mentioned during party meetings, that he was forced to take over the conduct of the war because Giáp "lacked decisiveness... temerity... was as timid as a rabbit." In his book Hoa Xuân Tuyết (Snowdrop) pages 135-138, published in California in 1991 by Nhân Quyền Editions, Colonel Bùi Tín reveals that Giáp, exasperated, had retorted that if he had had full powers "things would have been different." Duẩn gloated about being an "inventive strategist". His theory rests on the maximum use of revolutionary might to end the conflict at the earliest opportunity. He believes that before resorting to negotiations, simultaneous use of the regular army, regional forces and guerrillas should be made on all three fronts, in cities, in the countryside and in the jungle. Duẩn does not set his ideas in writing, preferring to explain them verbally. He points out that under his leadership, the People's Army has resolutely applied an offensive strategy and made very little use of defensive tactics. Trường Chinh has commented on this "global and extreme" strategy in the following ironic terms: "Anh Ba's ideas (Brother Number 3 was Duẩn's name in the Party) concerning the mechanics of the revolutionary struggle are in no way unique, nor original."

The disagreements between Lê Duẩn and Lê Đức Thọ on the one hand and between Lê Duẩn and Võ Nguyên Giáp on the other flared during the important phases of the war, for instance during the Gulf of Tonkin incident in April 1961 involving the US Navy, the 1973 attack in the Highlands of South Việt Nam, the 1975 assault of South Viet Nam by 15 Northern divisions, the 1978 invasion of Cambodia... In many instances, the orders of Minister of Defense Giáp were countered by those of Secretary general Duẩn.

It is worth noting here that at the start of the war against the French, the People's Army had among its leaders, according to many reliable sources, a most brilliant guerrilla strategist: Nguyễn Sơn, whose real name was Vũ Văn Bắc, was born in Bac Kan, in North Việt Nam. He was trained at the Whampo Academy and served in the Chinese Army for 20 years. He was one of the 18 generals who survived the Long March (1934-36), and Mao Tse Tung made him a "national hero." In 1945, he asked to return to Việt Nam to joint the ranks of the Việt Minh. Appointed commander of Zone 5, and then of Zone 4, Nguyễn Sơn quickly become popular among his soldiers, as well as among intellectuals and artists. His liberal views however did not endear him to Hồ Chí Minh, in particular his criticism of communist methodology, his opposition to foreign assistance and his dislike of Giáp whom he considered a novice. After 1949, Nguyễn Sơn was sent back to China for "political reeducation." In 1956, he returned once again to Việt Nam where he subsequently died of cancer. During his stay in his homeland, Son published a number of booklets, aimed at educating the masses, the army and the party ("chỉnh phong, chỉnh quân, chỉnh đảng"). Most of his suggestions were rejected and a very small number were incorporated in a program the Communists called "chỉnh huấn" (see From colonialism to communism by Hoàng Văn Chi, the Pall Mall Press Ltd, London 1963).

2. Political purges in the People's Army

A series of bloody purges rocked the People's Army, not in the name of Marxism but as a result of political fluctuations and struggles within the Party.

The first purge took place from 1954 to 1955, and is known as the "trial of the revisionists." The aim was to eliminate supporters of Võ Nguyên Giáp with suspected pro-Kruchev leanings. With the approval of Lê Đức Thọ (maybe even at his instigation), Interior Minister Trần Quốc Hoan detained a number of senior officers and several senior cadres of Quân Đội Nhân Dân. Investigations conducted in these cases revolved round Giáp's position vis-a-vis Stalin, Kruchev, Lê Đức Thọ, Lê Duẩn, the uprising in Hungary...

The second purge took place in 1975 and was aimed at dissolving the Front for the Liberation of South Việt Nam (FLN). In his memoirs The end of the thirty years' war which was banned in Việt Nam in 1982 and published again in Houston, Texas in 1987, General Trần Văn Trà, leader of the FNL forces, accused General Văn Tiến Dũng, chief of staff of the North Vietnamese forces and author of the book entitled The great spring victory, of taking underserved credit for the successful invasion of South Việt Nam. Trà described himself as the master strategist of the South Vietnamese campaign, and called Dung and his men "the king's soldiers." He criticized them for making the tactical mistake of attacking Đức Lập, Kontum and Pleiku instead of the key areas of Phước Long and Ban Mê Thuột. In conclusion, he quotes with some bitterness, a Vietnamese proverb: "He who tastes the fruit must remember the one who planted the tree."

One only has to read chapter 21 ("Joys and sorrows") of the book, Memoirs of a Việt Cộng published in Paris in 1985 by Editions Flammarion and written by the former Minister of Justice of the provisional FLN government Trương Như Tảng, to understand the bitter disappointment of the Front's members. Tảng tells how, on 15 May 1975, he attended the grandiose military parade that took place in Saigon in the presence of all the Party's major dignitaries. Tảng was surprised not to see the FLN marching in the parade. He turned to Văn Tiến Dũng and asked him the reason why. Dũng coldly replied that "the army has been unified." Tảng asked: "Since when? By what resolution?" Dũng smiled mockingly without replying. During July 1975, Nguyễn Hữu Thọ, Huỳnh Tấn Phát and other FLN leaders organized a sad little farewell dinner at... the Rex dance hall in Saigon. Hanoi neglected to send representatives. The FLN members in attendance sang a few patrotic songs, then quietly buried their movement. Nguyễn Khắc Viện, the party historian, later wrote a eulogy in the form of an editorial: "The provisional revolutionary government of the FLN was a mere product of the SRVN. If we (the SRVN) have pretended for so long that it wasn't, that is we were not at liberty to show our hand during the war."

A while later, FLN leaders Trần Văn Trà, Đồng Văn Cống and Nguyễn Thị Định were dismissed. Trà had to go into hiding and only resurfaced in 1985, with Lê Đức Thọ's approval. In 1987, the veterans of the now defunct FLN established a "club" because they were not allowed by Hànội to form an association. Many members have recently been arrested and interrogated. Their newspaper was banned. Their president, Nguyễn Hộ, who had served in the communists ranks for 54 years, was imprisoned for publishing an open letter to Hànội's leaders entitled "Viewpoints and life" in which he denounced their abuses and suggested a number of democratic reforms. The executive committee of the Club was replaced by men working for the government. Trần Văn Trà was "bribed" into siding against

Nguyễn Hộ.

Opposition to the current government by former members of the FLN deserves to be watched carefully because it shows the South's disenchantment with the regime. It's a powder keg that may well explode given the "right" circumstances. Trương Như Tảng correctly sums up the FLN's mood in the conclusion to his memoirs: "We are all the victims of a farce."

There was a minor uprising in the Army in 1986. Secretary Lê Duẩn passed away in July 1986. Three months before the 7th plenary of the Party, scheduled for the end of the year, the national assembly of the army tried to do some internal "housework" with two important measures: first of all, they proposed to elect Trường Chinh, Phạm Văn Đồng and Võ Nguyên Giáp to the positions respectively of Party secretary general, head of state and president of the council of ministers, and secondly, they wanted a vote for the exclusion of generals Văn Tiến Dũng, Chu Huy Mân, and Đặng Vũ Hiệp from the official army delegation to the party conference. Võ Nguyên Giáp and Lê Trọng Tấn were voted in by a large majority.

The plan failed when Lê Đức Thọ sent a formal letter to Phạm Văn Đồng and Trường Chinh "suggesting" that all three should resign from the Politburo because of their advanced years. Giáp's neutralization was automatic because he had removed from the Politburo in 1982. Ten days before the conference, general Lê Trọng Tấn, who had been appointed to the post of Minister of Defense, died in mysterious circumstances. A few months before that, general Hoàng Văn Thái, deputy minister of defense, and related to Giáp through his son's marriage to Giáp's daughter, disappeared equally mysteriously. Văn Tiến Dũng who was his substitute on the delegate list, was automatically made the official army delegate to the party conference. Immediately afterwards, there was a large purge of officers accused of "a lack of commitment," or of being "extremist democrats". At the end of 1990, as part of the planning of the June 1991 Party Congress, more than a thousand senior officers were demobilized. According to Bùi Tín and Nguyễn Hộ, general Trần Bình and Đinh Đức Thiện (brother of Lê Đức Thọ and Mai Chí Thọ, former Minister of the Interior) were both assassinated in circumstances that remain unexplained.

In the period between the 6th and 7th Party Congress, a team of conservative generals was promoted to leading positions within the central government. They were former regional commanders without the required length of service and no great military experience; Lê Đức Anh, Đoàn Khuê, Lê Khả Phiêu, Bùi Thiện Ngộ, Nguyễn Quyết, Đào Đình Luyện... Lê Đức Anh's rise in particular was meteoric: from Minister of Defense, he became President of the government.

Moral disintegration of the Army

The curtailment of Soviet aid forced Hànội to let the Army launch itself into business in order to become self-financing. Currently, 70,000 of the regular troops, about 12% of the total number, are involved in some 300 firms whose activities range from managing hotels, banks, and dance halls to manufacturing export goods. Most of the real estate in the country are owned by the Army who pay 150 billion piastres in taxes to the Ministry of Defence each year. In November 1993, the Politburo's political commissar Vũ Oanh warned the Army at a meeting in Hànội that it "must not let itself be distracted from its noble task of serving the country." A month later, Prime Minister Võ Văn Kiệt reported to the National Assembly that the government had neither the ability nor the authority to remove corrupted regional officials and that their reluctance to relinquish their monopoly on privileges was a great source of discouragement to technical cadres.

It is worth noting that this weakness of the central administration is a consequence of the communist system of decentralization which delegates administrative, political and security powers to regional units to enable them to deal more effectively with local uprisings.

Last April, various foreign press agencies broadcast a statement by General Nguyễn Trọng Xuyên, President of the military committee against corruption and smuggling. In this statement, he accused tribunals of letting the worst offenders get away with it while only punishing minor breaches of the law. Xuyên also denounced the rivalry and slander campaign between the Ministry of the Interior (which covers Security) and the Ministry of Defence. Alongside the new privileged class that had been created, there are millions of demobilized soldiers, some of them wounded, and war widows and orphans, trying to eke out a living. According to Bùi Tín, only a quarter of the veterans manage to make a living thanks to savings made during their years of service with "profitable" branches of the army, such as supplies (food, clothing, ammunition) and health. What happened to the "loot" seized in South Việt Nam and evaluated at six billion dollars remains a mystery.

3. The People's Army and the future

The People's Army emerged a winner from two difficult wars. The question is how communist ideology, reactionary and inhuman as it is, has been able to lead it to victory. There have been many attempts to answer this question, but one thing is clear: The party has exploited to the maximum the intense patriotism of the Vietnamese people and their deep hatred of imperialism.

For more than 50 years, the Vietnamese people have been misled. Those who put their faith in Marxism have been bitterly betrayed because all that they have sacrified has been in vain. Dương Thu Hương the writer, and a former communist writes: "Today, the people's greatest enemy is the Hànội leadership."

Novelist Nguyễn Tuân admits "If I am still alive today, it is because I still know what it is to be afraid." Poet Chế Lan Viên, before dying in poverty, wrote in the poem "Bánh Vẽ" (The make-believe cake," a figure of speech for false hope):

"Even before eating it
I know that it is a make-believe cake
Yet I have to sit at the table
And taste the cake
Because if I don't
My friends will resent me
For spoiling the night's pleasure..."

On 23 March this year, the Minister of Defense Đoàn Khuê read over radio Hànội an appeal to political cadres and governmental officials, warning them to remain vigilant to peaceful attempts at infiltration and sabotage by foreign powers (Diễn Biến Hòa Bình in the communist jargon). Washington is proceeding step by step with Hànội in an attempt to maintain stability in South East Asia. Within the Party, there is currently no leading figure, no-one who seems to have the situation under control. Conservative military men with little education and doubtful ethics appear to be gaining the upper hand. At the same time, this faction has to deal with the Chinese threat in the South China Sea and along the Cambodian border, and within the country, with a serious economic crisis in spite of outward signs of prosperity (Barry Wain, Pitfalls of prosperity, Vietnam's robust economy breeds pockets of danger in The Asian Wall Street Journal, March 28, 1994). All things considered, Việt Nam's disease does not come from its isolation or from the recently-lifted American embargo but rather from its own leadership, incapable as it is to adapt to democracy and the modern economic system.

It is in the interest of the United States government that Việt Nam should have a stable administration and a competent army. The reality is that this army is divided internally and the victim of widespread corruption. Washington will do what it can to reach its objectives but it doesn't look like democracy is its major concern.

The Army is proud to have liberated the Vietnamese people from colonialism. Ironically, this tool and spearhead of the party has brought on another kind of imperialism, equally evil and hateful, that of the Komintern. The Army now has the responsibility to restore democracy and fulfill the people's legitimate aspirations.

There is a growing number of genuine reformists within the ranks of the Army, who realize that opting for Marxism has been a mistake. Their regrets and experience are powerful weapons. In his memorandum "Viewpoints and life" Nguyễn Hộ makes the following cofession: "When I was a communist, I was a prisoner. Since I resigned from the Party, I have become free. My thoughts have wings, they soar..."

The Tien An Men uprising shook China in June 1989. How would the Vietnamese People's Army react to a similar event? Which side would it take? The people's or the government's? Those who have converted to democracy, would they waite till then to end the nightmare in which the people are living?

The key to all these problems rests in their hands. Let us hope that they are able to seize the opportunity before they get overtaken by events. □

*June 1994*
*Huntington Beach*
*California*

## DU TU LE

# CORNERS OF MY LIFE

to Nguyen Sa and Bui Bao Truc

**My life, a life of break and ruin,**
**A life of fleeting confusion, and passing awe,**
**A life of joy in this body,**
**rotten to the core.**
**A wayfarer's life, under borrowed roof,**
**a life full of emptiness,**
**a life of blues, of cold, of endlessness.**
**A life my offsprings want to get rid of**
**and my wife wants to shrug off**
**and yet, a life that my love wants to cling to.**
**A life of human suffering,**
**a life of promises forgotten.**
**Which life is truly mine? Which life is my own?**
**A life of bleeding nights,**
**of yearning and memory.**
**My life, a life of darkness and shadow,**
**I pray, if you ever stop by, don't stay too long.**
**Such is my life, nothing worth mentioning!**

*January 1977*
*(Translated by Pham Trong Le)*

# "PROJECT 20" PLANS MORE PROGRAMS IN 1995

(From left) Dr. Harry Norman, Dean of CSUF-Extension, Ms Nancy Warzer, and Ms Jane Welgan, professors at UCI-Extension, Dr. Elizabeth Mechling, Dean of CSUF School of Communications -- at a "Project 20" meeting in Little Saigon.

In the three months since it was presented in a May 10 press conference at the Huntington Beach Library, "Project 20" has received warm welcome. Dozens of Vietnamese and American organizations in several states have been active in their response.

At an August 10 lunch in Little Saigon's Grand Garden Restaurant, Project 20 organizers reported that Vietnamese communities in San Diego, San Jose and Seattle have agreed to join the plan with their own programs.

Delegations of organizers have been sent to Washington, DC, Philadelphia and Boston.

"Contacts have been made, and we will give a hand in setting up local organizing committees in Minneapolis, Chicago, Dallas, Houston, Wichita and Oklahoma City, in September and October," reported Khoa Le, productions coordinator for Project 20.

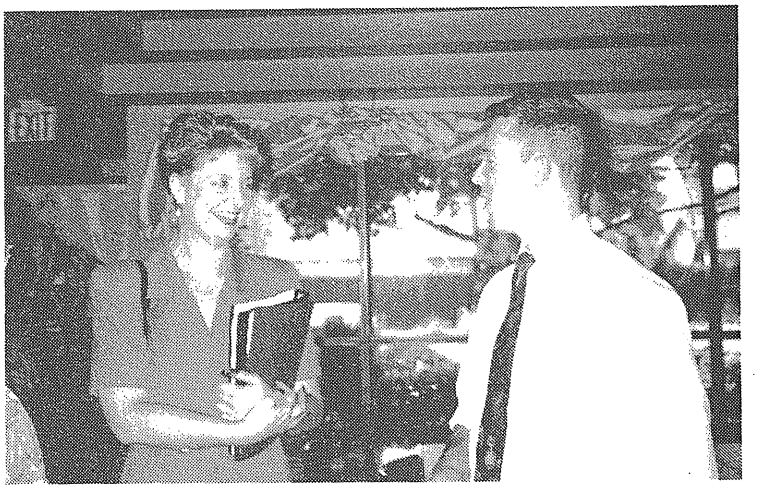

Ms Kelly Rugirello and Mr Mark Weir of Pacific Symphony Orchestra.

Khoa Le is a composer and conductor, a photographer and a television producer. He is contributing not only his time and his organizing skills, but also one of his musical creations, a symphonic suite "1-9-7-5."

"With help from the Pacific Symphony Institute, it will be

presented by an orchestra and a chorus, at Orange County Performance Arts Center," said Yen Do, Project 20's administration coordinator.

In the mainstream media, Yen Do is one of the most-quoted sources on Vietnamese community affairs. He also told the meeting that there would be a photo exhibit co-sponsored by three major newspapers in Orange County: *Los Angeles Times, The O.C.Register*, and *Nguoi Viet*.

"The photos are graphic records of the history of the Vietnamese community in Orange County from 1975," Do explained.

Artistic photography seems to be a favorite form of expression everywhere, so many photo exhibits have been planned for Project 20. One will be co-sponsored by the Vietnamese American Arts and Letters Association and University of California at Irvine. Nancy Warzer, Director of Arts and Humanities Section at UCI-Extension told the meeting that she would coordinate with the City of Irvine to organize exhibits of Vietnamese fine art, photography, and antiques, along with workshops on Vietnamese silk painting, etching, and some sessions of poetry reading.

Two deans from California State University, Fullerton were present at the meeting: Dr. Elizabeth Mechling, dean of CSUF School of Communications, and Dr. Harry Norman, dean of UCI-Extension. They said that CSU Fullerton would organize symposia on Vietnamese social conflicts and Vietnamese film critics, an oral history project to record experiences of the first Vietnamese generation of immigrants, and they would open

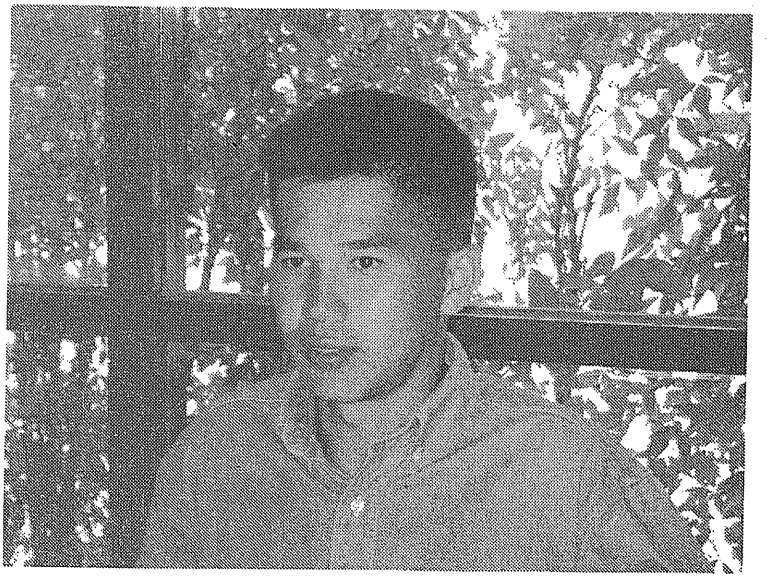

Marines Corps Captain Quang Xuan Pham, a "Project 20" coordinator in charge of organizing a visit to Camp Pendleton in 1995.

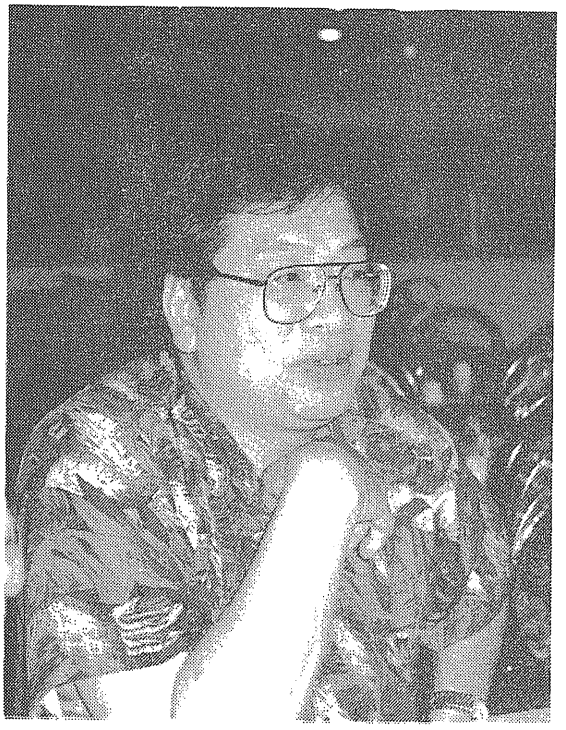

Mr. Nguyen Kim Long, a member of the "Project 20" organiz ing committee in Seattle, Washington.

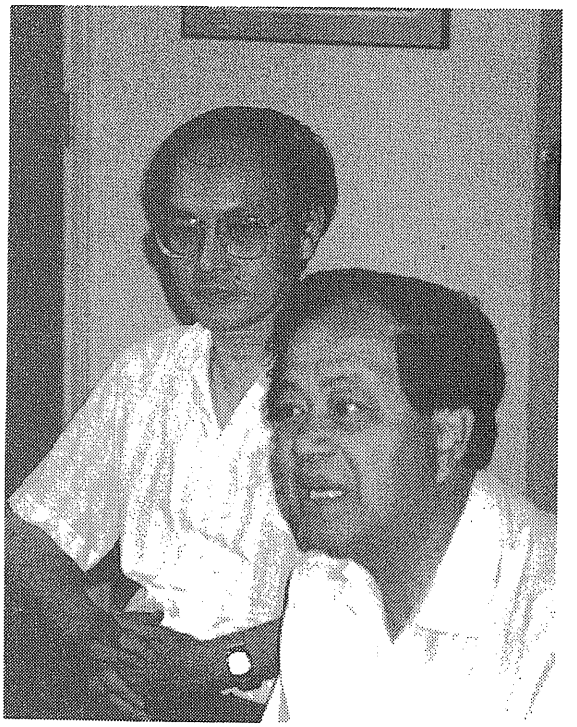

Dr. Le Phuc Thuy and Mr. Le Van Khoa at a meeting in San Diego to set up a local "Project 20" organizing committee.

a Southeast Asia Institute.

The Pacific Symphony Orchestra was represented at the meeting by Kelly Ruggirello and Mark Weir. Although it has its own program for the 1995 season, it also joined Project 20.

The meeting was broadcast live on Radio Little Saigon, an 18-hour daily Vietnamese language program reaching to tens of thousands of Vietnamese living in Southern California. Its director, Ninh Vu, is also a member of the Project 20 organizing committee, and he is planning full coverage of all Project 20 activities.

## LATEST NEWS

. In San Jose, California, as reported by Khoa Le, a group led by Lai Duc Hung would gather documents for a publication telling the story of Vietnamese fighting for human rights.

. In Kent, Ohio, Dr Nguyen Thuyet Phong joined "Project 20" bringing his programs of introducing Vietnamese traditional music in various cities -- Seattle, Orange County, Houston/Dallas, Washington DC and New Orleans, tentatively.

. The Vietnamese Student Union of Southern California will organize a special program highlighting sports events (Northern America Student Sport Festival), symposia on the role of Vietnamese youth in building the community and the country, and youth concerts.

. Capt. Quang Xuan Pham is in charge of organizing a visit to Camp Pendleton -- where tens of thousands of Vietnamese spent their early days after leaving Vietnam when Saigon fell, in April 1975.

To get more information about Project 20, call (714) 894-5630 or 894-9021. □

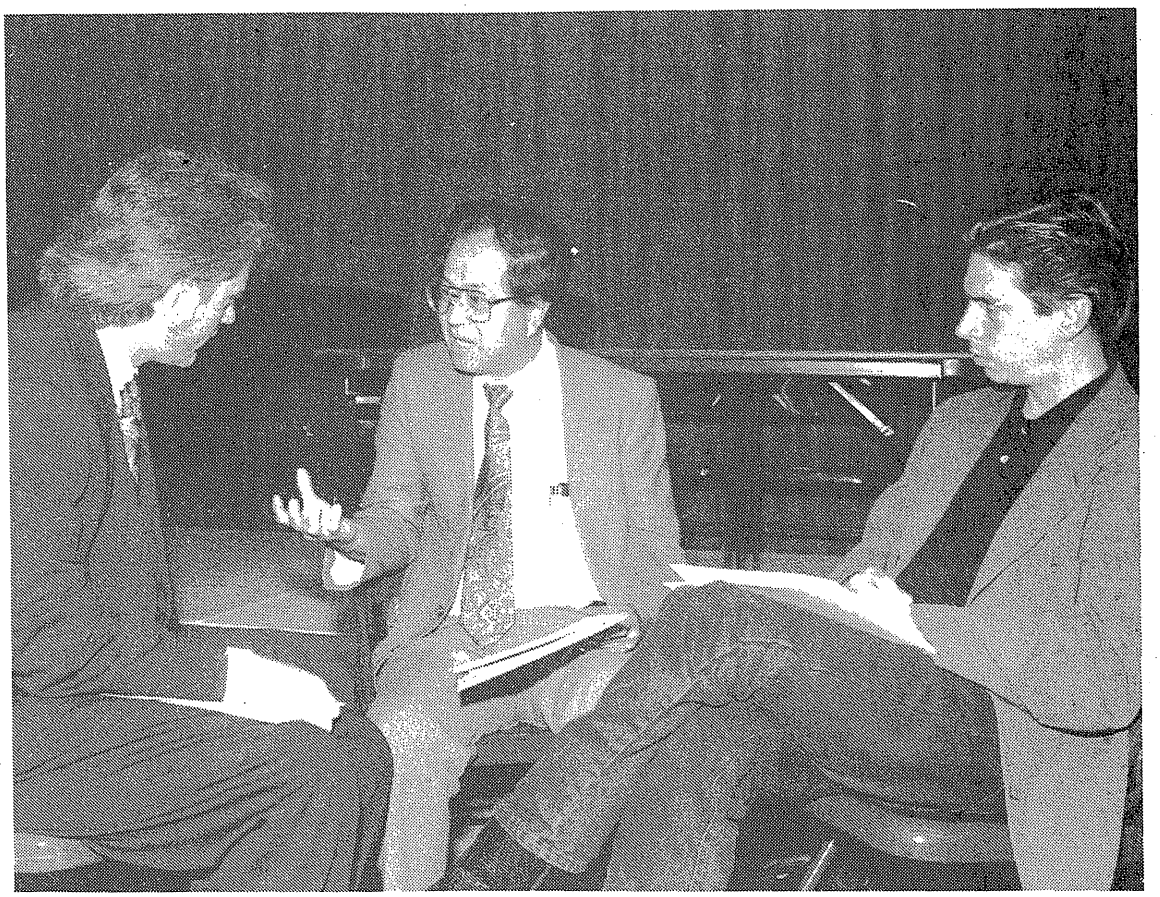

In order to prepare for multi-city musical performances in 1995 to commemorate the 20th year of Vietnamese refugees' arrival in the U.S., the Pacific Symphony Orchestra and "Project 20" join efforts to blend Vietnamese traditional and Western musics. Mr. Le Van Khoa (center) is explaining some characteristics of the pentatonic mode of Vietnamese music to conductor Carl St. Clair and composer Elliot Goldenthal.

# NÓI CHUYỆN VỚI VÀI NGƯỜI THỰC HIỆN TẠP CHÍ THƠ

## NGUYỄN NAM ANH thực hiện

*LTS — Một tạp chí vừa ra đời tại California, đặc biệt chuyên về thơ. Tạp chí Thơ, tờ báo trình bày rất bắt mắt với những người viết có tên tuổi, có khuynh hướng mới trong văn học Việt Nam ở đây. Khế Iêm, tổng thư ký, nhà văn Phan Tấn Hải và thi sĩ Nguyễn Hoàng Nam là những người đóng góp cho tờ báo hiện có mặt tại Quận Cam. Cuộc nói chuyện do Thế Kỷ 21 thực hiện xoay quanh một số vấn đề liên quan đến tạp chí Thơ cũng được sự đóng góp của nhà thơ Đỗ Kh. và nhà thơ Chân Phương, những người trong ban chủ trương của tạp chí này.*

KHẾ IÊM: làm thơ, viết truyện ngắn.

PHAN TẤN HẢI: chuyên viết truyện ngắn, đôi khi làm thơ.

NGUYỄN HOÀNG NAM: Trước có làm thơ lai rai, đang đi tìm một khuynh hướng mới.

NGUYỄN NAM ANH: Tạp chí Thơ trình bày rất nghệ thuật, đây là một tạp chí đáng lưu ý. Anh Khế Iêm, anh Phan Tấn Hải, anh Nguyễn Hoàng Nam là một vài người trong số những người chủ trương tạp chí này. Đáng lẽ hôm nay có anh Đỗ Khiêm và một vài bạn nữa, nhưng vì bận và ở xa nên không đến được.Tiếng nói ở đây có thể coi như là của những người chủ trương.

Câu hỏi đầu tiên chúng tôi muốn đặt ra: Thơ ở trong nước Việt Nam cũng như ở hải ngoại vốn là sản phẩm nghệ thuật rất khó đến với người đọc. Bởi vì tự thân thơ đã khó mà người thưởng thức được thơ càng khó hơn. Đến như thơ được in ra đã khó bán mà một tạp chí chuyên về thơ thì lại càng khó đến với bạn đọc hơn nữa. Sự có mặt của tạp chí Thơ trên thị trường chữ nghĩa là một điều tốt, nhưng duy trì nó thì rất khó. Ai cũng biết thơ là một thể loại văn học rất khó bán. Một tạp chí thơ ra đời ở đây lúc này do đó càng là một thái độ can đảm. Xin các anh cho biết lý do vì sao tạp chí Thơ có mặt?

KHẾ IÊM: Cách đây hai năm, chúng tôi, một số anh em trong lúc nói chuyện vui, có gợi ý nên ra một tạp chí chuyên về thơ. Từ đó ý kiến này trở thành ám ảnh đối với một vài anh em, và sau đó đưa tới chỗ thành hình một ban chủ trương của tạp chí Thơ. Một số anh em trong ban chủ trương như Lê Bi, Hoàng Phủ Cương, Phạm Việt Cường, Phan Tấn Hải, Khế Iêm, Đỗ Khiêm, Trần Phục Khắc, Nguyễn Hoàng Nam, Chân Phương, Trịnh Y Thư, Nguyễn Tiến và Nguyễn Tiến Văn.

NGUYỄN HOÀNG NAM: Thực ra nói thơ khó bán thì cũng còn tùy, chưa hẳn đã là như vậy, bằng chứng khi tạp chí Thơ ra đời, nó đã được đón nhận nồng nhiệt hơn là mình nghĩ.

PHAN TẤN HẢI: Thị trường đã như vậy, người viết cũng xem thơ là một "khung cửa hẹp" ít người muốn vào. Ngay trên các tờ báo thơ được xem như để trám chỗ trống. Cho nên tạp chí Thơ không những là việc đi tìm một thẩm mỹ mới, mà còn là tìm một chỗ đứng cho các nhà thơ để gìn giữ lấy những gì mình quí trọng.

NNA: Xin cho biết cái nhìn của các anh về thơ như thế nào?

Chân Phương

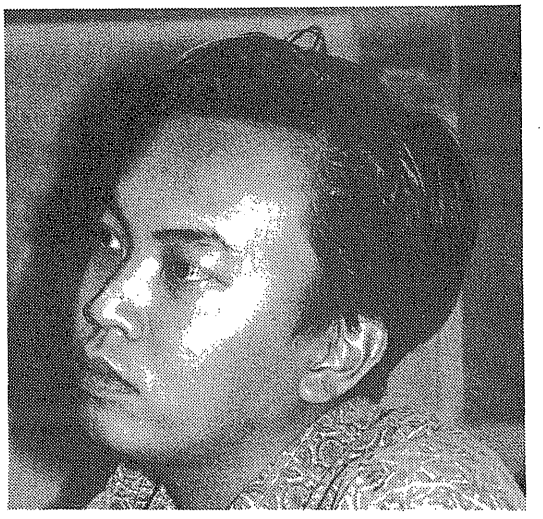

Nguyễn Hoàng Nam

Trong tạp chí Thơ chúng ta thấy có nhiều ngòi bút theo những khuynh hướng rất khác nhau, có cái nhìn rất cổ điển, có cái nhìn rất hiện đại. Có bài viết làm người ta cảm thấy rất gần gũi và "hiểu" thơ, trái lại có những bài làm người ta cảm thấy bị lạc lõng. Ông Mai Thảo có ý kiến rằng tạp chí Thơ đã cắt đứt đối thoại, không cho người đọc có dịp trao đổi vì họ đọc họ không hiểu. Chúng tôi có đọc và phần nào chia xẻ nhận định của anh Mai Thảo. Tuy nhiên bài của Thanh Tâm Tuyền viết về Bùi Giáng, chúng tôi rất thích. Đó là bài viết rất tuyệt vời. Anh Khế Iêm có thể cho biết sự tập họp của những khuynh hướng khác nhau, và những bài lý luận về thơ trong tập này có lẫn lộn cả trong nước ngoài nước, hơi phức tạp vì pha trộn nhiều thứ quá thành người đọc không cảm thấy cái hướng nào là hướng tạp chí Thơ này sẽ đi.

KHẾ IÊM: Xin nói qua chủ trương của tòa báo: đó là thơ. Trên diễn đàn này, tác giả và người đọc cùng đi tìm kiếm thơ. Thơ cũng như văn chương là một dòng chảy ngầm và liên tục. Khi tham khảo ý kiến thế hệ đi trước, chúng tôi nhận thấy họ rất ưu ái đối với thế hệ đi sau, họ đã khích lệ rất lớn về tinh thần đối với anh em chúng tôi. Qua việc làm, chúng tôi nhận thấy không có sự phân cách giữa các thế hệ với nhau.

NNA: Nam là người trẻ, học ở Mỹ, rành cả văn chương Hoa Kỳ và thế giới. Nam có thể cho biết Hoa Kỳ hoặc các nước khác có tạp chí thơ như thế này không? Nếu có, thì họ nhìn thi ca hiện đại như thế nào?

NGUYỄN HOÀNG NAM: Tôi thấy khi ra tạp chí Thơ, ta đã đáp ứng nhu cầu về thi ca Việt Nam ở đây. Cũng đã có một độc giả nêu câu hỏi sao tạp chí này không đưa ra một cái hướng chung về thi ca. Điều này không có gì khó hiểu: cứ nhìn những người trong ban chủ trương, cũng như văn giới ở đây, gồm nhiều người khác nhau, có điều kiện sống khác nhau, quan điểm khác nhau. Khi tập họp lại, chỉ dựa trên tấm lòng muốn đưa ra một tạp chí để quảng bá về thơ, hoặc đưa ra cái gì mới tự mình khám phá. Còn nếu đưa ra một khuynh hướng và nhất định đả phá truyền thống cũ thì tôi thấy không cần thiết. Ngay đặt tên, danh xưng cũng không cần thiết. Chỉ cần nói là Thơ, thơ liên tục trong đời mỗi người, nó luôn luôn mới và ở trong thơ đã hàm sẵn sự tự do. Không cần phải nói gì thêm.

Lợi điểm của sự tập họp những người có cái nhìn khác nhau là: ta sẽ có cái nhìn tổng quát hơn về nền thi ca của chúng ta ở đây, có thể mở cho chúng ta những khám phá mới, chứ nếu chỉ giới hạn trong một chiều hướng nào thôi thì sẽ bị hẹp, vì không phản ánh được hết.

NNA: Vậy đây chỉ là một diễn đàn trên đó người ta đưa ra những quan điểm về thơ mà mỗi người khi làm thơ đã sáng tạo ra. Tuy nhiên, bên cạnh cái diễn đàn đủ mọi khuynh hướng thơ của Việt Nam và của quốc tế, tạp chí cũng phải có cái riêng của nó, đó là cách nhìn về thơ mà những người chủ trương chia xẻ với nhau. Mỗi thời có xu thế của nó, có tình hình chính trị, tình hình kinh tế của nó, có bước tiến của con người trong những suy nghĩ về nhà văn. Đến lúc phải nhìn thơ trong bối cảnh như vậy.

Thời đại thơ của Whitman, của Yevtuchenko, của Thế Lữ đã khác với thời đại của Vũ Hoàng Chương, Tô Thùy Yên, Bùi Giáng, của Mai Thảo. Mỗi nhà thơ có thời đại của họ và thơ của họ là như thế, nhưng đến lúc này thì không còn phải như thế nữa. Đó là điều chúng tôi muốn hỏi. Sáng Tạo ra đời năm 1954, bây giờ thơ trong Sáng Tạo có còn "đọc được" và "được đọc" nữa không, mặc dù thời 1954 cho Sáng Tạo là tạp chí số 1. Có những bài thơ đứng mãi với thời gian, chẳng hạn thơ Đường, có những bài thơ bị đào thải, vậy phải có một cái gì đó, có cái gì rất mới trong những bài thơ xưa còn tồn tại đến ngày nay chứ.

PTH: Đó đúng là cái mà tôi và các bạn trong tạp chí Thơ đang đi tìm. Trong môn Vật Lý đã có cuộc cách mạng lớn khi đi từ Newton qua Einstein, đi tới những cái gì rất mới lạ, nhưng thơ Việt Nam chưa đi qua chặng đường của Eisntein. Trong phân tâm học Freud đã đi vào tầng vô thức, trong khi thơ Việt Nam vẫn còn đứng ở tầng ý thức. Việc khai phá những vùng mà thơ Việt Nam chưa đi tới sẽ là công việc của tất cả các nhà thơ Việt Nam hôm nay. Chúng ta sẽ làm không giống như những người khác đã làm ngày hôm qua, mặc dù đó vẫn là những vị thầy của chúng ta.

NNA: Anh Khế Iêm có nói thêm gì về vấn đề này không?

KHẾ IÊM: Đúng như anh Nguyễn Xuân Hoàng đã nhận xét, những bài đăng trong tạp chí Thơ vừa rồi thiếu sự nhất quán, nhưng nó đã tạo ra được một không khí, nhằm thay đổi giá trị, và quan điểm không còn thích hợp với thời hiện tại nữa.

Thơ luôn luôn là một sự tìm tòi và khám phá. Có thể một bài thơ được làm ra ngày hôm nay trong tương lai sẽ bị chính tác giả của nó từ chối trong ý hướng tìm tòi liên tục. Anh em chủ trương tạp chí Thơ đồng có một quan điểm như vậy.

NHN: Tôi nghĩ khi mình càng biết về mình thì cái nhìn về người khác sẽ dễ dãi và phóng khoáng. Về thơ trong nước, tôi thấy có bài thơ tả người chị của mình, rất là hay, tuy tác giả còn trẻ và chưa có tên tuổi. Đây là cái nhìn về người chị một cách thực tiễn, đầy tình thương rất chính xác, và còn đề cập tới tình trạng không bình đẳng giữa nam nữ. Đó là điều lạ đến từ trong nước, sẽ phá vỡ những thành kiến mà mình có về trong nước.

Mới đây tôi có đọc tập thơ của Trần Vàng Sao, đây có lẽ là tập thơ đầu tiên từ trong nước có cái nhìn về xã hội chung quanh mình. Ngày trước tôi rất thích một cái nhìn như vậy qua tập Lá Cỏ của Whitman. Tuy không có ý so sánh với Whitman nhưng trong tinh thần, trong ngôn ngữ diễn tả, cách trình bày của Trần Vàng Sao có một cái gì mới. Cách đọc thơ của tôi không vụ vào trường phái, hoặc phe này, phe khác, hoặc là tên tác giả, mà dựa vào chỗ mình thích hay không thích một bài thơ nào đó mà thôi. Đó là cách tốt nhất để đi tìm cốt lõi của thơ, bài thơ hoàn toàn độc lập với hậu cảnh của nó.

PTH: Thơ trong nước và thơ ngoài nước có hai màu sắc khác

Phan Tấn Hải

nhau. Tôi thấy anh em trong nước thời gian sau này làm thơ cởi mở hơn, mặc dù không thật sự phóng khoáng như văn chương ở hải ngoại. Tôi cho đó là điều rất tốt cho văn chương Việt Nam trong tương lai.

Thơ trong nước, thơ ngoài nước, thật ra không thể nào nói cái nào hay cái nào dở, cần phải đọc thật đầy đủ mới tránh được lối nói lung tung. Thơ ngoài nước tôi phục rất nhiều người, kể cả các anh em trẻ, đọc xong tôi thấy thật sự được học ở họ rất nhiều điều.

Trên con đường đi tìm cái mới, tôi cùng các bạn bàn luận nhiều, thấy đây quả là chuyện quan trọng, nhưng nếu bảo thơ nước ngoài đang đi tới khuynh hướng sắp chữ thì tôi không tin. Một bài thơ trở nên khó hiểu khi bị đổi đi tính chất của thời gian và không gian, và những câu thơ khó hiểu của một số anh em như vậy thực sự nhiều khi đến từ vô thức, giống như khi nói về giấc mơ của con người chẳng hạn. Trong giấc mơ không có không gian, và phi thời gian — không quá khứ, không hiện tại, không tương lai — vì vậy tất cả các giấc mơ đều bí hiểm. Nếu thơ thể hiện giấc mơ ấy thì thơ phải bí hiểm. Không hẳn thơ thể hiện giấc mơ, một mảnh đời sống con người tự nó cũng bí hiểm, nếu được thể hiện ra thơ thì sao lại kết án đó chỉ là trò bí hiểm của sắp chữ? Hoàn toàn không phải như thế, đó là cái gì rất là xương máu.

KHẾ IÊM: Tôi thấy thơ trong nước và ngoài nước không có gì khác biệt nhau lắm. Nếu có khác biệt chăng là do đời sống và hoàn cảnh riêng rẽ của mỗi nơi thôi. Còn nỗ lực để nắm bắt về ngôn ngữ, cách điệu và các cố gắng tìm kiếm thì có những điểm rất là chung. Chẳng hạn thơ của Nguyễn Đỗ, Hoàng Hưng, Thanh Thảo thì rất gần với những cố gắng của người làm thơ ở ngoài này. Nếu đọc lại thơ của Dương Tường hoặc Lê Đạt, ta thấy khả năng nắm bắt ngôn ngữ của họ rất lớn. Đọc lại thơ Đặng Đình Hưng, Thanh Tâm Tuyền, thì thấy rõ không có gì khác biệt lắm trong nỗ lực đi tìm kiếm đó. Đó là một điểm rất đáng nói, một điểm tích cực mà tôi muốn nhấn mạnh.

NNA: Nhân đây tôi muốn chúng ta nói cụ thể về thơ. Thơ, trước hết là ngôn ngữ. Thơ vốn có nhịp điệu. Phải chăng ngôn ngữ trong thơ bây giờ khác với ngôn ngữ thời xưa. Nhịp điệu trong thơ bây giờ khác với nhịp điệu ngày xưa, hoặc nó không có cả nhịp điệu nữa?

Tôi muốn trở lại ý của Phan Tấn Hải khi nãy, giấc mơ nó bí hiểm, thơ nói về cái đó, kinh nghiệm khi đến với người làm thơ, từ trong vô thức hiện ra thành thơ thì người khác đương nhiên là không hiểu được. Đến một lúc nào đó, thơ đòi hỏi một sự thông cảm, hoặc hai người chia xẻ với nhau một cõi vô thức. Đó là một cách giải thích cho một số bài thơ khó hiểu. Nó rất riêng tư không phải là thơ phổ quát.

Nhưng thơ dù sao vẫn là tiếng nói cho người khác hiểu chứ không phải chỉ cho riêng cá nhân mình hiểu.

KHẾ IÊM: Có một sự khác biệt về giá trị — giá trị đã kinh nghiệm hoặc giá trị chưa có kinh nghiệm. Tất cả những người làm thơ đi tìm kiếm soi rọi những gì muốn tìm thì tốt nhất phải nói là kinh nghiệm của họ trên bước đường tìm kiếm, có như vậy người đọc mới có thể dễ dàng chấp nhận giá trị. Và như vậy ta sẽ tạo nên một giá trị khác hơn là những giá trị cũ để đánh giá thơ bây giờ.

Tôi không nghĩ như anh Phan Tấn Hải rằng giấc mơ bí hiểm, thơ về giấc mơ cũng phải bí hiểm. Tôi nghĩ rằng thơ thì rất là trong sáng. Người làm thơ phải tiêu phí nhiều thời gian cho một bài thơ, và chúng ta chỉ đọc trong một vài giây phút. Có thể ta thấy bài thơ là bí hiểm thật ra vì ta không có thì giờ, hoặc vì ta không tiêu phí một thời gian giống như vậy. Tôi không nghĩ người làm thơ chỉ có kinh nghiệm về một thực tại, họ phải kinh nghiệm về cả thế giới không có nữa. Nếu chỉ kinh nghiệm về thế giới thực tại thôi, cái kinh nghiệm tích lũy qua thời gian, và bằng kiến thức đã thu thập được, thì ta sẽ rơi vào tình trạng ta lặp lại những gì đã cũ. Thơ phải có sự cân bằng, là bước nối kết giữa thế giới không có và thế giới thực tại. Một khoảng cách chẳng hạn, đó không phải là sự tình cờ mà là do tìm kiếm của một người nào đó: khoảng trống không biểu hiện cho một sự ngừng lại mà là biểu hiện một thế giới không có để nối kết với hiện tại. Từ đó người đọc có thể tạo nên một thực tại khác. Các kinh nghiệm như vậy người đi tìm kiếm những giá trị mới phải viết ra, tạo ra một giá trị khác với các giá trị

Khế Iêm

đã quen dùng. Suy nghĩ như thế tôi nghĩ có thể hóa giải điều gọi là thơ sắp chữ hoặc thơ bí hiểm.

Đã làm thơ thì "phải có một cái gì đó" chứ không phải làm khơi khơi. Nếu chụp ngay cho người làm thơ một cái mũ bí hiểm hay hư nát thì không có nghĩa gì cả, vì trách nhiệm của người đọc phải là trách nhiệm tìm hiểu thơ đó chứ không chỉ đọc khơi khơi. Còn nếu người đọc đòi hỏi thơ dễ hiểu thì vẫn có thơ dễ hiểu để họ đọc. Tóm tắt, người làm thơ viết ra thơ của họ, đó là điều hay nhất.

NHN: Có một khoảng trống giữa giòng thơ cũ với thơ bây giờ, thiếu một trung gian hiện diện giữa hai cái đó để chuyển tiếp. Nếu có chuyển tiếp, sẽ tránh được sự ngỡ ngàng. Nguyên do tình trạng ấy, phải chăng chúng ta thiếu phê bình? Người phê bình một mặt phản ánh cho người làm thơ những khía cạnh còn thiếu sót cũng như cái hay. Vai trò người phê bình sẽ quan trọng khi anh ta giải tỏa những gì gọi là bí hiểm đối với người đọc — những cái bí hiểm có thể biến thành bình thường.

Trước một bài thơ mới, có thể có người cho là hư nát, bí hiểm hay sắp chữ, ngược lại, như kinh nghiệm của chính tôi trước đây đọc thơ Mai Thảo chẳng hạn, tôi cũng cho là chẳng có gì đáng đọc cả, tất cả đều là cũ kỹ. Nhưng sau xem lại tôi thấy trong đó có nhiều cái mới trong diễn tả đời sống và kinh nghiệm đời sống riêng của tác giả. Tác giả đã diễn đạt theo cách của mình, thơ gọi là sắp chữ có thể cũng là một cách diễn đạt khác, một thí nghiệm. Đừng có thấy xa lạ mà sợ hãi, tránh đi, mà nên nhìn kỹ.

PTH: Đồng ý với Nam và Khế Iêm. Xin thêm ý kiến: người ta thường có thành kiến với thơ hơn là các ngành nghệ thuật khác. Ví dụ hội họa. Người ta chấp nhận hội họa trừu tượng, nhưng khi thấy thơ khó hiểu một chút thì kỳ thị ngay, trong khi truyền thống thơ cũng giống như truyền thống nghệ thuật khác thôi. Quan niệm cũ trọng sự quân bình, cân đối. Các ngành nghệ thuật khác đã phá luật quân bình, như nhạc rock, hội họa trừu tượng. Đó chỉ là một cách nhìn khác về đời sống chứ không phải là một sự đùa giỡn, hoặc là có ý muốn hủy bỏ thế giới này. Đó là ý muốn chỉ ra một thế giới khác ẩn tàng đàng sau đó. Chúng ta sống với tất cả thế giới chung quanh chúng ta, ba chiều, bốn chiều, năm chiều, tất cả các chiều. Đặc biệt chiều tâm linh, chúng không thể xác định cho nó một số chiều nào nhất định.

NHN: Muốn hỏi anh Nguyễn Xuân Hoàng một câu: cái anh gọi là thơ sắp chữ, phải chăng có nghĩa người làm thơ hoàn toàn không có một cái ý nào gởi gấm trong đó? Có hai cách hiểu: hoặc là người đọc không bắt được ý, hoặc người làm thơ không có ý. Tôi đã đọc nhiều thơ hải ngoại và không thấy có dạng thơ như vậy, nghĩa là thơ không có ý.

NXH: Trước hết tôi không nói thơ sắp chữ. Tôi muốn hỏi là liệu có một thứ thơ gọi là "thơ sắp chữ" hay không? Tôi sẽ trả lời thắc mắc của Khế Iêm bằng cách nhắc lại ý của Hải khi nãy, một ý mà tôi rất thích. Đó là: tại sao trong hội họa người ta chấp nhận trừu tượng, tại sao người ta chấp nhận tranh Gaughin, Van Gogh, tranh phá vỡ cả giải phẫu họa về con người qua bức Guernica của Picasso... tại sao không chấp nhận thơ theo những cách nhìn khác, một cách "xếp chữ" khác... Thơ phải trình bày một cái nhìn của nó về đời sống chứ. Nếu làm thơ bảy chữ, tám chữ, lục bát, song thất lục bát có vần thì bây giờ chúng ta lại có vần khác, tại sao cứ phải bắt buộc như vần cũ, giống như bị nhốt trong một cái chuồng như vậy? Tôi đồng ý quan niệm đổi mới đó.

Nhưng điều còn lại là: thơ, nghệ thuật, hội họa, âm nhạc, bất thứ sản phẩm nào của con người làm ra, sản phẩm đó phải được đưa đến con người để người ta có thể tiếp nhận. Nghệ sĩ là người cho, họ muốn tiếng nói của họ có người nghe, hoặc thấy được, nhận được cái họ muốn trình bày. Văn chương nghệ thuật phải cho người ta nghe được điều muốn nói, thấy được cái muốn vẽ. Ví dụ Yevtachenko đọc thơ trước đám đông, vậy thơ đó sẽ được nói ra bằng thứ ngôn ngữ cho cả trăm ngàn người nghe, hay chỉ với một ngôn ngữ chỉ một mình nó nghe? Vùng lục tỉnh trước đây người ta "nói thơ" Lục Vân Tiên, có phải là một kiểu như vậy chăng?

NHN: Thơ không phải là hội họa. Người làm thơ có thể chịu ảnh hưởng của hội họa, hoặc âm nhạc, hoặc ngay cả văn xuôi, cả tin tức trên truyền hình. Thơ, đặc biệt thơ của tôi, không phải là thứ để đọc lên. Nó có hai thành phần là giấy và chữ, chữ được trình bày như vậy trên giấy, và được hiểu như vậy.

Còn vấn đề có cần người khác hiểu hay không, ngày trước tôi đã có nghĩ tới rồi: thơ mình làm phải được gởi ra, đến càng nhiều người càng tốt. Vậy phải làm gì? Rất giản dị: từng chữ phải dễ hiểu, không điên tính, rồi từ đó mình muốn diễn đạt mình như thế nào, đó là mình đã có cố gắng làm cho người ta hiểu rồi. Chuyện còn lại là tùy theo cảm nhận của người ta thôi, còn việc của mình thì mình đã làm rồi, làm hết sức rồi, không đòi hỏi hơn được.

KHẾ IÊM: Yếu tố người đọc là quan trọng, không bỏ qua được. Người làm thơ luôn luôn có một cái gì muốn chia xẻ với người khác, còn nếu không, hẳn không làm thơ nữa. Hoặc nếu không hẳn sẽ làm thơ mà không cần đến chữ, hẳn làm thơ trong một thế giới, bằng một phương tiện, một cách thế nào đó. Thơ có cái chung mà cũng có cái riêng. Cái riêng là khả năng diễn tả, tìm kiếm, cái chung là người chia xẻ được với mình. Ăn thua là tài nghệ của anh, anh có bắt được người ta phải theo anh không.

NNA: Xin hỏi câu sau cùng: Mỗi năm tạp chí Thơ ra mấy số?

KHẾ IÊM: Từ ba đến bốn số.

NNA: Vừa rồi là số mùa Thu, có phải hiện đang chuẩn bị số mùa Đông?

KI: Đang chuẩn bị.

NNA: Vậy là số mùa Đông cũng giống như số vừa rồi, tập họp nhiều bài viết khác nhau, hoặc là giống như những gì chúng ta vừa nói, một diễn đàn tự do. Hoặc là trong đó, bên cạnh các khuynh hướng khác, nhóm anh em chủ trương sẽ có một quan điểm, một cái nhìn thơ mới chúng ta phải đi tới?

KHẾ IÊM: Rõ ràng số Một đã có không khí đó rồi. Tuy không có bài viết cụ thể nhưng toàn tờ

## NGUYỄN HOÀNG NAM

# XEM MÚA LÂN

**cắc**
**cá lắc**
**cắc cắc**
**(lắc)**
**tùngxà**
**càlùng**
**tùngxà**
**(nhoài)**
**tùngxà**
**càlùng**
**tùngxà**
**(lắc lắc)**
**tùngxà**
**càlùng**
**tùngxà**
**(lạy)**
**tùngxà**
**càlùng**
**tùngxà**
**(chồm)**
**kìa! lơ lửng**
**bao lì xì**
**đỏ tùngxà trời**
**tùng lòa nhòa xà**
**càlùng**
**ập**
**vào tùng tôi**
**xà bặt âm điếc**
**tai bặt âm nhảy**
**múa mùa xuân tuổi**
**nhỏ đã trôi mất**
**hút từ bao giờ**
**tôi thẫn thờ**
**nhìn aỏ dạng**
**của giòng**
**sông**
**uốn**
**éo**

# NHÂN TIỆN

**Lúc mồi xong điếu thuốc, nhân tiện que diêm còn cháy, tôi châm vào miếng giấy bạc dính chùm với bao giấy kiếng co rúm trong cái gạt tàn. Ngọn lửa**
**nhỏ nhoi tội nghiệp thoi thóp cháy. Tôi xoay cái gạt tàn, khều khều, cố níu kéo từng giây vô nghĩa của niềm hy vọng**
**lụn**
**dần**
**dần**
**rồi**
**đành tắt ngúm. Một sợi khoi cuối cùng thở dài. Tôi giở điện thoại, ngón trỏ máy móc bấm số, và nói vào answering machine:**
**Thôi**
**anh không muốn gặp em nữa.**

# NỖI KHỔ

**những cô luôn luôn ôm một chồng sách trước ngực đi ưỡn ưỡn qua bàn ghế thư viện đi ưỡn ưỡn trong hành lang đi ưỡn ưỡn băng qua đường trước những đầu xe những cô luôn luôn ôm một chồng sách trước ngực sợ sách rớt phải ưỡn bụng ra chịu**
**tại sao cô không ôm ngang hông**
**tại sao uống nước bà thanh hải tắm**
**tại sao ai cũng ngán ứ cổ mà đám cưới cứ đãi đồ ăn tàu tại sao cô không bỏ vô cập xách**
**tại sao uống nước bà thanh hải tắm**
**tại sao sống chỉ để bị bắt buộc học thuộc lòng**
**tại sao cô không nhét vào túi đeo vai**
**tại sao uống nước bà thanh hải tắm**
**tại sao đi học chỉ để kiếm tiền mà cứ làm như trí thức tại sao cô không làm bộ quên hay tuyên bố hôm nay lễ và quẳng cha cái đống sách ở nhà**
**tại sao đã đuổi tàu mà cứ nghe lời khổng tử**
**tại sao ra trường không có việc làm mà không biết tại sao**
**tại sao tôi làm sao biết được tôi chỉ biết những cô luôn luôn ôm một chồng sách trước ngực toàn là những em vú nhỏ .**

báo đã cho thấy có một hướng đi rõ ràng: tìm kiếm để chuyển đổi một cái gì đấy. Anh em chủ trương muốn nhìn thơ cho đúng nghĩa của nó. Không chủ trương, đường lối vì những cái đó không phù hợp với thơ, thơ không vừa với một khung khổ có sẵn nào cả.

Thơ là một giòng chảy liên tục có tính cách truyền thống, ta không cắt đứt ra từng đoạn được. Trên tạp chí này có thơ cổ điển, thơ cận đại, thơ hiện đại. Còn khuynh hướng chung của anh em chủ trương là đổi mới, ra khỏi con đường mòn. Giòng thơ hải ngoại qua bao năm nay có sự chuyển đổi rõ ràng, sinh lực rõ ràng, một sự cố gắng nắm bắt về ngôn ngữ và các mặt khác. Những điều nói lên của tạp chí này hãy còn khiêm nhượng, anh em còn phải cố gắng rất nhiều. □

## Nhà thơ Chân Phương

*Làm thơ từ 20 năm qua, nhưng những sáng tác không được công bố trong nước vì lý do chính trị. Chỉ sau khi rời khỏi Việt Nam vào năm 1987 thơ ông mới được có mặt tại hải ngoại trên các tạp chí Văn Học, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21.*

Trả lời câu hỏi về thi ca, đặc biệt là thi ca Mỹ, nhà thơ Chân Phương cho biết một thi sĩ Mỹ gần đây đã phàn nàn về sự cô lập của nền thi ca của đất nước ông đối với các trào lưu thơ nhân loại. Ông nói rằng vì sự bùng nổ của thông tin cho nên các nhà thơ hôm nay sống trong một ngôi làng nhỏ. Tất cả những sự kiện đều liên quan đến ta cả. Và một nhà thơ không thể tách rời khỏi số phận của nhân loại. Đó là một trong những mẫu số lớn để giải thích nền thi ca Mỹ La tinh hoặc nền thi ca Đông Âu chẳng hạn.

Nỗ lực của một số anh em đang có những đóng góp tích cực cho thơ Việt Nam, trong nước cũng như ngoài nước: đó là ý thức mới của các nhà thơ về cái khoảng cách tương đối lớn giữa ngôn ngữ thơ. Ngôn ngữ thơ là một khái niệm mỹ học, vì thơ là một loại ngôn ngữ chuyên biệt càng ngày càng cách xa với cái mà người ta gọi là văn xuôi hay văn nhà báo. Và điều này thì trong ý thức của lý luận văn học phương tây rất rõ rệt hẳn từ 100 năm nay. Đó là cái mà ta gọi là chủ nghĩa hiện đại trong thi ca thế giới. Và vì ý thức đó mà một số anh em làm thơ Việt Nam đang có những nỗ lực về mặt thể nghiệm ngôn ngữ mà tôi [Chân Phương] với những tác phẩm trong thời gian mười năm trở lại đây là một thí dụ. Sự thể nghiệm đó của tôi cũng giống như của một số anh em khác đã xuất hiện trên tạp chí Thơ. Cái khái niệm ngôn ngữ Thơ gần như là một khái niệm ngôn ngữ toán chẳng hạn là một mật mã riêng, mặc dù không tách biệt với phương tiện truyền thông đại chúng, nhưng vì nhu cầu phát triển riêng của một thể loại nghệ thuật như hội hoạ hiện đại, âm nhạc hiện đại, kiến trúc hiện đại...là một thứ ngôn ngữ đòi hỏi một trình độ nhất định cũng như một sự chuẩn bị ở người đọc và người sáng tác. Điều này thơ Việt Nam đang có ý thức rõ rệt và đang phấn đấu để theo đuổi những thành tựu của thơ nhân loại.

## Trả lời của Đỗ Kh.

Tôi xin phép có được một cái nhìn cá nhân, nếu không gọi là rất riêng tư. Dạo này, khi xuống phố Bolsa tôi đã bắt đầu được (thiếu nữ đương thì) gọi bằng "chú" và mỗi lần đi hớt tóc tôi đều được thợ mời nhuộm cho hết bạc. Vậy mà, trong khi đó, ở lãnh vực của chúng ta, tôi lại được coi như là một trong những nhà thơ "trẻ, đẹp" (hay là một "nhà thơ" trẻ, đẹp?). Phần đẹp tôi miễn bàn, riêng về phần trẻ, phải chăng thơ có sức cải lão hoàn đồng mà không cần đến thuốc tăng cường sinh lực của Bác sĩ Pung Navan? Người làm thơ ta, vào đến tuổi lão làng, vẫn còn là tráng niên nổi loạn (đó là chưa kể đến nhiều vị lụ khụ vẫn làm thơ, chẳng hạn, học trò). Các loại thơ, có thứ hơn sáu mươi năm rồi vẫn Mới, thường thì phải đợi vài ba trăm năm trở lên mới vào hạng đường hoàng. Về mặt nào, có thể nói, thời cực thịnh của thơ Đường Trung Quốc lại là ở bên Ta, vào hậu bán thế kỷ thứ hai mươi (ở hải ngoại vào đầu thế kỷ thứ hai mươi mốt?) Chính vì vậy mà tôi muốn có được với thơ nhiều gắn bó, để (hiện nay) khỏi cần mặc quần đáy thụng ngang đầu gối, áo thun hở nách đến tận đùi mà vẫn được coi là hợp với thời trang.

Thành thử, cách đây khoảng năm, khi được nghe Phạm Việt Cường, Châu Phương, và Khế Iêm có ý cho ra đời một tạp chí dành riêng cho bộ môn này, tôi rất mừng. Theo hiểu biết của tôi, từ trước đến giờ và kể cả trong cũng như ngoài nước, đây là trường hợp đầu tiên và duy nhất ("Giờ thì tôi chỉ biết chút xíu/ Trước thì tôi biết chẳng bao nhiêu/Ngoài nước thì tôi biết ít ít/ Và trong tôi biết cũng không nhiều" Thất ngôn tứ tuyệt?). Đánh bạo mà nói, biết đâu đây lại chẳng là trường hợp đầu tiên và duy nhất trên thế giới? (Bên lề chuyện, tôi đọc được trong "Thư ngỏ của Công Dân Hoàng Minh Chính" về vụ án xét lại Chống Đảng rằng "trên thế giới chưa từng có một vụ án nào phi pháp và vô nhân đạo đến thế". Chẳng qua, mỗi người chúng ta đều có một hay nhiều thế giới khác nhau.)

Khế Iêm vừa mới nói, thơ là một giòng không dứt quãng. Nguồn cội chúng ta đã rõ, vấn đề là giờ cái giòng này đang chảy về đâu. Sự hình thành của tờ tạp chí này phải chăng đã bắt đầu đặt lên câu hỏi? □

*Đón đọc*

**VÙNG ĐÁ NGẦM**

Tập truyện ngắn
của **HÀ KỲ LAM**

Thế Kỷ sắp xuất bản

P.O. Box 2054-H39
Westminster, CA 92684

# SAO ĐẶC TRỜI

## TRÙNG DƯƠNG

Bốn câu thơ chợt bắt gặp nơi trang giữa của một cuốn sách biên-khảo về văn học làm tôi bật ngồi dậy khỏi chiếc giường đang nằm, như người thình lình bị điện giật. Bốn câu thơ mà trong đó hai câu cuối Nguyễn Vũ Thiện đã chép vào một mảnh giấy ép trong cuốn nhật ký của anh, có lẽ là không lâu trước khi anh bị hạ sát. Mảnh giấy không đề tên người nhận, cũng chẳng ký tên người viết, song tôi thuộc tuồng chữ của Thiện, cái tuồng chữ với những phụ âm t, th, k, kh và d, đ, v.v... đâm thẳng lên trời và cao hơn bình thường như muốn nổi loạn, và những nguyên âm thấp, cam phận, tự nén. Bên dưới hai câu thơ là giòng chữ: "Nếu không đoán được ai là tác giả của hai câu thơ trên thì sẽ không về nữa."

Hai mươi hai năm đã trôi qua kể từ khi tôi tìm thấy mảnh giấy ép trong cuốn nhật ký của Thiện. Tôi đã hỏi quanh một số bạn bè trong giới văn nghệ xem có ai biết tác giả của hai câu thơ đó, song chẳng ai nhớ. Tôi đã quên chúng, đã bị lôi cuốn vào cơn bão của thời cuộc của miền Nam Việt Nam, rồi nỗi bi thương của biến cố "miền Nam ơi từ buổi tiêu tan ấy," những ngày lạc lõng giữa thị trấn lều vải của Guam một mình với hai đứa con nhỏ, nối tiếp với những đồi hoa dại mầu vàng mênh mang của Camp Pendleton, và cuối cùng là đời sống nơi đất Mỹ với những phấn đấu với xung quanh và với chính mình.

Tình cờ tôi khám phá ra tên của tác-giả của hai câu thơ Thiện chép lại. Qua cơn thảng thốt, tôi nghe lòng bồi-hồi, như người viễn-xứ lâu năm trở về mái nhà xưa với những kỷ-niệm tôi đã chôn chặt trong lòng trên hai thập-niên, đã từng muốn quên vì nỗi nhức-nhối khi trực-diện với chúng...

*
* *

Thiện bị ám sát vào cuối tháng 10 năm 1972. Tôi không còn nhớ Thiện chết đúng vào ngày nào, song tôi nhớ ngày đưa đám anh, ngày 31 tháng 10 năm 1972, vì cũng ngày đó hai năm sau nhật báo Sóng Thần phải ra hầu tòa về tội "phỉ báng, mạ lỵ" vị nguyên-thủy quốc-gia vì đã đăng nguyên văn bản cáo-trạng số 1 phơi bầy hệ-thống tham-nhũng của ông Nguyễn Văn Thiệu, do nhóm Phong Trào Nhân Dân Chống Tham Nhũng của 300 linh mục do Cha Trần Hữu Thanh lãnh-đạo, phổ biến mấy ngày trước đó ở Huế ngay sau biến cố mùa hè đỏ lửa 1972.

Nhiều nhân vật tên tuổi trong

giới báo-chí, văn-nghệ, chính-trị và nhân-sĩ của Sàigòn đến đưa Thiện đến nơi an-nghỉ cuối cùng, mặc dù chẳng mấy ai biết đến anh, chưa kịp biết đến anh thì đúng hơn, vì Thiện và tôi mới lấy nhau mới được có ba tháng. Song người mà tôi nhớ nhất đã đến dự đám tang Thiện là cha tôi. Tôi chỉ biết đến sự hiện diện của ông sau khi đã hạ quan, khách khứa lần lượt chào tôi ra về và tôi lí nhí nói lời cảm tạ, hai tay ôm chiếc cờ phủ áo quan đã được gấp gọn ghẽ trên tay, với một bên là cô đào cải lương Bạch-Tuyết mặc áo dài đen đeo kính mát to bản đã không dời tôi nửa bước để lỡ tôi có xụm xuống thì đỡ. Tôi ngẩng lên và nhận ra cha tôi đứng ở xa xa, cách biệt với mọi người. Cha tôi nhìn tôi lặng yên, trong khi tôi mấp máy môi thốt lên: "Ủa, cậu... Cậu đến từ hồi nào?" Tôi hiểu ông đã hết còn giận tôi vì đã cả gan in một cái thiệp báo hỉ ngoại-lệ: "Chúng tôi hân hoan báo tin lễ thành hôn của chúng tôi... " Không có tên của bố mẹ hai bên như thông lệ. Tôi nghe mẹ tôi nói là ông đã giận tôi về việc đó, làm cứ như bố mẹ đã chết hết cả. Dù vậy tôi biết ông vẫn lẳng lặng theo dõi các hoạt động báo-chí của tôi, với một niềm hãnh diện ngấm ngầm.

Tôi đã bàn với Thiện việc hôn-nhân của chúng tôi là việc hết sức riêng tư, mọi quyết-định và những hay dở là thuộc phần trách-nhiệm của chúng tôi, không có lý gì kéo những người khác vào đứng tên, dù đó là bố mẹ. Thực ra thì từ hồi còn bé tôi đã sớm tỏ ra ngạo-mạn đối với những nghi thức rềnh ràng của cưới hỏi, trong đó có nhiều trường-hợp người con gái trở nên như một món đồ để trả giá trong các vụ thách cưới. Và tôi ghét nhất là tục nhị-hỉ của người miền Bắc, theo đó ngay sau ngày cưới bên nhà trai dẫn qua nhà gái một con lợn quay con, có phủ vải đỏ: Hai tai lợn mà còn, chứng tỏ với làng xóm láng giềng là người con gái về nhà chồng còn trinh; và ngược lại. Những ấn tượng từ bé lớn lên biến thành quan-niệm về hôn-nhân như một việc riêng tư giữa hai người trong cuộc. Chẳng nhẽ không in thiệp báo, vì nói theo một ông biên-tập-viên lớn tuổi nhất của tòa báo, dầu gì thì "chị cũng là một chủ-nhiệm của một tờ báo lớn của miền Nam." Ông còn khuyên tôi nên làm tiệc cưới nữa cho nó "phải đạo," nhưng tôi chỉ cười gạt đi. Chúng tôi chỉ tổ-chức có một bữa tiệc nhỏ duy-nhất vì Thiện muốn thế, để Thiện giới thiệu tôi với anh em trong ban chỉ-huy của chi đoàn thiết-giáp tân-lập mà Thiện đang chỉ huy, đào-tạo và huấn-luyện ở Bear Cat, Long Thành, chờ ngày lên trấn Vùng II Chiến Thuật ở cao-nguyên.

Dầu sao, cha tôi đã đến dự đám tang của Thiện, dù chỉ để hiện-diện, chẳng nói năng, bầy tỏ gì, vì từ hồi nào đến giờ ông không có thói quen bộc lộ tình cảm. Sự hiện diện của ông khiến tôi xúc-động, thêm nghẹn-ngào. Trước khi giã-từ tôi, ông chỉ nói với tôi được một câu khi thấy mặt mày tôi xưng húp: "Cậu chẳng biết nói gì hơn. Mày ráng giữ gìn sức khỏe."

Sau đám tang của Thiện mấy ngày thì có hai người quân nhân, một hạ sĩ và một lính, từ chi đoàn khiêng về cho tôi một cái hòm bằng gỗ cứng sơn mầu xanh rêu nhà binh, và cái ghế bố ba-miếng bọc mạng màu đen mà trên đó Thiện đã nằm đọc báo, số báo Sóng Thần cuối cùng của đời anh trước khi bị bắn gục trên đó. Tờ báo mới ra khỏi nhà in vào buổi trưa và liền đó được xe đò chở tới Long Thành mà một người lính vừa mua về cho anh mang những tin-tức nóng hổi về một cuộc ngưng bắn sắp xảy ra.

Lúc bấy giờ cả miền Nam đang lên cơn sốt về một cuộc ngưng bắn da beo — quân bên nào ở đâu thì đóng nguyên ở đấy — mà miền Nam có thể phải chấp nhận, mặc dù chẳng ai, dù mệt-mỏi đối với chiến-tranh đến mấy, có thể tin là sẽ có ngưng chiến thực sự, mà đấy chỉ là một cách để Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam trong danh dự sau nhiều năm đổ của, người vào cuộc chiến tranh ngăn chặn làn sóng xâm-lăng của cộng sản vẫn bất phân thắng bại. Tôi còn nhớ những hình ảnh mà anh chị em phóng viên, nhiếp ảnh thu thập được quanh Sàigòn và ở các tỉnh mà chúng tôi có văn phòng đại diện: Chị bán hàng rong đội chiếc nón trên đó có sơn lá cờ vàng ba sọc đỏ; anh phu xe xích-lô không quên cắm trên xe của mình một lá cờ vàng phất phới lớn bằng hai bàn tay; một chủ xe của một chiếc xe du-lịch màu trắng sơn nguyên một lá cờ vàng ba sọc đỏ chạy dài từ mui xe ngang qua nóc xe bọc xuống thùng xe; trẻ em đi học tay cầm những chiếc cờ giấy; nhiều nhà treo cờ chưa hết, họ còn cẩn thận sơn một vuông cờ trên khoảng tường nhà phía trước. Tất cả không phải để mừng cuộc ngưng-chiến sắp xảy ra, đã hẳn, mà là để... đánh dấu những vật dụng, đất đai thuộc quyền sở hữu của họ, kể cả bản thân họ, rằng đây là lãnh vực quốc gia.

Đây cũng là thời kỳ, theo một câu chuyện kể đã gần trở nên huyền thoại, một lá đại-kỳ mầu vàng ba sọc đỏ, dài có lẽ tới cả chục mét, đã được may vội vã và chuyển sang Paris, nơi cuộc hòa đàm ngưng bắn đã diễn ra từ mấy năm. Để làm gì thì tôi không rõ. Lá cờ ấy, khi miền Nam xụp đổ, đã được một số anh chị em sinh-viên quốc-gia du học bên Pháp vào tòa đại sứ Việt-Nam Cộng-Hòa lấy được mang đi cất trước khi cơ sở này được chuyển giao cho cộng-sản Việt-Nam. Chị Minh-Đức Hoài Trinh được anh em sinh viên giao phó cho phần vụ cất giữ lá cờ mà sau đó, vào khoảng giữa thập-niên 1980, chị đã giao lại cho ông Hoàng Cơ Minh của Mặt Trận Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam trong một buổi lễ cảm động trước hàng ngàn người ở một hội trường ở San Jose, để đem về chiến-khu. Tôi đã viết một truyện ngắn loại tự thuật, "Tâm sự của một lá cờ," trong đó nhân vật chính xưng tôi là lá đại-kỳ, viết với tất cả niềm xúc động khi nghĩ tới những "anh em bà con" của cũng lá cờ ấy đã bọc bao quan-tài tử sĩ, trong đó có chiếc quan tài của Thiện — những chiếc quan tài vùi trong lòng đất đã tưởng là nơi an nghỉ ngàn thu của họ, song đã bị đào sới, san bằng sau khi miền Nam bị thất thủ.

Tôi trỏ chỗ cho hai người quân nhân đặt chiếc hòm chứa những vật dụng cá nhân của Thiện. Còn chiếc ghế bố, tôi bảo họ mở ra và đặt giữa phòng khách. Xong, họ lột chiếc mũ dạ

đen có thêu hình chiếc thiết giáp nhỏ phía trước bằng chỉ bạc và những vòng tròn mạ bạc nhỏ như những miếng confetti xuống cầm tay, nhìn tôi nhìn chiếc ghế bố trên đó Thiện đã bị hạ sát trước khi đọc hết trang nhất của tờ báo Sóng Thần. Những vết máu đã được rửa sạch, nhưng những lỗ hổng do những viên đạn của khẩu súng máy tự động xuyên thủng thì vẫn còn đó, những lỗ mất không con ngươi trố lên nhìn tôi.

"Chị... có muốn kiểm điểm lại những món đồ của đại úy trong rương xem còn thiếu món nào thì tụi em sẽ kiếm đem xuống cho chị?" viên hạ sĩ nhất mới ngoài hai mươi và là người thân cận nhất của Thiện lắng lắng giọng, gợi ý. Anh ta là người đầu tiên khi nghe mấy phát súng nổ trong lều của Thiện đã chạy vào và bắt gặp Thiện gục đầu trên tờ báo đẫm máu. Thiện tắt thở liền trên chiếc ghế bố mà tôi đã mua tặng anh để nằm đọc sách cho tiện.

Tôi lảng tránh câu hỏi của viên hạ sĩ nhất, hỏi anh ta chừng nào thì đơn vị sẽ lên Vùng II và anh ta đáp cũng sắp. Tôi đang muốn ở một mình để nghiền ngẫm nỗi bi thương và niềm ân hận đang dày vò tâm tư tôi. Tôi nhớ đến một câu văn của một nhà văn Nga mà tôi không còn nhớ tên, "Chàng như con thú hoang bị thương chạy chốn vào rừng thẳm để tự chữa bằng dược thảo, hoặc để được chết yên thân một mình." Tôi cũng vậy — như con thú hoang bị thương. Biết vậy, nên anh em trong tòa soạn đã cử Triều Giang và Ngy Thanh lúc ấy đang nghỉ phép từ Đà Nẵng về Sàigòn để dự đám tang của Thiện, là hai phóng viên trẻ của tòa báo, thay phiên nhau trực ở nhà tôi.

Rồi có lẽ hiểu lầm ý tôi, anh hạ sĩ nhất cam đoan đồng thời như gợi ý một điều gì đó mà tôi không để ý:

"Nhưng chị yên tâm, thiếu món gì của đại úy, tụi em sẽ tìm mọi cách chuyển đến cho chị," anh ta nói, rồi nhìn tôi vẻ thương cảm.

Mới đó có ba tháng từ khi Thiện và tôi quyết định thành hôn sau một thời gian dài làm bạn. Chúng tôi vẫn còn và đang làm quen với nhau vì cả hai đã sống độc thân đã nhiều năm đã quen nếp. Một vài thân hữu, cộng sự viên nghe tin trễ tôi lấy chồng vẫn còn đang gửi lời góp vui về ty quản-lý của tòa báo, và những lời góp vui đã được giữ lại để thay thế vào đó là những mẫu chia

buồn trước tin Thiện bị tử thương. Những người quân nhân đứng trước mặt tôi không biết là tôi còn thương cảm họ hơn chính niềm thương cảm họ dành cho tôi. Thiện là một đại úy chỉ huy trưởng có khả năng và biết thương lính, cứng rắn song công bằng. Với khả năng ngoại ngữ thông thạo mà Thiện thường dùng để đọc những sách triết học, chính trị, và văn chương — những đề tài mà qua đó chúng tôi đã quen nhau và thường thảo luận với nhau từ ngày còn lê la ở khuôn viên của đại học Luật Khoa Saigon ở đường Duy Tân — Thiện nghiên cứu những cuốn sách dầy cộm phức tạp bằng tiếng Anh về các hệ thống điện tử tinh vi của loại tăng M-48 lần đầu được gửi sang thử nghiệm ở chiến trường Việt Nam vào đầu thập niên 1970. Xong, anh dịch ra tiếng Việt bằng một thứ ngôn ngữ dễ hiểu để truyền lại cho đám lính trong chi đoàn, nhiều người là đào binh, trốn lính hoặc tội phạm được đưa vào đơn vị như một cơ hội để "làm lại cuộc đời" lần thứ hai, thay vì bị đưa đi lao công chiến trường. Tôi hiểu nỗi hoang mang của những quân nhân dưới quyền của Thiện mai này đi vào vùng lửa đạn dưới quyền chỉ huy của một sĩ quan khác, có thể là kém xa Thiện. Họ sẽ kề cận với cái chết trong khi tôi được ở chốn yên lành, nỗi đau thương nào của tôi thì cũng đâu bằng sự bất trắc mà họ sẽ phải trực diện nay mai.

Tôi bảo với anh hạ sĩ nhất là tôi sẽ coi lại những món đồ trong rương của Thiện, rằng nếu thiếu món gì tôi sẽ cho người lên nhắn, trong khi nghĩ thật chả có món đồ gì mà tôi tha thiết đến độ phải đòi cho bằng được trước cái mất mát của cả một đời người mà tôi nghĩ là do tôi gây ra. Thiện chết lúc mới ba mươi tuổi, đem theo cái sức sống rừng rực của một Zorba The Greek, cái nổi loạn của Albert Camus, cái thơ mộng lãng mạn của Jacques Prévert, và nỗi chua xót chịu trận của người thanh niên Việt Nam sinh ra và lớn lên trong thời chiến.

Không lấy tôi, chưa chắc Thiện đã chết thảm như vậy, tôi

đã nghiền ngẫm trong nghẹn ngào. Những mảnh puzzles mà tôi đã ráp nối lại được, mặc dù còn nhiều mảnh rơi vãi đâu đó và có lẽ sẽ chẳng bao giờ tìm ra được, đã cho tôi một cái nhìn đại khái, có tính cách suy diễn: Tôi là chủ nhiệm kiêm chủ bút của một tờ báo có chủ trương chống tham nhũng trong chính quyền và quân đội, với mục đích làm sạch hậu phương để những người lính ngoài mặt trận không cảm thấy là mình đang chiến đấu trong vô vọng cho một hậu phương thờ ơ, chỉ biết hoặc hưởng thụ hoặc vơ vét cho đầy túi. Thiện lại sắp lên đường đi Vùng II, là lãnh thổ của một ông tướng tư lệnh vùng, tục danh là Quế tướng công vì liên hệ của ông với hệ thống buôn bán quế một dạo do các sĩ quan dưới quyền của ông điều khiển, và là người đã một lần bị Sóng Thần phơi bầy tội dụ dỗ gái vị thành niên qua một loạt bài phóng sự điều tra do ký giả Lê Thị Bích Vân viết — Cả Bích Vân lẫn tôi đã ra hầu tòa về tội "mạ lỵ" nầy, kết quả ra sao tôi không còn nhớ.

Trong thời gian huấn luyện ở Long Thành, Thiện đã nhiều lần than với tôi về việc phải ký nhận những thùng xe tăng đầy xăng, trong khi thực tế chỉ có lưng bình; về những bất tài, nhũng lạm của một số người trong giới chỉ huy thiết đoàn mà chi đoàn của Thiện là một thành phần. Tất cả là những sự kiện rời rạc, chưa có hệ thống quay cuồng trong đầu tôi. Thế nhưng những người trong thiết đoàn và cả trên Vùng II có lẽ đã không nghĩ như vậy. Họ có lẽ đã họp với nhau và đưa ra những câu hỏi: Tại sao Thiện lại bỏ Trường Huấn Luyện Thiết Giáp ở Thủ Đức, một chốn an lành, để tình nguyện đi ra đơn vị tác chiến, việc mà Thiện đã làm cách đó mấy năm, đã thấm mệt, đã xin chuyển về trường, nếu không là tình nguyện đi đơn vị tác chiến lên cao nguyên với mục đích hoặc với một "sứ mạng" nào đó do tờ báo Sóng Thần giao phó.

Cũng như chính quyền của ông Thiệu đã không nhìn thấy những hoạt động của nhóm Sóng Thần hoàn toàn phi chính trị như thế nào, mà chỉ nhìn thấy cái sôi nổi, địa bàn hoạt động trải rộng đáng nghi-ngại của chúng tôi: Chúng tôi chống tham nhũng, với khẩu hiệu ngạo mạn, gần như lãng mạn, "Đầu sóng ngọn gió"; chúng tôi chung vốn và hỗ trợ tận lực, bằng tờ báo, gánh hát cải lương của cặp tài tử Bạch Tuyết-Hùng Cường đi lưu diễn khắp nơi; chúng tôi dùng tờ báo gây quỹ cho chương trình học bổng cho học sinh nghèo của Quảng Ngãi Nghĩa Thục quy tụ tới cả mấy trăm em học sinh nam nữ hiếu học và một ban giảng huấn và điều hành duy trì ở mức 108 người (anh hùng Lương Sơn Bạc đầy lãng mạn tính) hoàn toàn tự nguyện; chúng tôi dùng tờ báo để phát động chương trình xây nhà cho người nghèo, và vận động gây quỹ đi hốt xác trên 2000 đồng bào tử nạn trên "đại lộ kinh hoàng" nằm giữa Huế và Quảng Trị khi Quảng Trị lọt vào tay quân Bắc Việt vào mùa hè đỏ lửa năm 1972 — hai chương trình đã được ký giả Đường Thiên Lý gom lại trong câu ngạn ngữ để gọi tên, "Sống mái nhà, chết nấm mồ"; chúng tôi góp vốn làm phim; chúng tôi bỏ tiền làm tượng Hà Thúc Nhơn, viên đại úy y-sĩ đã bị tham-nhũng thanh toán năm 1970 ở Nha Trang và đã trở thành biểu tượng của nhóm, do bàn tay điêu khắc tài hoa của Lê Thành Nhơn tạc. Những lúc nhàn rỗi tôi thường đàn đúm với nhóm bạn kiến trúc, nói chuyện xây dựng đất nước một khi hòa bình. Chúng tôi phân tán nhân lực và vật lực cho quá nhiều các hoạt động khác nhau, tất cả qua tờ báo. Có lẽ chưa có tờ báo nào trên thế giới đã phải cáng đáng một lúc biết bao nhiêu công tác như vậy: vừa thông tin, bình luận, đánh đấm, giáo dục, giải trí, gây quỹ cho các chương trình văn hóa, xã hội, và nhân đạo khác nhau. Tóm lại, chúng tôi là một lũ mơ mộng, lãng mạn, với cái đam mê của một luồng điện mạnh truyền đi sang nhiều người, và cũng làm cho nhiều người tê tái, e dè, tìm cách vùi dập nếu có cơ hội và quyền hành.

Vì chúng tôi phân tán mỏng nhân lực và vật lực như vậy, nên khi chính quyền của ông Thiệu ban hành cái gọi là luật báo chí 007-72 sau biến cố mùa hè đỏ lửa 1972, viện lý do là vì tình hình khẩn trương mà trong đó có điều khoản ký quỹ 20 triệu đồng đòi hỏi nơi một tờ nhật báo nếu còn muốn tiếp tục xuất bản — một điều khoản quái gỡ nhất chưa từng thấy trong lịch sử báo chí nhân loại — để có lý do kiểm soát báo chí gắt gao hơn, chúng tôi chơi với, họp hành đến xanh cả mặt, bạc cả đầu: Làm thế nào để duy trì tờ báo, vì không có nó chúng tôi sẽ như người bị chặt cả tay lẫn chân và sẽ buộc phải bỏ dở những công trình vừa mới chớm bắt đầu.

Luật báo chí mới ra đời khá bất ngờ, ngay sau khi chúng tôi vừa chia tiền lời cho các cổ đông, lên tới 80 phần trăm số tiền họ đóng góp. Số là hồi xảy ra vụ mùa hè đỏ lửa 1972, nhờ giàn phóng viên ở Huế do Nguyễn Kinh Châu điều khiển, tăng cường bởi nhóm anh em Sóng Thần từ văn phòng Quảng Trị di tản vào và từ Đà Nẵng và Sàigòn ra, kể cả tôi lần đầu được anh chị em cho phép đi ra vùng địa đầu (bởi vì nếu tôi có bị sao thì tờ báo cũng không thọ, vì tôi đứng tên), tờ Sóng Thần bỗng phất lên như diều gặp gió, với những tin tức, phóng sự, hình ảnh, nhất là hình ảnh của "đại lộ kinh hoàng", chúng tôi thu thập được và cung cấp cho độc giả. Cái trò làm báo là nếu báo lên, bán chạy thì quảng cáo cũng ùa tới, nên chúng tôi thu được khá bộn tiền lời. Là những nhà kinh doanh tài tử, không biết thủ để phòng cơn nắng hạn hoặc để đầu tư khuếch trương thêm, chúng tôi đem tiền lời chia cho cổ đông. Thế nên khi phải ký quỹ, chúng tôi lâm vào tuyệt lộ. Thế là có một màn vắt giò lên cổ để lo tiền ký quỹ. Lâu lâu nhà văn Chu Tử, hồi ấy còn là chủ biên của tờ báo, tập tễnh đi vào với một bọc tiền mượn được của ai đó, nụ cười méo mó (vì anh bị bắn vào mặt, suýt chết, vào cuối thập niên 1960 trong một vụ mưu sát hụt, khiến hệ thống thần kinh của một bên người bị ảnh hưởng). Các thân hữu khác cũng cho vay hoặc đứng ra làm trung gian vay hộ, nhiều người vì những lý do nào đó không muốn trường tên mình ra.

Hồi ấy báo chí rụng như sung vì không xoay nổi tiền ký quỹ, kể cả những báo định kỳ mà luật báo chí mới đòi hỏi họ phải ký quỹ 10 triệu đồng. Báo trẻ em, thiên về

giáo dục, thì đóng năm triệu, hoặc có thể xin miễn ký quỹ, nếu xoay được. Có nhiều báo văn học, để tránh ký quỹ vì họ cũng không có tiền, xoay ra xuất bản dưới hình thức "sách định kỳ." Tôi nhớ cách đó mới một hay hai năm, để tránh bị kiểm duyệt theo kiểu sách, thường là gắt gao và lâu hơn là báo chí, nhiều tác phẩm văn chương đã phải khoác lên chiếc áo "báo chí." Sau khi luật báo chí 007-72 được ban hành, lại có phong trào ngược lại: Báo định kỳ biến thành "sách," để không phải đóng ký quỹ như báo chí. Báo chí đóng cửa hàng loạt, khiến nhiều ký giả nhà văn mất chỗ đứng, thất nghiệp, gia đình nheo nhóc (*). Trong những tờ nhật báo tự ý đóng cửa, tôi nhớ nhất là cái chết đầy tính Từ Hải của tờ Đuốc Nhà Nam của ký giả lão thành Trần Tấn Quốc, tờ báo mà về sau này mỗi lần cầm tờ Wall Sreet Journal, tôi không khỏi không nghĩ tới tờ báo của ông Trần vì cái vẻ an nhiên tự tại và chuyên nghiệp, bất chấp những đổi thay, kể cả về phương diện kỹ thuật của nó. Ông Trần Tấn Quốc đóng cửa báo không phải vì ông thiếu tiền ký quỹ, hoặc không vay mượn được ở đâu. Ông đóng cửa là để phản đối luật báo chí mới đã bóp nghẹt tự do ngôn luận và báo chí.

Tờ Sóng Thần tồn tại, song cũng chỉ được hai năm. Tịch thu liên miên làm tờ báo bị mất độc giả vốn đói tin, song không phải loại tin đã gạn lọc do các cơ quan truyền thông của chính quyền và quân đội nhồi nhét cho họ, và do đấy mất khách quảng cáo. Đã có những tháng tòa báo không có tiền để trả lương cho anh chị em cộng tác viên. Khoảng sau Tết năm 1975 thì Sóng Thần và bốn tờ báo khác bị rút giấy phép xuất bản ngang nhiên, với không một lời giải thích. Chỉ biết là những tờ báo này đã cùng in nguyên văn bản cáo trạng số 1, sau khi Sóng Thần đi tiên phong đăng bản tóm lược, bị tịch thu, rồi vận động qua Hội Chủ Báo để một vài tờ khác cùng đăng nguyên văn bản cáo trạng ở số báo kế, dù biết sẽ bị tịch thu. Số báo đăng nguyên văn bản cáo trạng in giới hạn, đâu vài trăm tờ, được tung ra phát không cho đồng bào được các tổ chức vận động kéo đến vây quanh nhà in của những tờ báo này, trước khi cảnh sát xông vào bứng lên xe cây chở đi.

Thiện luôn đứng ngoài những hoạt động báo chí của tôi, đặc biệt kể từ khi chúng tôi thành vợ chồng. Một trong những lý do anh đã không thay đổi ý định trở lại đơn vị tác chiến sau khi lấy tôi là để không phải quanh quẩn ở Sàigòn để rồi bị lôi cuốn vào công việc của tôi. Thiện nói khi còn là bạn với nhau, tôi chia sẻ và nhiều khi kéo anh vào để bàn công việc và xin ý kiến này kia, đó là chuyện khác. Song khi thành vợ chồng thì Thiện cảm thấy, anh đã bảo tôi, anh phải tách ra để tạo cho mình một chỗ đứng riêng, chỗ đứng trong binh nghiệp, khi chưa thể dứt được nghiệp nhà binh. Rồi như đã phá vỡ vẻ nghiêm trang của cuộc đối thoại, Thiện phá lên cười, đùa: "Vả lại, tôi đâu có muốn bạn bè của bạn gọi tôi là 'ông Trùng Dương'." Phần tôi, tôi ngồi ngẩn ra nghĩ về hai chữ "binh nghiệp," một danh từ tôi chưa từng nghĩ đến. Mặc dù cuộc chiến kéo dài, tưởng như vô tận, song mơ ước hòa bình qua những bài hát, câu thơ kiểu "Rồi một hai ba năm — Danh thành anh trở lại — Với em anh chăn tằm — Với em anh dệt vải" đã điều kiện hóa suy nghĩ của tôi về tính chất tạm thời của chiến tranh, thành ra tôi không khỏi tự hỏi, khi nghe Thiện nói đến danh từ "binh nghiệp", là có thể nào có một cái sự nghiệp gọi là binh nghiệp?

Ít ai biết chính Thiện là người đã khai sinh ra cái tên Sóng Thần, một cái tên mà Chu Tử đã nhăn mặt nói là chẳng có vẻ gì là tên báo hàng ngày cả, nhưng Nguyễn Liệu của Quảng Ngãi Nghĩa Thục, vốn sẵn máu Lương Sơn Bạc, thì lại khen là hay, nên Chu Tử cũng thích theo.

Vào giữa năm 1971 khi tôi đang chuẩn bị để xin giấy phép ra báo, Thiện, hồi ấy còn đang dậy trong Trường Thiết Giáp ở Thủ Đức, ghé thăm tôi. Tôi đem một cái danh sách những tên báo cho tờ báo tương lai ra hỏi ý kiến Thiện. Hầu như tên báo nào tôi nghĩ ra đều đã có người xin, kể cả những tên báo đã đi vào lịch sử báo chí, nghĩa là đã đình bản từ lâu. Thiện đọc danh sách những tên báo, trầm ngâm một lúc, rồi kể với tôi một giai thoại Thiền mà anh rất thích — Hồi ấy đang có phong trào đọc Thiền, có lẽ vì cuộc chiến kéo dài làm những người trẻ nhiều ưu tư, lắm mệt mỏi như chúng tôi cảm thấy cần phải tìm cho lòng mình một chút nào sự thanh thản để còn đối phó, kể cả chấp nhận cuộc đời đầy phong ba, bão táp.

Có một anh võ sĩ Nhật nọ, Thiện kể, tuy rất khỏe và tài ba, song đánh đâu thua đó. Anh ta bèn đi tìm một thiền sư để xin lãnh giáo. Nhà thiền sư bèn bảo anh ngồi thiền, tập trung tư tưởng vào những ngọn sóng. Nhà võ sĩ làm theo lời thiền sư, ngồi thiền, ngày này qua ngày khác không nghĩ đến cái gì khác ngoài những ngọn sóng, cho tới khi anh ta chỉ còn thấy trong đầu có một ngọn sóng thật lớn, sóng thần, ập tới hung bạo, tàn phá những gì mà nó đụng tới. Từ đấy, chàng võ sĩ mỗi lần lên võ đài chỉ nghĩ tới có độc một ngọn sóng thần, và đánh đâu được đó. Rồi Thiện bảo tôi sao không đặt tên tờ báo là Sóng Thần, nó phù hợp với chủ trương chống tham nhũng của nhóm Hà Thúc Nhơn. Hồi ấy tôi chỉ là thân hữu của nhóm này, vì tôi muốn duy trì vị trí của một người làm văn chương, mãi tới khi tờ Sóng Thần ra đời. Cái tờ báo do Thiện khai sinh cho lại chính là cái đã, tôi vẫn âm thầm nghĩ, úp chụp lên cuộc đời anh và đưa anh tới cái chết thảm vì liên hệ tới tôi — cái chết đã được dàn cảnh thành người lính bất mãn vì bị đưa đi kỷ luật, uống rượu say, rồi vác súng đi thanh toán cấp chỉ huy.

Viên hạ sĩ nhất thấy tôi có vẻ không muốn mở chiếc rương của Thiện ra để kiểm điểm các món di vật của anh, để anh ta có lý do nêu lên một thắc mắc chỉ có tôi có thể giải quyết được, nên cuối cùng anh ta tằng hắng giọng một lần nữa, và nói:

"Chị có biết là đại úy có một cuốn nhật ký và vẫn ghi chép mỗi ngày?"

Tôi ngẩn ngừ một lúc, rồi đành phải thú nhận là tôi không được biết. Hôn nhân lẽ ra là một chia sẻ gần như trọn vẹn. Song từ ngày chúng tôi lấy nhau, Thiện ngưng xen vào các hoạt động của tôi, dù chỉ là để góp ý, phần anh cũng bận mù mịt với việc chi

đoàn; trong khi tôi cũng tự giới hạn việc đào bới những riêng tư của Thiện mà tôi đã làm thản nhiên khi hai đứa còn là bạn, có lẽ vì không muốn tạo cho Thiện cái cảm tưởng là bị ràng buộc. Chúng tôi hình như đã đánh mất tình bạn và sự hồn nhiên chia sẻ tâm tình, nhưng tình vợ chồng với những lúc đầu gối tay ấp kể cho nhau nghe đủ các thứ chuyện thì chúng tôi vẫn còn đang trên đường tìm kiếm... Tôi do dự, rồi cũng phải thú nhận trước mặt hai người quân nhân, rằng chồng tôi ghi nhật ký mà tôi không được biết.

"Từ ngày về nhận chi đoàn, tối nào đại úy cũng loay hoay ghi chép vào một cuốn tập bìa cứng trước khi đi ngủ," viên hạ sĩ nhất nói. "Sau khi ban điều tra thiết đoàn đã làm xong phần vụ của họ và em được phép vào thu xếp những vật dụng của đại úy để đem về giao lại cho chị, điều em để ý trước tiên là... cuốn nhật ký đã biến mất, có lẽ họ đã tịch thu để điều tra thêm hoặc là ém nhẹm đi."

Viên hạ sĩ ngưng lại một lúc, chờ phản ứng của tôi. Thấy tôi không nói gì, anh ta tiếp:

"Vì chị không biết đến cuốn nhật ký của đại úy, không biết là nó đã biến mất, nên em cảm thấy có bổn phận phải thông báo cho chị, vì chỉ có chị mới có quyền đòi lại cuốn nhật ký của đại úy. Chị cứ nói là chị có biết cuốn nhật ký đó, rằng chị muốn nó phải được giao hoàn lại cho chị vì đó là kỷ vật của đại úy..."

Tôi gật đầu, nói sẽ cho người lên đòi ngay ngày mai, và cám ơn anh ta đã cho tôi biết về sự hiện hữu của cuốn nhật ký.

Hai người quân nhân đội mũ lên đầu, chuẩn bị giã từ tôi.

"Chị đừng nói là em nói với chị về cuốn nhật ký của đại úy," viên hạ sĩ nhất dừng lại ở ngưỡng cửa nói với tôi. Tôi gật đầu, anh ta mới yên tâm bước xuống cầu thang nơi người bạn đồng hành đang chờ.

*
* *

Ngay sáng hôm sau tôi phái Ngy Thanh mặc thường phục cầm theo một lá thư tôi viết trên giấy có nhãn Sóng Thần, yêu cầu ông thiết đoàn trưởng bằng mọi cách thu hồi cuốn nhật ký "đã bị thất lạc đâu đó" của Thiện và giao cho người cầm thư đem về cho tôi. Sau một ngày ở Long Thành, Ngy Thanh trở về tay không. Chú ta nói là chú đã hết sức ngọt nhạt, song lễ phép, với các sĩ quan chỉ huy trong thiết đoàn, nói rằng cuốn nhật ký có lẽ chỉ ghi những chuyện tình, suy tư vớ vẩn của Thiện, rằng dù sao đó là kỷ vật thân thiết nhất của Thiện cho tôi, ai đó đang giữ nó chả nên giữ làm gì. Thanh bảo họ nói là chính họ cũng không biết gì về cuốn nhật ký đó, rằng họ hứa "sẽ kiếm" nó rồi cho người cầm về giao lại cho tôi.

Một tuần lễ sau đó thì có viên thượng sĩ dưới quyền Thiện trước kia trong tiểu đoàn, người đã về báo tin Thiện chết cho tôi một đêm nào, đi tìm tôi ở nhà. Anh ta trao cho tôi một cái phong bì mầu vàng nâu khổ lớn hơn khổ giấy viết thư, trong đó có cuốn nhật ký của Thiện, dầy khoảng hai trăm trang, bìa cứng mầu xanh lá cây nhạt, không quên xin lỗi vì "tìm mãi mới ra," song không giải thích là tìm thấy ở đâu.

Tôi hỏi vụ điều tra về cái chết của Thiện đến đâu, thì ông rất dè dặt cho tôi biết là ban điều tra thiết đoàn đã đi đến kết luận là đây là một vụ lính tráng ba gai, bất mãn cấp chỉ huy, rằng người lính đã bị giải qua quân lao chờ ngày ra tòa án quân sự. Tôi nói,

TRẦN MỘNG TÚ

# CON TẦU, BIỂN VÀ TÔI

(Gửi tác giả Cánh Đồng Con Ngựa Cái Tầu)

**Con đường sắt nằm song song với biển**
**Tôi đứng đây đón chuyến tầu đi qua**
**Nghe tiếng còi tầu từ xa vang vọng**
**Lòng cũ tìm về nhớ một sân ga**

**Con tầu tới con tầu đang chạy tới**
**Tầu chở không biết bao nhiêu là toa**
**Những toa tầu đếm hoài, đếm không hết**
**Bẩy mươi tám mươi số nhẩy mắt hoa**

**Con tầu chạy con tầu ra sức chạy**
**Biển đang nằm yên trỗi dậy đuổi theo**
**Sóng nhấp nhô, sóng đuổi, sóng sóng đuổi**
**Cả đại dương cuồn cuộn đuổi theo sau**

**Con tầu chạy con tầu vẫn chạy chạy**
**Nó chạy mệt nhoài chạy vào hoàng hôn**
**Trên những toa tầu có ghi tên "Muối"**
**Nên biển chạy theo đòi lại linh hồn**

**Con tầu chạy biến trong mặt trời lặn**
**Đại dương hấp hối nằm đợi trăng lên**
**Tôi đứng cô đơn như con đường sắt**
**Vết chân trên cát chẳng ai đến tìm.**

*(Puget Sound, hè 94)*

cố nén nỗi ưu uất đã đốt cháy tâm can tôi từ nhiều tuần qua, rằng tôi được biết Thiện đã quyết định không tự tay phạt lính tráng vô kỷ luật ở cấp chi đoàn mà chuyển lên ban an ninh của thiết đoàn để trên đó xử trí. Người lính mới bị chuyển lên thiết đoàn hôm trước, sao chưa có ai kỷ luật anh ta, mà lại còn thả anh ta ra để anh ta đi uống rượu và vác súng trở lại chi đoàn để thanh toán Thiện, một người chỉ làm cái phận sự giao anh ta qua thiết đoàn chứ không trực tiếp ra hình phạt. Viên thượng sĩ ngoài ba mươi chỉ lặng thinh không nói gì. Tôi cũng hiểu là cho là anh ta có biết gì đi chăng nữa, thì cũng phải thủ lấy thân trước. Cái chết của Thiện còn rành rành ra đấy, như một lời cảnh cáo cho những quân nhân nào muốn ngo-ngoe, thóc mách.

Khi viên thượng sĩ đi rồi, tôi vội vàng mở cuốn nhật ký của Thiện ra và xem xét có những chỗ nào bị xé, trước khi đọc xem Thiện đã ghi chép những gì. Tôi không thấy vết tích phi tang nào. Cuốn tập ghi được khoảng một phần tư, đúng như lời viên hạ sĩ nhất hầu cận của Thiện đã nói, là Thiện cũng mới bắt đầu ghi nhật ký từ ngày về nhận xây dựng chi đoàn tân lập trang bị toàn M-48 này để chờ ngày lên cao nguyên, trước khi hai đứa tôi lấy nhau đôi ba tháng. Tôi nhớ tới thời gian một tuần trăng mật ở Vũng Tầu, có lần Thiện đã nói với tôi trong khi mắt giõi ra ngoài biển sóng dồn dập, là phải chi nếu biết hai đứa lấy nhau anh đã xin đi Vùng IV hiền hòa hơn, ít giao tranh. Rồi liền đó, anh quay sang nhìn tôi và nói, dù sao anh thích cái cơ hội được xây dựng một chi đoàn tân lập trang bị bằng loại xe tăng tối tân, vì tính cách đầy thách đố của công tác, rồi cười lớn — cái giọng cười hồn nhiên, sảng khoái, cố hữu của Thiện những lúc chúng tôi chia xẻ với nhau một đoạn văn hay hay câu thơ đầy khúc mắc.

Cuốn nhật ký ghi những suy nghĩ, công việc hàng ngày, cả những khó khăn triền miên của Thiện khi phải huấn luyện đám lính trong đó có nhiều tên du thủ du thực; không có gì là "bí mật quốc phòng." Những tuần lễ cuối cùng trước khi chết, Thiện ghi những việc lặt vặt, như đi mua cho con của một người bạn thân cái bàn học, vì cái bàn mà anh bạn định dùng cho con làm chỗ học, kiểu bàn giấy bắt chước lối cổ, tôi đến chơi thấy thích nên anh ta chở đến nhà tôi cho. Chuyến đưa bà mẹ nuôi đi thăm mộ ông bố nuôi, một việc làm khiến bà cụ ngạc nhiên. Thiện không còn cha mẹ ruột. Từ bé anh đã được giao cho một cặp vợ chồng trong họ không con nuôi để có người trông nom họ lúc tuổi già. Theo lời Thiện kể, bằng một giọng bỡn cợt nhưng không cay cú, anh là con của một cặp trai tài gái sắc. Bố Thiện là một nhạc sĩ vĩ cầm, mẹ là một cô gái nhan sắc của đất Hà Nội. Họ mê nhau, nhưng không còn mê con. Sau khi cho Thiện đi, họ đưa nhau vào Huế sống trên đò, chỉ có hai người với nhau, với bên dưới là nước, trên trời là trăng sao — Có lẽ vì thế mà Thiện có một cái say mê đặc biệt dành cho những bầu trời đầy sao chăng, như anh đã thỉnh thoảng biên thư cho tôi kể về những đêm nằm ngắm sao nghe tâm hồn muốn nổi loạn, từ sau khi bỏ trường nhập ngũ rồi được thuyên chuyển lên cao nguyên? Có lẽ vì thế mà Thiện muốn trở lại cao nguyên để được gần trời sao hơn? Rồi ông bố bị bệnh lao chết, từ đấy không ai biết bà mẹ Thiện đi đâu. Có nguồn tin trong họ hàng đồn đại với nhau là ba đã bỏ đi bưng kháng chiến. Thiện thường mang theo một tấm ảnh, cỡ của một cuốn sách loại bỏ túi, đã ngả mầu nâu lồng khung, chụp ảnh bán thân của một người đàn bà trẻ mới ngoài hai mươi, đẹp một cái đẹp mơ mộng, trong mớ hành lý cá nhân của một người lính chiến. Thiện đã âm thầm hy vọng một ngày nào đó chạm mặt với bà mẹ từ bên kia chiến tuyến trên một chiến trường nào đó chăng?

Thiện không ghi chép gì nhiều về việc thành hôn của chúng tôi. Có lẽ cũng như tôi, cũng đang tự hỏi đây có phải là một việc làm đúng, rằng chúng tôi có đang phá hủy một cái gì rất thiêng liêng, rất hồn nhiên — tình bạn — để lao vào một liên hệ mà chính chúng tôi chưa biết nó sẽ ra làm sao. Song vì tôn trọng lẫn nhau, chúng tôi ít phân tích với ai kể cả ghi nhật ký, về những thắc mắt đó, ít ra là về phía tôi.

Một việc khác đã được Thiện ghi lại và làm tôi cảm thấy tim nhói đau, song không thể giận. Đó là việc Thiện nối lại với cô D., nhân tình cũ của anh. D. đã có chồng con, song đã đi lại với Thiện từ nhiều năm, một hai không chịu bỏ chồng để lấy Thiện, mặc dù đã có lúc Thiện năn nỉ. Hồi hai đứa tôi còn là bạn, Thiện thỉnh thoảng mượn nhà tôi để hai người tình tự. Những lúc ấy tôi phải nán lại tòa báo, hoặc sang nhà của bà chị ở gần đó chờ, tới khi Thiện mang hoàn lại chìa khóa. Thiện đôi khi tâm sự với tôi về mối tình vô vọng đó, kể cả quyết định chấm dứt với D. một thời gian ngắn trước khi chúng tôi lấy nhau. Nhưng ít tuần trước khi bị hạ sát, có lẽ như có linh cảm sẵn, Thiện đi tìm lại những mẩu dĩ vãng của đời mình, như để nói lời vĩnh biệt. Buổi gặp gỡ cuối cùng giữa Thiện và D. ở một khách sạn nào đó, D. đã để cho Thiện chụp nhiều bức hình trong cái thế của bà Eve. Cuốn phim chưa kịp rửa, nằm lẫn lộn trong mớ di vật của Thiện được chuyển về cho tôi. Tôi nhờ Ngy Thanh tráng cuộn phim xem xem có hình nào đáng giữ. Tôi xem phim, đoán là D., và đoán là thế nào chị cũng tới tìm tôi để xin lại cuộn phim nên tôi bỏ nó trong sắc tay sẵn.

Đúng như tôi dự đoán, một buổi gần trưa, D. đến tìm tôi ở tòa báo, đôi kính mát vẫn giữ che đôi mắt khi ngồi đối diện với tôi ở tòa soạn trên căn gác lửng thiếu ánh sáng ở số 133 đường Võ Tánh. D. có giọng nói miền Nam ngọt ngào, và một thân hình có vẻ mềm mại, chẳng trách được Thiện mê, và đã ghi trong nhật ký so sánh D. với tôi, phê bình tôi nói năng xử sự thiếu đàn bà tính, trí thức và quá độc lập, khiến anh thấy hụt hẫng, thừa thãi khi ở bên tôi. D. nói vừa đi thăm mộ Thiện trước khi đến tìm tôi. Tôi biết những khi nào D. đi thăm mộ Thiện. Đọc nhật ký của Thiện, và thấy ai đó bỏ lại trên phần mộ một cành hoa hồng đỏ lúc nào cũng tươi mới khi tôi có dịp vào nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi thăm mộ, tôi phải đoán ra. Tôi thường nói đùa với Thiện đã nằm yên trong mộ sâu, "Vậy là bạn hết

than là cô đơn với lại cô độc nhé, vì có tới hai người đàn bà nhớ đến bạn khi bạn nằm xuống. Đâu phải ai cũng có cái diễm phúc ấy: Bao nhiêu thanh niên đã chết trận không có đến cả một cô tình nhân, chứ đừng nói tới có tới cả vợ lẫn tình nhân thương nhớ mình." Tôi biết nếu phản ứng được, Thiện sẽ cười vang, như khi anh kể về mối đam mê của bố mẹ đẻ của mình.

Không chờ D. hỏi xin, tôi lấy trong ví ra cuộn phim, trao cho chị.

"Tôi tìm thấy cuốn phim này trong đám di vật của Thiện. Vì không biết phim đã chụp những gì, nên tôi cho người tráng ra, chứ chưa rửa ra hình, chị đừng lo," tôi nói.

D. cầm cuốn phim trong tay, không dở ra xem, tung hứng cuốn phim trên tay trong khi trao đổi với tôi vài câu rời rạc, sượng sùng. Tôi biết D. đã phải thu hết can đảm đi tìm tôi, với mục đích duy nhất là xin lại cuộn phim, nên tôi phải cố gắng để D. không ngượng. Một lúc, D. hỏi tôi thế Thiện có ghi gì về cuộc tình của hai người trong cuốn nhật ký mà chị biết anh vẫn giữ, mà tôi không biết. Tôi cảm thấy mình là một kẻ ngoài cuộc trong bộ ba chúng tôi, một người khách lạ đứng ngoài cửa thiên đàng — chẳng phải đó là tựa của cuốn tiểu thuyết của Camus mà tôi với Thiện đọc ngày xưa và cùng phân tích một cách say sưa với nhau đấy sao? Tôi mỉm cười, nói dối không khó khăn về những trang nhật ký đẫm những ái ân, nước mắt, hờn giận, vỗ về. Tôi bảo D. là phần lớn Thiện ghi những khó khăn anh gặp phải trong công tác chuẩn bị, huấn luyện cho đám lính, trong đó nhiều người có lẽ học lực chỉ mới hết tiểu học, cách xử dụng loại xe tăng tối tân vào bậc nhất thế giới của thời ấy, do những đầu óc thông minh tuyệt vời ngồi vẽ ra và được thực hiện trong những xưởng gắn máy lạnh và trang bị bằng những kỹ thuật cực kỳ tối tân.

Một lúc sau D. đứng dậy, xin phép ra về. Chúng tôi không gặp lại nhau sau đó.

Tôi không cho D. xem cả một mảnh giấy nhỏ mà tôi đã tìm thấy trong cuốn nhật ký của Thiện, mảnh giấy do Thiện viết, không ký tên và cũng không đề tên người nhận, không rõ là đó chỉ là một ghi chép vụn vặt, hay nhằm gửi cho D., hoặc tôi. Tôi thích nghĩ là Thiện viết cho tôi, không vì nhớ tôi, song vì chúng tôi thường chia sẻ với nhau những chuyện văn chương, thi phú, triết học. D. có thể sở hữu cái thân thể cuồng nhiệt sức sống của Thiện nay đã nằm trong đất lạnh. Nhưng tôi muốn giữ cái phần trí thức sẽ tồn tại mãi trong tôi, của Thiện.

Mảnh giấy vỏn vẹn có hai câu thơ:

*Trời còn có bữa sao quên mọc*
*Anh chẳng đêm nào chẳng nhớ em.*

Và giòng chữ bên dưới: "Nếu không đoán được tác giả của hai câu thơ trên thì sẽ không về nữa."

Tôi đã hỏi quanh bạn bè văn nghệ, dù biết rằng trước khi tôi đoán được, Thiện đã ra đi vĩnh viễn. Không ai nhớ tác giả của hai câu thơ cả. Rồi tôi một phần cũng muốn quên đi cái chết của Thiện đã khiến tôi khắc khoải, dằn vặt, không tìm ra đáp số, mà chỉ có những tự vấn và tự trách; và phần khác tôi bị lôi cuốn vào những

thăng trầm của tờ báo, những ngày báo chí tranh đấu dành tự do, buổi ra hầu tòa vào ngày 31 tháng 10 năm 1974 đã khiến cả Sàigòn lên cơn sốt chính trị tê liệt giữa những vòng kẽm gai, biểu tình, lựu đạn cay. Có người nói chúng tôi đã làm lợi cho cộng sản và góp phần vào việc đưa miền Nam đi đến chỗ xụp đổ mau chóng hơn. Điều đó có lẽ có phần đúng của nó. Nhưng chẳng phải vì chút tự do ngôn luận đó mà chúng ta chiến đấu và đã mất bao xương máu để bảo vệ đấy sao? Những năm sống ở hải ngoại thiếu thốn sách vở và phương tiện để truy lùng tác giả của hai câu thơ; phần bận rộn với đời sống tại Mỹ, trong đó tôi muốn bù đắp cho các con tôi bù lại những ngày lo chuyện thiên hạ bỏ bê chúng với mẹ tôi và các anh chị em coi sóc; và phần bận rộn với những phấn đấu với xung quanh và với chính mình để tìm một chỗ đứng dưới ánh mặt trời trên phần đất đã trở thành quê hương thứ hai của tôi, tôi quên bẵng đi mảnh giấy mà tôi đã đốt cùng với cuốn nhật ký của Thiện và các giấy tờ, ghi chép khác của tôi vào cuối tháng Tư năm 1975...

* * *

Hai mươi hai năm sau, tôi nằm đọc cuốn biên khảo Văn Học Việt Nam Dưới Chế Độ Cộng Sản của Nguyễn Hưng Quốc, xuất bản năm 1990 tại hải ngoại, để tìm chất liệu cho cuốn tiểu thuyết đang soạn. Khi đọc đến trang ông viết về nhà thơ Nguyễn Bính và bốn câu thơ trích từ một bài thơ của Nguyễn Bính ở giữa tập sách, tôi bật dậy khỏi giường như bị điện giật. Trong cơn thảng thốt, tôi cũng còn nhận ra là mình mỉm cười vì vẫn nghĩ Nguyễn Bính, theo cái nhìn thiển cận của tôi, vốn là một nhà thơ của các cô thiếu nữ "lỡ bước sang ngang" ôm theo những mối tình lở dở, viết theo thể lục bát chất phác để các nàng dễ đem ra... ru con, mà tôi đã nằm nghe bà chị dâu lớn ru con hồi tôi còn nhỏ, đến thuộc nằm lòng. Bốn câu thơ trích từ bài "Đêm sao sáng," được Nguyễn Hưng Quốc ghi lại là được sáng tác vào năm 1957, không những đã cho tôi thấy một khía cạnh thi tài khác của Nguyễn Bính, mà chúng còn giúp tôi tìm ra đáp số cho một trong những câu hỏi mà cái chết của Thiện đã để lại trong tôi:

*Sao đặc trời sao sáng suốt đêm*
*Sao đêm chung sáng chẳng chia miền*
*Trời còn có bữa sao quên mọc*
*Anh chẳng đêm nào chẳng nhớ em.*

Vậy là cuối cùng tôi đã tìm ra tác giả của hai câu thơ bạn chép lại trước khi bị hạ sát, với giòng chữ "nếu không đoán được," nghịch ngợm thách đố mà cũng chuyên chở một điềm báo dữ, đó Thiện. Trễ, quá sức là trễ, thế nhưng thế còn hơn không, phải không Thiện?

Tôi tưởng như nghe tiếng Thiện cất lên cười vang, sảng khoái, hồn nhiên trong căn apartment một phòng bừa bãi những sách báo, nơi tôi sống một mình từ hơn nửa năm nay... □

*Stockton, miền Bắc California*
*Tháng Sáu 1994*

## NHẤT TUẤN

# ĐÀN TRANH

**Đàn tranh mười sáu giây buông**
**Giây đau giây tủi giây thương giây sầu**
**Kể từ hai đứa xa nhau**
**Giây yêu theo ánh tinh cầu lìa xa**
**Kể từ mất nước tan nhà**
**Giây hờn giây oán níu ta suốt đời**
**Tắt giây vui, bặt giây cười**
**Lấy chi an ủi kiếp người xa quê**
**Giây oan hận kẻ bội thề**
**Giây tình giây nghĩa gửi về cố hương**
**Tình buồn thổn thức giây buồn**
**Giây nhớ giây giận vẫn hờn dỗi chơi?**
**Ngậm ngùi, thân thế nổi trôi**
**Giây ai nức giữa đất trời bơ vơ**

*

**Từ giông bão đến bất ngờ**
**Mỗi lần nắn phím so tơ nguyện thầm**
**Cho xin dù chỉ một lần**
**Thơ anh hòa khúc tranh cầm của em**

*(Truyện Chúng Mình)*

Trùng Dương, tên pháp lý là Thái Nguyễn Strom, tốt nghiệp cử nhân công quyền và báo chí, và cao học về các vấn đề quốc tế tại đại học California Sate University, Sacramento. Một thành viên của chương trình học bổng Fulbright của Quốc Hội Hoa Kỳ năm 1990, chị hiện công tác với một tờ báo của công ty Gannett, The Record, ở Stockton.

**Ghi chú:**

(*) Nữ học giả Tôn Nữ Nha Trang, trong một bài biên khảo về các nhà văn nữ của Nam Việt Nam xuất bản năm 1986, đã sai lầm khi nhận định vì là Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam, kéo theo các viện trợ kinh tế, nên nhà văn ký giả Nam Việt Nam lâm vào cảnh thất nghiệp, sa sút. Thực tế, luật báo chí 007/72 mới là thủ phạm chính.

# NGƯỜI GIÀ SAU TUỔI BẢY MƯƠI NHĂM

VĂN THANH

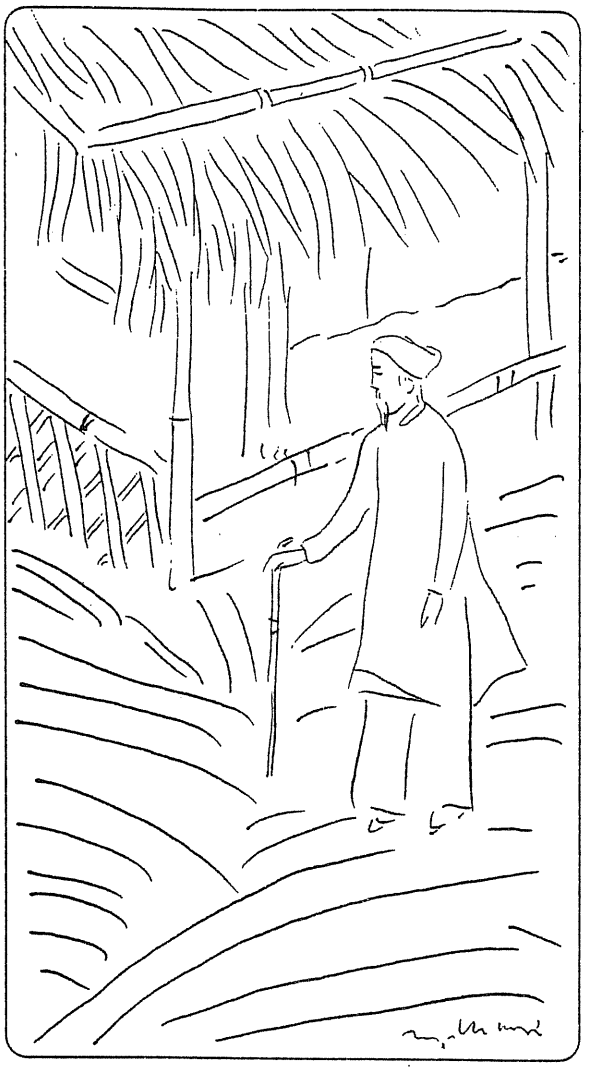

Sau cái tuổi bẩy mươi nhăm, sống dai như ông cụ Vãng hình như chả còn cái ý nghĩa gì cả. Con cháu nó coi ông như người thừa trong gia đình, không khoẳn khỏa hỏi han đến ông, ông sống trong sự cô đơn thui thủi, mối liên hệ của ông với mọi người trong nhà ít đến nỗi, vui, không có ông, mà buồn, cũng không can dự đến ông. Trôi đi trong những ngày tháng lạnh lẽo nhạt nhèo, ông Vãng không cảm thấy bức bối khó chịu, ông vốn là người mát tính, ông không chê chấp, ông tự an ủi mình, con cháu chúng nó làm ăn bận rộn, tất bật suốt ngày, ông chả trách oán chúng. Bạn bè thân thiết của ông Vãng, nhìn quanh đi quẩn lại, chẳng còn sống sót mấy người, đến ngay như cái bà lão, vợ ông, mở mồm thề bồi ở với ông đến trăm tuổi, cũng bỏ ông ra đi từ mười năm tám hoáng về trước rồi. Đã đến lúc tới lượt ông ra đi...

Ngẩn ngơ chống gậy trúc, ông lần hồi đi xuống tận dưới phố Lê Duẩn, nhà một người bạn cũ. Ông Vãng gọi chị hàng hoa gánh rong gói cho ông gói hoa, mua thêm nải chuối Ngự con con, ông cho vào cái bị nhỏ khoác bên vai. Ông nghĩ đến bà Thân, Bà này quen biết với ông Vãng từ hồi ông Vãng tuổi còn để chỏm, hôm nay là ngày giỗ hai cụ thân sinh của bà Thân... Ông Vãng đến đấy, thắp vài nén hương, nhìn ảnh cũ, khấn khứa đôi lời, gọi là cho nó có cái việc khuây khỏa lòng buồn chán.

Vào đến cuối ngõ, ông Vãng dừng chân trước ngôi nhà gianh lụp xụp. Đám trẻ trong ngõ đang chúi đầu chơi trò chọi cá thấy ông đến, nhận ra ông, chúng lau chau reo lên chạy vào gọi người nhớn. Một người đàn bà tóc bạc phơ phơ, lưng còng như đỗ gập người xuống đất lom khom chống gậy lần ra, nhìn ông và mời vào nhà. Bà cụ này mấy chục năm trước nổi tiếng nhan sắc mặn mà, gánh hàng đi chợ, thắt đáy lưng ong, vung vẩy nhịp tay theo bước dún chân, gió thổi bay bay tà áo nâu tứ thân, nhiều người mãi ngoái cổ nhìn theo ngã lăn kềnh xuống ruộng nước. Ông

Vãng nhớ lại và tủm tỉm cười thú vị một mình.

Bà Thân, tức bà cụ chủ nhà rót chén nước vối nóng khói nghi ngút mời ông Vãng: — Nhà cửa bề bộn, dọn mãi không xong, con với cái, chúng nó chỉ biết ăn rồi lại phá, cả hai vợ chồng nó! Ông ở xa còn có lòng nhớ đến tôi, ông đến chơi, tôi thấy chán quá.

Ông Vãng xoay xoay chén nước nóng, cười độ lượng:

— Con cháu chúng nó bây giờ, có mấy lũ nên cái hồn người, thôi thì bọn mình già cả rồi, cứ mặc xác chúng nó, mình còn sống được bao nhiêu đâu mà ôm cái tức vào mình.. Bà lau bàn thờ chưa? Hôm nay có giỗ đấy, tôi đem ít hương hoa cúng vái vong linh các cụ.

Bà Thân không hài lòng câu nói của ông Vãng, bà tiếp tục trì chiết đay nghiến, kể tội Sở, thằng con nuôi độc nhất của bà, nó hư đốn đủ mọi đường. Ngày còn bé, lười biếng lêu lổng, nhớn lên đua đòi ăn chơi toàn với lũ con nhà mất dậy, thôi thì cờ bạc hút sách, ăn cắp, cướp giật, đánh nhau... Trong nhà, sắm sửa được cái gì, nó khuân đi bán tống tháo lấy tiền đàn đúm, công của bao nhiêu năm trời bà ký cóp làm ăn dành dụm được đều tan đi như mây như khói... Ông Vãng tỏ ra chăm chú ngồi nghe bà Thân nói, kỳ thực, câu nói vào tai bên này thì nó đã chui tuốt tuột sang tai bên kia, chẳng còn gì đọng lại. Những điều bà Thân than thở với ông, ông được nghe đi nghe lại những chuyện đại loại như thế hàng chục năm nay, mỗi khi có dịp ngồi với bà Thân. Ông Vãng chẳng thể làm gì để giúp gia đình nhà bà Thân, thường thì, ông cứ cố ngồi nghe như vậy, đợi khi nào bà Thân nói chán, không buồn nói thêm nữa, ông Vãng mới thủng thẳng câu nói chấm dứt lảng sang chuyện khác:

— Thôi thế cứ coi như mình nhầm, nuôi phải cái giống vô ơn, bỏ qua tự nhiên mình thấy mát cái xác bà Thân ạ...

Bà Thân khóc sụt sịt, kéo vạt áo lau nước mắt kể lể:

— Nào có bỏ qua được, cây muốn lặng nhưng gió chẳng đừng, nó làm như nó là chủ cái nhà này không bằng, hơi một tí là nó vênh mặt đòi đuổi tôi đi, mà nhà này là nhà của tôi, nó đã nuôi nổi tôi lấy ngày nào đâu, cho đến bây giờ, nó vẫn còn phải bám vào tôi mà sống... Thế mà nó đã tưởng tôi ra đồ vô dụng, muốn giở mặt đuổi tôi đi chứ... Ông nghĩ có ức không?

Ông Vãng lắc lắc đầu, quơ tay đặt chén nước, lóng ngóng làm rơi chiếc gậy trúc vẫn cặp bên nách, định cúi xuống nhặt lại thôi, ông nhìn bà Thân nói giọng buồn buồn:

— Thì vưỡn... Chuyện đời tráo trở như vậy đấy, phỏng bà làm gì nổi nó? Nó... như...như cái chính quyền bây giờ ý... Ngang ngược, trắng trợn... Sức bà tống cổ được nó ra ngoài đường à? Chót nhằm thì phải chịu chứ biết làm sao bây giờ? Tôi cũng như bà thôi, chúng mình đều già cả, đuối sức...

Bà Thân nói mà ngực phập phồng thở dốc, đầy mệt nhọc, ấm ức, tay bà vo thành nắm đấm run run gõ cốc cốc lên mặt bàn đệm cho những câu nói:

— Tôi thì tôi chả chịu, nhà này là của tôi, nó không ở nữa thì nó... bước! Không có cái lý gì được đàng chân lân đàng đầu, đòi cướp không cái công tôi nuôi nấng, lại còn cướp nốt chỗ ở của tôi. Đấy, ông biết đấy, mấy năm trước chứ nói đâu xa xôi gì, tôi phải tháo nốt đôi vòng khuyên nặng hai chỉ bán đi cho nó lấy tiền cưới vợ, tưởng nó có gia đình riêng thì đỡ lông bông, tu tỉnh cái con người, không ngờ lại tệ quá trước! Con vợ nó tai quái, lại dẫn cả đám người ngoài về vào hùa với nó bắt nạt tôi...

Ông Vãng nhìn lên lớp da mặt nhăn nhàu của bà Thân, như những vết hằn gom dựng dĩ vãng, sâu dài từng vệt, đọng đầy gian khó cực nhọc và khổ đau, chẳng ai hiểu đời bà Thân bằng ông, vì thế cứ mỗi lần gặp ông, bà Thân trút hết mọi nguồn cơn bực bội lên người ông. Ông Vãng nhớ lại chuyện xưa. Ngực ông Vãng thấy nằng nặng, đã bao nhiêu năm nay rồi, ông vẫn cứ nghĩ, hình như cái chuyện ban đầu bất hạnh đừng xẩy ra như thế, thì cuộc đời bà Thân, sẽ không có chuyện buồn khổ như thế này. Giá mà con người ta, mỗi người có được thêm một cuộc đời mới để có thể làm lại tất cả từ đầu thì thật là hay.

Dạo ấy Hà Nội bị đánh phá bởi Pháp-Nhật. Bà Thân chạy tản cư cùng với hai cụ thân sinh ra bà. Chẳng may họ bị kẹt vào giữa vùng giáp ranh. Ban ngày, lính tây Lê-Dương càn quét, ban đêm Việt Minh về thu thóc thuế, dân tình điêu đứng cực khổ trăm chiều. Gia đình bà Thân với hai vị thân sinh gia đình ông Vãng lại là chỗ thâm giao, các cụ đã ngầm ước gả giao con cái cho nhau để làm chỗ đi lại lâu dài sau này. Như thế, bà Thân đã gần như người vợ chưa cưới chính thức của ông Vãng rồi.

Sau mấy năm chạy tản cư, bặt bóng tin tức gia đình nhà bà Thân, hai cụ thân sinh ông Vãng để ý nghe ngóng và sai ông Vãng đi tìm. Cuối cùng, ông Vãng đã lần mò về tận làng nhà bà Thân tìm được bà. Ông Vãng vô cùng kinh ngạc. Bà Thân bị nhốt trong cái điếm canh bỏ không, đầu tóc bù xù, quần áo rách tơi tả, ngồi lê la giữa thềm nhà bẩn thỉu, lẫn với cứt đái bốc lên mùi hôi hám nồng nặc. Bà Thân bị mất trí hoàn toàn. Thấy ông Vãng, bà không nhận ra ông, kêu thét lên những tiếng chói tai và lăn ra đất rẫy rụa.

Ông Vãng nghẹn ngào thương tình đón bà Thân về Hà Nội thuốc thang điều trị. Bệnh tình bà Thân không thuyên giảm. Hàng ngày bà đập phá, kêu khóc rối cả. Sau phải đưa bà vào nhà thương điên ở. Bà Thân hóa điên, trấn động mạnh bởi cái chết thảm khốc của hai vị thân sinh ra bà. Ông cụ bà Thân thương cảnh dân làng khổ cực, cụ bàn kín với các cụ trong làng một mặt vẫn đóng thuế cho Việt Minh, một mặt kéo cờ trắng lên bốt Tây xin vào làng Tề để Tây nó đỡ về càn quét. Chuyện hở. Việt Minh quy tội cụ là gián điệp, cắt cổ treo đầu làng. Ngay ngày hôm sau, Pháp lại vào càn trận lớn, chúng lùng bắt được mấy người du kích có súng, đem bắn ngoài ruộng mía. Hai mẹ con bà Thân bị lính sục vào tận nhà bắt, chúng hiếp cả hai mẹ con. Mẹ bà Thân rẫy rụa, cắn vào tay thằng Tây trắng, bọn Tây thở hì hồ, sì sá sì sồ chửi những tiếng gì nghe không hiểu. Một thằng dùng báng súng đập mạnh vào đầu bà cụ thân sinh của bà Thân, bà cụ bị vỡ sọ máu phọt ra tung roé, chết ngay trước mặt bà Thân. Lúc ấy, bà Thân lại đang bị mấy thằng Tây đen trói chân tay luân phiên

hãm hiếp, người chúng nó ướt đẫm mùi hôi nồng, trộn với máu nạn nhân, dính bê bết lên người bà Thân, bà Thân kinh hoàng quá độ ngất đi, lúc tỉnh lại, hóa điên dại từ ấy.

Gần chục năm điều trị trong nhà thương điên, bà Thân khỏi bệnh, nhưng lúc này ông Văng đã lấy vợ khác, có con...

Bà vợ ông Văng thuộc loại người tử tế. Ngày bà Thân bị bệnh, hai vợ chồng ông Văng vẫn thay phiên nhau chăm sóc bà Thân. Bà Văng vẫn coi bà Thân như người vợ cả, một điều chị, hai điều em rất thân mật. Cả hai vợ chồng ông Văng đều ngỏ ý đón bà Thân về ở cho vui nhà, nhưng bà Thân đổi nết, bà thích lủi thủi sống một mình, bà vay mượn vốn mua lại gian nhà dưới Nguyễn Thái Học (nay là đường Lê Duẩn) sinh sống với nghề buôn thúng bán mẹt xì xằng qua ngày và không nghĩ gì đến chuyện chồng con.

Vào cái tuổi gần sáu mươi, nghe ông Văng khuyên mãi, bà mới chịu nhận đứa con nuôi về nhà, nó tức là anh Sở đang ở với bà bây giờ.

Bà Thân không thích nhắc lại chuyện cũ. Nỗi đau khổ tủi nhục của bà mấy chục năm về trước chỉ có ông Văng là người biết chuyện, nhưng ông Văng tránh không bao giờ nói đến, ngay cái quan hệ thân gần như vợ chồng chưa cưới trước đây của hai người cũng không bao giờ nói đến, hai ông bà đối xử với nhau như những người bạn già hiểu nhau, thường xuyên qua lại thăm hỏi nhau. Mấy năm nay, sức bà Thân yếu đi trông thấy, cái lưng còng như muốn đổ gập người về đằng trước khiến bà ít nghĩ đến chuyện ra phố, chỉ có ông Văng thỉnh thoảng xuống thăm bà Thân.

Sở lớn lên, đi học được vài năm thì bỏ. Những ngày đi học, mỗi lần phải khai lý lịch, nhận cái xuất thân thành phần gia đình "phản động," Sở ghét lắm. Nỗi ghét bực này tích tụ lớn mãi bên trong con người Sở, sau cùng, Sở quay ra trút sự căm tức này vào người mẹ nuôi, vì bà mà Sở mang cái tiếng phản động, xin việc ở đâu cũng bị từ chối, thái độ của Sở đối với người mẹ nuôi mỗi ngày một xấc láo.

ĐỖ THÌ KÊNH G.

# CÔ GÁI DỐC MƠ

**Dâm bụt nở đỏ nhà em**
**Anh là bụt đấy, bụt thèm tí dâm**
**Tí dâm thánh hóa trong ngần**
**Bụt đưa hoa đỏ qua sân nhà thờ.**
**Đã yêu cô gái Dốc Mơ**
**Mình em thôi nhé bụt khờ của em**
**Vào trong cung thánh mà xem**
**Bụt qùy chăm chắm trang nghiêm lạ thường**
**Bụt xin Chúa rủ lòng thương**
**Cho bụt chiếu mới trải giường cô dâu**
**Bụt xin mẹ cả buồng cau**
**Xin bà ngoại nửa liếp trầu tươi xanh**
**Xin con chim hót trên cành**
**Xin hoa xấu hổ hồng quanh dốc đồi**
**Xin trăng một nửa vầng thôi**
**Kẻo cô dâu ngượng chín người đêm Xuân.**

Từ ngày anh Sở, con nuôi bà Thân lấy vợ, nhà thêm lên người đàn bà, chuyện rắc rối cũng thêm lên. Mẹ chồng con dâu tính nết không hợp, ban đầu thường tranh chấp cãi vã những chuyện nhỏ nhặt, mớ rau cỏ, chợ búa, nấu cơm nước, rửa bát. Về sau to dần, dính dáng đến tiền nong. Con dâu bảo bà Thân đưa tiền làm vốn đi buôn, bà Thân không đưa, học hặc đi tới chỗ xô xát, con dâu đẩy mẹ chồng ngã lăn quay, bà Thân bị đau bại bên xương hông, chữa mãi mới khỏi.

Tiếp đến trận nữa, vợ Sở nắm tóc bà Thân ấn vào sát tường, cứ thế dộc đầu bà mẹ chồng hàng chục cái liền, xưng u cả mảng đầu.

Mỗi lần xuống chơi, có mặt cả hai người, ông Văng bị kẹt ngồi nghe chuyện, chẳng biết nói sao. Khuyên bảo bà Thân, bà khóc tu tu, tủi thân cho là ông Văng bênh giống nặc nô; răn rủ cô con dâu, vợ Sở chỉ luôn vào mặt ông chửi không nể nang, rằng ông là người ngoài đừng có mà lắm chuyện. Ông Văng chỉ có cách ngồi im phăng phắc, giả câm giả điếc, ngơ dại...

Mỗi lần xuống chơi, thâm tâm ông Văng cảm thấy mình như người mắc nợ, ông Văng thường mua ít hoa quả, khi thì nải chuối, vài quả na, vài quả hồng biếu xén lấy lòng vợ chồng Sở. Về sau thành cái lệ, giống như thứ của "vi thiềng" để được ra vào trông nom bà Thân.

Có lần ông Văng nhắc với Sở:

— Hôm xưa, nếu bà Thân không thương hại đưa anh về nhà, đời anh còn phải lang thang đói rách. Bà Thân tuy không có công đẻ nhưng đã có công nuôi nấng gây dựng cho anh từng ấy năm,

anh nên nghĩ lại ăn ở sao cho khỏi tội với giời...

Sở tròn xoe mắt, cười hô hố:

— Ơ hay, thời buổi bây giờ "duy vật" sao ông còn mê tín? Giời đất nào vào đây mà ông dọa vợ chồng chúng tôi hở ông già dở dẩn?

Có một dạo, nhờ đánh bạc gỡ gạc được chút ít, Sở đã nghĩ lại cách làm lại cuộc đời. Sở nhờ cậy người lo chạy đút lót, chữa lý lịch ông cụ bà Thân bị "TA" giết thành chữ "TÂY" giết, chuyển thành phần sang con nhà cách mạng, Sở được vào làm Công An. Lương lậu tuy ít, nhưng nhờ vào cái lộc trấn lột dân đen, kiếm được kha khá. Chẳng may, Sở tính giăng hoa, tư tình với cô vợ bé ông đồn trưởng Công An, bị ông đồn trưởng sai người đánh cho một trận gần chết, rồi lý lịch của Sở bị cấp trên xét lại, phát hiện Sở khai man lý lịch, Sở bị đưa đi tù cải tạo mất hơn ba năm.

Trong tù, Sở quen được chị đàn bà chuyên bán thuốc phiện lậu, người ấy là chị chàng làm vợ của Sở bây giờ. Hai vợ chồng Sở luôn bàn bạc với nhau, kiếm lấy số vốn kha khá, lại đi buôn thuốc phiện.

Hàng tháng, chỉ tính riêng Hà Nội, thuốc phiện tiêu thụ lên đến ngót một tấn, chưa kể các mánh đường giây qua Hồng Kông, Thái Lan, Singapo... Từ khi bọn Tây lang thang vào Hà Nội nhiều, hàng có bao nhiêu hết bấy nhiêu.

Trông cánh dân buôn bốc lên vùn vụt mà hai vợ chồng ngốt cả người. Đi buôn thuốc phiện phải có thế lực như gia đình các ông làm to, nó dễ dãi, đánh xe đi kiếm hàng tạ hàng mỗi chuyến. Phải có manh mối. Cũng phải có vốn nữa. Nói đến tiền vốn, cái khó nó bó cái khôn, hai vợ chồng chỉ biết nhìn nhau vuốt bụng thở dài, thiếu cái thời vận.

Một hôm, Sở nghe ai xui, anh về chợ quê kiếm được con chó trắng, đem về nuôi, tính chuyện cho lai giống với chó Nhật để gây đàn chó quý, giá mỗi con chó làm cảnh loại này nghe đâu giá bán trên thị trường lên tới hàng triệu đồng. Nếu khấm khá, mỗi năm hai lứa chó, tiền lãi kiếm được, tính ra cũng còn khá hơn số lương người đi làm hàng chục lần.

Khổ nỗi, việc lai giống chó ta với chó tây thì không đơn giản, khác giống, chúng không "chịu" nhau, anh Sở bèn làm cái giàn gỗ, buộc con chó cái ta vào rồi bế con chó tây lên bắt nó ... "hiếp" con chó ta... Con chó ta bị vợ Sở ấn chúi đầu, lưỡi thè lè thở hồng hộc, kêu úng ẳng. Sở thì ôm con chó Tây đực, cưng nựng nó, cười sằng sặc, tay cầm ... ấn mãi vào con chó ta... Con chó ta sợ hãi, cứt đái phọt tung ra đất.

Mọi việc diễn ra trước mắt bà cụ Thân, nhìn con chó giẫy rụa, nghe tiếng con chó ta kêu ăng ẳng, thương thảm, cảnh tượng như nhắc nhở bà Thân nhớ lại chuyện cũ. Thần kinh của bà bị kích động mạnh mẽ, hình ảnh những ngày bà chạy tản cư, đám Tây Lê Dương đã trói hai mẹ con bà thay phiên nhau hãm hiếp, mắt những thằng khác giống xanh lè nom như những con quỷ dữ hiện về. Trong chốc lát, nỗi cảm giác thể xác nhục nhã, đau đớn của quá khứ sống dậy, bà Thân như lại phải chính mắt bà nhìn thấy mẹ mình bị bọn Tây đập vỡ sọ chết giẫy đành đạch, bà cảm thấy nỗi tủi nhục ám ảnh bà bao nhiêu năm nay đang bị khiêu gợi lại, nghe rõ cả những tiếng thở hồng hộc man rợ... bà bèn lớn tiếng ngăn trở, bắt hai vợ chồng Sở lập tức ngừng ngay cái chuyện bắt con chó cái ta nằm cho con chó tây hiếp. Bà bắt vợ chồng Sở mang ngay đôi chó đi cho khuất mắt bà.

Vợ chồng anh Sở cho rằng bà Thân lắm điều, bỏ mặc ngoài tai, cứ tiếp tục công việc. Bà Thân bực mình, xô vào gỡ cho con chó ta, vợ Sở giữ chó lóng ngóng bị con chó ta cắn vào tay, cơn bực nổi lên, vợ Sở xô bà Thân ngã bắn vào bờ tường, tiếp đấy, vợ Sở nắm chân ghế gỗ phang luôn cho con chó ta mấy cái liền, sọ chó bị vỡ, óc toé lênh láng với máu trên nền nhà. Bà Thân nom thấy, kiếp hãi kêu rú lên, tưởng như cái chết của người mẹ năm xưa. Hai tay bà Thân ôm mặt, đau đớn, kêu gào, cầu cứu, la hét om sòm sòm.

Anh Sở bế bổng bà Thân lên giường, vất đánh xoạch, như người ta quăng liệng cái chổi cùn, mỗi khi nổi cáu đánh chó chửi mèo. Bà Thân rẫy rụa chửi bới lảm nhảm, rồi cơn điên cũ tái phát, bà đập phá lung tung, chiếc màn treo trên giường bị giật xuống xé tan nát. Anh Sở lấy giây dẻ màn trói nghiến bà Thân lại.

Chị vợ Sở thản nhiên thu dọn nhà cửa, lau chùi sạch sẽ máu me, rồi xuống nhà bếp làm thịt chó. Chiều hôm ấy, có đám bạn bè vợ chồng nhà Sở kéo tới rất đông, đánh chén nhậu nhẹt lu bù.

Mùi khói thịt nướng từ ngoài sân sau bay tỏa ra khắp nhà, cùng với những tiếng cười nói ầm ĩ quanh mâm rượu thịt tú ụ, cả đám sôi nổi bàn tán chuyện làm ăn bốc của trong cơn gió lốc làm giàu. Họ khoe với nhau, ông chủ tịch thành phố Lê Ất Hợi vừa trúng "quả" hơn hai triệu đô la. Trong khi ấy, bà Thân bị trói gô đầu thành giường, vật vã đau đớn, nhưng chẳng ai chú ý đến bà Thân...

Ông Vãng xuống chơi bắt gặp cảnh tình như vậy, ông yêu cầu mọi người cởi trói cho bà Thân. Cả đám người nhìn ông cười cợt như gặp con người kỳ dị. Vợ Sở còn riễu cợt hỏi ông: "Hôm nay không mang quà xuống à?" Giận sôi cả người, nhưng ông Vãng vờ cười nhạt rồi bỏ đi.

Ông Vãng chống gậy trúc, chân run run lần bước ra đồn công an khu phố trình bầy sự thể. Ông Vãng nói nhiều lắm, ông cho là con cái trong nhà quá hỗn, phải chấm dứt thói đã man như thế đối với người già.

Ông Vãng không có tiền đưa hối lộ cho công an, họ nghe chuyện ông đầy vẻ miễn cưỡng, xong họ bỏ mặc ông ngồi đợi ngoài phòng thường trực, xúm nhau đánh bài xì ăn tiền, cho đến tận chiều tối, không thấy giải quyết gì, ông bị đuổi về. Họ bảo ông Vãng, đèn nhà ai người ấy rạng, ông ở khu khác tới đây, không nên bới chuyện gia đình nhà người ta, gây chuyện mất an ninh cho khối phố.

Hôm sau, ông Vãng xuống thăm bà Thân, vừa tới cổng ngõ, Sở gặp ông. Sở xốc nách ông Vãng lôi tuột ra khỏi ngõ, dặn ông từ mai cấm chỉ không được xuống đây quấy rối nhà anh ta nữa. Bảo không nghe, Sở sẽ bắt đưa ông Vãng ra đồn.

Bà Thân hóa điên, ăn nói nhảm nhí. Cửa nhà lúc nào cũng thập thò bóng dăm ba đứa trẻ tò mò hóng chuyện. Vợ chồng Sở lấy

NGUYỄN T. THANH BÌNH

# BỖNG DƯNG RỒI NHƯ THẾ

**Xin mời xin mời anh**
**Nhảy mau ra khỏi trái tim em**
**Những câu thơ cứ cho là say đắm của anh**
**Chắc gì cứu sống nổi**
**Những bờ môi đã lạnh**
**Những nụ cười bỗng làm chảy máu những đài hoa**
**Mong manh**
**Thì trước sau gì**
**Điều này cũng chẳng có chi bất ngờ với nắng mưa bất tử**
**Của lòng anh**
**Như anh vốn hung hãn hơn bão tố vờn đuổi theo em**
**Như anh rồi cũng hung hãn (lái xe) vèo đi cho mà xem**
**Như anh vượt đèn đỏ những mối tình ngoài vòng phấn**
**Cuộc đời**
**Như anh ngang nhiên bóp còi những nhà đạo đức giả**
**Như anh nhấn ga thi thố định mệnh**
**Như anh đoạt kỷ lục rình rập những cơn mơ ái tình**
**Lẩm cẩm**
**Quần quật suốt nhiều đêm không ngủ**
**Và như thế có nghĩa là ...**
**Dưới áp lực của giác quan đàn bà**
**Em muốn trục xuất anh**
**Trước dự đoán của những tên bạn khí tượng**
**Xin mời xin mời nhau**
**Bước ra bước ra khỏi đời nhau**
**Bước ra bước ra đỡ lòng đau**
**Bước ra bước ra hấp ủi một chút hương nhàu**
**Còn lại gì ở một kiếp sau?**
**Còn lại những tiếng gọi vẳng dưới vực sâu**
**Còn lắm môi hôn rớt qua khe đá**
**Còn những ban mai đâu buồn nghe chim hót**
**Còn vô số những chiều những tối làm em xót xa**
**Trần gian ơi thôi đúng là nơi lỗi hẹn những bến bờ!**
**Và anh xin cứ tha hồ viện cớ...**
**Vì sớm muộn chi**
**Hình bóng anh cũng trở nên vô thừa nhận**
**Trong tim em**
**Đã bắt đầu**
**Ân hận**
**Ôi! Tội nghiệp biết mấy những tình nhân**
**Cứ phải ăn rồi ngồi phân bua cùng thân phận**
**Tội nghiệp anh tội nghiệp em nỗi nhớ niềm quên**
**Tội nghiệp những cái nhìn lỡ đụng bất ngờ quặn đến thắt tim**
**Tội nghiệp những tiếng ngâm tiếng hát sắp lịm**
**Mừng sáo sang sông mà Huyền Trân vụt khóc**
**Thôi mời thôi mời những chồi cây kỷ niệm tung hô mọc**
**Rừng chiêm bao mong anh cứ thản nhiên**
**Hãy quên đi quên đi những giấc mơ em miên viễn**
**Anh cũng cần chi trở về có mặt**
**Đoàn viên.**

thế làm bực tức. Vợ Sở bàn với chồng đi mua ít thuốc đánh bả ruồi về đổ cho bà Thân uống, để bà chết quách đi cho nhẹ xác. Sở bằng lòng. Hai vợ chồng định tối hôm ấy ra tay.

May sao, ông Văng lại xuống kịp. Ông Văng đưa cho Sở số tiền một triệu đồng mà ông đâm xấp bổ ngửa đi vay được, làm tiền lót tay để được phép đi lại trông nom bà Thân.

Ông Văng đã quỳ xuống lạy sống hai vợ chồng Sở và thú nhận, năm ông còn trẻ tuổi, bà Thân là vợ chưa cưới của ông. Giữa ông với bà Thân, nó có cái tình không thể nào bỏ nhau được.

Ông Văng kể lể thêm, tiền mua gian nhà này là do hai vợ chồng ông Văng bỏ vốn mua cho bà Thân ở, sau đó, cũng chính ông Văng khuyên bà Thân đem Sở về làm con nuôi để có chỗ dựa cho tuổi già... Chưa bao giờ ông Văng khóc trước mặt người lạ, nhưng lần ấy, ông đã khóc nghẹn ngào.

Vợ chồng Sở được nắm tiền to, chúng nguôi ngoai đi, bỏ qua chuyện ông Văng ra đồn nói xấu họ. Từ đó, ông Văng lại được phép đi lại thăm viếng, thuốc thang chữa chạy cho tới khi bà Thân lành bệnh.

Xuống chơi thăm bà Thân, ông Văng không có tiền ngồi xích lô. Ông phải lần mò chống gậy đi qua những con phố dài, đôi chân của ông run lẩy bẩy, nhiều khi mỏi gối, dường như khụy ngã. Ông Văng cũng chả làm gì ra tiền, để "được phép" đi lại, ông phải đi bới những thùng rác nhặt nhạnh các ống lon nhôm Co-ka đem bán chè chai mua quà biếu vợ chồng Sở. Cái tình của ông đối với bà nửa thế kỷ đã mang vào thân ông cái khổ nhọc không sao tả ra cho thấu đến trời.

Tuy thế, mỗi lần gặp được mặt bà Thân, ông Văng lại phải ngồi cả buổi, để nghe bà Thân kể lể tội vợ chồng Sở, nghe mọi chuyện bực tức bất mãn của người bạn già trút lên người ông. Ông Văng cố giữ nụ cười hởi hả trên miệng để câu chuyện của bà Thân bớt đỡ nặng nề, nhưng lần nào, bà Thân cũng chỉ giữ được mươi

phút nói chuyện, bà Thân sụt sịt khóc, vạt nước mắt lau mãi cặp mắt mờ đục. Rồi bà Thân "giao hên" với ông:

— Ông phải tìm cách đuổi chúng nó đi cho tôi, ức lắm ông ạ! Chỉ vì ông xui tôi đem nó về làm con nuôi mà bây giờ tôi khổ thế này đây.

Ông Vãng ngồi đực mặt, lỗi của chính mình!

*
* *

Nếu ông Vãng không ở vài cái tuổi già sau bẩy mươi lăm năm chân đi không vững, nếu ông Vãng còn trẻ như năm xưa, dám lắm, mặc dầu ông xuất thân con nhà giáo, tính tình đĩnh đạc, sự căm phẫn sẽ cho ông đủ sức để vung cái gậy trúc lên đập cho vợ chồng nhà Sở trận đòn nên thân. Cũng có thể, ông sẽ phải làm cuộc thanh trừng, tống cổ cái quân vô ơn bạc bẽo ấy ra khỏi cửa nhà, rồi muốn đi đến đâu thì đi.

Ông Vãng nhớ ngày ấy, xung quanh ông Vãng còn có cả một đám bạn bè đồng chí đồng thuyền thân mật: Nào ông Tín, từng làm chỉ huy đội cận vệ bảo vệ Hà Nội, gan lỳ, biết bắn súng. Nào ông Thành, từng đánh bốc xê quyền Anh đoạt giải vô địch Đông Dương... và bao nhiêu người bạn khác nữa, nhưng bây giờ, cả cái đám bạn bè đông đảo ấy nay đã phiêu du dắt díu nhau từ giã cuộc đời ra đi, nếu ông có ra khu nghĩa địa kêu gọi bọn họ, chẳng khác nào kêu với trời mênh mông câm lặng. Họ chết từ lâu rồi!

Xã hội bây giờ thì lại rặt một lũ đảo điên cầm quyền, tham nhũng ô lại. Nền đạo đức con người bị bôi nhọ, chế riễu. Cái gương ăn ở giảo trá gian ác từ bọn trên trở xuống lôi kéo đám người khốn nạn ở dưới noi heo, kẻ mạnh ăn hiếp kẻ yếu, bất chấp mọi lẽ phải, luân thường.

Ông Vãng tự biết sức đã vô dụng, ốc không mang nổi cái thân xác của mình, hòng gì cưu mang ai? Ông nghĩ tủi thân và thương bà Thân nhiều. Người bạn gái thủa xưa nổi tiếng thanh sắc, nổi tiếng giỏi giang, người vợ chưa cưới của ông, đang bất hạnh chịu cảnh oan ức mà ông phải chịu bó tay...

Ông Vãng cố an ủi mình bằng cái đạo của người quân tử cổ xưa, Mũ nỉ che tai, chuyện ai bỏ mặc, ông khuyên nhủ bà Thân yên phận cam chịu chưa xong, thì xảy ra chuyện vợ chồng Sở đứng ra bán nhà.

Giá cái nhà của bà Thân tuy lụp xụp, nhưng nó quý ở miếng đất trong lòng Hà Nội, bỏ rẻ cũng được trăm lạng vàng. Vì không phải chủ nhà, chúng móc ngoặc với các cán bộ nhà đất và công an, rút cuộc chỉ bán được với cái giá rẻ như của giời ơi. Bán xong. Chúng lẳng lặng thu gom tiền bạc rồi kéo nhau đi nơi khác làm ăn, vất bỏ bà Thân ra sống lang thang ngoài lề đường!

Ông Vãng hay tin, ông tất tả làm đơn đi kêu hộ cho bà Thân và gửi đi khắp các cơ quan nhà nước nhờ can thiệp, nhưng đơn gửi đi đều không được trả lời, vấn đã đóng thuyền!

Ngày giao nhà cho chủ mới thì đã sắp tới gần.

Gặp bà Thân, ông không dám nói ra sự thật phũ phàng này, trong khi bà Thân vẫn đinh ninh mình là chủ ngôi nhà lâu năm. Bà không ký giấy bán, không ai có quyền thu nhà.

Người chủ mới mua ngôi nhà này là người ngoại quốc. Ông quen biết và lễ lạt hậu hĩnh cho các cán bộ Ủy ban của nhà nước. Nhờ vậy, ông mua được với giá rẻ mạt.

Ông cho xây cái nhà khách sạn lớn trên đường Lê Duẩn. Cái ngõ này, theo thỏa hiệp ngầm từ trước, phải được phá đi, vì nó án chặn trước mặt khách sạn của ông, làm khách sạn mất vẻ mỹ quan. Ông thích trồng lên miếng đất ấy vườn cây hoa cảnh cho tăng phần hấp dẫn của khách sạn.

Tiền bồi thường cho dân, ông đã thương lượng và trả trước cho đại diện là nhà chức trách. Nhà chức trách trích 5% tiền cho vào quỹ bồi thường để các chủ nhà trong ngõ chia nhau. 95% tiền còn lại, nhẹ nhàng chui vào túi những người có thẩm quyền.

Bị ăn chặn, ban đầu nhiều người chủ nhà không chịu ký giấy bán, sau bị nhà nước đe dọa, lại nghe phong phanh "luật" của nhà nước bây giờ quy định: Đất đai thuộc sở hữu của "nhà nước", nhà nước có quyền lấy bất cứ chỗ nào, mọi người vội vã rủ nhau nhận lấy, họ sợ nếu không nhận, dù ít, đến khi mất không, trắng tay không kêu ai được.

Trong ngõ, có dăm gia đình khác giống cảnh bà Thân, họ không muốn bán nhà. Không chịu dọn đi, họ quyết định đoàn kết lại với nhau để đấu tranh (?). Sống chết với mảnh đất của họ, thái độ hết sức quyết liệt.

Sau vài lần cử cán bộ công an xuống vận động nhân dân không chịu dọn đi, sáng nay, đoàn xe ủi có cần ngoạm vạn năng lùi lũi kéo nhau tiến vào ngõ phá hủy những ngôi nhà cũ. Một đám người trong ngõ tay không một tấc sắt chống chọi đám người hung hãn, chỉ còn cách rủ nhau vội vã leo lên mái nhà, ngồi dịt đấy quyết không chịu xuống. Thề với nhau: Nếu xe phá nhà xông vào, nhà đổ, họ sẽ liều thân chết theo!

Công an Vũ trang được cử xuống bao vây khu vực. Thời buổi hiện đại, các thứ thông tin đều "tự động" và nhanh chóng, công an đã tân trang ngang với quốc tế, họ đứng tại chỗ báo cáo cho cấp trên, cấp trên cũng có thể chỉ thị nhanh chóng cho cấp dưới, còn giỏi hơn cả thời kỳ đánh vào Sài Gòn.

Điện khẩn được đánh về thành ủy Hà Nội xin ý kiến. Đảng Ủy thành phố trực tiếp hạ lệnh, không chút nương tay khoan nhượng:

— Điều ngay 10 cỗ quan tài đem tới hiện trường và cho xe phá nhà, chết đứa nào, bỏ luôn đứa ấy vào quan tài, nhà nước chôn hộ!

Mười cỗ quan tài sơn đỏ kẻ đường vân hoa vàng còn thơm phức mùi sơn và mùi gỗ lập tức được đem đến, đặt kê la liệt trên mặt đường đông người qua lại.

Nhân dân nom thấy sự lạ đều dừng chân túm tụm nghe ngóng, xem xé theo dõi sự việc.

Đường phố Lê Duẩn bị tắc nghẽn giao thông. Xe cộ người ngợm chất lên ùn ùn, tình hình mỗi lúc một thêm khẩn trương. Chưa bao giờ, người dân Hà Nội lại được chứng kiến một cuộc tranh đấu giữa dân với nhà nước kỳ lạ như vậy. Nhà nước kiên quyết bán đất, người dân kiên quyết giữ đất.

Người xem đông như kiến cỏ, họ xì xèo bàn tán về chủ trương

bán đất của dân, họ bàn tán về thái độ vô đạo đức của chính quyền xử lý sự việc, nhưng lập tức, họ được các nhân viên công an mặc thường phục trà trộn quanh đó giải thích, phải làm như vậy để làm gương cho bất cứ kẻ nào dám chống lại nhà nước.

Những chiếc máy ảnh liên tiếp bấm nháy, chĩa vào đám người ăn nói bạo dạn để ghi mặt những người lớn tiếng phê phán nhà nước, làm tang chứng sau này truy cứu tội xui dân chống phá lật đổ chính quyền. Nhiều người hãi hùng lo sợ, vội ngậm miệng.

Trong số những người leo lên mái nhà, có cả bà cụ Thân, cái đầu bạc của bà phơ phơ trong gió lộng, tay cụ huơ huơ, nói những gì phều phào không rõ...

Ông Văng đứng ở dưới vẫy tay lia lịa như gào bật cả hai lá phổi, ông gọi bà Thân bằng tất cả những cách gọi thân thương xa xưa nhất, những tiếng gọi đã quên đi, vì thời gian từ hồi còn nhỏ hai người quen biết nhau, ông Văng hiểu thấu tâm dạ của chính quyền, không thể van xin lòng từ thiện với đám người vô học và độc ác, ông quỳ xuống lạy bà Thân, tay ông vài liên tiếp như tế tổ, nhưng bà Thân vẫn ngồi yên không nhúc nhích, cùng với những người trên mái nhà dựa sát vào nhau, không ai chịu xuống.

Ông Văng quỳ xuống lạy những người trên mái nhà không xong, ông quay lại quỳ lạy những người công an làm nhiệm vụ. Mặt những người Công An lạnh như tiền, hình như bên trong lòng dạ, họ có vẻ như thông cảm nỗi đau khổ của ông, nhưng không ai muốn vì sự mềm yếu lòng để mất đi cái công việc béo bở khó xin trong giai đoạn đua nhau làm giầu. Con người vốn sinh ra với bản năng ích kỷ.

Ông Văng thấy cổ họng mình khô cứng, nói không thành tiếng nữa, mắt ông hoa lên, ông Văng cảm thấy như đất trời quay cuồng với trận gió lốc mù mịt, trí óc ông lú lẫn, ông mất đi hoàn toàn sự bình tĩnh của con người mình.

Xe ủi bắt đầu rồ máy tiến vào, tiếng đâm bổ ruỳnh ruỳnh phá phách bức tường, tiếng đổ roàm roạt, bụi mù trộn lẫn những tiếng kêu khóc, tiếng thét phẫn nộ của những người dân chứng kiến trước sự việc tàn ác, bất chấp sinh mạng thường dân của chính quyền quyện lẫn vào nhau, kêu vang đến long trời lở đất.

Ngôi nhà đầu ngõ từ từ đổ ụp. Đám người trên mái nhà theo nhau rơi rụng như những chiếc lá tre khô... xác người vùi lẫn với đất bụi của gạch ngói...

Bất ngờ, sức mạnh từ đâu đưa tới, ông Văng vất bỏ chiếc gậy trúc, nhẩy chồm lên trên mặt quan tài, ông dẫm chân thình thình làm cho những chiếc quan tài chưa đóng đinh nắp bị lật ngang ngửa, ông Văng uất ức hô lớn, giọng đầy bi thảm:

— Ôi tất cả bà con Hà Nội yêu quý ơi! Chúng nó là lũ giết người! Quân dã man chó đẻ! Ơi đồng bào ơi! Hãy tràn vào đây, trói cổ tụi công an này vào, cho chúng vào quan tài, đừng đứng đấy mà nhìn chúng giết hại bà con mình!

Đám công an vội vã xô lại, ba bốn người ghìm giữ một ông già sau tuổi bẩy mươi lăm mà không nổi, sức ông vượt lên quá mạnh, cả đám người bị xô nhau đổ ngã. Vòng người xem bên ngoài bị kích động dữ dội, chẳng ai bảo ai, từ trái tim của mỗi con người chứng kiến, đều bật dậy một tiếng khóc nói bằng tiếng mẹ đẻ khi ra chào đời, như chung nhau một giòng máu cảm truyền, họ xô nhau tràn xấn vào, cùng những tiếng hét dữ dội căm phẫn, hàng rào cản của công an hoàn toàn bị phá vỡ bởi sức mạnh bất ngờ như trời dậy, đất đá, gạch ngói, que gậy, vung lên túi bụi, trở thành cuộc loạn đả khủng khiếp của cả một khối đông người vĩ đại, sục sôi máu bạo động...

*
* *

Trên đây là câu chuyện có thật vừa xẩy ra trên đường phố Lê Duẩn ở Hà Nội được ghi lại, có điều lạ, không thấy báo chí nước ngoài nhắc đến, những tờ báo mới, chỉ thấy nói tới sự phồn vinh và ổn định, về cái đất hứa hẹn những lời lãi cho các cuộc đầu tư Hotel ăn chơi... ở thủ đô nước Việt Nam, mảnh đất tươi xanh mầu hòa bình và không có hận thù.

Người dân Hà Nội bị bỏ quên!
Đau đớn thay! ■

*1994*

DU TỬ LÊ

# EM KHOAN THAI

**TRẢ ÁO, QUẦN LẠI... TÔI**
**Tim dài dây thu lôi, xanh**
**Ống thân trống trải: đồn canh chừng, người**
**buồn ăn quen xương, da ôi**
**âm, dương trấn lột, đường ngôi tôi, chiều**

*

**môi/ ươm rừng/ khôn trôi đi**
**lá phi tang thả cánh diều em/vâng**
**tôi hư không! - không! - không! - không!**
**chuyến xe/ căng cộm/ khẩn trương/ đáy hầm**

*

**- Mùi hương? - mùi? - hương nhang? - trầm!**
**em khoan thai trả áo, quần lại... tôi.**

*Montreal, July 1994*

# CHU MOM RÂY

## HÀ KỲ LAM

Chiều thứ bảy.

Ông Bân và một người khách từ xa đến đang ngồi bên chiếc bàn cạnh bếp. Nếu không cần phải trịnh trọng, ông Bân vẫn thích tiếp khách ở khu vực nầy trong nhà, vì ông cảm thấy đầm ấm, thân mật hơn căn phòng khách tan loãng, khách sáo và lạnh lùng; huống hồ khách là ông bà Tuất chứ chẳng phải ai xa lạ. Ngày xưa, trong quân ngũ, họ vừa là chiến hữu, vừa là thầy trò. Ông bà Tuất từ mãi tận tiểu bang Florida lái xe 18 tiếng đồng hồ đến thăm người tiểu đội trưởng cũ của mình.

Bà Bân nãy giờ loay hoay trong bếp xào vội một đĩa đồ nhậu, vừa bưng ra đặt giữa bàn:

"Hai anh em lai rai vài chai bia để lót lòng trong khi chờ ăn cơm tối."

Ông Tuất, với lời lẽ và thái độ "biết trên biết dưới" cố hữu, tươi cười nói:

"Cám ơn bà chị. Hai bà tham gia với tụi nầy cho vui."

"Được rồi chú, để tụi tôi vừa làm bếp vừa tâm sự cũng vui."

Mười lăm năm rồi, từ ngày "gãy súng" tháng Tư năm 75 đến giờ, hai thầy trò mới gặp nhau, người nầy không biết người kia ở phương trời nào. Mãi cho tới cách nay vài tháng tình cờ ông Tuất tìm được tung tích gia đình ông anh bà chị nuôi ngày xưa thường hay đỡ đầu cho "thằng em nợ nần kinh niên" nầy.

Nếu có những cuộc tái ngộ của những người không liên hệ ruột thịt mà vẫn gây cho đôi bên những bồi hồi, mừng tủi, thì trường hợp của đôi người bạn cũ nầy, ông Bân và ông Tuất, là một. Họ từng chia sẻ gian khổ, hiểm nguy, từng san sẻ tấc lòng với nhau, và trong một hạn độ nào đó, có thể nói cùng chia cơm sẻ áo. Và bây giờ họ gặp lại nhau, như hai hột gạo trên sàng qua cuộc chiến năm xưa. Nhưng mối thâm tình của họ vốn đã đặc biệt lại càng đặc biệt hơn vì cái gạch nối ngộ nghĩnh giữa họ là Lisa.

Sáng nay, lúc bước chân vào nhà, được trông thấy Lisa, dáng dấp cao, cân đối, mắt to đen, da ngăm ngăm "màu nhiệt đới", ông Tuất ngẩn người trong giây lát và thấy khó hình dung lại đứa bé gái lọ lem khoảng một tuổi mà mình bồng ẵm leo vội lên chiếc trực thăng tản thương ở một bìa rừng thưa cách nay mười mấy năm...

Hôm nay ông Bân thấy lòng vui khác thường, vì gặp lại người bạn cũ, người đệ tử quý của mình ngày xưa. Đành rằng ngày thứ Bảy hằng tuần là ngày ông ta vẫn vui vì là ngày nghỉ xả hơi sau một tuần cày để trả nợ áo cơm, và là lúc ông ngồi nhàn nhã chén chú chén anh với bạn bè, người quen, nhưng "ai tri âm đó mặn mà với ai"; và dễ thường mười mấy năm nay ông chưa có một ngày vui thật sự như hôm nay. Ông Bân thấy cao hứng nên uống nhiều hơn mọi lần. Ông Tuất cũng vui không kém. Hai người đàn ông chênh lệch nhau vài tuổi, và đều đã bước qua cái lằn ranh của tuổi 50. Hai mái đầu đã ngả màu muối tiêu đang có nhiều chuyện để kể cho nhau nghe, nhiều kỷ niệm để nhắc lại với nhau. Điều quý báu là cùng chung những kỷ niệm. Nếu không cùng chung vùng trời đó người ta sẽ thiếu hẳn gạch nối quan trọng.

Chợt Lisa xuất hiện, phục sức

và trang điểm lộng lẫy. Cô gái bước đến bên bà Bân nói khẽ với bà một điều gì. Bất giác ông Tuất thốt lên:

"Chào Miss Kontum!"

Cô gái quay lại, với nụ cười lộ những chiếc răng đều đặn và trắng muốt, và đôi mắt mở tròn xoe ra chiều ngơ ngác. Ông Bân tiếp lời:

"Chú Tuất muốn nói con giống hoa hậu xứ Nam Dương đấy."

"Ồ, con cám ơn chú."

Lisa chào mọi người để đi dự tiệc cưới của một người quen.

Ông nghĩ có lẽ mình đã nói hớ một điều gì mà gia đình ông bà Bân đang muốn giấu kín đối với Lisa. Không thấy họ nói gì thêm, ông Tuất không dám hỏi thẳng. Ông nói:

"Cháu Lisa nói tiếng Việt khá quá. Đem cháu qua đây lúc còn bé mà anh chị dạy được như vậy thật quý."

Bà Bân nói:

"Hai đứa đều nói rành tiếng Việt, vì ở nhà tụi tôi bắt chúng phải nói tiếng Việt với mình."

Bà Tuất hỏi:

"Cháu Thu năm nay chắc lớn lắm, hả chị?"

Bà Bân đáp lời bạn:

"Thấp hơn Lisa. Cháu năm nay 22 tuổi. Nếu chú thím đến tuần trước thì đã gặp cháu rồi. Hè cháu mới về lại."

Ông Tuất có vẻ nghĩ ngợi một lúc, đoạn nói:

"Chắc cháu Lisa nhỏ hơn cháu Thu khoảng ba tuổi."

Ông Bân làm vẻ hơi lơ đãng:

"Ừ, chúng tôi làm giấy khai sinh cho cháu Lisa phỏng theo như thế."

Ông Tuất hỏi ông Bân:

"Hồi nãy có lẽ tôi đã nói hớ một điều gì với cháu Lisa và anh đã lái câu nói qua chỗ khác thì phải?"

"Chúng tôi chưa cho cháu biết gì về gốc gác của nó cả. À, mà tôi cũng sơ ý không nói gì với chú về việc đó."

Cả hai người đàn ông đều im lặng trong giây lát, và mỗi người bỗng thấy mình trở về những giờ phút của một ngày mùa hè lâu lắm rồi, trên một dốc núi tại tỉnh Kontum bên quê nhà. Có điều khác biệt là dòng hồi tưởng của hai người đậm nhạt khác nhau. Khúc phim dĩ vãng trong ký ức ông Tuất ngắn gọn, vì chỉ kết bằng những màn kịch chính yếu, giống như những hình ảnh thoáng qua nhanh đi kèm bản tin thời sự tóm tắt trên một đài truyền hình. Thật ra, chẳng có gì nhiều để ông Tuất phải nghĩ ngợi hay xúc động với mớ hình ảnh bàng quan của một đoạn đời trôi qua như nước dưới chân cầu. Với ông Tuất, điều hồi tưởng chỉ vỏn vẹn là hoàn cảnh thường tình của tên bay đạn lạc khiến người tiểu đội trưởng của mình không nỡ làm ngơ với một con gà con mất mẹ, hãi hùng, ngơ ngác giữa vùng giao tranh vừa dứt. Trung sĩ Bân đã xin phép thượng cấp nuôi đứa bé gái khoảng một tuổi, mà mẹ là một thường dân sắc tộc Djarai vừa bị tử thương vì làn đạn vô tình của hai phe giao tranh. Và Trung sĩ Bân đã phải Binh nhất Tuất bồng đứa bé côi cút lên trực thăng tản thương cùng một mẩu giấy ghi vắn tắt của mình bảo vợ chịu khó chăm sóc cho đứa bé ít hôm, chờ cuộc hành quân kết thúc sẽ tính.

Ông Bân thì khác. Trong chuỗi ngày chinh chiến cũ của mình, không ít những kỷ niệm, dù lý thú hay đau thương, mà ông vẫn thích chia sẻ với người khác, kể cả những kẻ sơ giao. Ấy thế mà những gì dính dáng đến gốc gác của Lisa vẫn là những gì chôn chặt tận đáy lòng ông, không một ai được biết, và kể càng không được biết lại chính là vợ ông.

Dù đã mười mấy năm qua rồi, mỗi lần bất chợt những gì dính dáng đến Lisa được khơi dậy, ông Bân luôn luôn thấy lại rất rõ hình ảnh người phụ nữ sắc dân Djarai nằm chết sóng sượt trên một triền dốc, trong khi đứa bé gái khoảng một tuổi cứ cố bám sát thân thể mẹ đã giá lạnh. Cổ con bé đeo một sợi dây chuyền vàng y, có một tấm thẻ hình chữ nhật nhỏ xíu (cũng bằng vàng y) trên đó khắc hình một ngọn núi. Hình ảnh đó lâu nay vẫn cộm trong lòng ông một cái gì không dễ chịu, ray rứt, dằn vặt không thôi. Và cứ thế, mỗi lần một hoàn cảnh nào đánh thức trong ông những ý nghĩ về Lisa thì cảm giác cộm kia lại trỗi dậy. Nếu ông Bân có thể chia sẻ niềm riêng tây đó với một ai thì có lẽ tình trạng sẽ đỡ tệ hại phần nào. Nhưng không thể được. Không một ai đủ gần gũi để ông ký thác điều bí mật éo le về một phần đời của mình. Người gần gũi là bà Bân, nhưng lại quá "xa cách" trong loại tâm sự như thế, nếu không muốn nói là "dị ứng" nữa kia!

Với một ít men rượu trong huyết quản người ta dễ nói lên những gì mà ở một lúc khác người ta không đủ mạnh dạn để làm. Ông Bân cảm thấy điều đó vô số lần, nhưng vẫn chưa thấy đủ thôi thúc để bộc lộ tim gan mình với bất cứ ai đối ẩm. Nhưng hôm nay thì khác. Lần đầu tiên trong cuộc sống nơi xứ người ông tìm thấy đúng lúc, đúng người để ông san sẻ cái tâm sự đè nặng trong lòng bao năm nay. Bà Bân vừa cùng bà Tuất đi đến một siêu thị gần nhà để mua vài món còn thiếu cho bữa cơm thịnh soạn chiều nay. Còn lại hai người tri kỷ, ông Bân nói:

"Chú Tuất à, gốc gác của Lisa là một điều giấu kín trong lòng tôi bao lâu nay. Tôi chưa hề hé miệng với một ai. Nỗi khổ tâm của tôi là một tổng hợp của bao nỗi dằn vặt: hối hận, mặc cảm lừa dối, lòng ích kỷ. Hôm nay anh em gặp lại thật là quý, và tôi muốn tâm sự với chú ít nhiều cho vơi bớt những gì không nói ra được với ai..."

Ông Bân ngừng lại, nâng ly nhấp một ngụm bia, trong khi ông Tuất chăm chú chờ đợi.

"Lisa là dòng máu của tôi."

"Anh không đùa chứ?"

"Tôi biết đó là một điều bất ngờ với chú. Thật ra, chẳng ai ngờ câu chuyện lại xảy ra như thế."

"Nhưng còn một ngạc nhiên nữa là không ngờ ông anh kín miệng đến thế. Suốt bao năm tháng vui buồn đời quân ngũ mà anh không hề hé môi tâm sự với thằng em này một tí gì về chuyện thầm kín kia."

Cái nhìn hiện rõ nét tò mò dò hỏi của ông Tuất cho ông Bân biết người đệ tử ngày xưa của mình đang nóng lòng muốn biết "thiên tình sử" của mình sẽ hay ho hấp dẫn tới mức nào! Ông tiếp:

"Để cắt ngắn câu chuyện, tôi xin nói ngay rằng mẹ của Lisa là một phụ nữ người Thượng đã

mang thai với tôi. Nàng tên là Rờmah Coi, một tên phổ thông của dân Djarai..."

Và không cần ông Tuất hỏi gì thêm, ông Bân thấy có "bổn phận" tường trình lại ngọn nguồn câu chuyện lòng năm xưa của mình:

"Dạo đó chú chưa về tiểu đoàn mình. Cả đơn vị đang tham dự một chiến dịch kéo dài ròng rã bốn tháng liền ở mạn Tây Nam tỉnh Kontum. Chiến dịch mệnh danh là 'Sóng Tình Thương', một chiến dịch nặng về củng cố lãnh thổ và bình định các thôn ấp của các bộ lạc Thượng để tách họ ra khỏi vùng kiểm soát của đối phương. Có lẽ chú cũng biết, không gì nản bằng phải đi chiến dịch loại đó. Ở thế công, người lính bận rộn túi bụi, lo đối phó với hiểm nguy, với mọi thử thách, và ngày tháng qua đi rất nhanh (tuy rằng cuộc đời cũng dễ kết thúc chóng vánh!) rồi thôi, về thành phố, thị trấn 'đập phá' cho đã, kẻo không có ngày mai. Còn cái loại công tác mà tiểu đoàn đảm trách trong vùng thâm sơn cùng cốc đó chẳng có gì là lý thú với những chàng trai như tụi mình hồi đó. Mỗi ngày là một chuỗi thời gian đều dặn, nhàm chán của các cuộc tuần tiễu, các tổ báo động đêm, canh gác, và của các công việc 'phi quân sự' như đốn gỗ, dựng hàng rào, làm thợ mộc thợ nề v.v... Tối nằm vò võ một mình trên võng để thả hồn về thành phố mơ những bóng hồng đô thị, hay vợ con ở nhà. Và chắc chú cũng không lạ gì sự khát khao đàn bà trong thế giới toàn đàn ông bị cô lập lâu ngày..."

Ông Bân dừng lại, bưng ly nhấp một ngụm nhỏ để thấm giọng. Ông nhìn bạn mình và kể tiếp, nhưng cái nhìn của ông dường như hướng về một cõi nào trong quá khứ xa xưa:

"... Những lúc rỗi rãi tụi tôi hay dạo qua các làng người Thượng trong thung lũng dưới chân ngọn đồi đóng quân của tiểu đoàn. Dù sao cũng là một dịp đi 'rửa mắt' với các bóng hình đen đúa của các thiếu nữ Thượng để đổi món ăn cho thị giác đỡ nhàm chán vì lúc nào cũng nhìn toàn đàn ông trong quân phục tác chiến và súng đạn. Thế rồi, một hôm tôi gặp ngay cổng vào một ấp nhỏ một 'giai nhân' trong đoàn con gái đi làm rẫy về. Trong các thôn ấp trong vùng Polei Jarsieng trùng điệp xanh thẳm đó tôi chưa thấy một thiếu nữ nào xinh xắn như thế. Thân hình cô ta cao hơn hầu hết các cô gái khác, da khá trắng so với người Thượng. Đặc biệt là cặp mắt thật tương phản với đồng bào của nàng: không đờ đẫn mà lanh lẹ, cộng thêm một vẻ ngơ ngác rất 'mán rừng'. Dĩ nhiên đôi bàn chân quanh năm đi chuyển không giày dép phải phát triển ngoại khổ, nhưng hình ảnh cặp đùi ẩn hiện qua làn váy bằng vải đen tự dệt, đôi cánh tay trần khỏe mạnh, đôi gò ngực căng phồng không che kín hết trông rất bốc lửa với đám lính tráng lâu ngày không gần đàn bà. Sau ba lần gặp gỡ dưới suối, nơi dân làng vẫn thường tắm giặt khi đi làm rẫy về, tôi quen cô ta nhiều hơn, và tôi biết tên cô ta là Rờmah Coi. Nàng là một thiếu nữ hơ hớ chưa chồng. Tôi thấy rõ nàng thích tôi hơn mấy người lính khác. Rờmah Coi nói tiếng Kinh khá trôi chảy, dù không loại hết được cái giọng lơ lớ của người miền núi. Tôi chẳng giấu diếm gì về gia cảnh của mình, và đã cho nàng biết tôi có vợ và một con. Có lẽ khi người ta không đặt sự quen biết với phụ nữ thành vấn đề tha thiết thì người ta dễ thành thật, dễ phớt tỉnh, và oái oăm thay, chính vì vậy mà trở nên quyến rũ hơn là một thái độ thận trọng, đóng kịch. Có thể điều đó đúng một cách tổng quát, và không áp dụng được với người thiếu nữ Thượng nầy, hay đó cũng là lý do nàng mê tôi, tôi thật không biết nổi, nhưng Rờmah Coi đã nói:

'Anh có vợ em cũng thương.'

Lời nói như gáo nước lạnh xối vào lưng tôi. Thế là nghĩa gì? Người Thượng đâu có 'chịu chơi' yêu suông, yêu để mà yêu. Hay là nàng bày tỏ ý định sẽ 'bắt' tôi? Tôi được biết tục lệ cưới gả của các bộ lạc Thượng ở vùng này rập khuôn theo chế độ mẫu hệ; đàn bà là vai chính trong cuộc sống xã hội và gia đình, người đàn bà đi cưới chồng v.v... Nhưng nỗi lo sợ của tôi là mình có thể bị nàng thư, bỏ bùa, để không về với vợ con được. Tôi đã nghe nhiều về huyền thoại thư của người Thượng. Vì thế, bẵng đi cả hai tuần tôi không dám đi ngang ấp của Rờmah Coi. Cuối cùng, một phần vì bạn bè chế nhạo nỗi lo sợ viển vông của mình, một phần vì đàn bà là một 'xa xí phẩm' hiếm quý đang mời gọi, tôi gạt bỏ hết những lo sợ và tiếp tục tìm gặp nàng.

Điều tôi nhắm tới là thân thể của một thiếu nữ thiểu số 'sạch nước cản', chứ chẳng phải tình yêu gì ráo. Mùa gieo trồng vừa chấm dứt, Rờmah Coi không đi ra nương rẫy mỗi ngày, mà chỉ quanh quẩn ở nhà phụ giúp cha mẹ dệt vải, đan rổ rá và làm các công việc lặt vặt khác. Nhờ vậy tôi dễ gặp nàng hơn. Tôi hay hẹn nàng ngoài suối nước, hoặc trên nương rẫy gần làng để tán tỉnh bằng những câu chuyện không đâu vào đâu. Nhưng rõ ràng Rờmah Coi lại thấy thích thú với những chuyện trò như thế. Dường như chỉ cần được nói chuyện với tôi và nghe tôi nói đã là hạnh phúc đối với nàng, dù lắm khi nàng chẳng hiểu tôi nói gì. Tôi bỗng thấy thương hại nàng, cũng như tôi vẫn thương hại đồng bào nàng, những bộ lạc Thượng khốn khổ từ mấy nghìn năm tới giờ! Tuy nhiên tôi vẫn thèm khát nàng. Một lần trong một đám ngô rậm rạp tôi đã đè nàng xuống đất, tháo chiếc váy, và đưa tay vào cái vùng kín đáo nhất của thân thể một người con gái, quyết nếm cho bằng được 'hương hoa miền núi'. Trong cơn dẫy dụa của cơ thể đàn bà bị chế ngự bên dưới, tôi bỗng hiểu được vì sao người ta hiếp dâm. Một khoái lạc điên cuồng! Nhưng tiếng kêu khóc của nàng làm tôi bỗng chùn bước. Một phần nào đó tôi cũng chưa hoàn toàn là một con yêu râu xanh, nhưng điều chính yếu là tôi sợ bị dân làng phát giác. Chắc chú còn nhớ, vào thời đó những tội lỗi liên quan đến sắc tộc thiểu số thường dễ bị trừng phạt nặng nề vì chính phủ đang muốn lấy lòng người Thượng. Tôi buông tha nàng lần đó. Rờmah Coi vẫn thường bày tỏ nỗi lo sợ bị đuổi ra khỏi làng nếu nàng bị chửa hoang. Nàng nói luật lệ của người Djarai từ xưa đến giờ vẫn cứng rắn như thế đối với đàn bà con gái bị lên án trắc nết, lăng loàn.

Nhưng chưa ăn được trái chín thì vẫn thèm. Tôi rắp tâm làm nàng siêu lòng, chẳng cần lo đến

hậu quả của nàng. Người Thượng vẫn một mực trọng ân nghĩa và hay cả nể. Tôi nghĩ đến một món quà - một món quà chẳng đáng giá là bao nhưng là một giấc mơ thần tiên của người dân Thượng. Người Kinh có thiếu gì cách đi chinh phục, tôi ngẫm nghĩ một cách đắc ý.

Thế là một hôm nhân được về thành phố ít hôm để thăm gia đình, tôi gợi ý với Rờmah Coi về một món quà (tôi đã muốn cho nàng một ngạc nhiên, nhưng sợ không đúng sở thích người nhận món quà sẽ đâm phí đi, nên đành 'bật mí' để thăm dò ý thích của nàng).

'Nếu được nhận một món quà thì Rờmah Coi thích cái gì nhất?'

Nàng cười chúm chím, đôi mắt như cũng cười theo và ánh lên một sôi nổi đang giấu trong lòng. Tôi đoán biết một nỗi vui, một náo nức trong lòng nàng lúc đó, nhưng nàng còn chần chừ chưa nói ra. Tôi nói:

'Em thích đồng hồ đeo tay không?'

'Đồng hồ em cũng thích, nhưng em thích nhất là sợi dây chuyền mà các cô người Kinh hay đeo ở cổ. Nó có một bức tượng nhỏ hình Phật hay Chúa. Nhưng người Thượng như em thì tin ở các vị thần núi, nên em mơ ước có một tượng nhỏ khắc hình đỉnh núi Chu Mom Rây.'

Tôi quay nhìn ngọn núi Chu Mom Rây trong buổi chiều quang đãng hôm ấy. Chúng tôi đang đứng cách chân núi khoảng ba cây số đường chim bay. Với cao độ 1777 thước trên mặt biển trung bình, nó là ngọn núi cao nhất trong vùng bán kính 30 cây số. Nó ngạo nghễ, uy nghi, lẫm liệt chắn ngang lối về miền xuôi như làm một cái mốc phân cách đời sống đô thị ồn ào, náo nhiệt của các quận lỵ, thị xã đồng bằng bên kia đỉnh núi, với các thôn bản âm thầm, nhỏ bé, đơn sơ ẩn hiện đó đây giữa rừng già bên nầy dãy Chu Mom Rây.

Về ngọn núi nầy, người Thượng có vô số huyền thoại. Rờmah Coi có lần kể cho tôi nghe câu chuyện của một trung đội lính Pháp mất tích. Chuyện do ông nội nàng kể lại cho con cháu nghe. Vào thời chiến tranh Đông Dương, một trung đội Pháp được

lịnh chiếm lĩnh đỉnh núi Chu Mon Rây để thiết lập một trạm tiếp vận truyền tin. Trong mấy tháng đóng đồn trên đỉnh núi, lính tráng đã làm nhiều điều xúc phạm tới thần núi, cho nên thần núi đã trừng phạt bằng cách bắt giữ toàn trung đội, không có xuống núi để về với gia đình. Vì thế khi trung đội được lịnh rút khỏi đỉnh núi bằng đường bộ, đã bị mất tích luôn. Bộ chỉ huy Pháp đặt giả thuyết là trung đội đã bị Việt Minh chận đánh và tiêu diệt hết.

Tôi tin một trung đội Pháp có đóng trên đỉnh núi, vì chính mắt tôi trông thấy vết tích những công sự phòng thủ họ để lại khi tôi đem tiểu đội lên đỉnh đó trong một chuyến trực thăng vận để thám sát địa thế hôm đầu tiên tiểu đoàn đổ quân xuống thung lũng Polei Jarsieng. Tôi cũng tin trung đội Pháp có thể bị mất tích, nhưng vì Việt Minh chận đánh, tiêu diệt gọn hết, chứ không phải do một quyền lực siêu nhiên nào. Dù sao thì những truyền thuyết thần kỳ như thế cũng nói lên được sự sùng bái của người Thượng đối với núi Chu Mom Rây. Rờmah Coi mà có được bức tượng hình quả núi đeo vào cổ thì chắc là hạnh phúc lắm, vì nàng tin một vật như thế sẽ là lá bùa hộ mệnh của nàng; thần Chu Mom Rây sẽ che chở cho nàng trong cuộc sống đường rừng đầy hiểm nguy, bệnh tật, chết chóc.

Tôi giễu cợt:

'Hình quả núi nào cũng giống nhau. Em đeo ngọn núi nầy người ta tưởng ngọn núi kia. Nếu không biết em, khi thấy tượng anh sẽ nghĩ đến ngọn Ngok Ling ở vùng Dak Pek, vì nó còn cao hơn đỉnh

Chu Mom Rây nầy nữa.'

Rờmah Coi chân thật giải thích:

'Khi mình nghĩ mình đeo hình núi Chu Mom Rây thì thần núi cũng biết ngay.'

Tôi hiểu nàng muốn nói rằng thần linh chứng giám được lòng thành của con người. Để chìu ý nàng, tôi phụ họa:

'Anh đùa đấy, chứ các thần núi linh thiêng lắm, mình có lòng thành kính là các vị ấy đâu có bỏ mình. Anh sẽ làm đúng như em thích.'

Khuôn mặt Rờmah Coi rạng rỡ nét vui mừng vì toại nguyện. Ngay lúc đó tôi bỗng thấy trong ý nghĩ của nàng một cái gì đại đồng trong tín ngưỡng của mọi dân tộc. Hình đức Phật, hình đức Chúa có chắc là thật sự giống như thế không? Không ai nói được. Nhưng cần chi. Cái quan trọng không phải là hình ảnh, mà là phần hướng thượng của con người. Hình tượng chỉ giúp hình tượng hóa đức tin.

Như vậy tôi đã cho Rờmah Coi một món quà. Và điều tôi ao ước đã xảy ra. Cái tình của người 'sơn nữ phà ca' đó đối với tôi đã thấm nặng ân tình sau khi tôi thực hiện món quà ưng ý cho nàng. Không nỡ từ chối, thôi đành 'nhắm mắt đưa chân', Rờmah Coi đã hiến cho tôi cái giây phút quý báu nhất của đời con gái! Nhưng sau giây phút ái ân cuồng nhiệt với nàng lối trên bộc trong dâu, tôi bỗng thấy rõ hơn cái bỉ ổi của mình (hay của mọi thằng đàn ông?). Tôi không thèm muốn nàng nữa; tôi bước đến ngồi hút thuốc lá trên một tảng đá, tôi muốn hất ra xa cái thân thể mà mới đây một phút tôi còn say sưa ngắm nhìn, còn tôn thờ, còn ao ước chiếm cho bằng được."

Nãy giờ ngồi im lặng theo dõi câu chuyện của ông Bân, giờ ông Tuất mới lên tiếng pha trò:

"Lính mà em! Em dại thì em rán chịu, phải không đại ca?"

Ông Bân mỉm cười:

"Mà chú có công nhận lính tráng đi đến đâu là gieo rắc 'giống nòi' đến đó?"

"Nói hết thảy lính tráng thì không đúng, chỉ một số cao thủ như đại ca mới làm nổi thôi!"

"Thôi đi cha nội, rầu thúi ruột. Lỡ ham vui nhiều lúc lòng rối như tơ vò."

"Chẳng qua ông anh còn lương tâm nhiều quá, chứ mấy thằng trời đánh trong đại đội mình hồi xưa chúng tỉnh queo sau mỗi 'áp phe'."

"Đồng ý, chơi phải lì, phải bản lĩnh, nhưng thú thật trường hợp của tôi khó xử lắm."

"Tôi không nói trường hợp Lisa, mà chỉ nhận xét chung vậy thôi. À quên, rồi sự việc còn đi đến đâu nữa chứ?"

"Thì xong rồi, tôi nản quá, soạn thảo kế hoạch truy phong. Tôi ở lì trong đơn vị mấy ngày liền, không bước ra ngoài, không muốn gặp Rờmah Coi nữa. Thật ra thì mấy hôm sau cũng muốn mon men tìm em nữa, nhưng nhớ lời dạy của mấy sư tổ ăn chơi là đánh mạnh rút nhanh, chứ tham lam tiếc của trời thì thế nào cũng sa lưới, nên đang nghĩ cách cao bay xa chạy."

"Có chứng tích gì đâu mà sợ. Bộ anh sợ nó mang cái bầu vào đơn vị chỉ mặt tố cáo hả?"

"Chứ còn gì nữa! Đó là sự việc đã xảy ra cho tiểu đoàn bạn (thằng 3/40 đóng ở Dak Sut năm trước). Một anh lính 'ngứa tay' lôi xểnh một cô Thượng vào đám khoai mì bên đường để bóp nhũ hoa cho đỡ ghiền. Con nhỏ về mét với cha mẹ và trưởng làng. Hôm sau vị trưởng làng đem nạn nhân vào bộ chỉ huy tiểu đoàn trình nội vụ lên tiểu đoàn trưởng. Trừ các đại đội đang hành quân, quân số còn lại tại doanh trại phải tập họp trước sân cờ để cô gái nhận diện thủ phạm. Mọi người đều đội nón lưỡi trai, còn anh lính 'ngứa tay' thì nảy ra sáng kiến đội chiếc nón sắt vào để may ra đổi được 'tướng mạo quân vụ', vì lúc làm hỗn với cô gái thì anh ta cũng đội nón lưỡi trai. Cô gái lướt qua từng hàng quân và bỗng dừng trước người lính đội nón sắt đang đứng sâu giữa đổi hình.

'Cái ông đội cái nồi nầy'!"

Ông Tuất bật một tràng cười lớn, đoạn nói:

"Đã đội nón sắt, đã chen vào đứng giữa đám đông, tránh đứng hàng đầu, hàng bìa, hàng cuối, vậy mà cũng không thoát!"

"Chú thấy đấy, tôi phải lo sợ chứ. Nhưng số tôi hên, vì đúng năm ngày sau khi tôi 'hái hoa' thì đại đội nhận lệnh giữa đêm khuya cấp tốc thu xếp để tờ mờ sáng hôm sau được trực thăng vận vào vùng hành quân mới. Cả đại đội không ai biết mình sẽ được ném vào chiến trường nào. Tôi thì chẳng hề bận tâm gì cả, chỉ thấy mừng là bất chiến tự nhiên thành, được trốn chạy một cách hợp tình và hợp lý, tuy rằng thời gian công tác có thể ngắn hạn rồi sẽ quay về chỗ cũ. Nhưng chú biết rồi. Ở nhà binh đừng có cầm chắc chuyện gì cả, nói là đi công tác ít hôm rồi trở về thì chỉ nên mong như thế, chứ đừng đinh ninh sự việc sẽ diễn ra như thế. Tôi có linh tính là sẽ 'đi tàu suốt', và đó cũng là điều tôi mong. Y như rằng, xong công tác tăng phái, đại đội được điều động đi chỗ khác, vì lúc này chiến dịch mà tiểu đoàn tham dự cũng gần kết thúc, và thượng cấp không muốn chôn chân một số lượng lớn binh lính ở Polei Jarsieng nữa..."

Ông Tuất ngắt lời:

"Anh nói tăng phái cho ai?"

"Lần đó đại đội đổ xuống tận vùng Nam Pleiku tăng cường cho thằng 1/40 đang quần thảo với địch chưa phân thắng bại."

"Trận đó dữ dội không?"

"Khá nặng. Đại đội cũng hụt đi mấy mạng, nhưng trung đội mình thì vô sự."

Ông Tuất gắp thức ăn bỏ vào chén của ông Bân và nhắc:

"Anh nhấm nháp một chút, chứ nãy giờ anh quên ăn vì mãi kể chuyện."

Ông Bân ăn qua loa vài mẩu đồ nhậu người bạn vừa bỏ vào chén, đoạn đặt đũa xuống:

"Kể tới đoạn nào rồi nhỉ?"

"Đến lúc anh 'bye bye" người đẹp và không trở lại nữa."

"Thế là tôi quên khuấy người con gái Thượng đó, quên như chưa từng biết một người như thế. Ký ức gạt bỏ dễ dàng và triệt để những gì 'không lợi ích', không sâu đậm! Chừng ít tháng sau thì chú được thuyên chuyển về đại đội và bổ sung vào tiểu đội mình. Và bánh xe cuộc sống của tôi tiếp tục lăn quay, đi tới phía trước, chẳng dừng lại hay quay lui nhìn lại những gì mình bỏ lại phía sau. Nhưng rồi bỗng nhiên đại đội lại có dịp ghé lại Polei Jarsieng. Chú có nhớ cái lần mình đóng quân tạm cạnh vị trí pháo binh của chi khu Polei Krong không?"

"Từ trên đồi nhìn xuống xa xa có mấy làng Thượng phải không?"

"Đúng. Thời điểm đó là vào khoảng một năm hay lâu hơn tôi mới có dịp trở lại, từ khi đi chiến dịch ở đó. Dĩ nhiên tôi nghĩ đến Rờmah Coi. Sáng hôm sau tôi cùng vài anh em trong tiểu đội mình (không có chú, chả hiểu lúc đó chú ở đâu tôi không gặp để rủ cùng đi) tản bộ xuống thăm 'làng xưa', cái làng nằm gần bộ chỉ huy chi khu nhất. Tôi cố ý tìm gặp người con gái một thời đã thu hút tâm trí tôi. Gặp vị trưởng làng tôi hỏi thăm về nàng, và được biết Rờmah Coi bị làng khai trừ, đuổi đi từ nhiều tháng nay vì tội chửa hoang. Nghe vậy tôi bỗng thấy mình mất bình tĩnh hẳn. Không thể là tôi. Có biết bao đàn ông con trai khác, bao người lính như tôi cũng thèm muốn nàng, và cũng có thể dan díu với nàng. Tôi chỉ đến với nàng có một lần qua đường thôi, tôi không tạo thành lối mòn!

Tôi không dám hỏi gì thêm. Cặp mắt nghiêm nghị của người chủ làng làm tôi ngại. Có lẽ do mặc cảm, chứ ngày trước ở đây tôi vẫn thấy cặp mắt ông ta hiền hòa. Mà hỏi thêm chỉ tổ gây nghi ngờ. Tôi cáo từ ông ta. Gặp một anh dân vệ (thanh niên làng) tôi lại hỏi thăm về Rờmah Coi để phối kiểm. Tôi được biết tin tức nhiều hơn: nàng dan díu với một Trung sĩ người Kinh, rồi có bầu, không cưới hỏi, bị trục xuất khỏi làng. Không nơi nương tựa, nàng sống nhờ trong một làng nhỏ gần biên giới Lào-Việt, và đã hạ sinh một bé gái. Vùng đó, nơi các đơn vị quốc gia chưa hề hành quân tới, mệnh danh là Vùng Tự Trị của Các Dân Tộc Miền Núi. Mấy tay lái buôn trong làng nầy hay qua lại vùng biên giới mua bán đổi chác đã gặp nàng bên đó. Tôi chẳng cần biết 'vùng tự trị' kia nằm ở đâu, vì không nghĩ có bao giờ mình sẽ tới đó, nhưng những gì anh thanh niên nầy nói ra làm tôi quan ngại hơn. Linh cảm về một đứa bé do mình tạo ra, và về nỗi đau khổ của một người do mình gây nên càng lúc càng mạnh hơn trong tôi. 'Một Trung sĩ người Kinh' thì chắc không ai khác hơn là tôi!

Tôi lẳng lặng trở về đơn vị, nằm vắt tay lên trán nghĩ ngợi về những điều vừa thu thập được trong dịp đi thăm 'làng xưa'. Làng xưa còn đó, nhưng người xưa ở đâu? Tôi có trách nhiệm gì trong thảm kịch của cô gái kia? Có chắc là tại tôi không? Có chắc là tại một Trung sĩ người Kinh không? Nhưng rồi đơn vị lên đường, bao ưu tư, trăn trở rồi cũng bay theo vó ngựa trường chinh. Tôi lại bận lo đối phó với những bất trắc của chiến trận, miệt mài với mồ hôi, bùn đất, bờ bụi của kiếp lính bộ binh. Và tôi quên hết mọi thứ khác; tôi phải quên, phải biết quên. Như chú thấy đó, thân phận một người lính mà!

Nhưng dường như tạo hóa muốn lá rụng về cội. Chú biết rồi, có ai ngờ cuộc đột kích của tiểu đoàn vào an toàn khu của đối phương nằm giáp ranh nước Lào lân bang lại là dịp cha con gặp nhau và lần cuối nhìn mặt cố nhân!

Người phụ nữ Thượng nằm chết trên triền dốc hôm đó mà chú thấy lúc đại đội ra lệnh chúng ta mở rộng vòng lục soát, chính là Rờmah Coi. Thoạt đầu, lúc nghe tiếng con nít khóc, tôi nghĩ chắc có thường dân ẩn náu đâu đây, bèn một mình bò đến gần để quan sát. Tôi thấy đứa bé trần truồng cứ bám sát thân thể một phụ nữ nằm bất động. Nhìn kỹ tôi thấy cổ đứa bé có đeo một sợi dây chuyền vàng, có bức tượng tòn teng trước ngực. Tôi quay lại gọi chú và thằng Hoàng yểm trợ để tôi bò lại gần xem xét tử thi và đứa bé. Nói cho ngay, trước lúc cuộc hành quân khai diễn, nhìn trên tấm bản đồ thấy vùng mục tiêu nằm sát biên giới Lào-Việt tôi bỗng có một ý nghĩ lạ lùng là biết đâu


## SÁCH MỚI

- **SÀI GÒN TẠP PÍN LÙ** $15 MK
  *tức Sài Gòn Năm Xưa II, III* Ngoài Mỹ $17 MK
  *Vương Hồng Sển*

- **LUẬN NGỮ** $13 MK
  *Nguyễn Hiến Lê dịch, chú thích* Ngoài Mỹ $15 MK
  *Tác phẩm khảo cứu công phu*
  *Viết sau 75 chưa in ở Việt Nam*
  *In lần đầu tiên tại Mỹ*
  *(Tình hình sách vài năm trở lại có sức bán chậm, nên Văn Nghệ chỉ in 500 bản để khỏi kẹt vốn và chỗ chứa.)*

Thư mục Văn Nghệ có hơn 400 tên sách.
Xin liên lạc để nhận thư mục.

**VĂN NGHỆ**
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
☎ (714) 527-5761

chẳng là vùng có một làng nhỏ mà mẹ con Rờmah Coi đang nương náu. Chính mối ám ảnh kia là mãnh lực khiến tôi phải đến xem xét hai mẹ con người Thượng đó, chứ bình thường công việc như thế tôi giao cho các anh em khác làm. Vừa với tới tầm tay là tôi cầm ngay cái tượng xem. Đứa bé khóc thét lên, như chú đã chứng kiến hôm đó. Trời đất! Hình một quả núi! Tôi không tin nổi. Thiếu gì tượng hình quả núi, và biểu tượng đó đâu có gì đặc thù để không trùng hợp. Nhưng cần một kiểm chứng nữa là xác quyết: người đàn bà nằm đó. Bà ta nằm nghiêng, một bên má áp xuống đất. Quên cả thận trọng của một quân nhân ở chiến trường, tôi khẽ đẩy cho thi thể lật ngửa. Khuôn mặt Rờmah Coi hiện rõ ràng. Tuy tiều tụy và tái nhợt, màu tái của xác chết, Rờmah Coi vẫn giữ được những nét dễ nhận. Tôi bối rối không biết phải làm gì. Nhưng có một điều tôi quyết định rất nhanh, là nuôi đứa bé. Không biết có phải do tự kỷ ám thị không, nhưng lúc quay lại nhìn mặt đứa bé tôi thấy cái phần nhân trung của nó giống của tôi vô cùng. Mãi đến bây giờ mỗi lần nhìn Lisa tôi vẫn thấy thế. Không biết chú có để ý điều đó không?"

Ông Tuất nhìn chăm chú ông Bân và nói:

"Bây giờ anh nói ra, tôi hình dung lại thấy có vẻ đúng. Không biết có phải lại do tự kỷ ám thị không."

"Rờmah Coi nằm đó, máu nhuộm đỏ vạt áo trước ngực, đôi mắt nhắm nghiền như trong một giấc ngủ, và tôi xúc động đến lặng người. Không phải vì trông thấy người chết mà xúc động. Rờmah Coi không đáng phải đi xa bản làng như thế này để rồi nằm xuống không có cha mẹ, họ hàng bên cạnh. Tôi nghĩ nàng chẳng mấy thích cái 'vùng tự trị' kia. Tôi đã xô đẩy nàng đến đó. Đồng bào nàng đã xô đẩy nàng đến đó. Không biết lúc sống nàng có oán hận gì tôi không, hay nàng đã tha thứ cho tôi, nghĩ rằng vì việc binh tôi phải sống nay đây mai đó, không làm chủ được tháng ngày của mình! Và không biết nàng có nuôi ước mơ sẽ gặp lại tôi để cho tôi thấy con đã lớn như thế nào? Tôi bàng hoàng là mình đã gặp lại nàng trong trạng huống đau khổ này. Tâm trí tôi lúc đó ở trong một trạng thái tê dại, hầu như quên hẳn mình vừa trải qua những giờ phút căng thẳng của chiến trận.

Tôi xin đại đội cho phép mang đứa bé về nuôi, và tôi đã nhờ chú ẵm nó quá giang trực thăng tản thương về hậu cứ tiểu đoàn. Chú và mọi người chỉ xem hành xử của tôi lúc đó là một cử chỉ thuần nhân đạo, chứ đâu có biết vì thôi thúc của giông bão trong lòng mà tôi hành động. Tôi còn có cả ý định chôn cất Rờmah Coi cho phải đạo, nhưng phải dẹp bỏ ý nghĩ đó ngay vì tình hình hành quân không cho phép. Tôi chỉ còn biết tự an ủi rằng khi chúng ta rút lui dân làng sẽ trở về và chôn cất nàng đúng phong tục người Thượng.

Đêm đó, khi đơn vị rút ra khỏi vùng chiến địa và nghỉ đêm trên một ngọn đồi, tôi nằm trên võng thao thức rất lâu. Chiến trận vừa diễn ra ban ngày vẫn còn hằn trong tâm trí tôi, cũng như trong lòng tất cả mọi người đã tham dự, dù ai có từng trải chiến trường cách mấy đi nữa: những đồng đội bị thương, những đồng đội đã mất, những xác của đối phương, mớ vũ khí lấy được v.v... Nhưng tâm trí tôi dừng lại ở hình ảnh Rờmah Coi nằm trên triền dốc, và ở hình ảnh đứa bé với sợi dây chuyền. Tôi tự hỏi có phải Rờmah Coi đã đeo sợi dây chuyền vào cổ con mình từ lúc mới sinh để tưởng nhớ đến tôi, hay nàng chỉ vừa đeo vào cổ nó lúc súng bắt đầu nổ dữ dội sáng nay, để mong thần núi Chu Mom Rây che chở cho nó, còn mình thì sao cũng được. Chẳng ai đoán được. Nhưng có một điều mà tôi biết chắc chắn là con nàng đã được an toàn với bức tượng quả núi Chu Mom Rây nơi cổ, còn nàng thì đã không may..."

"Cũng may mà Trời Phật đưa đẩy tiểu đoàn mình hành quân vào mật khu đó để anh gặp và đem đứa bé về nuôi. Nếu mẹ nó linh thiêng chắc đã an lòng nhắm mắt, vì biết được những gì anh đã làm."

"Tôi nghĩ Trời khiến lá rụng về cội, hay Trời cho tôi dịp chuộc lỗi với người xưa. Có điều tôi không hiểu là tại sao số mệnh bắt nàng phải hy sinh!"

"Ôi, làm sao hiểu được mọi lẽ huyền vi của con tạo. Hãy nghĩ rằng anh đã làm tròn những gì phải làm trong khả năng mình. À, có một điều tôi thắc mắc từ nãy giờ là anh bảo chưa hề cho chị biết Lisa là con anh, vậy anh đã nói thế nào để chị chịu nuôi cháu?"

"Tôi bảo nhà tôi trong lúc giao tranh tôi lỡ bắn lầm thiệt mạng một người thường dân Thượng, và lương tâm cắn rứt khiến mình muốn nuôi đứa con thơ dại của bà ta để chuộc lỗi lầm. Nhà tôi vốn hay thương người, nên đâu nỡ từ chối một trường hợp 'thương tâm' như thế."

"Té ra là như vậy. Anh là một 'soạn giả' có hạng đấy."

"Chuyện đã qua gần 20 năm rồi, và Lisa đã khôn lớn như thế nầy rồi, và mọi sự trong cuộc sống gia đình tôi vẫn êm ả, nhưng tôi vẫn thấy mình chưa hoàn tất một cái gì; câu chuyện xưa chưa chung cuộc."

"Chắc anh băn khoăn chưa nuôi nấng Lisa nên người, trưởng thành?"

Ông Bân lắc đầu:

"Không phải chuyện đó. Đúng như chú nói vừa rồi: tôi là một soạn giả! Về Lisa, mỗi người đọc một kịch bản khác nhau. Chú thì trước khi tôi kể chuyện này vẫn tưởng tôi nuôi cháu vì lòng nhân đạo. Nhà tôi cho đến bây giờ vẫn tin rằng tôi nuôi cháu vì nhận lãnh trách nhiệm đã gây ra cảnh côi cút cho một đứa bé. Còn chính Lisa thì không hề hay biết gì về gốc gác thật của nó. Vì thế mà lòng tôi lúc nào cũng thấy mình chưa hoàn tất..."

Ông Bân ngừng nói, mà ông Tuất vẫn còn thừ người một lúc, dường như đang theo đuổi ý nghĩ riêng của mình, và cuối cùng nói:

"Không biết có nên để cho những gì đã xảy ra và đã lắng xuống bên kia đỉnh Chu Mom Rây tiếp tục ngủ yên không?"

Ông Bân châm một điếu thuốc lá, hít một hơi dài, nhả khói lên trần nhà và im lặng. Ông không có vẻ đăm chiêu, nhưng không ai nói được tâm hồn ông đã được yên tĩnh chưa.□

*24-5-1994*

# TRỜI MÙA XUÂN PARIS

## TRẦN CÔNG SUNG

"Anh coi, áo em đan cho hai con nhỏ. Dễ thương quá, anh há?"

Mỵ Châu nói huyên thiên, giọng trầm bổng như một điệu nhạc. Nàng vuốt ve hai chiếc áo len con nít xanh da trời thêu hoa bướm đủ mầu. Bàn tay nàng thanh, những đường gân xanh chạy trên cổ tay gầy.

"Mới năm tuổi mà cứ mặc quần áo sáu, bảy tuổi. Con cái ăn gì mà lớn như thổi. Cô Vân cô ấy trách em con nít sanh đôi mà chị cứ cho mặc quần áo giống nhau, ai biết đứa nào là đứa nào. Em nói: mặc cô chứ, con chị, chị chỉ nhìn bàn tay cũng nhận ra. Bàn tay con Tũn thì mập, chắc như tay bố. Tay con Nhóc thì gầy như mẹ. Tính nết tụi nó cũng khác nhau. Con chị đỏm dáng hơn con em nhiều. Lát nữa anh coi. Mặc áo mới, cô nào đứng trước gương ve vuốt, ngắm nghía cả giờ là con Tũn. Con em thì chỉ nghĩ đến ăn, chỉ hỏi mẹ có kẹo không."

Mỵ Châu xếp bộ quần áo, hỏi: mấy giờ rồi, anh? Không đợi câu trả lời, nàng tiếp:

"Giờ này mà ông ấy chưa mang hai đứa nhỏ về cho em tắm rửa. Sểnh ra là ông ấy tha con đi. Làm như con là con riêng của ông ấy. Nhiều khi thấy ba bố con hú hí với nhau, coi em như không, em ức lắm. Ai mang nặng đẻ đau, anh há? Anh tính đi đánh cờ tướng với bạn đến nửa đêm mà ông ấy cũng lôi hai con nhỏ đi."

Mỵ Châu chợt nhớ ra điều gì, vội mặc chiếc áo len xanh và nói:

"Chết, suýt nữa quên mất. Anh ngồi chơi, em chạy xuống mua cho ông ấy mấy chai bia. Nhậu mà không có bia, thấy ông ấy rầu rầu, em chịu không được."

"Để lúc khác hãy đi," tôi nói. "Bên ngoài mưa bão đi sao được."

"Vậy hả," Mỵ Châu cười lúm đồng tiền. "Vậy mà em cứ tưởng trời đẹp. Télé nó cũng nói hôm nay trời đẹp."

Qua cửa sổ, những nụ hoa tươi và lá xanh non đang run rẩy tắm nắng, cái anh nắng mới, ngon và mềm như lụa của một ngày chớm Xuân.

Một cô y tá da đen ghé vào phòng, mỉm cười, răng trắng nhởn, hỏi "cà va?", đặt mấy viên thuốc xanh đỏ trên bàn: "Ông làm ơn nhắc bà ấy uống thuốc". Tôi nói "Oui, oui", nghĩ bụng những viên thuốc ấy uống để làm gì. Chữa chạy để làm gì. Thà lúc nào Mỵ Châu cũng như lúc này. Những lúc như lúc này, trong đầu nàng không gợn một mảy may ý nghĩ là cả chồng nàng, cả con Tũn, cả con Nhóc đã bị sóng cuốn đi trong một chuyến vượt biển hãi hùng. Tôi vứt những viên thuốc xanh đỏ vào thùng rác khi cô y tá quay lưng, đi ra. □

**Nhắn tin:**

Bạn nào giữ được các truyện ngắn của Trần Công Sung: "Chuyến Xe" (đăng trên Tin Quê Hương, Paris), "Người Đàn Ông Khùng và Con Ga Nhỏ (Việt Nam Hải Ngoại, California) hoặc những truyện khác đăng trên Bách Khoa, Văn, Đối Thoại (Sài Gòn) xin liên lạc với tòa soạn Thế Kỷ 21. Đa tạ.

## TRẦN THIỆN HIỆP

# XIN TRẢ NGÀY QUA VÙNG QUÁ KHỨ

**Sông cau mặt, giận hờn chi bão rớt**
**Bờ nước dâng, cây chảy lệ, hai hàng**
**Tôi trú ẩn nơi đường bay của tóc**
**Nghe nhịp tim lãng đãng tiếng ca nàng**
**Thôi, gởi trả ngày qua vùng quá khứ**
**Theo mưa tan, theo gió chướng về trời**
**Thiên đường mở trong mỗi ngày ánh sáng**
**Thơ bay lên từng lá sóng vọng lời**
**Khi mỏi cánh, chiều, mây, về trên áo**
**Tóc riêng tư mà gờn gợn chung mây**
**Đời dẫu mỏi xin thắp ngàn hoa nến**
**Cho lưu ly đêm ấm rượu sum vầy.**

# THƠ HẰNG HÀ LỆ

NGUYỄN ĐĂNG NGỌC
chuyển sang Việt ngữ

*LỜI NGƯỜI DỊCH:*

*Hằng Hà Lệ là tên Việt của một người phụ nữ Mỹ, Rhonda Lee Mc Coy, cũng như Ỷ Lan là tên của Penelope Faulkner. Giống như Ỷ Lan nàng mang một tâm hồn có nhiều tính chất Á đông. Nhưng trong khi Ỷ Lan nói tiếng Việt, giọng Huế, rất sành điệu, Hằng Hà Lệ không hề biết nói tiếng Việt tuy cả hai đều là những người phụ nữ giàu xúc cảm, yêu mến văn chương và có nhiều tình cảm đối với Việt Nam.*

*Hằng Hà Lệ thường làm thơ bằng tiếng Anh. Thơ của Hằng Hà Lệ như quý vị sẽ thấy nghiêng về triết lý, tư tưởng. Nàng yêu mến cuộc sống và đi tìm mầm sống, thể hiện hay e ấp dưới muôn vàn hình thái. Những mầm sống ấy đều liên hệ chặt chẽ với chúng ta và cũng chính là bản thân chúng ta. (Xin đọc bài Quê Hương).*

*Yêu mến cuộc sống cho nên Hằng Hà Lệ đau khổ trước những đau khổ của con người, tha nhân và bản thân, trước những đau khổ của mọi loài vật biết cảm xúc. Nàng đã đồng ý chọn tên Hằng Hà Lệ, theo đề nghị của tôi, vì đọc ra nghe na ná với Rhonda Lee, lại thích hợp với tâm hồn dễ xúc động của nàng.*

*Tôi quen với Hằng Hà Lệ lúc làm việc tại một trường Đại học ở San Diego. Nàng thường nói chuyện với tôi về Đạo Phật, về con người, về quê hương và giá trị cuộc đời. Tôi có tặng cho nàng một bức tượng Quan Âm và một quyển sách tranh Sen.*

*Hằng Hà Lệ có đề tặng cho tôi một số bài thơ, nàng gọi là rất Á đông. Mà thật vậy, tôi nghĩ trong thơ Hằng Hà Lệ có những tình ý sâu sắc, tế nhị, cách cảm nghĩ có dáng dấp Á đông và Việt Nam. Tôi xin chuyển ra Việt ngữ một số bài để giới thiệu chung với bạn đọc. Riêng bài một, xin gửi tặng một số bạn trẻ tôi được quen biết như Bạch Nga, Liên Hương, Yên Trúc, Thái Thanh, Ngọc Tủy, Thế Thức ..., những người thường cố gắng mang lại một chút gì tươi mát hơn cho những cuộc đời thiếu may mắn.*

*Thơ của Hằng Hà Lệ không có nhan đề, những nhan đề trong bản dịch do tôi đã thêm vào.*

*San Diego, Mùa Hè 1994*

## BÀI THỨ NHẤT:

**Roots grip deep**
**Suck life under**
**Still, muddy murk**
**Where neither sunlight nor gentle breezes**
**Nurture**
**Silently**
**From these silty, dark waters**
**Wonder anchors, stems**
**Burst**
**In glistening**
**Lotus petals**

**Hoa Từ Bi**
**Đi sâu vào lòng đất**
**Giữa phù sa bùn đọng**
**Tìm nguồn sống e ấp**
**Nơi không có mặt trời**
**Cùng không cơn gió lộng**
**Âm thầm ươm nguồn sống**
**Từ bóng tối bùn dơ**
**Vươn thành cành vững chắc**
**Nở cánh sen trắng hồng.**

# BÀI THỨ HAI:

From the Beautiful One
I am made
From her tender face and hands
I am made
From smiles of mother
I am made
From sobs of infants
I am made
From touch of lover
I am made
From silence of Old Woman
I am made
From the Beautiful One
I am made
From the Beautiful One
I am made
From seering lightening
I am made
From furious thunder
I am made
From blazing sun
I am made
From new moon darkness
I am made
From the Beautiful One
I am made
From the Beautiful One
I am made
From earthy dampness
I am made
From rocks and roots
I am made
From saplings and forests
I am made
From prairies and deserts
I am made
From the Beautiful One
I am made
From the Beautiful One
I am made
From rushing rivers
I am made
From clay and mud
I am made
From dry, hot winds
I am made
From early spring rains
I am made
From the Beautiful One
I am made

From the Beautiful One
I am made
From crawling creatures
I am made
From buzzing insects
I am made
From soaring ravens
I am made
From songs of frogs
I am made
From the Beautiful One
I am made
From the Beautiful One
I am made
From everything that lives
I am made
From everything that dies
I am made
From everything that is reborn
I am made
From the Beautiful One
I am made
In the Beautiful One
I am.

*

Quê Hương
Từ Người Kiều diễm
Con được tạo nên
Từ đôi bàn tay
Mắt hiền của mẹ
Từ tiếng mẹ cười
Tiếng khóc trẻ thơ
Con được tạo nên
Từ thoáng tình thương
Mẹ già yên lặng
Con được tạo nên
Từ người Kiều diễm
Con được tạo nên
Từ người Kiều diễm
Con được tạo nên
Từ tia chớp sáng
Con được tạo nên
Từ tiếng sấm vang
Con được tạo nên
Từ nắng chói chan
Con được tạo nên
Từ ánh trăng non
Con được tạo nên
Từ người Kiều diễm

Con được tạo nên
Từ người Kiều diễm
Con được tạo nên
Từ đất dẫm sương
Con được tạo nên
Từ đá từ rễ
Con được tạo nên
Từ cây từ rừng
Con được tạo nên
Từ cánh đồng xanh
Từ đất cối cần
Con được tạo nên
Từ Người Kiều diễm
Con được tạo nên
Từ Người Kiều diễm
Con được tạo nên
Từ giòng nước cuốn
Con được tạo nên
Từ đất từ bùn
Con được tạo nên
Từ gió Bắc, Nam
Con được tạo nên
Từ sớm mưa xuân
Con được tạo nên
Từ Người Kiều diễm
Con được tạo nên
Từ Người Kiều diễm
Con được tạo nên
Từ loài bò sát
Con được tạo nên
Từ cánh côn trùng
Con được tạo nên
Từ tiếng chim ca
Con được tạo nên
Từ tiếng ếch vang
Con được tạo nên
Từ Người Kiều diễm
Con được tạo nên
Từ Người Kiều diễm
Con được tạo nên
Từ gì đang sống
Con được tạo nên
Từ gì đã chết
Con được tạo nên
Từ kiếp luân hồi
Con được tạo nên
Từ Người Kiều diễm
Con được tạo nên
Từ Người Kiều diễm
Con mãi trong người.

# "GIẾNG TRĂNG" CỦA DƯƠNG THÀNH VŨ*

NGUYỄN VĂN HÓA

Qua chiến dịch "Đổi mới" của đảng, phong trào "Cởi trói văn nghệ" đã được lan ra như vết dầu loang. Sở dĩ gọi là phong trào cởi trói bởi nó là chính sách từ trung ương, nửa kín nửa hở. Kín là vì nó phát xuất từ hạt nhân của thành phần lãnh đạo muốn đổi mới, cởi mở thật sự đang quanh co tránh né thành phần bảo thủ, nhất mực với chủ nghĩa cộng sản bao quanh chiếc ghế quyền lực. Nhưng nếu chỉ kín mà không có mặt hở thì làm sao tạo dựng nên một phong trào, làm sao có được những sáng tác phẩm phô trương, hỗ trợ, động viên cho cái tinh thần "đổi mới". Chúng ta có thể liệt kê Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Trần Mạnh Hảo ... là những nhà văn nằm trong phạm trù của chính sách "nửa kín nửa hở" này.

Nhưng cái hệ quả của tinh thần tự do khai phóng, dám nói thật, viết thật từ chiều sâu kín của tâm hồn, là những làn sóng ngầm đủ mạnh để xô dạt sự kiềm hãm, giới hạn bằng sự kiểm soát của chính sách. Khi đảng cộng sản Việt Nam đủ can đảm để trả lại một góc độ tâm hồn và não trạng của con người thật thì không sớm muộn gì "con người thật" ấy cũng sẽ hiển hiện trong sự trọn vẹn, toàn thể tính người. Dương Thành Vũ có lẽ là một cây viết biểu tượng của cái hệ quả đưa tới "con người nói thật" trọn vẹn này. Tất nhiên hệ quả này đi ra ngoài sự mong muốn của đảng, nhưng khi cái lao đã phóng đi, khi tư tưởng nói thật, viết thật đã lan tràn ra trên bề rộng xã hội thì không có sự áp bức nào có thể làm cho nó ngừng được nữa.

Nếu những nhà văn như Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Trần Mạnh Hảo ... có ưu điểm là những kẻ đi bước đầu trong làn sóng "cởi trói văn nghệ", thì họ lại có khuyết điểm là vẫn còn bị giới hạn của những người thi hành chính sách - là những đảng viên, những nhà văn được đào tạo từ các trường lý luận nghiệp vụ - nhà văn cán bộ; cho nên họ viết mà vẫn còn lấn cấn trong chính sách, còn tiết chế và chừng mực. Hơn thế, họ dù có thấy đảng sai, con đường đảng đi là độc tài là tự hủy, họ vẫn còn lặn hụp trong cái chiến thắng rỗng không; những tự mãn máu xương mà chính họ là những kẻ từng trang trải.

Cái phẩm chất của tinh thần tự do còn thể hiện ở kinh nghiệm sống thực và sự ý thức về tự do rõ nét ở tầm nhìn qua sự so sánh. Những nhà văn trên qua chiều dài lịch sử và cuộc sống họ không có cái may mắn đó. Họ sinh ra, lớn lên, đã lặn ngụp trong xã hội bạo trị của đảng cho đến ngày bắt đầu tỉnh thức.

Dương Thành Vũ là một trong những nhà văn ở miền Nam đã vượt thoát lên những khuyết điểm đó. Cho nên trong truyện ngắn "Giếng trăng", tác giả Dương Thành Vũ đã cho chúng ta thấy rõ một mô hình tương phản so sánh giữa hai hình ảnh xã hội trước và sau ngày cộng sản chiến thắng: "Quán cà phê duy nhất trong làng do một ông cán bộ hưu trí làm chủ, nằm cạnh ngã ba đường rẽ ra quốc lộ, trông tối tàn dơ bẩn, đầy ắp thứ âm thanh bị biến giọng do cái máy cassette quá tã, cứ như nheo nhéo chui vào tai người ta chứ không phải là hát. Thanh niên thời nay ít người được giáo dục thẩm mỹ nên không tỏ ra khó tính với nghệ thuật, thanh niên ở nông thôn thị hiếu dễ dãi và dung tục hơn. Các chú choai choai trong làng cũng không ghiền cà phê, họ tụ tập ở đây để tán dóc, chơi bài, đấu cờ, vì chẳng có trò giải trí nào khác. Không biết sao chú tôi thường gào thét: Mặt trận văn hóa tư tưởng là mặt trận hàng đầu, nhưng ông cũng chẳng cho lập một thư viện hay phòng đọc báo để tuyên truyền tư tưởng cách mạng - tất nhiên ít tốn kém hơn một cuộc liên hoan và xã có khả năng nếu muốn, phim ảnh thì vài tháng mới chiếu một lần, cải lương càng hiếm hơn (chú tôi không muốn bà con thức đêm coi hát vì sợ ảnh hưởng tới sức khỏe làm giảm năng suất lao động). Tôi nhớ, ngày từ thời Ngô Đình Diệm, xã có một phòng đọc sách báo rất phong phú để tuyên truyền chống cộng. Lẽ đương nhiên kèm theo đó là các loại sách báo nâng cao dân trí về mọi lãnh vực. Phim ảnh cũng thế, mà lại có chiếu rất đều và không bán vé. Còn phong trào thể dục thể thao do chú tôi phát động rầm rộ đâu được ít bữa rồi xẹp xuống như trái banh xì hết hơi vất lăn lóc trong kho văn hóa thông tin xã."

Đoạn văn trên được trích dẫn trong truyện ngắn "Giếng trăng" mô tả thực chất giữa hai xã hội, mà ngay cả những người chống đối chế độ miền Nam trước đây cũng không thể phủ nhận được.

"Giếng trăng" là một truyện tình thương tâm trong bối cảnh xã

hội, sau vĩ tuyến 17, kể từ ngày cộng sản chiến thắng ở miền Nam. Chứng nhân (hay cũng chính là tác giả) vốn là một cán bộ "tân tòng" trong chế độ mới, bỏ nhiệm sở trở về làng quê làm nghề sửa xe đạp. Trong chế độ mới mà được làm nghề này cũng nhờ cái may tác giả có một ông chú đi tập kết về làm phó chủ tịch kiêm công an xã. Nhưng sự liên hệ máu mủ ấy chẳng làm hai kẻ trở nên thâm tình: "Chú tôi ít mặn mà với tôi, còn tôi thì cũng không khoái gặp ông để nghe những bài học chính trị ngô nghê từ nhận thức của một ông cán bộ thất học. Tôi cũng không dám đem sách vở Mác Lê ra tranh luận với ông, sợ ông nổi xung lên quy kết tội chống lại nhân dân rồi áp dụng chuyên chính thì nguy to".

Trong chiến tranh chính gia đình tác giả cũng là nạn nhân tàn khốc: cha mẹ, em trai em gái, nhà cửa đều bị vùi thây trong đống tro tàn của bom đạn, giờ đây trở lại quê như một kẻ "tứ cố vô thân" trong cái làng quê nhỏ bé, nhưng trù phú này. Trong hoàn cảnh sống ẩn dật vì thời thế và sinh kế ấy, tác giả là nhân chứng trước truyện tình đẫm nước mắt của Lâm và Thanh, mà kết thúc đã đưa tới cái chết oan nghiệt của Lâm. Lâm là con trai của một người lính bị què, được giải ngũ trở về quê và nhờ sự khôn ngoan thực tế ông đã gây dựng nên một gia sản có hạng và một cuộc sống phong lưu rất mực. Ba của Lâm nhận xét về con người của chế độ mới như sau: "... Hồi mấy ông ở trên rừng về tiếp thu quyền lực chính quyền, ai có chút của nả cũng sợ xanh mặt, chỉ có ông là quả quyết: Chính quyền cách mạng cũng là do con người nắm, mà đã là con người thì có thể mua chuộc được ... Đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn." Từ cái tinh thần ấy, ba Lâm mua chuộc ông phó chủ tịch kiêm công an xã, với những cán bộ nòng cốt về kinh tế và hợp tác xã; mà chính Lâm và vợ mình đã trở thành nạn nhân bi thảm của những đầu óc u tối, phong kiến nhưng bao giờ cũng tưởng mình là những người cách mạng, tiến bộ và thức thời. Chế độ chính trị của đảng có lẽ là chế độ mâu thuẫn nhất trên trái đất này, vì họ nói một đàng, làm một nẻo; nhưng thực ra họ không thể làm khác hơn, bởi vì chế độ cộng sản thường tạo ra những con người không toàn thiện, què quặt và bệnh hoạn tâm hồn.

* * *

Lâm vì tình yêu cao cả đã tranh đấu với ba mình vốn là người có đầu óc hủ lậu, để xin cưới Thanh làm vợ; nhưng ba Lâm bảo "Mi ưa chi cái thứ khố rách áo ôm đó? Với lại trong cặp mắt sắc như dao lam của nó thì không buôn chồng người cũng lấy trai. Mua heo xem nái mua gái xem tông, cái tông đường con Địu thì cả làng xã này ai không biết." Lâm vẫn không thất vọng tìm đến gặp ông phó chủ tịch kiêm công an xã (là chú tác giả) để xin đăng ký kết hôn theo luật pháp hiện hành. Nhưng kẻ đại diện luật pháp nhà nước trả lời:

"Ba mi nói với tao đừng cho hai đứa bây đăng ký. Tao hứa với ông rồi!"

Vốn là thanh niên có học, lại là đoàn viên thanh niên, Lâm lý sự:

"Luật hôn nhân gia đình quy định..."

Chú tôi xua tay:

"Ở đây chỉ có tao quy định. Tao báo trước, chính quyền đã không cho đăng ký mà hai đứa bay lén lút ở với nhau là tao cho đi cải tạo liền!"

Lâm vẫn không nản chí, đi "cầu cứu" tổ chức đoàn thanh niên. Tay bí thư lắc đầu cười cười: "Các ông đã quyết thì trời cũng chịu!"

Thái độ bất chấp lẽ phải và pháp luật của các ông chức sắc này không những nói lên cái tệ hại của những công thần trong chế độ xã hội chủ nghĩa, mà còn tố cáo sự cấu kết a tòng một cách ngoan ngoãn qua thế lực đồng tiền đã mua chuộc.

Ở trong "Giếng trăng" dù chỉ là một truyện ngắn trên vài chục trang giấy, nhưng đã bộc bạch ra, đã mô tả một cách hiện thực cái con người xã hội chủ nghĩa: Tất cả những khẩu hiệu kêu to, màu mè như cách mạng, tiên tiến, tiền phong, yêu nước nồng nàn chỉ là một chiếc thùng rỗng, để đến lúc chiếc thùng ấy bị bật nắp thì chỉ thấy người cộng sản toàn là những kẻ "vong thân"; những người đã được rèn luyện để bán và mua chuộc hận thù xương máu. Họ chỉ biết phá hoại mà không biết xây dựng, chỉ biết đâm chém mà không biết đến tình yêu. Cho nên giờ đây, trong không gian của hòa bình, không còn có lý lẽ của hận thù nữa, họ tìm về tự thân của mình một cách thác loạn như những kẻ vừa đội mồ sống dậy; những kẻ từ một hành tinh xa lạ lạc vào cõi trần thế. Đó là lý do để giải thích tại sao những bản nhạc tình ca sướt mướt dành cho giới bình dân trước tháng Tư 75 một thời đã bị cấm đoán, trù dập, bị coi là những bản nhạc của văn hóa đồi trụy; giờ đây lại được thịnh hành, mê mãi... Những bản nhạc mà "ban đầu bị cấm gắt gao và nhiều người cũng bị chú tôi tống giam vì cái loại nhạc này. Nhưng dần dà nó được tái sinh vì nhiều lẽ tế nhị"; vì "chính chú tôi cũng mê loại nhạc này," cái tệ hại vô lý và độc đoán của ông phó chủ tịch kiêm công an khi ngăn cấm tình yếu của Lâm và Thanh, cũng chỉ vì ông có bao giờ biết đến tình yêu, ông có bao giờ hiểu được thế nào là tiếng "thổn thức của con tim," chỉ vì "ông cưới vợ theo ý đồ của tổ chức hơn là ý ông chọn lựa." Và tiếng "thổn thức của con tim" nó ẩn chứa một sức mạnh tiềm tàng vô địch bất chấp cả áp bức, bạo trị và phi lý: Lâm và Thanh cương quyết lấy nhau, bỏ đi khỏi cái làng oan nghiệt kia để xây dựng hạnh phúc. Nhưng làm sao tạo dựng hạnh phúc được ở trên phần đất của một chế độ kiểm soát người dân bằng bao tử dạ dày, bằng những tấm giấy hộ khẩu, và tìm kiếm một công việc làm lương thiện còn khó hơn cả lên thiên đàng!

Lâm và Thanh cuối cùng lại cuốn gói trở về quê cũ với đứa con đầu lòng. Nhưng sự trở về của họ, cũng chính là sự đương đầu, thử thách với "nguyên trạng." Một "nguyên trạng" tệ hại mà với tấm lòng lương thiện của tác giả tìm mọi cách để không chỉ cứu vãn số phận và đứa con tình yêu của họ mà còn "liên quan tới việc đánh đổ một hủ tục thành kiến, một trật tự cổ hủ đang ngăn chận sự tiến bộ và làm tha hóa con người" cũng đành bó tay.

Trong cơn cùng cực của khó khăn kinh tế, trong những cố gắng vươn lên trước những đầu óc

TUẤN HUY

# YÊU EM ĐỊNH MỆNH...

Ta yêu nhau tuyệt vời, mê đắm
Mà sao tình đôi lúc truân chuyên...
(Gửi BẢO-HÂN, nơi phương trời mộng-ảo)

**Tôi yêu Em như yêu mùa Xuân**
**Yêu hàng cây hé trổ lộc non**
**Yêu lũng đồi poppy ngời rộ**
**Yêu giải mây hồng trôi miên man...**

**Tôi yêu Em như yêu nắng Hạ**
**Dòng Tình linh hiển ngợp rong rêu**
**Mỗi khi đôi mắt Em nhìn xuống**
**Là cả một nguồn thương chắt chiu...**

**Tôi yêu Em như yêu sầu Thu**
**Rừng phong nhuốm đỏ sắc phiêu du**
**Loang vương trong gió hồn cô tịch**
**Suối tóc mềm: hương-nhu chớm khô...**

**Tôi yêu Em như yêu buồn Đông**
**Ngàn bông tuyết nõn ngậm tê lòng**
**Môi Em ánh tinh-cầu rạo rực**
**Tuyết nhòa tan đượm hương phấn rung...**

**Tôi yêu Em như yêu mặt Trời**
**Bông hướng-dương vần vụ miệt mài**
**Nghiêng theo vòng quay vờn u-uẩn**
**ên chùm thiên-thảo, tôi ru tôi...**

**Tôi yêu Em như yêu vầng Trăng**
**Tiền kiếp tôi: một đóa quỳnh-hương**
**Nửa khuya, bung giữa màu trăng sữa**
**Mật ngọt nồng: tinh túy Em ban...**

**Tôi yêu Em hơn yêu cuộc sống**
**Yêu màu trân-qúy giữa nhụy-thơm**
**Dù tê-mê, ê-chề, đau đớn**
**Yêu rộn ràng, lăn lóc, vinh quang...**

**Tôi yêu Em tợ yêu nỗi chết**
**Yêu ngọn cờ ủ rũ ngang lưng**
**Yêu cành hoa ngỡ-ngàng tưởng niệm**
**(Tình tôi từ Vô Thủy - Vô Chung)...**

**Tôi yêu Em, chính yêu định mệnh**
**Định mệnh tôi: đòi đoạn, long dong**
**Tim nhòa lệ khi nhiều trăn trở**
**Liệm trong hồn vị đấng Mênh Mông...**

**Cứ ngỡ rằng tôi không còn nhớ**
**Chuyện yêu đương, phung phí một thời**
**Em là cô gái lay tôi dậy**
**Để mù lòa, ngây ngất tôi vui...**

cố chấp thủ cựu, Lâm đi tìm cái chết bằng cách lao thân trong lòng giếng lạnh sau khi biết Thanh đã phản bội tình yêu vì sự sống đã đi theo người đàn ông kiếm ra tiền hái ra bạc khác.

Nhìn chung, câu truyện "Giếng trăng" được xây dựng trên một kỹ thuật viết rất vững. Từ kết cấu đến bố cục đi theo một thứ tự hợp lý, và điểm lý thú là tác giả làm cho người đọc một thảng thốt bất ngờ về cái chết của Lâm. Đó là một kết thúc ít ai đoán được trước ý của tác giả, và chính nhờ sự bất ngờ này đã xoáy động thêm bi kịch gia đình cũng chính là bi kịch của con người sống trong xã hội chủ nghĩa.

Mô tả về cá tính của mỗi nhân vật là một nét độc đáo khác của Dương Thành Vũ. Những nhân vật như ông phó chủ tịch kiêm công an xã, những cán bộ nối kết với ông đã nổi bật lên tâm chất của những người lãnh đạo đầy cố chấp, thủ cựu, bảo thủ trong đảng cộng sản hiện thời. Những kẻ thức thời vì mối lợi thực tế như ba của Lâm là biểu tượng cho đám người đang a dua theo đảng bỏ vốn đầu tư để mong một ngày làm giàu theo đảng. Chính sự cấu kết phi nghĩa này đã làm tan nát tình yêu tuyệt đẹp của Lâm và Thanh, hủy hoại cả tương lai và ước vọng của thế hệ đang lên. Trong bức thư tuyệt mệnh để lại cho con, Lâm đã viết sau tấm hình kỷ niệm vợ chồng: "Gởi lại con kỷ niệm của ba mẹ với con. Cầu nguyện ơn trên cho thế hệ con không chịu nỗi bất hạnh như ba và mẹ đã hứng chịu." Phải chăng tương lai của con Lâm, cũng chính là tương lai của cả một thế hệ trẻ trên đất nước (?) Và để thoát khỏi thảm trạng của nỗi bất hạnh đó, chắc hẳn những đầu óc lỗi thời, thủ cựu của kẻ cầm quyền phải bị đánh bật hoàn toàn ra khỏi xã hội Việt Nam. Nếu vậy, thì đây chính là lời nhắn nhủ sâu kín nhất mà Dương Thành Vũ đã nhắn gởi đến tất cả chúng ta. Nhìn từ quan điểm đó, Dương Thành Vũ đã thể hiện đúng tinh thần của một nhà văn "nói thật một cách trọn vẹn."■

**NGUYỄN VĂN HÓA**
20/6/94

* (Hợp Lưu số 15)

# VÒNG CHÂN TRỜI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

## Triển lãm ảnh nghệ thuật Nguyễn Xuân Tính

"Rồi đây, những bức ảnh này sẽ đi vào lịch sử, vì những hình ảnh thật của nó sẽ không được người ta gìn giữ nữa mà thay vào đó những hình ảnh mới."

Ông Đỗ Văn, cựu trưởng ban biên tập Việt ngữ đài BBC Luân Đôn, đã nói như trên trước hơn 100 quan khách, thân hữu và những người yêu chuộng nghệ thuật nhiếp ảnh, trong buổi khai mạc cuộc triển lãm ảnh nghệ thuật của nhiếp ảnh gia Nguyễn Xuân Tính, tại phòng triển lãm Hội Văn Học Nghệ thuật số 14901 Moran, Westminster, California, chiều ngày 29 tháng Bảy 1994.

Nhiếp ảnh gia Nguyễn Xuân Tính

Người trưng bày ảnh trong cuộc triển lãm này, ông Nguyễn Xuân Tính, sinh ngày 20 tháng Hai năm 1926 tại Hà Nội. Ông là Hội viên của Hội Ảnh Nghệ thuật, Hội Nhiếp Ảnh Việt Mỹ, Hội Nhiếp Ảnh Việt Nam, Hội Nhiếp Ảnh K.B.C., Hội Nhiếp Ảnh Hoàng Gia Anh Quốc, Hội Nghiên cứu và Phát huy nhiếp ảnh.

Ông đã đoạt nhiều huy chương và tước hiệu cao quý. Từ năm 1968 ông nhận giải Huy chương Bạc trong cuộc thi nhiếp ảnh toàn quốc do Hội Việt Mỹ tổ chức tại Sàigòn; năm 1969, Huy chương Vàng của Hội Văn Hóa Pháp. Năm 1973, Hội nhiếp ảnh Hoàng Gia Anh quốc phong tước ARPS (Associate The Royal Photographic Society of Great Britain), Hội Nhiếp ảnh Hồng Kông phong tước APSHK (Associate The Photography Society of Hong Kong) v.v...

Bà Judy Stowe và ông Đỗ Văn đang trả lời những câu hỏi của thân hữu về tình hình phát thanh hướng về Việt Nam.

Sáu mươi lăm bức ảnh của ông, hầu hết là phong cảnh, sinh hoạt và chân dung Việt Nam, đã được người xem nhiệt liệt tán thưởng. Trong số các tân khách, có hai vị khách đặc biệt đến từ Luân Đôn: Bà Judy Stowe và ông Đỗ Văn, đã được Hội VHNT Việt Mỹ mời cắt băng khánh thành buổi triển lãm và cắt bánh kỷ niệm cuộc họp mặt nghệ thuật này.

Bà Judy Stowe và ông Đỗ Văn là hai biên tập viên ban Việt ngữ đài BBC đã làm việc suốt gần 30 năm qua. Là những người làm việc lâu năm trong công tác truyền thông và văn hóa đối với quần chúng Việt Nam, bà Judy Stowe và ông Đỗ Văn đã thân mật trò chuyện cùng quan khách, chia xẻ những kinh nghiệm cũng như

kỷ niệm trong quá trình làm việc của mình.

Ông Đỗ Văn đánh giá cao các bức ảnh nghệ thuật của Nguyễn Xuân Tĩnh, cho rằng với một Việt Nam nhiều biến động như ngày hôm nay, một số bức ảnh này sẽ là di tích của các bóng hình cũ mãi mãi mất đi.

## Triển lãm tranh Màu Trắng Khăn Tang của Nữ Họa Sĩ Phấn Nguyễn Barker

Loạt tác phẩm Màu Trắng Khăn Tang của nữ họa sĩ Phấn Nguyễn Barker đã được triển lãm ở Trung Tâm Mỹ Thuật Kealakekua (thành phố Kona, trên đảo lớn Hawaii) từ 15 đến 24 tháng Bảy, 1994.

Tại sao gọi là màu trắng khăn tang, chủ đề của cuộc triển lãm này phải chăng là sự tang tóc? Phấn Nguyễn Barker tâm sự: "Tôi đến Mỹ từ năm 1969. Mười năm đầu tôi thường nằm mơ trở về Việt Nam, những giấc mơ đầy sợ hãi và ưu phiền. Đầu năm 1992, tôi về thăm Việt Nam sau 23 năm xa vắng ... Tôi không còn tự chủ được nữa. Đau đớn, hối hận, phẫn nộ, tuyệt vọng rồi hoang mang ... biết bao cảm xúc lẫn lộn. Đầu năm 93 tôi dần thấy bình thường trở lại, và khởi đầu một loạt tác phẩm mới. Màu Trắng Khăn Tang ra đời."

Loạt tác phẩm ấy là lời ai điếu cho cuộc chiến tranh Việt Nam vừa qua. Có những bức như "Miếu Thờ Oan Hồn," tượng trưng cho một ngôi miếu dâng tặng những linh hồn chết trong chiến trận Việt Nam; bức "Chờ Đợi" để tưởng nhớ đến những người phụ nữ đã mất con, mất chồng hay mất người cha thân yêu trong trận chiến Việt Nam.

Sáng tác trong một tâm thức như vậy Phấn Nguyễn Barker mong mỏi nhằm tới một điều, là dùng nghệ thuật để góp phần giải bao nỗi oan khiên của chiến tranh. Chính vì thế trong buổi khai mạc triển lãm đã diễn ra một nghi thức bất thường.

Hơn một trăm người khách đến xem tranh đều được trao một cái khăn tang trắng để chít lên đầu, tạo một cảnh tượng lạ lùng thương cảm. Sau khi xem tranh, một số khách được mời lên sân thượng của phòng triển lãm, nơi đây với sự giải thích và hướng dẫn của họa sĩ, đã diễn ra nghi thức đốt khăn tang quanh một lò lửa — một hành động tượng trưng cho sự gột rửa những đau đớn, hận thù, phiền não của một quá khứ không vui. Nhiều người đã khóc, cái khóc đồng thuận với lòng ước ao của người nghệ sĩ, là cho buông xả tất cả bóng đen của cuộc chiến còn đọng lại trong hồn, và cùng với tâm thức sáng tạo nghệ thuật hướng về cái thiện, làm cho cuộc đời này tốt đẹp đáng sống hơn. □

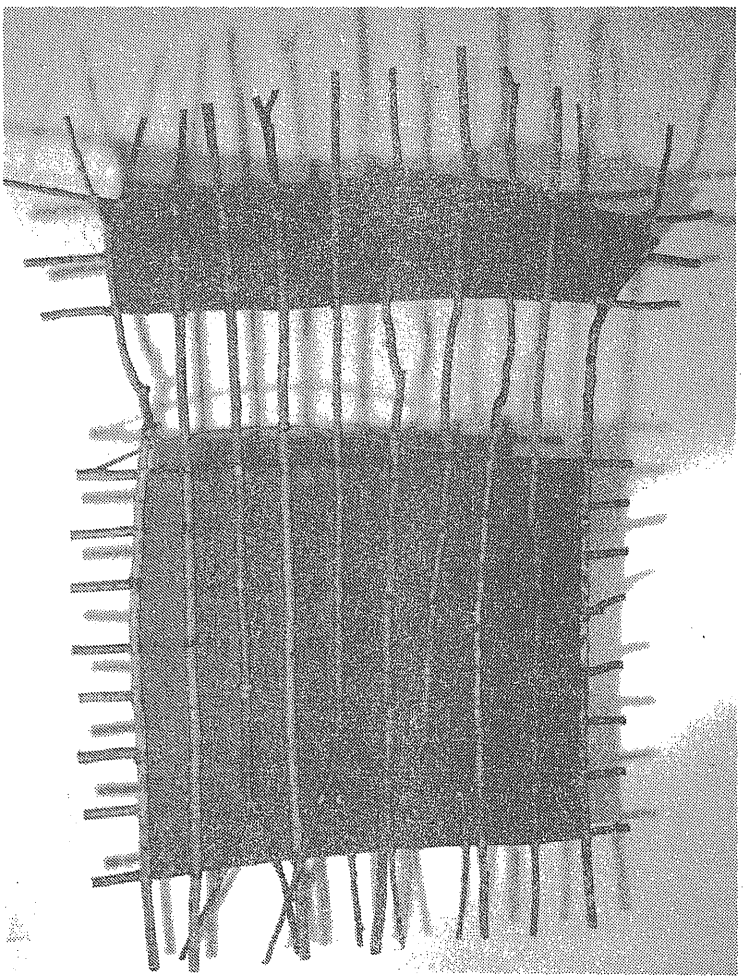

## Ai cũng cần phải có một bà mẹ: một sản phẩm văn học mới bằng âm thanh

Một sản phẩm văn học mới, không phải để "đọc" mà để "nghe" vừa ra mắt giới yêu văn học nghệ thuật Việt Nam: băng đọc truyện, *audio book* "Ai Cũng Cần Phải Có Một Bà Mẹ" do Trung tâm Băng Truyện Cảo Thơm sản xuất.

*Ai Cũng Cần Phải Có Một Bà Mẹ* là một tuỳ bút của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng sáng tác trong dịp Ngày biết ơn các đấng sinh thành. Trong băng truyện này, người nghe còn được thưởng thức *Bông Hồng Cài Áo*, một tác phẩm được ghi nhớ trong hằng triệu trái tim Việt từ nhiều thập niên qua, của Thiền sư Nhất Hạnh, và *Câu Chuyện Của Lá Phong* của nhà văn Trần Mộng Tú, một truyện ngắn làm người nghe rung động đến xót xa.

Băng Truyện hay CD Truyện vốn đã được Hoa Kỳ và nhiều nước thực hiện từ lâu — với các tác phẩm văn học cổ điển và hiện đại — nhưng ở Việt Nam, trong cũng như ngoài nước, có thể nói đây là một điều mới mẻ,

Băng Truyện này đã tập hợp được nhiều tên tuổi được mến mộ: Hồng Vân, người có giọng đọc ngọt ngào, truyền cảm; Đức Huy, nhạc sĩ lừng danh với các ca khúc tình yêu từng làm rung động người nghe như *Bay Đi Cánh Chim Biển, Người Tình Trăm Năm*,...; Nguyễn Xuân Hoàng, tác giả của *Người Đi Trên Mây, Bụi Và Rác, Căn Nhà Ngói Đỏ*...; và Tô Văn Lai, người thực hiện những cuốn băng ca nhạc Thúy Nga Paris đã và đang trở thành những tác phẩm không thể thiếu trong mỗi gia đình Việt Nam trong và ngoài nước.

Xướng ngôn viên Hồng Vân

*Ai Cũng Cần Phải Có Một Bà Mẹ* hy vọng sẽ là một khởi đầu tốt đẹp của Trung tâm Băng Truyện Cảo Thơm, mở đầu cho những tác phẩm nổi tiếng khác đến với người yêu thích văn học bằng âm thanh và làn điệu. □

## Các buổi ra mắt sách Hà Nội Trong Mắt Tôi của Phạm Xuân Đài

Tính đến cuối tháng Tám 1994, cuốn *Hà Nội Trong Mắt Tôi* của Phạm Xuân đài (tức Phạm Phú Minh) ra đời được hai tháng. Thời gian ngắn, nhưng hành trình "ra mắt" của nó với độc giả khắp nơi đã khá dài — qua gần hết hai bờ biển Tây và Đông nước Mỹ.

Sau buổi ra mắt tại nơi cuốn sách được hình thành là quận Cam, California, vào cuối tháng Sáu, ngày 2 tháng Bẩy, *Hà Nội Trong Mắt Tôi* đã có mặt ở

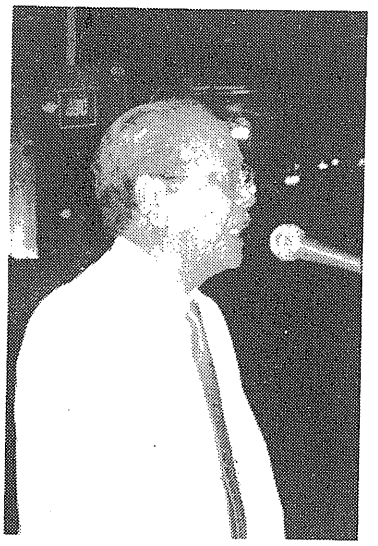

Nhà thơ Hà Thượng Nhân

Seattle, tiểu bang Washington, miền Tây Bắc. Kể từ đó, cuốn sách đã "đi" tới:

— **SAN JOSE**, California, ngày 30 tháng Bẩy, tại quán First Club, với sự bảo trợ của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại/ Trung tâm Bắc Cali, Hội Trao Đổi Văn Học Nghệ Thuật, các báo *Diễn Đàn San Jose, Chánh Đạo, Thời Báo*, đài phát thanh *Mẹ Việt Nam*, và một số thân hữu.

Tại đây, các diễn giả giới thiệu tác phẩm là các ông Hạ Long Lưu Văn Vịnh, Hà Thượng Nhân, Thượng Tọa Thích Giác Lượng, Phạm Quang Trình, Dương Huệ Anh và Nguyễn Trung. Người điều khiển chương trình là ông Bùi Duy Thuyết, đại diện báo *Thế Kỷ 21* tại Bắc Cali.

— **WASHINGTON DC**, ngày 13 tháng Tám 1994, tại thính đường trường Luật, đại học George Mason, với sự bảo trợ của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại/ Trung tâm miền Đông Hoa Kỳ.

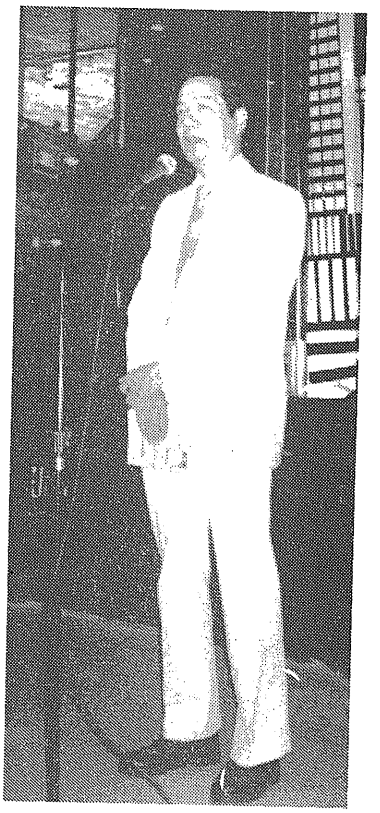

Hạ Long Lưu Văn Vịnh

Nguyễn Đình Hà, tức Hà Kỳ Lam, trong nhóm Duyên Văn.

Ban tổ chức, người phê bình và tác giả "Hà Nội Trong Mắt Tôi" trong buổi ra mắt sách tại đại học George Mason, Washington DC: Bùi Bảo Trúc, Nguyễn Mạnh, Lê Văn Khoa, Trương Anh Thụy, Phạm Xuân Đài, Nguyễn Ngọc Bích, Lê Đình Điểu, Ngô Vương Toại, Nguyễn Thị Hoàng Bắc và Phạm Trọng Lệ.

Ông Nguyễn Ngọc Bích chào mừng tân khách và thân hữu, sau đó nhà báo Ngô Vương Toại đã điều khiển chương trình một cách linh động, vui tươi với các diễn giả lần lượt góp ý về tác phẩm ra mắt. Nhà văn Trương Anh Thụy, ký mục gia Bùi Bảo Trúc, và giáo sư Phạm Trọng Lệ đã trình bầy những nhận định mới mẻ và sâu sắc, được tiếp nối bằng những ý kiến đóng góp của các nhà văn nhà báo khác như Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Trương Vũ, Chu Việt,...

— **PHILADELPHIA,** Pennsylvania, ngày 14 tháng Tám 1994, tại quán Vietnam Palace, với sự bảo trợ của nhóm Duyên Văn, đứng đầu là nhà biên khảo Lê Văn Lân. Điều không may xảy ra là bác sĩ Lê Văn Lân, trước hôm ra mắt sách một ngày, đã bị tai nạn xe hơi trên đường từ

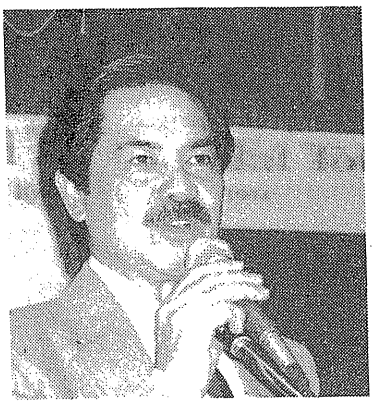

Họa sĩ Nguyễn Trọng Khôi

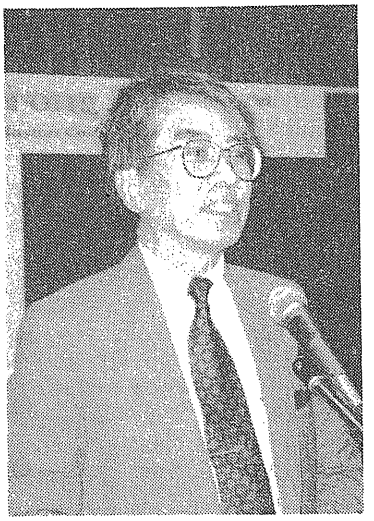

Ông Tôn Thất Ân

New York về Philadelphia. Rất may, nhà biên khảo họ Lê chỉ bị thương nhẹ, đã về nhà ngày hôm sau (với chiếc xe bẹp!). Các văn hữu, thành viên của nhóm Duyên Văn, giới thiệu tác giả và tác phẩm, có: Nguyễn Đình Hà, Huỳnh Văn Phú và Trần Quán Niệm. Chương trình còn được phong phú hóa bằng nhiều tiết mục văn nghệ do các thân hữu đóng góp, cùng phần thảo luận sôi nổi của nhiều người trong số gần 100 khách tham dự.

— **BOSTON,** Massachusetts, ngày 20 tháng Tám 1994, tại thính đường McGuinn trường đại học Boston College, với sự bảo trợ của một nhóm thân hữu vùng New England, và tài điều khiển chương trình của họa sĩ (kiêm ca sĩ) Nguyễn Trọng khôi. Các diễn giả Tôn Thất Ân, Linh mục Phạm Minh Ước, giáo sư Trần Thành, đã lần lượt góp ý về tác phẩm. Có nhiều ý nghĩ giống như nhiều diễn giả các nơi khác, nhưng luôn luôn xuất hiện những nhận định đặc thù, riêng biệt. Chương trình xen kẽ với những tiết mục văn nghệ như hát, đàn tranh, ngâm thơ, khiến cho không khí thêm thoải mái và thân mật.

Cô Thanh Phương

Được biết, *Hà Nội Trong Mắt Tôi* còn được tiếp tục ra mắt ở San Diego (California) vào tháng Chín, ở Minneapolis (Minnesota) và Chicago (Illinois) vào tháng Mười, ở Wichita (Kansas) và Oklahoma City (Oklahoma) vào tháng Mười Một. □

# BÁC SĨ Y KHOA TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

**DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE**
**VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNG QUÁT HOA KỲ**

** Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Saigon * Nguyên Giáo Sư Môn Nội Khoa Đại Học Y Khoa Oklahoma*
** Nguyên Phó Giám Đốc Oklahoma City V.A. Medical Center.*

# BÁC SĨ Y KHOA TRẦN BÍCH VÂN, M.D.

**FAMILY MEDICINE**
**VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN Y KHOA GIA ĐÌNH HOA KỲ**

** Tốt nghiệp Y Khoa tại University of Oklahoma * Nguyên Nội Trú và Thường Trú Chuyên Khoa Nội Khoa, Thần Kinh và Y Khoa Gia Đình tại các University of Oklahoma, Louisiana State University, University of California Irvine*

## 13832 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92643

*(Góc Brookhurst/Westminster trong khu chợ Kinh Đô, cạnh Furiwa Restaurant)*

## (714) 636-3595

## BỆNH NỘI KHOA VÀ BỆNH NGOÀI DA

- **BỆNH DỊ ỨNG**: Sổ mũi, nổi mề đay, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA**: Mụn trứng cá, tàn nhang, mụn cóc, lang ben, bệnh phong thấp: Đau khớp xương, đau nhức thần kinh.
- **BỆNH THẦN KINH**: Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh.
- **BỆNH DINH DƯỠNG VÀ BỆNH NỘI TIẾT**: Áp Huyết Cao, tiểu đường, mở cao trong máu, mập phì, bướu cổ.
- **BỆNH TIÊU HÓA**: Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu.
- **BỆNH TIM**: Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp.
- **BỆNH PHỔI**: Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi.
- **BỆNH THẬN VÀ ĐƯỜNG TIỂU**: Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu, thận suy.

## BỆNH PHỤ KHOA VÀ NHI KHOA

## BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não.
- Bệnh tê liệt, bại xuội.

## Y KHOA PHÒNG NGỪA

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư: máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh, thử máu trước khi lập gia đình

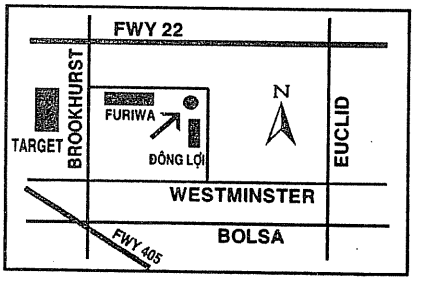


**GIỜ LÀM VIỆC:**
**Thứ 2, 4 & 6: 10AM - 7PM**
**Thứ 3 & 5: 1:30PM - 7PM**
**Thứ 7: 10AM - 5PM**
**Chủ Nhật: Nghỉ**

**NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM**
**XIN GỌI TRƯỚC ĐỂ LẤY HẸN**

Phở Cali

* Ngon mà lại rẻ

*Không bột ngọt

*Ngò gai rau quế bốn mùa

Chè Cali

MUA 2 TẶNG 1

Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S HARBOR, SANTA ANA (GÓC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)

(714) 531-4556



## THƠ BÙI GIÁNG

*Tuyển Tập Mới Nhất*

Một thời gian dài sau năm 1975 chểnh mảng với Nàng Thơ, từ năm 1992 qua nửa đầu năm 1993 nhà thơ Bùi Giáng bỗng bắt lại nhịp sáng tác dồi dào.

Hàng trăm bài thơ trong một cơn *bùng nổ sáng tạo* đầy yêu thương, đau khổ, siêu thoát...

**Làm thơ hay nhất đất trời**
**Cái điên cũng đến tuyệt vời cuồng điên**
**Cái khùng cũng vậy tuy nhiên**
**Cái tài hoa cũng muộn phiền lắm thay...**

**Bùi Giáng**
*Saigon Tháng Năm — 1993*

Tột đỉnh của Tài Hoa là sự xuất thần (cái khùng, cái điên) đã mang lại cho đời những vần thơ hay nhất...

*Tuyển Tập Mới Nhất*

**THƠ BÙI GIÁNG**

do Nhà Xuất bản và Phát Hành Thế Kỷ ấn hành.



## Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ...
## trong khi thời gian trôi nhanh...

Một người Việt Nam tự do, đang ưu tư về chính mình và về đất nước mình, muốn biết những vấn đề cũng như những giải pháp đề nghị về chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật, khoa học...

TÌM ĐỌC THẾ KỶ 21

THỜI SỰ • KHOA HỌC • VĂN NGHỆ

Tạp chí thời sự, khoa học, văn nghệ ra mỗi đầu tháng, phát hành khắp thế giới. Mua dài hạn $32.40 / một năm. Thơ từ, tiền bạc, bài vở, đề và gửi cho: THẾ KỶ 21.

**P.O. Box 2054-H39, Westminster, CA 92683. Tel. (714) 894-9121 • Fax: (714) 894-2752**

# TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA LASER BỆNH TRĨ

* Chữa trị bằng tia Laser dứt tuyệt
* Phương pháp tối tân nhất để định bệnh & trị bệnh
* Không cần nằm bệnh viện
* Không ra máu, không đau

* TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
* MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
* UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ SẠN MẬT
* CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU.

## Bác Sĩ TRẦN TIỄN HUYẾN, M.D., F.A.C.S.

* Tốt nghiệp Bằng Chuyên Khoa Giải Phẫu Tổng Quát (American Board of Surgery) tại University Pittsburgh
* Tốt Nghiệp Siêu Chuyên Khoa Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột và Trĩ Khoa tại Ferguson Clinic, Michigan
* Nguyên Giảng Sư Đại Học Y Khoa Saigon
* Hội Viên Hiệp Hội Bác Sĩ Giải Phẫu Huê Kỳ (Fellow American College of Surgeons)
* Hội Viên Hội Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột Và Trĩ Khoa Huê Kỳ (American Society of Colon and Rectan Surgeons)

14571 MAGNOLIA ST., SUITE 207
WESTMINSTER, CA 92683
**(714) 898-1177**

NHẬN MEDICAL * MEDICARE
TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG
NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

7151 LINCOLN AVE., # A
BUENA PARK, CA 90260
**(714) 527-2777**



# Bánh Mì Cali

$ 1.35/1 ổ
MUA 2 TẶNG 1

* Bánh mì thịt nguội
* Bánh mì bì
* Bánh mì chả lụa
* Bánh mì thịt nướng
* Bánh mì nem chua
* Bánh mì xíu mại
* Bánh mì gà rô-ti
* Bánh mì cá mòi

**Chè Cali**
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GÓC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556



# HOÀNG OANH
## MUSIC CENTER

*Hân hạnh giới thiệu các CD, Video, Băng Thơ, Băng Nhạc đã phát hành*

**Compact Disc:**
CD 01: Nhạc Vàng Tuyển Chọn
CD 02: Thương Người Chiến Sĩ VNCH
CD 03: Ave Maria
CD 04: Sao Chưa Thấy Hồi Âm
CD 05: Hòn Vọng Phu
CD 06: Cô Lái Đò
CD 07: Đêm Đông Chúa Sinh Ra Đời
CD 08: Dân Ca Ba Miền
CD 09: Chúa Là Nơi Con Nương Tựa
CD 10: Đi Trên Cỏ Non
CD 11: Thi Ca Cho Người Việt Nam Vượt Biển, Tỵ Nạn.

**Video 1** Hai Vì Sao Lạc

**Băng Thơ:**
Băng Thơ 01: Tiếng Thơ
Băng Thơ 02: Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi
Băng Thơ 03: Đôi Bờ Nhớ Thương
Băng Thơ 04: Hai Sắc Hoa TyGôn
Băng Thơ 05: Chúng Ta Mất Hết Chỉ Còn Nhau
Băng Thơ 06: Thi Ca Cho Người Việt Nam Vượt Biển Tỵ Nạn

**Băng Nhạc:**
Hoàng Oanh 06: Dân Ca Ba Miền
Hoàng Oanh 07: Buồn Trong Kỷ Niệm
Hoàng Oanh 08: Ai Ra Xứ Huế
Hoàng Oanh 09: Thương Người Chiến Sĩ VNCH
Hoàng Oanh 10: Tuổi Học Trò
Hoàng Oanh 11: Về Đâu Mái Tóc Người Thương
Hoàng Oanh 12: Hòn Vọng Phu
Hoàng Oanh Xuân: Rước Xuân Về Nhà
Hoàng Oanh 14: Đi Trên Cỏ Non

**GIÁ TIỀN:**
* $US 7.00
1 Cassette
* $US12.00
1 CD
* $US 15.00
1 Video

P.O. Box 9541
Fountain Valley
CA 92728
(714)
964-7591

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

# FRANK'S Computerized AUTO CENTER

ASE CERTIFIED AUTOMOTIVE SERVICE EXCELLENCE

FRANK'S AUTO #1

## REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

**TUẤN LÝ** (MANAGER)
(714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

**SMOG CHECK** $19.00 + $7 CERT.
VAN + $5 EXTRA

**CHUYÊN MÔN:**

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

**COMPUTER ALIGNMENT** 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA
2 WHEEL $25 MOST CARS
1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-TII CHUYÊN TRỊ:
Vỏ xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ *Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đúng tin cậy.*

☆ *Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng mức, đúng tiêu chẩn dealers.*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

**CHUYÊN MÔN:**

- *Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.*
- *Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chẩn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.*
- *Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.*
- *Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.*
- *FREE ESTIMATE.*

## FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

**TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT**
**(714) 373-3344**

*ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM*

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

## AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE
$50.00
EVACUATE EXTRA

THANH BUI
(GENERAL MANAGER)
Kính Mời

AIR CONDITIONING SPECIALIST

- *Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System*
- *Máy lạnh thổi không ra hơi*
- *Hơi thổi ra không đúng chỗ*
- *Hệ thống lạnh bị xì*
- *Xe bị nóng khi xài máy lạnh*
- *Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

# 100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

# LITTLE SAIGON
## SUPERMARKET

小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL. (714) 531-7272

## ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy qúi khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén diã tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

## CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME ATM

California Lotters LOTTO
California Lotters DECCO
Little Lotto

# VANCO INC.
## DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như diã giấy, ly, muổng, nỉa, đũa v.v...

**Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.**

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

*Trân Trọng Giới Thiệu*

*Chương Trình Nhạc Hòa Tấu Hợp Xướng*

# Đêm NGÀN KHƠI

San Jose 4:00 pm Chủ Nhật 09 tháng 10, 1994

- Trường ca CON ĐƯỜNG CÁI QUAN của PHẠM DUY do TRẦN CHÚC hòa âm
- Những sáng tác của LÊ VĂN KHOA, VŨ THÀNH, CUNG TIẾN, PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG, NGUYỄN ĐỨC QUANG
- DÂN CA VIỆT NAM do LÊ VĂN KHOA hòa âm cho TỨ CA và dàn nhạc hòa tấu

*với*

BAN HỢP XƯỚNG NGÀN KHƠI

MAI HƯƠNG • THIÊN THANH • BÍCH LIÊN • NGUYỄN THÀNH VÂN

CA ĐOÀN THIẾU NHI NGÀN KHƠI

Đặc biệt

*và* FESTIVAL SYMPHONY ORCHESTRA

Nhạc Trưởng LÊ VĂN KHOA & TRẦN CHÚC

FOOTHILL COLLEGE THEATRE

12345 El Monte Rd, Los Altos Hills, CA 94702 (off Freeway 280)

**GIÁ VÉ: Ân Nhân: $50 - Đồng Hạng: $25**

Checks xin đề tên: NGAN KHOI CHORUS và gửi về địa chỉ: 14265 Brookhurst St Garden Grove CA 92643
Tel: (714) 531-2773 & (408) 274-1339

Vé có bán trước tại: Nhà Sách Toàn Thư (408) 292-2788 • Hải Âu Music (408) 270-4866

*Tiền lời sẽ được dùng giúp quỹ cứu trợ tị nạn và các hội thiện nguyện*

Chương trình được bảo trợ một phần bởi **MCI**, công ty điện thoại viễn liên

Giá: US $ 3.00